Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố Và Mật Nhân Của Như Lai Về Chư Bồ-Tát Vạn Hạnh Để Tu Chứng Liễu Nghĩa
(Kinh Lăng Nghiêm)



TÔI NGHE NHƯ VẦY:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với 1.250 vị đại Tỳ-kheo ở tại Tinh xá Kỳ Viên gần thành Phong Đức. Tất cả đệ tử của Phật đều là những bậc đại A-la-hán vô lậu, khéo trụ Pháp và trì Pháp. Các ngài khéo siêu việt các cõi và có thể thành tựu uy nghi ở mọi nơi đến. Họ theo Phật chuyển Pháp luân và diệu kham nhận di giáo của Thế Tôn. Nghiêm trì và thanh tịnh trong giới luật, họ là những bậc đại gương mẫu cho các chúng sanh trong ba cõi. Các ngài ứng hiện vô lượng thân để độ thoát chúng sanh, bạt trừ và cứu độ những chúng sanh ở vị lai để họ vượt khỏi tất cả trần lụy.

Tên các ngài là: Đại trí Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Tất, Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Trần Tánh, và các vị khác như thế làm thượng thủ.

Lại có vô lượng bậc Độc Giác đã đạt đến quả vị Vô Học, cùng với những vị sơ phát khởi Đạo tâm, cũng đồng đến chỗ của Phật và các vị Tỳ-kheo đang cư trú.

Khi ấy là vào ngày Tự Tứ, ngày cuối cùng của an cư mùa hạ, chư Bồ-tát trong mười phương đều tụ hội và mong muốn được chỉ dẫn để đoạn trừ lòng nghi. Tất cả đều khâm phụng Đức Từ Nghiêm, và chuẩn bị lắng nghe mật nghĩa của Phật.

Lúc bấy giờ Như Lai trải tọa cụ, ngồi tĩnh lặng an nhiên, rồi vì mọi người trong chúng hội mà tuyên thuyết Pháp thâm áo. Tất cả đại chúng trong tiệc Pháp được điều chưa từng có. Thanh âm của Đại Tiên như tiếng của chim diệu thanh và biến khắp tất cả thế giới trong mười phương. Chư Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng đều đến hội họp ở Đạo Tràng, với ngài Văn-thù-sư-lợi làm thượng thủ.

Khi ấy vua Thắng Quân nhân ngày giỗ của cha nên đã thiết lễ chay trong vương cung. Nhà vua thỉnh Phật và đích thân nghênh đón Như Lai, rồi dọn rất nhiều cao lương mỹ vị. Ngài cũng lại đích thân mời chư đại Bồ-tát đến dự. Giữa lúc ấy ở trong thành, các trưởng giả và cư sĩ cũng chuẩn bị thức ăn cho chư Tăng, và họ đứng đợi Phật đến tiếp thọ cúng dường. Đức Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi hãy phân phối chư Bồ-tát và những vị A-la-hán đến tiếp thọ thức ăn chay cúng dường của các trai chủ.

Chỉ có Tôn giả A-nan, do trước đó nhận lời thỉnh riêng và đang đi xa chưa về, nên đã không kịp đến giữa lúc chư Tăng phân phối đi khất thực. Ngài một mình trên đường trở về và không có thượng tọa hay thầy giáo thọ đi cùng.

Vào ngày ấy, do chẳng có ai cúng dường nên khi đến giờ, ngài A-nan cầm bát, rồi đi vào thành khất thực theo thứ tự. Giữa lúc khất thực từ vị thí chủ đầu tiên cho đến vị cuối cùng, ngài luôn tự nghĩ trong lòng sẽ nhận thức ăn từ mọi người, chẳng kể là từ vua chúa tôn quý thuộc dòng dõi thanh tịnh hay những kẻ làm nghề mổ giết thuộc dòng dõi ô uế. Với tâm thực hành bình đẳng và từ bi, ngài chẳng hề kén chọn sang hèn, mà chỉ phát tâm viên thành để hết thảy chúng sanh được vô lượng công đức. Tôn giả A-nan biết Như Lai đã quở trách Tôn giả Tu-bồ-đề và Tôn giả Đại Ca-diếp, là những vị A-la-hán mà tâm chẳng bình đẳng. Do vậy ngài khâm tuân lời dạy của Như Lai về sự khất thực bình đẳng, và không để có người sẽ khởi lòng nghi hay phỉ báng.

Giữa lúc đi ngang qua cái hào của thành kia, Tôn giả A-nan đi chầm chậm ra cổng ngoài. Với uy nghi trang nghiêm tề chỉnh, ngài cung kính tuân theo Pháp khất thực. Do bởi khất thực theo thứ tự, khi ấy ngài A-nan đi ngang qua một nhà điếm, và bất chợt bị trúng đại huyễn thuật. Với sức mạnh chú thuật của Phạm chí Hoàng Phát [đã cho rằng có được] từ một vị trời ở Phạm Thiên, một cô con gái thuộc bộ tộc Ma-tăng-ga đã cám dỗ ngài lên dâm sàng. Rồi cô ta áp sát vuốt ve cho đến khi giới thể của ngài sắp phá hủy.

Biết ngài A-nan đang bị dâm thuật khống chế, Như Lai thọ trai xong thì liền quay về. Vì muốn nghe Pháp yếu, nhà vua cùng các đại thần, trưởng giả, và cư sĩ đều đi theo Phật.

Lúc bấy giờ từ trên đảnh nhục kế, Thế Tôn phóng ra 100 luồng ánh sáng báu vô úy. Trong quang minh xuất hiện một hoa sen báu ngàn cánh. Trên đó có một hóa Phật đang ngồi xếp bằng với tư thế hoa sen và tuyên thuyết thần chú. Khi ấy Đức Phật sắc lệnh cho ngài Văn-thù-sư-lợi mang thần chú này đến bảo hộ Tôn giả A-nan. Khi ác chú tiêu diệt, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát đỡ ngài A-nan lên, rồi khuyên ngài và cô gái cùng trở về chỗ của Phật.

Khi thấy Phật, ngài A-nan đảnh lễ và than khóc. Ngài hối hận vì từ hồi nào đến giờ chỉ chuyên hướng đa văn mà chưa hết mình tu tập Đạo lực. Tôn Giả ân cần khải thỉnh Đức Phật hãy thuyết giảng cho ngài về những phương tiện tối sơ dẫn đến sự chứng đắc vi diệu của Chỉ Quán và thiền định mà chư Như Lai trong mười phương được thành Phật Đạo.

Giữa lúc ấy lại có số lượng Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, cùng với các bậc đại A-la-hán, Độc Giác, và những vị khác từ các thế giới trong mười phương, tất cả đều vui thích muốn nghe. Họ ngồi xuống và chờ đợi trong yên lặng để tiếp thọ thánh chỉ.

Lúc bấy giờ ở giữa đại chúng, Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng và xoa trên đỉnh đầu của Tôn giả A-nan, rồi bảo ngài A-nan cùng các đại chúng rằng:

"Có một chánh định tên là Đại Phật Đảnh - Cứu Cánh Kiên Cố Vương - Cụ Túc Vạn Hạnh. Nó là cánh cửa đặc biệt đến một con đường vi diệu trang nghiêm mà chư Như Lai trong mười phương siêu xuất thế gian. Ông nay hãy lắng nghe.”

Ngài A-nan đảnh lễ và chờ đợi thánh chỉ từ bi.

Phật bảo ngài A-nan:

"Ông và Ta đồng chung một dòng tộc, và chúng ta chia sẻ tình cảm thiêng liêng giữa thân tộc. Vào lúc đầu tiên khi phát tâm tu Đạo, ông đã thấy tướng hảo thù thắng gì ở trong Pháp Ta mà khiến ông liền dứt bỏ ân ái thâm trọng của thế gian?"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Khi thấy 32 tướng hảo thù thắng tuyệt diệu của Như Lai với thân hình ánh triệt tựa như lưu ly, con thường tự suy nghĩ rằng, các tướng hảo này không thể từ ái dục sanh ra.

Vì sao thế? Bởi dục khí thô trược, tinh dịch của giao cấu tanh hôi, và máu mủ tạp loạn thì không thể sanh ra một thân thể thù thắng tịnh diệu với ánh sáng vàng tím kết tụ. Do đó con khát ngưỡng và cạo bỏ râu tóc để theo Phật."

Đức Phật bảo:

"Lành thay, A-nan! Các ông phải biết rằng từ vô thỉ đến nay, tất cả chúng sanh thọ sanh tử tương tục là do bởi đều chẳng biết thường trụ chân tâm và tánh tịnh minh thể. Thay vào đó, họ sử dụng các vọng tưởng. Do tâm tưởng này chẳng thật nên họ phải luân chuyển sanh tử.

Ông nay muốn nghiên cứu về Đạo vô thượng để chân thật nhận ra bổn tánh trong sáng. Ông hãy nên trả lời câu hỏi của Ta với tâm chánh trực, bởi vì chư Như Lai trong mười phương thảy đồng đi qua con đường này để ra khỏi sanh tử. Do đều dùng tâm chánh trực và lời chánh trực như thế, cho nên trong suốt tiến trình tu tập từ quả vị đầu tiên cho đến cuối cùng, họ vĩnh viễn không gặp những khúc mắc.

Này A-nan! Ta nay hỏi ông, khi nhờ duyên ở 32 tướng hảo của Như Lai mà ông sơ khởi phát tâm, ông đã thấy gì trong các tướng hảo đó, và ai là người yêu mến chúng?"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Con yêu mến chúng với tâm và mắt của mình. Do mắt con thấy các tướng hảo thù thắng của Như Lai nên tâm sanh yêu mến. Cho nên con phát tâm nguyện rời sanh tử."

Phật bảo ngài A-nan:

"Đúng như lời ông nói. Tâm và mắt của ông là nguyên nhân cho sự yêu mến đó. Nếu ai chẳng nhận biết tâm và mắt ở đâu thì sẽ không thể nào hàng phục được trần lao. Ví như khi đất nước bị giặc xâm nhiễu và nhà vua khởi binh dẹp trừ, những binh sĩ này trước tiên cần phải biết bọn giặc đang ở chỗ nào. Đây là lỗi của tâm và mắt mà khiến ông lưu chuyển sanh tử. Ta nay hỏi ông, chính xác thì tâm và mắt của ông hiện đang ở đâu?"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Mười loại chúng sanh ở tất cả thế giới tin rằng thức tâm của họ cư ngụ trong thân. Như con nhìn xem đôi mắt hoa sen xanh của Như Lai thì biết chúng là một phần trên gương mặt của Phật. Con nay xem xét mắt tai mũi lưỡi tiếp xúc với bốn trần và chúng đều thuộc ở trên gương mặt con. Do đó thức tâm chắc chắn cũng ở trong thân.

Phật bảo ngài A-nan:

"Như hiện tại ông đang ngồi trong giảng đường của Như Lai, ông có thể thấy Rừng cây Chiến Thắng. Vậy nó bây giờ đang ở đâu?"

"Thưa Thế Tôn! Đại giảng đường Trùng Các thanh tịnh này ở tại vườn Cấp Cô Độc, và Rừng cây Chiến Thắng thật sự đang ở bên ngoài của giảng đường."

"Này A-nan! Bây giờ đang ở trong giảng đường, ông thấy điều gì trước tiên?"

"Thưa Thế Tôn! Con hiện đang ở trong giảng đường, trước tiên con thấy Như Lai. Tiếp đến con thấy đại chúng, rồi khi nhìn kỹ ra ngoài thì thấy viên lâm."

"Này A-nan! Tại sao khi nhìn kỹ ra ngoài, ông có thể thấy viên lâm?"

"Thưa Thế Tôn! Do những cánh cửa và cửa sổ của đại giảng đường này mở toát, nên con có thể ở trong giảng đường mà thấy được rất xa."

Phật bảo ngài A-nan:

"Đúng như lời ông nói. Tuy thân ở trong giảng đường nhưng bởi những cánh cửa và cửa sổ mở toát, nên họ có thể ngắm xa đến viên lâm. Giả sử có người đang ở tại giảng đường này không thấy Như Lai, thế thì họ có thể thấy ở bên ngoài của giảng đường chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu ở tại giảng đường mà không thấy Như Lai thì làm sao có thể thấy khu rừng hay suối nước. Thật không có việc ấy!"

"Này A-nan! Ông cũng như thế. Tâm của ông có thể hiểu rõ tất cả. Vậy nếu tâm hiện tiền của ông thông hiểu mọi thứ mà thật sự ở trong thân, thế thì nó phải biết rõ ở trong thân trước nhất. Có chúng sanh nào thấy ở trong thân trước, rồi sau đó mới nhìn thấy cảnh vật ở ngoài chăng? Cho dù nếu họ không thể thấy tim, gan, lá lách, hay dạ dày, thì ít nhất họ vẫn có thể nhận ra khi móng với tóc mọc dài, gân chuyển động, hoặc mạch đập. Sao họ lại chẳng biết? Nếu ở trong mà chẳng biết thì làm sao biết bên ngoài? Cho nên phải biết rằng, điều ông nói là tâm hiểu rõ và phân biệt ở trong thân, thật không có việc ấy!"

Ngài A-nan cúi đầu và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nay con nghe Như Lai tuyên giảng Pháp âm như thế, con tỏ ngộ ra rằng, tâm của con phải ở ngoài thân.

Tại sao con lại nói thế? Ví như có một cây đèn được thắp sáng ở trong phòng thì nó chắc chắn phải chiếu ở trong phòng trước, rồi ánh sáng của nó sẽ chiếu xuyên qua cánh cửa và ra đến sân. Hết thảy chúng sanh không thấy ở trong thân mà chỉ thấy ở ngoài thân, việc đó cũng như ngọn đèn được đặt ở phía ngoài căn phòng, nên nó không thể chiếu vào trong. Nghĩa lý này rất rõ ràng, tuyệt đối không nghi ngờ, và đồng với liễu nghĩa của Phật nên chẳng thể sai, đúng không ạ?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Vừa rồi những vị Tỳ-kheo ở đây đã theo Ta đến thành Phong Đức để khất thực theo thứ tự. Sau đó họ trở về Rừng cây Chiến Thắng, rồi vo tròn thực phẩm thành nắm rồi lấy ăn. Ta đã thọ trai xong, nhưng ông hãy xem các vị Tỳ-kheo, nếu chỉ một người ăn thì mọi người có no chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ không, thưa Thế Tôn! Vì sao thế? Tuy các vị Tỳ-kheo này đều là những bậc A-la-hán, nhưng thân thể và lối sinh hoạt của mỗi người chẳng giống nhau. Thế thì làm sao chỉ một người ăn mà có thể khiến mọi người đều no chứ?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Nếu tâm của ông nhận thức rõ và thấy biết rằng nó thật sự ở ngoài thân, thì tâm và thân của ông sẽ tách rời và chúng không có liên quan gì với nhau. Thân sẽ không thể cảm nhận được những gì tâm biết, và tâm cũng sẽ không thể biết được những gì thân cảm nhận. Ta nay đưa ra bàn tay mềm mại như bông gòn cho ông thấy, tâm của ông có khởi phân biệt khi mắt nhìn thấy chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ có, thưa Thế Tôn!"

Phật bảo ngài A-nan:

"Nếu mắt và tâm cùng nhận biết thì làm sao tâm có thể ở ngoài chứ? Cho nên phải biết rằng, điều ông nói là tâm hiểu rõ và phân biệt ở ngoài thân, thật không có việc ấy!"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Đúng như lời Phật dạy. Do con không thấy trong thân con nên tâm con không có ở đó. Do thân và tâm làm việc chung và chẳng tách rời nhau, nên tâm con cũng không ở ngoài thân. Nay con nghĩ đã biết nó ở đâu."

Đức Phật bảo:

"Thế thì nó ở đâu?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Bởi cái tâm hiểu rõ này không biết gì ở trong nhưng lại có thể thấy bên ngoài, theo sự suy nghĩ của con thì nó ẩn nấp trong con mắt. Ví như có người đặt những cái tách lưu ly ở trước con mắt của họ, tuy có vật ngăn che nhưng thị giác không bị chướng ngại. Căn mắt có thể thấy và phân biệt tùy theo hoàn cảnh. Cũng vậy, tâm hiểu rõ và phân biệt của con không thấy ở trong là vì nó ở trong căn mắt. Nó có thể nhìn kỹ và phân biệt rõ ràng mà không bị chướng ngại là vì nó ẩn nấp trong con mắt."

Phật bảo ngài A-nan:

"Hãy cứ cho là tâm ẩn nấp trong con mắt như lời ông nói qua thí dụ về tách lưu ly. Vậy khi người ấy đặt những cái tách lưu ly ở trước con mắt rồi nhìn sông núi, họ có thấy những cái tách lưu ly chăng?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn! Người ấy thật sự có thấy những cái tách lưu ly khi đặt chúng ở trước mắt của họ."

Phật bảo ngài A-nan:

"Nếu tâm của ông thật sự tương tự như thí dụ về tách lưu ly và nhìn thấy sông núi, tại sao ông lại không thấy con mắt của mình? Còn nếu ông có thể thấy con mắt của mình, con mắt của ông sẽ đồng như cảnh vật bên ngoài, nên tâm và mắt sẽ không thể làm việc với nhau. Nếu chẳng thể thấy, tại sao lại nói rằng cái tâm hiểu rõ này ẩn nấp trong căn mắt, như qua thí dụ về tách lưu ly? Cho nên phải biết rằng, điều ông nói là tâm hiểu rõ và phân biệt ẩn nấp trong con mắt cũng tương tự như thí dụ về tách lưu ly, thật không có việc ấy!"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Con nay lại suy nghĩ như vầy. Nội tạng của chúng sanh ở bên trong, còn chín lỗ thì ở bên ngoài. Nội tạng che trong tối, còn chín lỗ thì có ánh sáng. Bây giờ ở trước Phật với hai mắt mở, con thấy ánh sáng và gọi đó là thấy ở ngoài. Thấy đen tối khi nhắm mắt lại, con gọi đó là thấy bên trong. Nghĩa lý này có đúng chăng?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Lúc ông nhắm mắt lại và thấy đen tối, cảnh tượng đen tối này là ở trước mắt hay là chẳng phải ở trước mắt của ông?

Nếu sự đen tối ở trước mắt của ông, sao có thể nói là ở trong? Cứ cho là nó ở trong, thì khi ông ở trong một căn phòng tối tăm chẳng có mặt trời, mặt trăng, hay đèn đuốc, cảnh tối tăm ở trong phòng phải là cảnh tối tăm ở bên trong của ông.

Còn nếu sự đen tối chẳng ở trước mắt ông, sao ông có thể thấy? Cứ cho là ông có thể thấy ở trong bằng một cách khác hơn so với thấy ở ngoài,

khi nhắm mắt lại và thấy đen tối thì gọi đó là thấy ở trong thân, rồi khi mở mắt thấy ánh sáng, tại sao ông chẳng thấy gương mặt của mình?

Nếu ông chẳng thấy gương mặt của mình thì không thể thấy bên trong. Nếu ông thấy gương mặt của mình thì cái tâm hiểu rõ này cùng với mắt sẽ ở hư không. Thế thì làm sao chúng thuộc về thân thể của ông chứ?

Nếu tâm và mắt ở hư không, thì chúng không thuộc về thân thể của ông. Còn nếu tâm và mắt thuộc về thân thể của ông nhưng ở hư không, thì bây giờ Như Lai thấy gương mặt của ông, nó đáng lẽ cũng phải thuộc về thân thể của ông. Nếu là thế thì khi mắt của ông nhận biết điều gì, thân của ông sẽ chẳng biết được. Nếu một mực bảo rằng mắt và thân, mỗi thứ có sự nhận biết riêng, thì ông sẽ có hai thứ nhận biết, và một thân thể của ông sẽ trở thành hai vị Phật. Cho nên phải biết rằng, điều ông nói là thấy đen tối thì gọi đó là thấy ở trong thân, thật không có việc ấy!"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Con từng nghe Phật khai thị cho bốn chúng đệ tử rằng:

'Do tâm sanh nên muôn pháp sanh, và bởi muôn pháp sanh nên muôn cảnh giới của tâm khởi sanh.'

Bây giờ con nghĩ rằng, thể tánh của suy tư đích thật là tâm tánh của con. Tùy thuộc sự kết hợp mà tâm theo đó khởi sanh. Nó không tồn tại chỉ một trong ba nơi--trong, ngoài, và ở giữa."

Phật bảo ngài A-nan:

"Nay ông nói rằng, do pháp sanh nên muôn cảnh giới của tâm khởi sanh, và tùy thuộc sự kết hợp mà tâm theo đó khởi sanh. Nhưng với một cái tâm như thế thì nó không có thể tánh, và không thể kết hợp với bất cứ gì.

Nếu một cái tâm không có thể tánh như thế mà vẫn có thể kết hợp thì tức đã có 19 giới, nhân qua sự kết hợp của trần thứ bảy. Nghĩa lý này không thể được.

Còn nếu một cái tâm có thể tánh như thế, thì nếu ông lấy tay tự nhéo mình, tâm của ông có nhận biết được là từ bên trong ra hay từ bên ngoài vào chăng? Nếu nó từ bên trong ra thì ông cũng sẽ thấy ở trong thân. Còn nếu nó từ bên ngoài vào thì ông sẽ thấy gương mặt của mình trước."

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Cái thấy là do con mắt, và tâm nhận biết chứ chẳng phải con mắt. Nói rằng tâm nhìn thấy thì chẳng hợp nghĩa."

Đức Phật bảo:

"Nếu con mắt có thể thấy, thì khi ông ở trong phòng, lẽ ra cánh cửa nhìn thấy cảnh vật ở ngoài chứ không phải ông. Lại nữa, một khi ai đó đã chết nhưng con mắt vẫn chưa hư hoại thì con mắt của người ấy lẽ ra phải thấy cảnh vật. Làm sao đã chết mà còn nhìn thấy cảnh vật chứ?

Này A-nan! Nếu tâm hiểu rõ và phân biệt của ông thật sự có thể tánh, thì nó là một thể tánh hay nhiều thể tánh? Thể tánh này biến khắp hay chẳng biến khắp thân thể của ông?

Cứ cho nó là một thể tánh đi, vậy khi ông dùng tay nhéo một ngón tay thì bốn ngón khác có cảm giác chăng? Nếu có thì cảm giác bị nhéo đó không thể chỉ dồn ở một nơi. Còn nếu cảm giác bị nhéo đó chỉ dồn ở một nơi thì tâm ông không thể chỉ có một thể tánh.

Nhưng nếu tâm ông có nhiều thể tánh, ông sẽ trở thành nhiều người. Vậy thì thể tánh nào là ông?

Lại nữa, nếu một thể tánh biến khắp thân thể của ông, thì một cái nhéo sẽ cảm giác khắp toàn thân. Nhưng nếu chẳng biến khắp toàn thân, thì khi ông chạm vào đầu và chân cùng một lúc, ông sẽ cảm giác sự xúc chạm ở trên đầu mà không có cảm giác sự xúc chạm ở chân. Nhưng đó không phải là những gì ông cảm nhận.

Cho nên phải biết rằng, điều ông nói là tùy thuộc sự kết hợp mà tâm theo đó khởi sanh, thật không có việc ấy!"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Con cũng nghe khi Phật đàm luận thật tướng với ngài Văn-thù-sư-lợi và những vị Pháp Vương Tử khác. Thế Tôn cũng nói rằng tâm không ở trong và cũng không ở ngoài.

Nay con suy nghĩ rằng, nếu tâm ở trong thì nó sẽ chẳng thấy gì, và nếu tâm ở ngoài thì nó và thân chẳng biết nhau. Do tâm chẳng biết ở trong nên nó không thể nào ở trong. Do thân và tâm biết lẫn nhau nên nó không thể nào ở ngoài. Vì vậy, do thân và tâm biết lẫn nhau và tâm không thể thấy ở trong, nên tâm phải ở giữa."

Đức Phật bảo:

"Ông nói rằng tâm ở giữa. Ở giữa thì phải ở một nơi nhất định nào đó. Thế thì cái ở giữa này của ông ở đâu? Có phải nó ở ngoài hay ở trong thân? Nếu nó ở trong thân, nó có thể ở trên bề mặt của thân hoặc nơi nào đó bên trong. Nếu nó ở trên bề mặt thì nó không thể gọi là ở giữa. Còn nếu nó ở bên trong thì nó sẽ đồng như ở trong. Cái ở giữa này có vị trí chăng? Nếu có thì có dấu hiệu gì về vị trí đó chăng? Nếu không có dấu hiệu gì về vị trí đó, thì ở giữa chẳng tồn tại. Và cho dù có dấu hiệu về vị trí của nó, vị trí đó là bất định.

Tại sao thế? Ví như khi có người làm ký hiệu để định dạng vị trí ở giữa. Khi nhìn từ hướng đông thì nó ở hướng tây. Khi nhìn từ hướng nam thì nó ở hướng bắc. Ký hiệu như thế sẽ không thể làm một điểm ở giữa nhất định, và tương tự như thế, nó không rõ ràng cho cái tâm ở giữa nghĩa là sao."

Ngài A-nan thưa rằng:

"Ở giữa mà con nói thì không phải ở những nơi đó. Như Thế Tôn đã dạy, căn mắt và sắc trần làm duyên để sanh ra thức của mắt. Căn mắt hiển lộ hình ảnh, sắc trần thì vô tri, và thức của mắt sanh ra ở giữa chúng. Đó là nơi của tâm."

Đức Phật bảo:

"Nếu tâm của ông ở giữa căn mắt và sắc trần, thể tánh của tâm đồng như thể tánh của căn mắt và sắc trần hay không? Nếu thể tánh của tâm đồng như thể tánh của căn mắt và sắc trần, nó sẽ lẫn lộn của cái gì nhận biết và cái gì chẳng nhận biết. Việc ấy là trái nghịch. Cái ở giữa này ở đâu? Và cho dù thể tánh của tâm chẳng đồng như thể tánh của căn mắt và sắc trần, thì tâm sẽ chẳng phải nhận biết hay chẳng phải không nhận biết. Cái tâm như thế sẽ không có thể tánh. Thế thì sao nó ở giữa chứ?

Cho nên phải biết rằng, điều ông nói là tâm ở giữa, thật không có việc ấy!"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Xưa con thấy Đức Phật cùng với bốn vị đại đệ tử--Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử, và Tôn giả Xá-lợi-phất--cùng chuyển Pháp luân và thường nói rằng,

cái tâm hiểu rõ và phân biệt không phải ở trong, cũng không phải ở ngoài hay ở giữa; nó đều không ở những nơi ấy. Nơi không nhất định gọi là tâm. Có thể nào nơi không nhất định gọi là tâm chăng?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Ông nói rằng tánh của tâm hiểu rõ và phân biệt không ở nơi nhất định. Tuy nhiên, mọi cảnh tượng trên thế gian, như là không khí, đất, nước, những loài biết bay hoặc đi đều có nơi nhất định.

Thế thì cái tâm ở nơi không nhất định của ông đang ở nơi nào, hay nó chẳng ở nơi nào? Nếu nó chẳng ở nơi nào, thì cũng như rùa có lông hay thỏ có sừng. Làm sao ông có thể nói về thứ mà chẳng có nơi nhất định? Giả sử có thứ tồn tại mà không có nơi nhất định. Những gì không tồn tại thì không có tướng. Những gì tồn tại thì có tướng. Và bất thứ gì có tướng đều có nơi. Làm sao ông có thể nói rằng tâm không ở nơi nhất định?

Cho nên phải biết rằng, điều ông nói là tâm hiểu rõ và phân biệt không ở nơi nhất định, thật không có việc ấy!"

Lúc bấy giờ ở giữa đại chúng, ngài A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo lộ vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính và thưa với Phật rằng:

"Con là người em họ út nhất của Như Lai và được Phật rải lòng từ ái. Tuy nay con đã xuất gia nhưng vẫn cậy nương tình thương ấy, cho nên chỉ đa văn mà chưa được vô lậu.

Do không thể chiết phục chú thuật của Phạm chí Hoàng Phát, con bị nó dụ dỗ vào nhà của dâm nữ. Tất cả là vì con không biết làm sao để tìm cảnh giới của chân thật. Kính mong Thế Tôn đại từ thương xót mà khai

thị cho chúng con về con đường tu Chỉ, để chỉ dẫn những ai tin không đủ nơi Pháp và đối kháng với những tà kiến mọi rợ."

Khi nói lời ấy xong, ngài A-nan đảnh lễ sát đất, rồi cùng với các đại chúng đứng đợi khao khát để cung kính lắng nghe giáo Pháp.

Lúc bấy giờ từ khuôn mặt, Thế Tôn phóng ra muôn loại tia sáng với nhiều màu sắc. Ánh sáng đó chói lòa như trăm ngàn mặt trời. Khi đó, khắp thế giới của chư Phật đều chấn động sáu cách, và có số lượng quốc độ nhiều như vi trần ở khắp mười phương đồng thời hiện ra. Do uy thần của Phật nên khiến các thế giới hợp thành một thế giới. Ở trong thế giới đó, tất cả chư đại Bồ-tát đều ở cõi của nước mình, chắp tay và cung kính lắng nghe.

Phật bảo ngài A-nan:

"Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay, do muôn thứ điên đảo nên đã tạo những hạt giống nghiệp và tự nhiên sẽ như chùm quả côm lá hẹp. Sở dĩ những người tu hành không thể thành tựu Đạo vô thượng--các vị như là Thanh Văn, Duyên Giác, cùng với hàng ngoại đạo, chư thiên, ma vương và quyến thuộc của ma--là bởi họ chẳng hiểu hai loại căn bổn và nhầm lẫn trong sự tu tập. Họ ví như có kẻ nấu cát mà muốn thành thức ăn ngon vậy. Cho dù trải qua số kiếp nhiều như bụi nhưng kết cục là chẳng thể nào đạt được. Những gì là hai, A-nan?

1. Cái tâm tìm cầu nơi duyên mà nay chính ông và các chúng sanh cho là tự tánh của mình, là căn bổn của sanh tử từ vô thỉ.

2. Thể tánh thanh tịnh bổn nguyên của tuệ giác tịch diệt, không có khởi đầu. Nó là sự hiểu biết bổn nguyên, là thật tánh của thức, có thể sanh các duyên, và bị các duyên của chúng sanh làm mất đi. Do các chúng sanh

làm mất đi sự hiểu biết bổn nguyên này, mặc dù nó luôn hiện hữu ở mọi lúc, nhưng họ chẳng tự biết và nhầm lẫn mà sa vào các đường.

Này A-nan! Do bởi ông nay muốn biết về con đường tu Chỉ để ra khỏi sanh tử, bây giờ Ta sẽ hỏi ông thêm một lần nữa."

Lúc bấy giờ Thế Tôn nhấc cánh tay sắc vàng và cong năm ngón tay của Ngài--mỗi ngón tay đều có hình bánh xe, rồi bảo ngài A-nan rằng:

"Giờ ông có thấy gì chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ thấy!"

Đức Phật bảo:

"Ông thấy điều gì?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ, con thấy Như Lai nhấc cánh tay lên rồi cong những ngón tay của Ngài thành nắm tay và từ nơi đó phóng ra ánh sáng chói lòa mắt con."

Đức Phật bảo:

"Ông dùng cái gì để thấy?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ, con và đại chúng đều thấy với mắt của mình."

Phật bảo ngài A-nan:

"Ông nay đáp rằng, Như Lai cong những ngón tay của Ngài thành nắm tay và từ nơi đó phóng ra ánh sáng chói lòa tâm và mắt của ông. Con mắt của ông có thể thấy nắm tay, nhưng điều gì mà ông cho rằng tâm của ông chói lòa bởi nắm tay của Ta?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Bây giờ Như Lai hỏi con về vị trí của tâm. Con dùng tâm để tìm kiếm cùng khắp và khả năng ra sự quyết định đó là tâm của con.

Đức Phật bảo:

"Ôi không, A-nan! Đó chẳng phải là tâm của ông!"

Ngài A-nan kinh ngạc, rời chỗ ngồi, đứng dậy và chắp tay bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Nếu đó chẳng phải là tâm của con thì là gì?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Đó là tưởng tâm sanh khởi từ tướng hư vọng của trần cảnh hiện tiền. Chúng mê hoặc chân tánh của ông, khiến ông từ vô thỉ đến đời hiện tại đã nhận giặc làm con và đánh mất tâm bổn nguyên thường hằng của ông. Do đó mà ông phải thọ luân chuyển trong sanh tử."

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Con là người em họ được Phật thương nhất. Do lòng thương mến Phật mà con xuất gia. Tâm của con không chỉ riêng cúng dường Như Lai, mà cho đến phụng sự chư Phật và các vị Thiện Tri Thức biến khắp quốc độ nhiều như cát sông Hằng. Con đều dùng cái tâm phát đại dũng mãnh ấy để làm những việc khó làm ở trong Chánh Pháp.

Giả sử nếu có khi nào con hủy báng Chánh Pháp và vĩnh viễn từ bỏ căn lành của mình, thì cũng sẽ chính là cái tâm đó.

Nếu sự hoạt động của thấu hiểu này chẳng phải là tâm thì con không có tâm. Con sẽ đồng như nắm đất hay khúc gỗ, bởi rời khỏi sự hiểu biết này thì chẳng có gì tồn tại.

Vì sao Như Lai nói đó không phải là tâm con? Nay con thật sự kinh hoàng, và toàn thể đại chúng nơi đây, không ai là chẳng hoài nghi. Kính mong Như Lai rủ lòng đại bi mà khai thị cho những kẻ chưa khai ngộ."

Lúc bấy giờ Thế Tôn khai thị cho ngài A-nan và các đại chúng để dẫn tâm họ vào Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Từ trên tòa sư tử, Đức Phật xoa đỉnh đầu của ngài A-nan và bảo rằng:

"Như Lai thường nói rằng, các pháp sanh ra chỉ là sự biến hiện của tâm. Do đó tất cả đều bị chi phối của định luật nhân quả. Từ thế giới cho đến hạt vi trần, nhân bởi tâm mà được hình thành.

Này A-nan! Nếu xem xét căn nguyên của hết thảy mọi thứ trên thế giới, cho đến cỏ lá hay chỉ một sợi tơ, chúng ta sẽ thấy chúng đều có thể tánh. Cho dù hư không thì cũng có tên và đặc tánh. Huống nữa là tâm thanh tịnh, trong sáng vi diệu, là tánh của tất cả trạng thái não bộ mà chẳng có tự thể hay sao?

Nếu ông khăng khăng cho rằng, tánh hiểu rõ, phân biệt, và nhận biết là tâm, thì cái tâm đó lẽ ra phải có tự tánh riêng biệt và tách rời tất cả sự hòa hợp với các trần--sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tuy nhiên, như bây giờ ông đang lắng nghe Pháp của Ta, nhân bởi âm thanh mà ông có thể phân biệt nghĩa lý. Cho dù ông có thể làm im bặt tất cả sự thấy nghe, hiểu biết, và giữ lắng đọng bên trong, thì hình bóng của sự phân biệt về pháp trần vẫn còn.

Ta không phải bảo ông chỉ chấp nhận đó chẳng phải là tâm, mà ông hãy xem xét tỉ mỉ về tâm của ông. Nếu có tánh phân biệt mà lìa khỏi những diễn biến của não bộ, thì đó tức là chân tâm của ông. Trái lại, nếu tánh phân biệt chẳng có tự thể khi lìa khỏi các trần, thì đó tức là diễn biến của não bộ, là hình bóng của sự phân biệt. Trần cảnh thì không thường trụ. Nếu khi cái tâm đó biến đổi hoại diệt, thì nó tức đồng như lông rùa hay sừng thỏ. Như vậy Pháp thân của ông cũng theo nó mà đoạn diệt. Thế thì ai là người tu hành để chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn đây?"

Bấy giờ ngài A-nan và các đại chúng đều lặng câm và không nói được gì.

Phật bảo ngài A-nan:

"Sở dĩ vô số người tu hành ở thế gian, mặc dù hiện tiền đã trải qua chín loại định theo thứ tự, nhưng vẫn không được lậu tận và thành bậc A-la-hán, đều là do chấp trước cái vọng tưởng sanh tử này mà nhận lầm là chân thật. Cho nên, tuy ông nay đa văn học rộng nhưng vẫn không thành tựu thánh Quả."

Khi nghe xong, ngài A-nan lại rơi lệ xót thương.

Tôn Giả đảnh lễ sát đất, hai gối quỳ, chắp tay, và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Kể từ khi phát tâm theo Phật xuất gia, con đã cậy nương uy thần của Phật. Con thường tự nghĩ rằng, mình không cần phải khổ nhọc tu hành, bởi Như Lai sẽ ban chánh định cho mình. Con hoàn toàn chẳng biết rằng, thân tâm của mỗi người chẳng thể thay thế cho nhau. Do đó con đã đánh mất bổn tâm của mình, và tuy thân xuất gia nhưng tâm chẳng vào Đạo. Con như kẻ cùng tử đã bỏ cha chạy trốn. Mãi đến hôm nay con mới biết rằng, tuy mình đa văn học rộng nhưng nếu không tu hành, thì mình sẽ chẳng học được gì. Đây ví như có người cứ nói về thức ăn thì sẽ không bao giờ no cả.

Thưa Thế Tôn! Nay chúng con bị siết bởi hai chướng ngại nên do đó chẳng biết tự tánh thường tịch của tâm. Kính mong Như Lai thương xót chúng con, là những kẻ cùng khổ, mà hiển lộ diệu minh chân tâm và mở con mắt Đạo của chúng con."

Lúc bấy giờ từ chữ vạn trên ngực của Như Lai vọt ra quang minh báu. Ánh sáng đó chói lòa với trăm ngàn màu sắc, cũng đồng thời chiếu khắp tất cả thế giới nhiều như vi trần của chư Phật trong mười phương, rồi nó rót vào khắp đỉnh đầu của chư Như Lai ở trong mỗi Phật độ báu. Sau đó ánh sáng trở về, rồi chiếu đến ngài A-nan và các đại chúng.

Khi ấy Phật bảo ngài A-nan rằng:

"Ta nay sẽ vì ông mà dựng lên Pháp tràng lớn và cũng khiến cho hết thảy chúng sanh trong mười phương được con mắt thanh tịnh để vào vi diệu bí mật của tánh tịnh minh tâm.

Này A-nan! Vừa rồi ông đáp rằng, ông thấy nắm tay của Như Lai phóng ra ánh sáng. Nguyên nhân gì khiến nắm tay của Như Lai phóng ra ánh sáng? Ta làm thành nắm tay như thế nào? Và ông đã dùng gì để thấy?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Do toàn thân thể của Phật có màu sắc như vàng ở dưới sông tại châu Thắng Kim và đỏ thắm như hòn núi báu, nên do từ thanh tịnh mà có ánh sáng phóng ra. Con thật sự tận mắt nhìn thấy Như Lai nhấc tay lên cho mọi người thấy, rồi cong năm ngón tay với hình bánh xe của Ngài lại, nên mới có tướng của nắm tay."

Phật bảo ngài A-nan:

"Bây giờ Như Lai sẽ nói lời thành thật cho ông rõ. Qua thí dụ đó, những ai có trí tuệ sẽ được khai ngộ.

Này A-nan! Hãy dùng nắm tay của Ta làm thí dụ. Nếu chẳng có tay, Ta sẽ không thể làm một nắm tay. Nếu chẳng có mắt, ông sẽ không thể thấy. Qua thí dụ về căn mắt của ông và nắm tay của Ta, sự so sánh ấy có giống nhau chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ có, thưa Thế Tôn! Nếu chẳng có mắt, con sẽ không thể thấy. Vì vậy qua thí dụ về căn mắt của con và nắm tay của Như Lai, sự so sánh ấy là giống nhau."

Phật bảo ngài A-nan:

"Ông nói rằng sự so sánh của chúng giống nhau, tuy nhiên, chúng chẳng tương đồng.

Vì sao thế? Bởi một người không có tay thì sẽ không bao giờ làm được một nắm tay, nhưng người không có mắt thì chẳng phải hoàn toàn không thấy.

Vì sao thế? Bởi nếu ông hỏi những người mù trên đường phố rằng:

'Ông có thấy gì chăng?'

Những người mù kia sẽ không ngần ngại mà trả lời ông rằng:

'Bây giờ tôi chỉ thấy tối om ở trước mắt và không có gì khác để nhìn.'

Quán sát về ý nghĩa này, trần cảnh ở trước tự tối, chứ thị giác chẳng hề tổn giảm."

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Những người mù chỉ thấy tối om ở trước mắt thì làm sao có thể gọi là thấy?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Nếu bỏ chung những người mù chỉ thấy tối om ở trước mắt với người có mắt ở trong một căn phòng tối om, hai loại đen tối ấy có khác biệt hay chẳng khác biệt?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn! So sánh về hai loại đen tối giữa người mắt sáng ở trong căn phòng tối om và người mù kia thì hoàn toàn chẳng khác biệt.

Này A-nan! Giả sử người mù chỉ thấy tối đen ở trước mắt, bỗng nhiên được mắt sáng trở lại và giờ thì họ thấy đủ mọi hình sắc ở trước mắt. Ông có thể gọi đó là mắt thấy. Giả sử người mắt sáng ở trong căn phòng tối om kia chỉ thấy tối đen ở trước mắt, bỗng nhiên ngọn đèn được thắp sáng và giờ thì họ cũng thấy đủ mọi hình sắc ở trước mắt. Ông có thể gọi đó là đèn thấy.

Bây giờ, nếu đèn có thể thấy thì nó không còn gọi là đèn nữa. Lại nữa, nếu đèn có thể thấy thì có liên quan gì với người mắt sáng đâu.

Cho nên phải biết rằng, cái đèn có thể hiển lộ hình sắc và sự thấy như thế là con mắt chứ chẳng phải cái đèn. Con mắt có thể hiển lộ hình sắc và tánh thấy như thế là đến từ tâm chứ chẳng phải con mắt."

Mặc dù ngài A-nan và các đại chúng đã nghe lời Phật nói, nhưng tâm vẫn chưa khai ngộ nên giữ im lặng. Hy vọng rằng sẽ tiếp tục nghe được âm thanh từ bi tuyên giảng của Phật, họ chắp tay, thanh tịnh tâm ý, và chờ đợi lời dạy bảo từ bi của Phật.

Lúc bấy giờ Thế Tôn duỗi cánh tay ra, rồi mở bàn tay chói sáng, mềm mại như bông gòn, có màng lưới giữa các ngón tay, và hiển lộ hình bánh xe ở trên những ngón tay.

Đức Phật bảo ngài A-nan và các đại chúng rằng:

"Sau khi thành Đạo, Ta đi đến vườn Nai và vì nhóm năm người của Tỳ-kheo A-nhã-kiều-trần-như cùng bốn chúng đệ tử các ông mà nói rằng:

'Sở dĩ các chúng sanh không thành tựu Phật Đạo hay trở thành bậc A-la-hán là họ đều bị mê hoặc bởi phiền não tựa như những du khách và vi trần.'

Đương thời các ông do nhân duyên gì mà khai ngộ và nay được thành tựu thánh Quả?"

Khi ấy ngài A-nhã-kiều-trần-như đứng dậy và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Trong tất cả những vị trưởng lão hiện diện ở giữa đại chúng nơi đây, con là người độc nhất được tên gọi là Giải, nhân bởi con giác ngộ hai chữ khách trần mà thành tựu thánh Quả.

Thưa Thế Tôn! Ví như có một du khách dừng chân ở quán trọ để ăn uống hoặc ngủ qua đêm. Một khi đã nghỉ ngơi hoặc ăn uống xong, họ liền thu xếp hành trang mà lên đường và không nhàn rỗi nán lại. Nhưng nếu người ấy đích thật là chủ quán thì không thể rời khỏi. Suy ngẫm qua thí dụ này, người không ở lại gọi là khách và người ở lại gọi là chủ. Do chẳng trụ lâu nên nó là tạm thời.

Lại ví như bầu trời khi mưa vừa tạnh ở buổi sáng, một luồng ánh sáng trong thanh từ mặt trời nhô lên chiếu xuyên qua lỗ hổng và hiển lộ những hạt bụi ở không trung. Thể chất của vi trần dao động nhưng hư không thì tịch nhiên. Suy ngẫm qua thí dụ này, lặng yên gọi là hư không và dao động gọi là vi trần. Do có dao động nên nó là di chuyển."

Đức Phật bảo:

"Như thị!"

Lúc bấy giờ ở giữa đại chúng, Như Lai cong năm ngón tay với hình bánh xe thành nắm tay. Khi đã cong thành nắm tay rồi lại mở ra.

Khi đã mở năm tay ngón tay ra rồi lại cong thành nắm tay và bảo ngài A-nan rằng:

"Bây giờ ông thấy gì?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ, con thấy Như Lai mở và khép lòng bàn tay có hình bánh xe trăm báu ở giữa đại chúng."

Phật bảo ngài A-nan:

"Ông thấy bàn tay của Ta mở và khép ở giữa đại chúng. Là tay của Ta có mở và khép, hay là thị giác của ông có mở và khép?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ, bàn tay báu của Thế Tôn có mở và khép ở giữa đại chúng. Mặc dù con thấy tay của Như Lai tự mở và khép, nhưng thị giác của con không có mở hay khép."

Đức Phật bảo:

"Cái gì động và cái gì tĩnh?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ, bàn tay của Phật có dao động, nhưng thị giác của con còn vượt ra khỏi sự tịch tĩnh. Huống nữa là có dao động hay sao?"

Đức Phật bảo:

"Như thị!"

Lúc bấy giờ có một luồng ánh sáng báu phóng ra từ lòng bàn tay có hình bánh xe của Như Lai và xẹt ngang qua vai phải của ngài A-nan. Ngài A-nan lập tức xoay đầu và nhìn sang bên phải. Đức Phật lại phóng một luồng ánh sáng ở bên vai trái của ngài A-nan. Ngài A-nan cũng xoay đầu và nhìn sang bên trái.

Phật bảo ngài A-nan:

"Vừa rồi tại sao ông xoay đầu?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ, con thấy Như Lai phóng một luồng ánh sáng báu vi diệu xẹt ngang qua vai phải của con, rồi một luồng ánh sáng khác xẹt ngang qua vai trái của con. Cho nên con xoay đầu của mình qua bên phải và trái để nhìn."

"Này A-nan! Khi ông xoay đầu qua bên phải và trái để nhìn Phật quang, là đầu của ông dao động, hay là thị giác của ông dao động?"

"Thưa Thế Tôn! Đầu của con dao động, nhưng thị giác của con còn vượt ra khỏi sự tịch tĩnh. Huống nữa là có dao động hay sao?"

Đức Phật bảo:

"Như thị!"

Khi ấy Như Lai bảo toàn thể đại chúng rằng:

"Tất cả chúng sanh cần phải hiểu rằng, những thứ gì dao động là vi trần và chúng tựa như du khách chẳng ở lại. Như vừa rồi các ông thấy đầu của A-nan dao động, nhưng thị giác của ông ta chẳng hề dao động.

Lại nữa, khi A-nan thấy bàn tay của Ta khép và mở, nhưng thị giác của ông ta chẳng khép hay mở.

Thế thì tại sao nay các ông vẫn cho những gì dao động là thân của mình và những gì dao động là cảnh của nó? Vả lại chúng hình thành và hoại

diệt trong từng niệm. Các ông đã đánh mất chân tánh của mình và làm những việc điên đảo. Do bởi đánh mất chân tánh của tâm và nhận lấy trần cảnh làm của mình, nên các ông vẫn luôn lưu chuyển trong luân hồi."

***

Khi ngài A-nan và các đại chúng nghe lời dạy bảo của Phật, thân tâm của họ an nhiên. Họ nhận ra rằng từ vô thỉ đến nay đã đánh mất bổn tâm. Thay vào đó, họ nhận lầm duyên trần và hình bóng của sự phân biệt. Bây giờ họ đều khai ngộ. Họ như những đứa trẻ thất lạc bỗng nhiên gặp lại mẹ hiền. Họ chắp tay đảnh lễ Phật. Họ muốn được nghe Như Lai hiển lộ tánh tương phản của thân và tâm: cái gì là chân và cái gì là vọng, cái gì là thật và cái gì là giả, cái gì hình thành rồi hoại diệt và cái gì bất sanh bất diệt.

Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc đứng lên và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Trước khi được Phật chỉ dạy, thuở xưa con đã gặp ngoại đạo Hắc Lãnh Tiễn Phát và Đẳng Thắng Bất Tác Tử. Cả hai đồng bảo rằng, thân này sau khi chết sẽ hoàn toàn đoạn diệt và đó gọi là tịch diệt. Tuy nay đã gặp Phật nhưng con vẫn hoài nghi. Làm sao con có thể chứng biết cái tâm này chẳng sanh hay diệt? Bây giờ ở giữa đại chúng nơi đây, các vị hữu lậu thảy đều muốn nghe."

Phật bảo đại vương:

"Ta nay lại hỏi về thân thể hiện tại của ông. Thân xác thịt này của ông là đồng với kim cang, thường trụ bất hoại, hay là sẽ biến đổi hư hoại?"

"Thưa Thế Tôn! Hiện tại thân này của con sẽ luôn biến đổi cho tới khi hoại diệt."

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Ông chưa từng trải qua hoại diệt thì làm sao biết mình sẽ hoại diệt?"

"Thưa Thế Tôn! Thân này của con là vô thường và sẽ biến đổi hư hoại, mặc dù nó chưa từng hoại diệt. Nhưng bây giờ con quán sát thì thấy từng niệm của con phai đi, rồi niệm mới tiếp nối và cũng chẳng trụ, như lửa cháy thành tro rồi dần dần tiêu mất và hoại diệt chẳng ngừng. Qua đó con chắc chắn biết rằng, thân này cũng sẽ diệt tận."

Đức Phật bảo:

"Như thị, đại vương! Ông nay đã già yếu. Nhan mạo bây giờ mà so với thời trẻ thơ thì như thế nào?"

"Thưa Thế Tôn! Khi con là một đứa bé ở thuở xưa, làn da trơn mịn và tràn đầy năng lượng khi đến tuổi trưởng thành. Nhưng bây giờ ở lứa tuổi già suy, hình sắc khô héo, tinh thần lờ đờ, tóc bạc trắng, da mặt nhăn nheo, và e rằng không còn nhiều thời gian cho con nữa. Sức khỏe bây giờ thì làm sao mà có thể sánh với thời trai trẻ chứ?"

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Hình mạo của ông không thể hốt nhiên suy yếu như thế."

Nhà vua thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Sự biến đổi quá vi tế nên con khó nhận biết. Trải qua bao mùa lạnh nóng đổi dời và dần dần thì con trở thành như vậy.

Vì sao thế? Bởi khi con 20 tuổi, tuy gọi là thời niên thiếu, nhưng nhan mạo đã già so với lúc 10 tuổi. Ở tuổi 30 thì suy yếu hơn lúc 20 tuổi. Và bây giờ ở tuổi 62, con nhìn lại lúc 50 tuổi như một thời cường tráng.

Thưa Thế Tôn! Xem xét những biến đổi vi tế này, nay con nhận thấy rằng những sự thay đổi dẫn đến cái chết không phải chỉ từ mười năm đến mười năm, mà chúng phân ra từng giai đoạn nhỏ. Xem xét kỹ hơn, sự biến đổi ấy xảy ra từ năm này sang năm khác. Chính xác hơn, sao chúng chỉ xảy ra từng năm? Những sự biến đổi đó cũng xảy ra mỗi tháng. Làm sao chúng chỉ xảy ra mỗi tháng? Những sự biến đổi đó cũng xảy ra từng ngày. Và nếu ai tư duy kỹ, họ sẽ thấy có sự thay đổi không ngừng trong từng niệm. Cho nên con biết rằng thân con sẽ biến đổi cho đến khi hoại diệt."

Phật bảo đại vương:

"Ông thấy những sự biến hóa đổi dời không ngừng mà ngộ ra rằng ông sẽ hoại diệt. Nhưng có biết rằng khi ông hoại diệt, có thứ trong ông mà sẽ không hoại diệt với ông chăng?"

Vua Ba-tư-nặc chắp tay và bạch Phật rằng:

"Dạ, con thật không biết."

Đức Phật bảo:

"Ta nay sẽ chỉ cho ông biết thể tánh bất sanh bất diệt.

Này đại vương! Khi ông thấy nước sông Hằng đầu tiên là lúc khoảng mấy tuổi?"

Nhà vua thưa rằng:

"Dạ, lúc lên ba tuổi, mẹ hiền của con đã dẫn con diện kiến Thiên thần Trường Mạng. Khi đi qua một dòng sông, con liền biết đó là nước sông Hằng."

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Như lời ông nói, khi ông 20 tuổi thì đã suy yếu hơn so với lúc 10 tuổi. Ngày tháng năm trôi qua, trong từng niệm luôn có sự đổi dời cho tới khi ông 60 tuổi. Hãy nghĩ xem lúc ông 3 tuổi đã nhìn thấy con sông đó, rồi đến khi 13 tuổi, nước của con sông đó như thế nào?"

Nhà vua thưa rằng:

"Dạ, nó giống như khi con được 3 tuổi. Và cho đến bây giờ, khi con 62 tuổi, nó vẫn giống như vậy."

Đức Phật bảo:

"Nay ông tự thương cảm cho mái tóc bạc và khuôn mặt nhăn nheo của mình. Chắc chắn rằng khuôn mặt hiện giờ của ông đã có nhiều nếp nhăn so với thời trẻ thơ. Nhưng nay khi ông nhìn lại sông Hằng, thị giác của ông bây giờ có khác biệt gì so với thị giác lúc còn thơ ấu chăng?"

Nhà vua thưa rằng:

"Dạ không, thưa Thế Tôn!"

Đức Phật bảo:

"Này đại vương! Tuy mặt của ông bị nhăn, nhưng bổn tánh của thị giác chưa từng bị nhăn. Những gì bị nhăn sẽ biến đổi. Những gì chẳng bị

nhăn sẽ không biến đổi. Những gì biến đổi sẽ hoại diệt. Còn những gì không biến đổi thì chưa từng có sanh hay diệt. Thế thì làm sao nó bị ảnh hưởng bởi sự sanh tử của ông chứ? Cho nên ông không cần phải lo lắng đối với lời nói của ngoại đạo Mịch Đạo Ngưu Xá Tử và những kẻ khác, rằng sau khi thân này chết đi thì sẽ hoàn toàn hoại diệt."

Khi nghe lời nói ấy, nhà vua tin nhận và biết rằng sau khi xả thân này sẽ chuyển sanh. Lúc ấy nhà vua cùng với các đại chúng vui mừng hớn hở và được điều chưa từng có.

Bấy giờ ngài A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay đảnh lễ Phật, quỳ hai gối và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu thị giác và thính giác đều không sanh diệt, vậy thì tại sao Thế Tôn lại nói rằng chúng con đã đánh mất chân tánh của mình và làm những việc điên đảo? Kính mong Thế Tôn hãy khởi lòng từ bi mà tẩy trừ trần cấu của chúng con."

Lúc bấy giờ Như Lai rũ cánh tay sắc vàng và làm cho những ngón tay có hình bánh xe hướng xuống, rồi bảo ngài A-nan rằng:

"Ông vừa mới thấy Ta làm thành thủ ấn. Nó đang đảo ngược hay thẳng đứng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Chúng sanh ở thế gian sẽ cho đó là đảo ngược. Riêng con không biết cái gì là đảo ngược và cái gì là thẳng đứng."

Phật bảo ngài A-nan:

"Nếu người thế gian cho đó là đảo ngược, thế thì cái gì mà người thế gian sẽ cho là thẳng đứng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ, họ sẽ gọi là thẳng đứng nếu Như Lai dựng đứng cánh tay mềm mại như bông gòn và những ngón tay chỉ thẳng lên không trung."

Đức Phật liền dựng đứng cánh tay của Ngài và bảo Tôn giả A-nan rằng:

"Một khi những người thế gian nhìn thấy đầu đuôi thay đổi lẫn nhau, họ sẽ mê loạn. Cũng như vậy, phải biết rằng, nếu thân của ông so với Pháp thân thanh tịnh của chư Như Lai, thì như so sánh thân Chánh Biến Tri của Như Lai đối với thân điên đảo của các ông vậy. Ông hãy quán sát tường tận, nếu thân ông so với thân Phật thì gọi là điên đảo, nhưng chính xác thì tánh điên đảo tìm thấy ở chỗ nào?"

Đến đây ngài A-nan và các đại chúng đều trơ mắt nhìn Phật và mắt không hề nháy. Họ chẳng biết tánh điên đảo ở chỗ nào trong thân và tâm.

Bấy giờ Đức Phật khởi lòng từ bi mà thương xót ngài A-nan cùng các đại chúng.

Với âm thanh như hải triều, Đức Phật bảo khắp chúng hội rằng:

"Các thiện nam tử! Ta thường nói rằng, tất cả sắc pháp, tâm pháp, pháp thuộc của tâm, và những pháp khác đều do các duyên khởi sanh. Hết thảy pháp nương nơi duyên chỉ là sự biến hiện của tâm. Thân ông và tâm ông đều hiện ở trong tâm nhiệm mầu, chân thật vi diệu và tinh khiết trong sáng. Tại sao các ông lại đánh mất bổn nguyên nhiệm mầu, vi diệu minh tâm, và bảo minh diệu tánh, rồi nhận mê lầm ở trong giác ngộ?

Tinh thần hắc ám tạo thành rỗng không hôn muội. Cái rỗng không hôn muội này ở trong hắc ám kết hợp với tối tăm mà hình thành sắc. Sắc tạp loạn với vọng tưởng mà tạo thành thân. Duyên hội tụ bên trong dao động thân này và hướng sự chú ý ra ngoài. Chúng sanh cho rằng tướng của sự hôn ám nhiễu loạn này là tánh của tâm. Một khi mê lầm cho nó là tâm, chúng sanh chắc chắn bị mê hoặc và cho rằng tâm ở trong sắc thân.

Họ không biết rằng, sắc thân và tất cả mọi vật ở ngoài thân--như là sông, núi, hư không, và đại địa--đều bao hàm ở trong diệu minh chân tâm. Họ chỉ nhận biết một bọt nước mà bỏ quên cả đại dương mênh mông lắng trong. Họ thấy bọt nước kia trôi ở đó và nghĩ rằng nó là toàn bộ nước thủy triều đang đẩy về những nơi tận cùng của biển. Các ông ở trong mê muội lại càng si mê. Đây tựa như sự điên đảo khi Ta rũ tay xuống--không chút sai khác. Bởi vậy Như Lai mới nói rằng các ông thật đáng thương."

Nghe được lời dạy bảo thâm sâu và từ bi cứu độ của Phật, ngài A-nan rơi lệ, chắp tay và thưa với Phật rằng:

"Khi nghe được âm thanh vi diệu của Phật, con ngộ rằng tâm trong sáng nhiệm mầu của con là bổn nguyên viên mãn và thường trụ tâm địa. Nhưng nếu với lòng thành khẩn chiêm ngưỡng mà con giác ngộ qua Pháp âm tuyên thuyết của Phật, thì tức là con đang dùng tâm duyên. Đạt được tâm này, con không dám cảm nhận là bổn nguyên tâm địa. Kính mong Đức Phật thương xót mà tuyên giảng khai thị với âm thanh viên mãn để bạt trừ gốc nghi của con và dẫn về Đạo vô thượng."

Phật bảo ngài A-nan:

"Các ông vẫn còn dùng tâm duyên để nghe Pháp. Do bởi Pháp cũng trở thành duyên nên các ông không ngộ Pháp tánh. Đây ví như có người lấy

ngón tay chỉ mặt trăng để cho kẻ khác thấy. Kẻ kia do nhờ ngón tay chỉ đến mà thấy được mặt trăng. Nhưng nếu họ lại nhìn ngón tay rồi cho đó là mặt trăng, chẳng những không thấy mặt trăng mà còn nhầm lẫn ngón tay của người kia.
Vì sao thế? Bởi kẻ đó cho ngón tay là mặt trăng trong sáng vậy. Không những họ nhận lầm ngón tay mà lại còn chẳng phân biệt đâu là sáng và đâu là tối.

Vì sao thế? Bởi họ cho ngón tay là tánh trong sáng của mặt trăng và hoàn toàn chẳng hiểu tánh của sáng hay tánh của tối.

Ông thì cũng như vậy.

Nếu cho rằng sự phân biệt Pháp âm của Ta nói là tâm của ông, thì cái tâm này phải tự có tánh phân biệt riêng và tách khỏi sự phân biệt của âm thanh. Đây ví như có một du khách nghỉ đêm ở quán trọ. Họ tạm dừng nghỉ rồi lên đường và không trú mãi. Trái lại chủ quán thì sẽ không đi đâu hết, bởi là người chủ của quán trọ vậy.

Cũng tương tự như thế, nếu đó là chân tâm của ông thì nó sẽ không đi đâu hết. Vậy sao khi tách khỏi âm thanh thì nó không có tánh phân biệt chứ? Do đó, chẳng những tâm phân biệt âm thanh của Ta, mà nó cũng phân biệt dung mạo của Ta. Nó không có tánh phân biệt nếu lìa khỏi các sắc tướng. Như thế cho dù những sự phân biệt dừng hẳn, một cảnh giới phi sắc phi không mà ngoại đạo Mịch Đạo Ngưu Xá Tử và những kẻ khác gọi là minh đế, thì nó cũng không có tánh phân biệt nếu lìa khỏi các cảnh duyên. Nếu mỗi trạng thái não bộ của ông đều có chỗ trả về thì làm sao gọi là chủ được chứ?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu mỗi trạng thái não bộ của con đều có chỗ trả về, thế thì tại sao diệu minh nguyên tâm của Như Lai nói đến không có chỗ trả về? Kính mong Như Lai rủ lòng thương xót mà tuyên nói cho con."

Phật bảo ngài A-nan:

"Như ông đang thấy Ta với thị giác trong sáng, tinh khiết, và bổn nguyên, thì nó không phải là diệu minh chân tâm. Tuy nhiên, nó có thể được ví như một mặt trăng thứ hai mà không phải là bóng của mặt trăng. Ông hãy lắng nghe. Ta nay sẽ chỉ cho ông về cái mà không chỗ trả về.

Này A-nan! Đại giảng đường này mở rộng về hướng đông. Cho nên khi mặt trời mọc, khắp giảng đường đều có ánh sáng rực rỡ. Nhưng nếu ở giữa đêm không một ánh trăng, hoặc bầu trời bị mây hay sương mù che mờ, thì giảng đường sẽ tối tăm. Ai đó có thể thấy xuyên qua các lỗ hổng của cánh cửa hay cửa sổ, nhưng bức tường và mái che thì vẫn bị ngăn khuất. Ở nơi đâu mà cảnh vật có sự phân biệt thì sẽ thấy các duyên. Nhưng nếu hoàn toàn trống rỗng thì chỉ thấy hư không. Ở nơi đâu có bụi bặm, cảnh vật sẽ bị lu mờ. Một khi trời quang đãng thì không khí trong lành và lại thấy mọi thứ rõ ràng.

Này A-nan! Ông đều đã nhìn thấy các tướng biến hóa đó. Ta nay sẽ chỉ ông mỗi thứ đều có bổn nhân để trả về. Cái gì là bổn nhân?

Này A-nan! Những sự biến hóa này, ánh sáng trả về mặt trời.

Vì sao thế? Bởi sẽ không có ánh sáng nếu không có mặt trời, và nhân do ánh sáng từ mặt trời nên nó trả về mặt trời. Đen tối trả về đêm không trăng. Các lỗ hổng trả về cánh cửa và cửa sổ. Sự ngăn khuất trả về bức tường và mái che. Các duyên trả về phân biệt. Trống rỗng trả về hư không. Lu mờ trả về bụi bặm. Trong sáng trả về trời quang đãng. Không một thứ gì ở thế gian mà vượt ra khỏi những loại này.

Bây giờ, khi thị giác trong sáng và tinh khiết của ông đối diện với tám loại trên thì nó sẽ trả về đâu?

Vì sao thế? Bởi nếu trả về ánh sáng thì sẽ chẳng còn thấy đen tối khi không có ánh sáng. Mặc dù ánh sáng, đen tối, và những thứ khác có muôn sự sai khác nhưng thị giác thì vẫn không sai khác. Những thứ gì mà có thể trả về thì hiển nhiên chẳng phải ông. Nhưng cái gì mà không thể trả về nơi đâu, nếu chẳng phải ông thì là ai? Cho nên phải biết rằng, tâm của ông vốn nhiệm mầu, thanh tịnh và trong sáng. Ông chỉ tự mê muội và đánh mất bổn nguyên, nên phải chịu luân hồi và luôn bị chìm nổi ở trong sanh tử. Bởi vậy Như Lai mới nói rằng các ông thật đáng thương."

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Tuy con nhận biết rằng, tánh của thị giác không có chỗ trả về. Nhưng làm sao con biết được đó là chân tánh của con?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Ta nay lại hỏi ông. Tuy hiện tại chưa được thanh tịnh vô lậu, nhưng nương thần lực của Phật, ông có thể thấy đến tận các cõi trời của cảnh thiền thứ nhất mà không bị chướng ngại. Còn Tỳ-kheo Vô Diệt thấy Diêm-phù-đề như nhìn trái xoài trong lòng bàn tay. Chư Bồ-tát có thể thấy trăm ngàn thế giới; không một quốc độ thanh tịnh nào của mười phương Như Lai, nhiều như số tận cùng của những hạt vi trần, mà họ chẳng nhìn thấy. Tuy nhiên, chúng sanh thì không thể nhìn rõ như thế, dù chỉ một phần của một tấc.

Này A-nan! Hiện tại ông và Ta có thể thấy các cung điện của Bốn Vị Thiên Vương đang cư trú. Khoảng giữa từ đây đến đó, chúng ta thấy

muôn loại hình tượng, hoặc ở trong sáng hay ở trong tối, đang di chuyển trên đất, trong nước, hay giữa không trung; chẳng một thứ gì mà không phải trần cảnh, là kết quả chướng ngại từ sự phân biệt. Ông nên phân biệt những thứ đó, cái nào là ông và cái nào chẳng phải ông. Bây giờ Ta hỏi ông hãy tuyển chọn ở trong thị giác, cái gì là thể của ông và cái gì là cảnh tượng.

Này A-nan! Cho dù ông dùng hết thị lực, xa tận đến Cung điện Mặt Trời và Cung điện Mặt Trăng, thì những cảnh vật đó đều không phải ông. Thậm chí ông quan sát kỹ càng xa tận đến bảy vòng núi vàng, mọi thứ ông thấy và cho đến muôn loại ánh sáng, thì cũng chỉ là những cảnh vật và chúng đều không phải ông. Lần lượt ông hãy quan sát mây trôi, chim bay, gió thổi, bụi bốc lên, cây cối, sông núi, hoa cỏ, loài người, và động vật. Tất cả cảnh vật đều chẳng phải ông.

Này A-nan! Những cảnh vật này, dù gần hay xa, đều có tánh sai khác đặc thù, nhưng tất cả đồng thấy ở trong thị giác thanh tịnh và tinh khiết của ông. Tuy mỗi loại cảnh vật đều có sai khác, nhưng ở trong thị giác thì không có đặc thù. Cái nhiệm mầu, trong sáng và tinh khiết này thật sự là thị giác của ông.

Nếu thị giác là một vật thì ông cũng có thể thấy thị giác của Ta. Nếu bảo rằng ông thấy thị giác của Ta khi chúng ta đồng nhìn vào một nơi giống nhau. Nhưng khi Ta không còn nhìn vào nơi đó, vậy ông có còn thấy thị giác của Ta chăng? Cho dù ông có thể thấy thị giác của Ta khi chúng ta đồng nhìn vào một nơi giống nhau, nhưng hiển nhiên ông sẽ chẳng thể thấy thị giác của Ta khi Ta nhìn sang nơi khác. Do bởi ông chẳng thể thấy thị giác của Ta khi Ta nhìn sang nơi khác, chắc chắn rằng thị giác của Ta không phải là một vật. Cho nên làm sao có thể nói rằng, thị giác của ông mà chẳng phải là ông?

Nếu không phải là như thế, vậy khi ông thấy cảnh vật, cảnh vật cũng sẽ thấy ông. Nếu thị giác và cảnh vật hỗn tạp như thế, thì Ta và ông cùng mọi thứ khác trên thế gian sẽ chẳng thể phân định rõ ràng.

Này A-nan! Khi ông nhận biết điều gì, đó là ông chứ chẳng phải Ta. Thị giác của ông trùm khắp. Nếu nó không phải của ông thì là của ai? Tại sao ông tự nghi ngờ chân tánh của chính mình và chẳng tiếp nhận nó là chân, rồi lại đến hỏi Ta cái gì là thật chứ?"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu như thị giác này thật sự là của con mà chẳng phải của ai khác, vậy khi con và Như Lai nhìn các cung điện báu thù thắng của Bốn Vị Thiên Vương, tiếp đến Cung điện Mặt Trời và Cung điện Mặt Trăng, rồi thị giác của con trải rộng và trùm khắp Thế giới Ta-bà. Tuy nhiên, khi nhìn trở lại tinh xá, con chỉ thấy giảng đường thanh tịnh ở trung tâm tự viện mà không thể nhìn xuyên qua tường vách và mái che.

Thưa Thế Tôn! Thị giác này của con là như thế. Trước tiên nó trùm khắp một thế giới, rồi bây giờ nó chỉ vừa khít ở trong căn phòng này. Có phải thị giác của con từ lớn thu nhỏ lại, hay là nó bị chia cắt bởi tường vách và mái che? Con nay chẳng biết lập luận nào ở trên là đúng. Kính mong Thế Tôn rủ lòng từ bi mà diễn giải cho con."

Phật bảo ngài A-nan:

"Hết thảy vạn vật trên thế gian--dù lớn hay bé, ở trong hay ngoài--tất cả đều thuộc về trần cảnh. Ông không nên nói rằng thị giác của mình có mở lớn hay thu nhỏ.

Đây ví như khi ông nhìn khoảng trống ở trong một hộp vuông. Ta nay lại hỏi ông. Khoảng trống mà ông nhìn thấy ở trong hộp vuông này là hình vuông cố định hay chẳng phải là hình vuông cố định? Nếu nó là hình vuông cố định thì khi bỏ vào một hộp tròn, nó sẽ không trở thành hình tròn. Ngược lại, nếu nó là bất định, thì sẽ không thể có một khoảng trống hình vuông ở trong hộp vuông.

Ông nói rằng ông chẳng biết lập luận nào của ông ở trên là đúng. Những gì ông nói về tánh của thị giác thì có thể so sánh với những gì Ta nói về khoảng trống ở trong hộp vuông vậy. Sự thật thì khoảng trống và thị giác đều chẳng có một vị trí.

Này A-nan! Nếu lại muốn khoảng trống ở trong hộp chẳng vuông hay tròn, ông chỉ cần loại bỏ cái hộp và sẽ thấy bản thể của hư không chẳng có hình dáng. Ông chớ nên nói rằng, khi cái hộp đã chẳng còn mà ông vẫn có thể trừ bỏ hình dáng của khoảng trống trong hộp.

Nếu như cho rằng thị giác của ông thu nhỏ khi vào trong một căn phòng, thế thì tại sao khi ông ngước lên nhìn mặt trời, thị giác của ông chẳng mở lớn cho đến khi ngang bằng với bề mặt của mặt trời.

Lại nữa, nếu tường vách và mái che có thể chia cắt thị giác của ông, thế thì tại sao khi khoét một lỗ nhỏ ở bức tường mà chẳng thấy bất cứ dấu tích kết nối gì? Do đó, các lập luận của ông đều chẳng đúng.

Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay đã mê lầm chính mình với những gì nhận biết. Họ đánh mất bổn tâm và bị trần cảnh lay chuyển. Cho nên ở trong đó mà họ tính xem thị giác là lớn hay nhỏ. Tuy nhiên, nếu có thể chuyển trần cảnh thì họ tức đồng Như Lai, thân tâm bất động, viên mãn trong sáng, và trở thành nơi giác ngộ. Bấy giờ, chỉ ở trên một đầu sợi lông mà có thể bao hàm tất cả quốc độ khắp mười phương."

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu thị giác này thật sự là diệu tánh của con, thì bây giờ diệu tánh này phải hiện ra ở trước con. Hơn nữa, nếu thị giác thật sự là chân tánh của con, vậy thì thân và tâm hiện tại của con lại là vật gì? Nhưng bây giờ thân và tâm của con đều thật sự có phân biệt, còn thị giác của con thì không có sự phân biệt và chẳng nhận biết thân con.

Nếu thị giác thật sự là tâm con và làm cho con bây giờ thấy được, thế thì tánh của thị giác đích thật là con, mà thân thể chẳng phải là con vậy. Làm sao việc này khác với lời phản đối trước đây của Như Lai, rằng cảnh vật lẽ ra cũng có thể thấy con? Kính mong Thế Tôn rủ lòng đại từ mà khai thị cho những kẻ chưa giác ngộ."

Phật bảo ngài A-nan:

"Điều ông vừa nói, rằng thị giác ở trước ông, là không đúng. Nếu nó thật sự ở trước mặt, ông chắc chắn sẽ thấy. Ở trong trường hợp đó, thị giác của ông sẽ có một vị trí và dễ dàng chỉ ra.

Như hiện tại ông và Ta đang ngồi ở trong Rừng cây Chiến Thắng, chúng ta có thể thấy Pháp đường, cây cối, kênh rạch, xa xa ở phía trước là sông Hằng, và cho đến mặt trời mặt trăng ở trên cao. Nay ông ở trước tòa sư tử của Ta, có thể đưa tay chỉ ra muôn loại sự vật, như là bóng cây, ánh sáng mặt trời, bức tường ngăn che, hư không thông suốt, cho đến cỏ cây to lớn hoặc nhỏ bé như đường tơ kẽ tóc. Tuy chúng có đặc điểm riêng, nhưng miễn là có thể nhìn thấy thì ông đều có thể chỉ ra hết.

Nếu thị giác của ông thật sự ở trước mặt, vậy khi ông dùng tay chỉ ra các vật thì lẽ ra cũng sẽ thấy được nó chứ.

Này A-nan! Nên biết rằng, nếu thị giác của ông đồng như hư không, thì làm sao hư không còn gọi là hư không chứ? Nếu các vật đồng như thị giác của ông, thì làm sao chúng còn gọi là vật chứ? Ông có thể nào phân tích tỉ mỉ và vạch ra bổn nguyên tịnh diệu, trong sáng và tinh khiết của thị giác chăng? Tương tự như phương thức đã chỉ ra các vật rõ ràng và không nhầm lẫn, ông có thể nào chỉ ra nó cho Ta thấy chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Hiện tại con đang ở trong Giảng đường Trùng Các này, có thể nhìn xa đến tận sông Hằng và mặt trời mặt trăng ở trên cao. Con cũng có thể đưa tay chỉ ra mọi thứ mà mắt con thấy. Tất cả chúng đều là cảnh vật; không một thứ nào là thị giác của con hết.

Thưa Thế Tôn! Đúng như lời Phật dạy. Không chỉ riêng con đang ở bậc hữu lậu, mà những vị Thanh Văn sơ học, và cho đến Bồ-tát, cũng không thể phân tích vạn vật và chỉ ra một thị giác với tự tánh riêng của nó mà lìa khỏi tất cả cảnh vật."

Đức Phật bảo:

"Như thị, như thị!"

Đức Phật lại bảo ngài A-nan:

"Đúng như lời ông nói. Nếu lìa khỏi tất cả cảnh vật thì sẽ không có một thị giác với tự tánh riêng biệt. Do đó hết thảy sự vật mà ông có thể chỉ ra đều không phải là thị giác.

Ta nay sẽ giải thích thêm một lần nữa cho ông. Như ông và Như Lai đang ngồi ở trong Rừng cây Chiến Thắng, hãy nhìn thêm một lần nữa nơi cây cối, khu vườn, và cho đến mặt trời mặt trăng. Tuy chúng có

muôn loại hình tượng khác nhau, nhưng không một vật nào mà ông chỉ ra là thị giác của ông hết. Ông hãy tiếp tục nghiên cứu, có cái nào ở trong những vật này mà tách rời khỏi thị giác của ông chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:
"Thưa Thế Tôn! Con thật sự đã nhìn khắp Rừng cây Chiến Thắng này và không nghĩ rằng có bất cứ vật nào ở trong đó mà tách rời khỏi thị giác của con.

Vì sao thế? Bởi nếu cây cối tách rời khỏi thị giác của con, thì làm sao gọi là nhìn thấy cây cối? Nhưng nếu cây cối đồng như thị giác của con, thì làm sao chúng còn gọi là cây cối chứ? Cũng tương tự như thế, nếu hư không tách rời khỏi thị giác của con, thì làm sao gọi là nhìn thấy hư không? Nhưng nếu hư không đồng như thị giác của con, thì làm sao nó còn gọi là hư không chứ? Sau khi tư duy thêm một lần nữa ở trong muôn vạn cảnh tượng, con nhận ra rằng, cho dù vật cực nhỏ đi nữa thì cũng không tách rời khỏi thị giác của con."

Đức Phật bảo:

"Như thị, như thị!"

Khi nghe lời này của Phật, những vị chưa đạt đến bậc Vô Học ở trong đại chúng đều mê muội và chẳng biết về ý nghĩa cứu cánh đó. Họ thảy đều hoảng sợ và đánh mất những điều ôm giữ.

Biết được tinh thần lo âu và hoảng hốt của họ, Như Lai khởi lòng thương xót mà an ủi ngài A-nan và các đại chúng rằng:

"Các thiện nam tử! Đây là lời chân thật của vô thượng Pháp Vương. Như Lai chỉ nói lời thật, không điêu ngoa, không dối gạt. Những gì Như Lai tuyên nói cho các ông, khác biệt với luận nghị mơ hồ về bốn loại bất tử

mà ngoại đạo Mịch Đạo Ngưu Xá Tử và những kẻ khác đưa ra. Các ông hãy tư duy kỹ và tha thiết quý mến để xứng đáng sự thương xót của Ta."
Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử đang ở giữa đại chúng, vì xót thương bốn chúng đệ tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, chắp tay cung kính và thưa với Phật rằng:
"Thưa Thế Tôn! Nay các đại chúng đều chẳng hiểu về hai điều mà Như Lai hé lộ. Đó là thị giác tinh khiết cùng với những vật có hình sắc và hư không, là tương đồng và chẳng tương đồng.

Thưa Thế Tôn! Nếu thị giác đồng như các duyên ở trước ta, như là hư không và những vật có hình sắc, thì chúng ta đáng lẽ có thể chỉ ra vị trí của nó. Nhưng nếu thị giác tách rời khỏi cảnh duyên, chúng ta sẽ không thể quan sát sự vật. Hiện tại các đại chúng đều kinh hãi, do chẳng biết ý nghĩa này sẽ về đâu. Đây tuyệt đối không phải là căn lành ở đời trước của họ cạn mỏng. Kính mong Như Lai rủ lòng đại từ mà hiển lộ chân thật giữa các cảnh tượng được thấy với thị giác tinh khiết, và tại sao lại nói rằng thị giác chẳng phải tương đồng hay chẳng phải không tương đồng đối với cảnh vật quan sát."

Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi và các đại chúng:

"Đối với mười phương Như Lai và chư đại Bồ-tát trụ ở trong chánh định, thì thị giác và các duyên của thấy cùng với những pháp thuộc của tâm, tựa như hoa đốm giữa hư không và bổn nguyên không chỗ có. Thị giác này và các duyên vốn là tuệ giác vi diệu, tánh tịnh minh thể. Thế thì làm sao ở trong giác ngộ mà có phải hay chẳng phải?

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta nay hỏi ông. Như ông là Văn-thù-sư-lợi thì có chỗ nào là Văn-thù-sư-lợi hay không phải Văn-thù-sư-lợi chăng?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn! Con đơn giản chỉ là Văn-thù-sư-lợi, không một chỗ nào là chẳng phải Văn-thù-sư-lợi.

Vì sao thế? Bởi nếu có chỗ nào thì sẽ có hai Văn-thù-sư-lợi, nhưng bây giờ không phải con chẳng phải là Văn-thù-sư-lợi. Thật sự thì không có tướng của phải hay chẳng phải."

Đức Phật bảo:

"Thị giác vi diệu trong sáng này, cùng với hư không và trần cảnh cũng lại như thế. Chúng vốn là từ chân tâm của tuệ giác vi diệu, trong sáng vô thượng, và thanh tịnh viên mãn. Là một sự nhầm lẫn nếu xem những vật có hình sắc, hư không, thính giác, thị giác, hay những giác quan khác là riêng rẽ. Như ở trong thí dụ về một mặt trăng thứ hai, cái nào là mặt trăng và cái nào chẳng phải mặt trăng?

Này Văn-thù-sư-lợi! Thật sự chỉ có một mặt trăng. Chúng ta không thể nói rằng đó là mặt trăng, còn kia chẳng phải mặt trăng. Do bởi ông nay xem xét thị giác với trần cảnh nên muôn thứ khởi lên. Đó gọi là vọng tưởng. Và ông chẳng thể ở trong ấy mà thoát khỏi chấp trước phải hay chẳng phải. Duy chỉ từ trong chân tánh trong sáng và diệu giác tinh khiết thì mới có thể khiến ông lìa khỏi chấp trước phải hay chẳng phải."

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Thật đúng như lời của Pháp Vương về tánh giác ngộ duyên khắp các thế giới trong mười phương, nhưng nó vẫn trạm nhiên thường trụ, thể tánh chẳng sanh hay diệt. Nếu vậy thì lời Phật dạy khác biệt như thế nào đối với luận thuyết minh đế của Phạm chí Hoàng Phát, hoặc phái ngoại đạo bôi tro lên thân hay những phái ngoại đạo khác nói rằng, có chân ngã biến khắp mười phương?

Thế Tôn cũng từng ở trên núi Bảo Danh diễn giải nghĩa này cho Đại Tuệ Bồ-tát và những vị khác rằng:

'Các ngoại đạo luôn nói về tự nhiên. Còn Ta nói về nhân duyên; đây không phải là cảnh giới của họ.'

Nhưng nay theo con thấy thì tánh giác ngộ là tự nhiên, không sanh không diệt, lìa xa tất cả hư vọng điên đảo, dường như chẳng sanh từ nhân duyên và nó tự nhiên. Con chỉ mong Đức Phật khai thị để không rơi vào tà đạo và được tâm chân thật với diệu giác minh tánh."

Phật bảo ngài A-nan:

"Như Ta vừa mới dùng phương tiện mà khai thị điều chân thật cho ông. Tuy nhiên ông vẫn chưa khai ngộ và nhầm lẫn rằng tánh giác ngộ là tự nhiên.

Này A-nan! Nếu tánh giác ngộ đích thật là tự nhiên thì ông lẽ ra phải có thể phân biệt được thể chất của tự nhiên. Giờ ông hãy quán sát ở trong thị giác nhiệm mầu trong sáng này. Nó dùng cái gì để làm tự thể? Thị giác này dùng ánh sáng để làm tự thể, dùng đen tối để làm tự thể, dùng hư không để làm tự thể, hay dùng ngăn che để làm tự thể chăng?

Này A-nan! Nếu nó dùng ánh sáng để làm tự thể thì ông sẽ không thể thấy đen tối. Nếu nó dùng hư không để làm tự thể thì ông sẽ không thể thấy ngăn che. Tương tự như thế, nếu nó dùng tướng đen tối để làm tự thể thì tánh của thị giác sẽ đoạn diệt khi ánh sáng rọi đến. Vậy thì làm sao ông có thể thấy ánh sáng chứ?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu là thế, tánh của thị giác này chắc chắn không phải tự nhiên. Con bây giờ khởi nghĩ rằng nó sanh bởi nhân duyên. Tuy nhiên

tâm con vẫn chưa hiểu rõ. Kính hỏi Như Lai làm sao nghĩa này khế hợp với lời dạy của Phật về tánh nhân duyên?"

Đức Phật bảo:

"Ông nói rằng nó sanh bởi nhân duyên. Ta lại hỏi ông. Nay ông nhân bởi gì mà nhận biết thị giác hiện tiền? Sự nhận biết này có phải nhân bởi ánh sáng mà thấy chăng? Có phải nhân bởi đen tối mà thấy chăng? Có phải nhân bởi hư không mà thấy chăng? Có phải nhân bởi ngăn che mà thấy chăng?

Này A-nan! Nếu sự nhận biết nhân bởi ánh sáng thì lẽ ra ông sẽ không thấy đen tối. Nếu sự nhận biết nhân bởi đen tối thì lẽ ra ông sẽ không thấy ánh sáng. Tương tự như thế, nếu nhân bởi hư không hay ngăn che thì đồng như nhân của ánh sáng và đen tối.

Lại nữa, A-nan! Sự nhận biết này có phải duyên bởi ánh sáng mà thấy chăng? Có phải duyên bởi đen tối mà thấy chăng? Có phải duyên bởi hư không mà thấy chăng? Có phải duyên bởi ngăn che mà thấy chăng?

Này A-nan! Nếu sự nhận biết duyên bởi hư không thì lẽ ra ông sẽ không thấy ngăn che. Nếu sự nhận biết duyên bởi ngăn che thì lẽ ra ông sẽ không thấy hư không. Tương tự như thế, nếu duyên bởi ánh sáng hay đen tối thì đồng như duyên của hư không và ngăn che.

Cho nên phải biết rằng, sự hiện hữu của thị giác nhiệm mầu với trong sáng tinh khiết, thì không lệ thuộc vào nhân hay duyên, cũng chẳng phải tự nhiên hay chẳng phải không tự nhiên. Sự hiện hữu của nó không thể phủ định, nhưng đồng thời cũng chẳng thể nói rằng nó không thể phủ định. Sự hiện hữu của nó không thể xác định, nhưng đồng thời cũng chẳng thể nói rằng nó không thể xác định. Lìa khỏi tất cả tướng tức là tất cả pháp.

Nay ông làm sao có được sự phân biệt ở trong các pháp khi lại dùng tâm ý dựa trên danh tướng và những hí luận của thế gian? Đó cũng như dùng nắm tay bắt lấy hư không--chỉ tự chuốc nhọc nhằn. Làm sao ông có thể bắt lấy hư không chứ?"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nếu tánh diệu giác chắc chắn không lệ thuộc vào nhân hay duyên, vậy thì tại sao Thế Tôn thường tuyên giảng cho các vị tỳ-kheo rằng, thị giác phải cần đủ bốn loại duyên. Đó là hư không, ánh sáng, tâm, và căn mắt. Nghĩa lý này là sao?"

Đức Phật bảo:

"Này A-nan! Ta nói về các tướng nhân duyên vận hành trong thế gian, đó không phải là Chân Lý Cứu Cánh.

Này A-nan! Ta lại hỏi ông. Khi những người ở thế gian nói rằng tôi có thể thấy. Sao gọi là thấy? Sao gọi là không thấy?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Nhân bởi ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hay ngọn đèn mà người ở thế gian thấy đủ mọi hình tướng. Đó gọi là thấy. Nếu chẳng có ba loại ánh sáng này thì họ sẽ không thể thấy."

"Này A-nan! Nếu gọi là không thấy khi chẳng có ánh sáng, thì lẽ ra họ cũng không thấy đen tối. Nếu thật sự thấy đen tối dù chẳng có ánh sáng, thì làm sao gọi là không thấy?

Này A-nan! Nếu khi ở nơi tối, do họ chẳng thấy ánh sáng nên gọi là không thấy. Bây giờ khi ở nơi sáng và họ chẳng thấy tướng của đen tối, thì cũng nên gọi là không thấy. Như vậy cả hai trường hợp đều gọi là không thấy.

Cho dù ánh sáng và đen tối luân phiên hiện hữu, thì thị giác của ông vẫn không tạm dừng nghỉ. Như vậy phải biết rằng, cả hai trường hợp đều gọi là thấy. Thế thì làm sao ông bảo là không thấy chứ?

Cho nên, A-nan! Ông nay phải biết rằng, khi ai đó thấy ánh sáng, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì ánh sáng. Khi ai đó thấy đen tối, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì đen tối. Khi ai đó thấy hư không, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì hư không. Khi ai đó thấy ngăn che, sự nhận biết của họ hiện hữu không phải vì ngăn che. Nên biết sự hiện hữu của thị giác đều chẳng phải bốn trường hợp trên.

Ông cũng nên biết rằng, khi dùng chân giác để nhận biết thị giác của ông, chân giác thì chẳng giống thị giác. Cả hai tách rời lẫn nhau. Thị giác thì không bằng chân giác. Làm sao ông lại có thể nói về nhân duyên, tự nhiên, và tướng hòa hợp chứ? Hàng Thanh Văn các ông kém cỏi chẳng biết và chẳng thể thông đạt thật tướng của thanh tịnh. Nay Ta sẽ dạy bảo thêm cho ông. Hãy khéo tư duy và chớ mệt mỏi hay chểnh mảng trên con đường đến tuệ giác vi diệu."

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Tuy Đức Phật Thế Tôn đã tuyên nói về nhân duyên, tự nhiên, cùng các tướng hòa hợp và chẳng hòa hợp cho chúng con, nhưng tâm con vẫn chưa khai ngộ. Bây giờ khi lại nghe về cái thấy của thị giác chẳng phải là chân giác, thì chúng con càng thêm mê muội. Kính mong Như Lai với lòng đại từ mà ban thí con mắt đại trí tuệ và khai thị cho chúng con để hiểu rõ tâm trong sáng thanh tịnh."

Khi nói lời ấy xong, ngài rơi lệ bi ai, rồi đảnh lễ, và chờ đợi để tiếp thọ thánh chỉ. Lúc bấy giờ Thế Tôn thương xót ngài A-nan cùng các đại chúng, và muốn diễn giải con đường vi diệu của tu hành để dẫn họ đến tất cả chánh định của Đại Tổng Trì.

Phật bảo ngài A-nan rằng:

"Tuy ông có trí nhớ sắc bén, nhưng việc đó chỉ lợi ích đa văn. Còn đối với quán chiếu vi tế ẩn mật của tu Chỉ, tâm ông vẫn chưa liễu đạt. Ông nay hãy lắng nghe. Ta sẽ phân biệt khai thị và cũng khiến những hành giả hữu lậu ở tương lai đắc Đạo Quả.

Này A-nan! Hết thảy chúng sanh luân hồi trong thế gian đều là do phân biệt vọng kiến từ hai loại điên đảo. Khi hai cái thấy sai lệch này khởi sanh, chúng sanh phải luân chuyển theo nghiệp. Hai thứ vọng kiến này là gì?

1. chúng sanh biệt nghiệp vọng kiến
2. chúng sanh đồng phần vọng kiến

Sao gọi là biệt nghiệp vọng kiến?

Này A-nan! Ví như con mắt bị quầng đỏ của người ở thế gian, khi nhìn vào ngọn đèn ở ban đêm, chỉ riêng họ thấy có những vòng tròn với ánh sáng năm màu chất chồng lên nhau. Ý ông nghĩ sao? Những vòng ánh sáng hiện ra ở xung quanh ngọn đèn vào ban đêm, là thuộc về ngọn đèn, hay là thuộc về thị giác của người kia?

Này A-nan! Nếu là thuộc về ngọn đèn, thì tại sao người không có mắt bị nhặm lại chẳng thấy, mà các vòng ánh sáng này chỉ riêng người có mắt bị nhặm mới thấy?

Còn nếu là thuộc về thị giác của người kia, thì sự nhận biết của họ cũng đã trở thành màu sắc. Thế thì các vòng ánh sáng thấy được của người có mắt bị nhặm gọi là những gì?

Lại nữa, A-nan! Nếu những vòng ánh sáng không thuộc về ngọn đèn, vậy khi người có mắt bị nhặm nhìn các vật xung quanh, như là bình phong, màn che, cái bàn, hay tấm chiếu, thì lẽ ra cũng có những vòng ánh sáng xuất hiện.

Còn nếu những vòng ánh sáng không thuộc về thị giác của người ấy, thì lẽ ra mắt của họ sẽ không nhìn thấy. Thế nhưng tại sao người có mắt bị nhặm lại thấy được những vòng ánh sáng kia chứ?

Cho nên phải biết rằng, tuy màu sắc thật sự ở tại ngọn đèn, nhưng do mắt bị nhặm nên mới có những vòng ánh sáng. Mặc dù những vòng ánh sáng và sự nhận biết của chúng là do mắt bị nhặm mà có, nhưng sự nhận biết của mắt nhặm không phải là bệnh. Nói tóm lại, ông không thể nói rằng, những vòng ánh sáng thuộc về ngọn đèn, hay thuộc về thị giác của người kia. Nhưng đồng thời ông cũng không thể nói rằng, chúng chẳng thuộc về ngọn đèn, hay chẳng thuộc về thị giác của người kia. Tương tự như thí dụ về mặt trăng thứ hai, nó chẳng phải là mặt trăng thật mà cũng chẳng phải là bóng của mặt trăng thật.

Vì sao thế? Bởi khi lấy ngón tay ấn vào con mắt thì người đó sẽ thấy hai mặt trăng. Những ai có trí thì sẽ không bảo rằng, mặt trăng thứ hai do từ kết quả của ấn vào con mắt, là mặt trăng thật hay nó chẳng phải là mặt trăng thật, hoặc là thuộc về thị giác của người kia hay chẳng thuộc về thị giác của người kia.

Việc này cũng lại như thế; do mắt bị nhặm nên mới xuất hiện những vòng ánh sáng. Nay ông có thể nói rằng chúng chỉ thuộc về ngọn đèn,

hoặc chỉ thuộc về thị giác của người kia chăng? Chắc chắn là không. Hà huống là có thể phân biệt chúng chẳng thuộc về ngọn đèn hoặc chẳng thuộc về thị giác của người kia.

Sao gọi là đồng phần vọng kiến?

Này A-nan! Ở Diêm-phù-đề, ngoại trừ nước của biển lớn, trong ấy có 3.000 châu lục với một châu lục lớn nằm ở trung tâm. Từ đông sang tây của đại châu lục này trải rộng và có 2.300 nước lớn. Còn các tiểu châu lục nằm ở trong các biển, trong ấy hoặc có 200 hay 300 quốc gia, hoặc 1 hoặc 2, cho đến 30, 40, hay 50 quốc gia.

Này A-nan! Nếu lại ở trong ấy có một tiểu châu lục với hai quốc gia, và duy chỉ nhân dân của một trong hai nước đồng cảm ứng duyên ác, thì chúng sanh của quốc gia đó sẽ thấy những việc bất tường. Hoặc họ thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng. Hoặc nơi mặt trời và mặt trăng xuất hiện những vòng tròn hay nửa vòng tròn với màu trắng hay màu khác. Hoặc họ thấy thiên thạch hay sao chổi bay xẹt bầu trời. Hoặc bên cạnh hay ở trên mặt trời xuất hiện vầng năng lượng hình cung hay hình lỗ tai, hoặc những đường ánh sáng giữa bầu trời. Có muôn loại hiện tượng xấu như thế. Chỉ có chúng sanh ở trong nước đó thấy những hiện tượng này. Còn chúng sanh ở nước khác thì hoàn toàn không thấy và cũng chẳng hề nghe đến.

Này A-nan! Ta nay sẽ so sánh hai sự việc này để làm sáng rõ cho ông.

Này A-nan! Hãy xem xét về biệt nghiệp vọng kiến của những chúng sanh kia. Khi có ai với mắt bị nhặm thì nhìn thấy những vòng ánh sáng ở xung quanh ngọn đèn. Tuy có cảnh tượng như thế xuất hiện, nhưng thật sự những gì họ thấy là do bởi mắt bị nhặm. Bởi con mắt bị nhặm nên làm lao nhọc thị giác, chứ chẳng phải do những vòng ánh sáng tạo ra. Tuy nhiên, sự nhận biết của mắt bị nhặm thì vĩnh viễn không sai lầm.

Tương tự như thế, tất cả những gì mắt của ông thấy bây giờ, như là núi sông, quốc thổ, và các chúng sanh, đều là căn bệnh đã tồn tại trong thị giác của ông từ vô thỉ. Thị giác và các duyên của thấy dường như hiện ra cảnh tượng ở trước. Tuy bổn nguyên chân giác của ta trong sáng, nhưng thị giác và các duyên của thấy thì có sai lầm. Mặc dù sự nhận biết của thị giác có sai lầm, nhưng giác duyên của bổn giác minh tâm thì không sai lầm. Đó là chân giác, sự nhận biết của cái nhận biết sai lầm, thì không sai lầm. Nó thật sự là chân giác của nhận biết, và không nên nhầm lẫn với thị giác bình thường, thính giác, hay bất cứ loại giác quan nào khác.

Đúc kết lại, thị giác của ông bây giờ cảm nhận Ta, chính bản thân mình và mười loại chúng sanh trong thế gian, đều là sự nhận biết sai lầm, không phải là sự nhận biết của cái nhận biết sai lầm. Tánh của thị giác tinh nguyên chân thật thì không sai lầm. Do đó nó chẳng phải là thị giác mà ta thường hay gọi.

Này A-nan! Hãy xem xét về đồng phần vọng kiến của những chúng sanh kia, rồi so sánh nó với biệt nghiệp vọng kiến của một người có mắt bị bệnh. Tình cảnh giữa người có mắt bị bệnh đồng với chúng sanh ở trong nước kia. Người ấy thấy những vòng ánh sáng là do mắt nhặm hư vọng sanh ra. Còn những việc bất tường thấy bởi chúng sanh ở trong nước kia là do ác khí khởi sanh từ nghiệp chung của họ. Sự hình thành của biệt nghiệp và cộng nghiệp là do vọng kiến đã tồn tại từ vô thỉ.

Mặc dù vậy, hết thảy chúng sanh hữu lậu cùng tất cả quốc độ trong mười phương, bao gồm Thế giới Ta-bà với bốn biển lớn và 3.000 châu lục ở Diêm-phù-đề, thảy đồng với tâm nhiệm mầu vô lậu, trong sáng và giác liễu. Các duyên cần thiết để tất cả chúng khởi sanh đều là hư vọng, có bệnh trong thị giác, thính giác, và những giác quan khác. Khi các duyên hòa hợp này hiện hữu, chúng sanh và quốc độ hư vọng hình thành. Khi

các duyên hòa hợp này không còn, chúng sanh và quốc độ hư vọng diệt mất.

Nếu ai có thể xa rời các duyên hòa hợp và không hòa hợp, họ tức sẽ diệt trừ tất cả nhân của sanh tử. Bấy giờ, họ sẽ viên mãn tuệ giác, chính là tánh không sanh không diệt, thanh tịnh bổn tâm và bổn giác thường trụ.

Này A-nan! Tuy ông đã hiểu rằng tánh của thị giác nhiệm mầu trong sáng và bổn nguyên giác liễu, chẳng khởi sanh từ nhân hay duyên và tánh của nó cũng chẳng phải tự nhiên. Nhưng ông còn chưa tỏ ngộ, rằng thị giác bổn nguyên giác liễu của ông cũng chẳng phải do hòa hợp hay không hòa hợp mà sanh.

Này A-nan! Ta nay lại hỏi ông về những trần cảnh mà ông nhận biết ở trước mặt. Do ông bây giờ ôm giữ vọng tưởng hòa hợp với các tánh nhân duyên của mọi thứ trong thế gian, nên tự mình hoài nghi, rằng có phải tâm giác ngộ chứng đắc là do hòa chung khởi sanh chăng.

Cứ cho điều ông đang suy nghĩ là đúng. Vậy thị giác nhiệm mầu thanh tịnh và tinh khiết của ông, là hòa chung với ánh sáng, là hòa chung với đen tối, là hòa chung với hư không, hay là hòa chung với ngăn che?

Nếu là hòa chung với ánh sáng, vậy khi ông nhìn vào ánh sáng hiện tiền đó thì nó hòa chung ở chỗ nào?

Nếu ông có thể phân biệt tướng của thị giác, thì nó có hình dáng ra sao ở trong sự hòa chung với ánh sáng?

Nếu không phải là thị giác thì làm sao ông thấy ánh sáng?

Nếu là thị giác thì làm sao thị giác thấy chính nó?

Nếu tánh của thị giác đã viên mãn thì làm sao có nơi để hòa chung với ánh sáng?

Nếu ánh sáng đã viên mãn thì nó không thể hòa chung với thị giác của ông.

Do bởi thị giác khác biệt với ánh sáng, nó sẽ diệt mất chính nó nếu hòa chung ở trong ánh sáng. Cũng vậy, ánh sáng sẽ mất tên gọi của nó nếu hòa chung ở trong thị giác. Tóm lại, nói rằng thị giác hòa chung với ánh sáng là chẳng đúng. Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế.

Lại nữa, A-nan! Ta nay lại hỏi ông. Thị giác nhiệm mầu thanh tịnh và tinh khiết của ông, là hợp nhất với ánh sáng, là hợp nhất với đen tối, là hợp nhất với hư không, hay là hợp nhất với ngăn che?

Nếu là hợp nhất với ánh sáng, tướng của ánh sáng sẽ diệt mất khi đen tối đến, thế thì làm sao ông có thể thấy đen tối khi mà thị giác chẳng hợp nhất với đen tối?

Giả sử thị giác chẳng hợp nhất với đen tối mà hợp nhất với ánh sáng, vậy khi thấy đen tối, ông lẽ ra sẽ không thấy ánh sáng. Nếu ông chẳng thấy ánh sáng thì làm sao gọi là hợp nhất với ánh sáng? Nhưng thực tế thì ông có thể thấy ánh sáng và biết rõ đó không phải là đen tối. Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế."

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa thế Tôn! Nay con suy nghĩ rằng, thị giác nhiệm mầu và giác liễu bổn nguyên này, không hòa chung hay hợp nhất với các duyên trần hoặc với tâm niệm suy tư."

Đức Phật bảo:

"Nay ông lại nói rằng, giác tánh của ông chẳng hòa chung hay hợp nhất. Ta lại hỏi ông. Nếu thị giác nhiệm mầu tinh khiết này của ông chẳng hòa chung, là chẳng hòa chung với ánh sáng, là chẳng hòa chung với đen tối, là chẳng hòa chung với hư không, hay là chẳng hòa chung với ngăn che?

Nếu chẳng hòa chung với ánh sáng, thì tất sẽ có một ranh giới giữa thị giác của ông và ánh sáng. Ông bây giờ hãy quán sát tường tận, ánh sáng ở chỗ nào? Thị giác của ông ở chỗ nào? Ranh giới giữa thị giác của ông và ánh sáng ở chỗ nào?

Này A-nan! Nếu thị giác của ông hoàn toàn không ở trong phạm vi của ánh sáng, thì tức là cả hai chẳng tiếp xúc. Do đó ông cũng không biết ánh sáng ở chỗ nào. Thế thì ranh giới giữa chúng làm sao tồn tại? Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế.

Lại nữa, nếu thị giác nhiệm mầu tinh khiết này của ông chẳng hợp nhất, là chẳng hợp nhất với ánh sáng, là chẳng hợp nhất với đen tối, là chẳng hợp nhất với hư không, hay là chẳng hợp nhất với ngăn che?

Nếu chẳng hợp nhất với ánh sáng, thì tánh của thị giác và ánh sáng sẽ hoàn toàn không tương quan. Đây giống như thính giác và ánh sáng chẳng tương quan; chúng sẽ không bao giờ tiếp xúc với nhau. Như ông chẳng biết ánh sáng ở chỗ nào, thì làm sao có thể biết được ánh sáng có hợp nhất hay chẳng hợp nhất với thị giác của ông? Tương tự, thị giác đối với đen tối, hư không, và ngăn che thì cũng lại như thế.

Này A-nan! Ông vẫn còn chưa hiểu, rằng tướng của hết thảy trần cảnh đều là huyễn hóa. Chúng tùy theo chỗ mà sanh ra và tùy theo chỗ mà diệt mất. Tướng của chúng gọi là huyễn hóa hư vọng, nhưng tánh của chúng thật sự ở trong diệu giác minh thể. Cho đến 5 uẩn, 6 nhập, 12 xứ,

và 18 giới thì cũng lại như thế. Chúng do nhân duyên hòa hợp mà hư vọng sanh ra, và cũng do nhân duyên biệt ly mà hư vọng diệt mất. Ông hoàn toàn chẳng biết rằng, mọi thứ sanh diệt và đến đi vốn là từ trong tánh Chân Như nhiệm mầu, thường trụ diệu minh, và bất động chu viên của Như Lai tạng. Cho dù ông tìm cầu sự đến đi, mê ngộ, hay sanh diệt ở trong tánh chân thường của Như Lai Tạng, thì vĩnh viễn chẳng thể được.

Này A-nan! Làm sao năm uẩn vốn là từ tánh Chân Như nhiệm mầu của Như Lai tạng?

Này A-nan! Ví như có người với đôi mắt trong sáng nhìn lên bầu trời quang đãng, họ chỉ thấy hư không và hoàn toàn chẳng có gì khác. Giả sử, chẳng biết vì nguyên nhân gì, mắt của người ấy chẳng hề nháy và trừng mắt nhìn cho đến khi riêng chỉ một mình họ thấy những hoa đốm giữa hư không, cùng với đủ mọi hình ảnh hỗn loạn và không có tướng chân thật. Ông nên biết rằng sắc uẩn thì cũng lại như vậy.

Này A-nan! Những hoa đốm này chẳng phải từ hư không đến và cũng chẳng phải từ mắt sanh ra.

Như thế, A-nan! Giả sử những hoa đốm này từ hư không đến. Nhưng nếu chúng từ hư không đến thì sẽ vào lại hư không. Nếu có sự sanh ra và vào lại hư không thì đó chẳng phải là hư không. Nếu hư không mà chẳng phải rỗng không thì sẽ không thể dung chứa hiện tượng sanh khởi và diệt mất của những hoa đốm này. Đây ví như thân thể của A-nan thì chẳng thể dung chứa một A-nan khác vậy.

Ngược lại, giả sử những hoa đốm này từ mắt sanh ra. Nhưng nếu chúng từ mắt sanh ra thì sẽ vào lại trong mắt. Nếu tánh của những hoa đốm từ mắt sanh ra, chúng sẽ hợp chung ở trong thị giác của con mắt. Nếu chúng có thị giác, thì khi từ con mắt ra khỏi, chúng có thể vào lại và

nhìn thấy con mắt. Còn nếu chúng chẳng có thị giác, thì khi từ con mắt ra khỏi, chúng sẽ che khuất một phần của hư không, rồi khi chúng vào lại, chúng sẽ che khuất nhãn lực. Hơn nữa, nhãn lực của người ấy không thể bị che khuất, do bởi họ có thể thấy những hoa đốm; và chẳng phải trước đó chúng ta nói rằng người ấy với đôi mắt trong sáng nhìn lên bầu trời quang đãng hay sao?

Cho nên phải biết rằng, sắc uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người với chân tay thả lỏng để nghỉ ngơi và toàn khắp thân thể được an hòa. Ngay lúc này, người ấy bỗng quên đi thân thể của mình, và chẳng cảm thấy vừa ý hay chẳng phải không vừa ý. Giả sử, chẳng biết vì nguyên nhân gì, người ấy chà xát hai lòng bàn tay với nhau ở trong hư không. Ở giữa hai lòng bàn tay, người ấy vọng sanh ra những cảm giác thô sáp, trơn mịn, ấm áp hay lạnh giá. Ông nên biết rằng thọ uẩn thì cũng lại như vậy.

Này A-nan! Những cảm giác xúc chạm huyễn hóa này chẳng do từ hư không đến và cũng chẳng do từ lòng bàn tay sanh ra.

Như thế, A-nan! Giả sử hư không có thể tạo ra những cảm giác xúc chạm ở lòng bàn tay, tại sao nó lại chẳng xúc chạm đến thân? Hư không lẽ ra không nên có sự tuyển lựa nơi xúc chạm.

Ngược lại, giả sử những cảm giác xúc chạm này từ lòng bàn tay sanh ra, thì đáng lẽ không cần phải cọ xát hai lòng bàn tay.

Lại nữa, nếu những cảm giác xúc chạm này từ hai lòng bàn tay sanh ra, thì chúng đáng lẽ sẽ nhận biết được những cảm giác xúc chạm đó. Và khi người ấy tách rời hai lòng bàn tay, cảm giác xúc chạm lẽ ra phải vào lại cổ tay, cánh tay, rồi xương tủy, và lẽ ra những nơi ấy cũng nhận biết

được tung tích khi nó vào lại. Trong trường hợp đó thì tâm chắc chắn cũng nhận biết được nó khi ra khi vào, tựa như có một vật đến đi ở trong thân vậy. Thế thì cần gì phải đợi có hai lòng bàn tay cọ xát để tạo ra những cảm giác xúc chạm đó?

Cho nên phải biết rằng, thọ uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người chảy nước miếng khi nhắc đến trái mận chua, hoặc lòng bàn chân bỗng dưng đau nhức khi nghĩ đến đang bước trên bờ vực thẳm. Ông nên biết rằng tưởng uẩn thì cũng lại như vậy.

Này A-nan! Như trường hợp chảy nước miếng khi nhắc đến trái mận chua, thì chẳng do từ trái mận thật và cũng chẳng do từ miệng của người ấy.

Như thế, A-nan! Nếu chảy nước miếng là do từ trái mận thật, vậy có nghĩa là trái mận chịu trách nhiệm nhắc đến chính nó. Thế thì đâu cần phải đợi người khác nhắc đến chúng làm gì? Trái lại, nếu chảy nước miếng là do từ miệng, vậy có nghĩa là cái miệng có thể nghe được. Thế thì đâu cần lỗ tai làm gì? Còn nếu chỉ riêng tai nghe được, vậy có phải lỗ tai cũng có thể tiết ra nước miếng chăng?

Về việc lòng bàn chân bỗng dưng đau nhức khi nghĩ đến đang bước trên bờ vực thẳm và trường hợp chảy nước miếng khi nhắc đến trái mận chua thì cả hai giống nhau.

Cho nên phải biết rằng, tưởng uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như các dòng chảy xiết, những làn sóng nối tiếp liên tục, và những làn sóng ở sau thì không bao giờ bắt kịp những làn sóng ở trước. Ông nên biết rằng hành uẩn thì cũng lại như vậy.

Này A-nan! Các dòng chảy xiết như thế chẳng do từ hư không tạo ra, và cũng chẳng do từ nước mà có. Chúng chẳng giống như nước, nhưng đồng thời chúng cũng không tách rời khỏi nước hay hư không.

Như thế, A-nan! Nếu các dòng chảy xiết nhân bởi hư không mà sanh ra, thế thì vô tận hư không khắp mười phương sẽ trở thành những dòng chảy vô tận, và tất cả thế giới đều sẽ bị nhấn chìm. Còn nếu các dòng chảy xiết nhân bởi nước mà có, thế thì tánh của các dòng chảy xiết này sẽ chẳng giống như tánh của nước. Các dòng chảy xiết và nước sẽ tách rời và riêng biệt; nhưng rõ ràng thì chúng không phải. Ngược lại, nếu các dòng chảy xiết và nước giống nhau, thì khi nước lắng trong, nó sẽ chẳng còn là nước nữa. Tuy nhiên, các dòng chảy xiết và nước không thể tách rời nhau, do bởi sẽ không có các dòng chảy xiết nếu chẳng có nước. Các dòng chảy xiết cũng không thể tách rời hư không, do bởi chẳng gì tồn tại ở ngoài hư không.

Cho nên phải biết rằng, hành uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người lấy một cái bình trống rồi bịt nắp lại. Người ấy nghĩ rằng đã chứa đầy hư không ở trong bình, rồi đi xa 1.000 dặm để đến nước khác. Ông nên biết rằng thức uẩn thì cũng lại như vậy.

Này A-nan! Hư không ở trong bình thật sự chẳng đến từ nơi khởi hành và cũng chẳng đến từ nơi đích.

Như thế, A-nan! Nếu hư không ở trong bình đến từ nơi đích, thì hư không chứa ở nơi khởi hành đã bị thất thoát. Còn nếu hư không đến từ

nơi khởi hành, thì khi mở nắp và lật ngược bình xuống, lẽ ra phải thấy hư không ở trong tuôn ra.

Cho nên phải biết rằng, thức uẩn là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên."

***

"Lại nữa, A-nan! Làm sao sáu nhập vốn là tánh Chân Như nhiệm mầu của Như Lai Tạng?

Này A-nan! Như thí dụ ở trên về người trừng mắt nhìn hư không cho đến khi mắt mệt mỏi. Những gì mắt nhìn thấy khi bị căng thẳng và cũng như căn mắt, đều hình thành từ sự căng thẳng đè lên tuệ giác. Sự căng thẳng làm cho biến dạng trong nhận thức.

Nhân do hai loại trần cảnh hư vọng của ánh sáng và đen tối hút vào trong căn mắt, rồi có sự hấp thu của trần cảnh đó mà gọi là thấy. Nếu lìa khỏi hai trần cảnh của ánh sáng và đen tối thì thị giác cứu cánh chẳng có tự thể.

Cũng vậy, A-nan! Phải biết rằng thị giác này chẳng phải đến từ ánh sáng hay đen tối, chẳng phải ra từ căn mắt, và cũng chẳng phải sanh từ hư không.

Vì sao thế? Bởi nếu thị giác đến từ ánh sáng thì đen tối liền theo đó mà diệt mất và sẽ chẳng thấy đen tối. Nếu đến từ đen tối thì ánh sáng liền theo đó mà diệt mất và sẽ chẳng thấy ánh sáng. Nếu từ căn mắt sanh ra thì tất sẽ chẳng có ánh sáng hay đen tối. Thị giác như vậy vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không sanh ra thì sẽ nhìn thấy trần cảnh trước mắt và khi quay trở lại cũng sẽ nhìn thấy căn mắt. Nếu hư không có thể tự thấy thì có liên quan gì với căn mắt của ông.

Cho nên phải biết rằng, căn mắt là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người lấy những ngón tay bịt mạnh hai tai của mình. Sự ấn vào lỗ tai sẽ làm cho có tiếng lùng bùng ở trong đầu. Những gì tai nghe được khi bị căng thẳng và cũng như căn tai, đều hình thành từ sự căng thẳng đè lên tuệ giác. Sự căng thẳng làm cho biến dạng trong nhận thức.

Nhân do hai loại trần cảnh hư vọng của dao động và yên tĩnh hút vào trong căn tai, rồi có sự hấp thu của trần cảnh đó mà gọi là nghe. Nếu lìa khỏi hai trần cảnh của dao động và yên tĩnh thì thính giác cứu cánh chẳng có tự thể.

Cũng vậy, A-nan! Phải biết rằng thính giác này chẳng phải đến từ dao động hay yên tĩnh, chẳng phải ra từ căn tai, và cũng chẳng phải sanh từ hư không.

Vì sao thế? Bởi nếu thính giác đến từ yên tĩnh thì dao động liền theo đó mà diệt mất và sẽ chẳng nghe dao động. Nếu đến từ dao động thì yên tĩnh liền theo đó mà diệt mất và sẽ chẳng nhận biết yên tĩnh. Nếu từ căn tai sanh ra thì tất sẽ chẳng có yên tĩnh hay dao động. Thính giác như vậy vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không sanh ra thì tức là nó có thể nghe và như thế nó không còn gọi là hư không nữa. Nếu hư không có thể tự nghe thì có liên quan gì với căn tai của ông.

Cho nên phải biết rằng, căn tai là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người hít mạnh vào qua hai lỗ mũi của mình. Khi hít vào lâu như thế sẽ có cảm giác lạnh ở trong lỗ mũi. Nhân do sự tiếp xúc đó mà người ấy có thể phân biệt là lỗ mũi đang khai thông hay bế

tắc, trống rỗng hay có gì, và cho đến các mùi thơm hay mùi hôi cũng như thế. Những gì mũi ngửi được khi bị căng thẳng và cũng như căn mũi, đều hình thành từ sự căng thẳng đè lên tuệ giác. Sự căng thẳng làm cho biến dạng trong nhận thức.

Nhân do hai loại trần cảnh hư vọng của khai thông và bế tắc phải ở trong căn mũi, rồi có sự hấp thu của trần cảnh đó mà gọi là ngửi. Nếu lìa khỏi hai trần cảnh của khai thông và bế tắc thì khứu giác cứu cánh chẳng có tự thể.

Cũng vậy, A-nan! Phải biết rằng khứu giác này chẳng phải đến từ khai thông hay bế tắc, chẳng phải ra từ căn mũi, và cũng chẳng phải sanh từ hư không.

Vì sao thế? Bởi nếu khứu giác đến từ khai thông thì bế tắc liền theo đó mà diệt mất và làm sao có thể nhận biết bế tắc. Nếu đến từ bế tắc thì khai thông liền theo đó mà diệt mất và làm sao có thể nhận biết mùi thơm, mùi hôi, hay những tiếp xúc khác. Nếu từ căn mũi sanh ra thì tất sẽ chẳng có khai thông hay bế tắc. Khứu giác như vậy vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không sanh ra thì tức là nó có thể trở lại ngửi cái mũi của ông. Nếu hư không có thể tự ngửi thì có liên quan gì với căn mũi của ông.

Cho nên phải biết rằng, căn mũi là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người liếm môi của mình cho đến khi cái lưỡi mệt nhọc. Giả như người ấy đang bệnh thì sẽ có vị đắng, còn người chẳng bệnh thì sẽ có một chút ngọt. Cảm thọ đắng hay ngọt của người ấy chứng tỏ rằng, căn lưỡi luôn có tánh lạt tồn tại cho dù lúc chẳng hoạt động. Những gì lưỡi nếm được khi bị căng thẳng và cũng như căn lưỡi,

đều hình thành từ sự căng thẳng đè lên tuệ giác. Sự căng thẳng làm cho biến dạng trong nhận thức.

Nhân do hai loại trần cảnh hư vọng của vị đắng và ngọt, hoặc lạt, phải tiếp xúc với căn lưỡi, rồi có sự hấp thu của trần cảnh đó mà gọi là nếm. Nếu lìa khỏi hai trần cảnh của vị đắng và ngọt, hoặc lạt, thì vị giác cứu cánh chẳng có tự thể.

Cũng vậy, A-nan! Phải biết rằng vị giác này chẳng phải đến từ vị đắng, ngọt hay lạt, chẳng phải ra từ căn lưỡi, và cũng chẳng phải sanh từ hư không.

Vì sao thế? Bởi nếu vị giác đến từ vị ngọt hay đắng thì làm sao nhận biết vị lạt. Nếu sanh ra từ vị lạt thì vị đắng và ngọt liền diệt mất. Thế thì làm sao có thể nhận biết vị ngọt hay đắng? Nếu từ căn lưỡi sanh ra thì tất sẽ chẳng có vị ngọt, đắng hay lạt. Vị giác như vậy vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không sanh ra thì tức là hư không có thể tự nếm vị chứ chẳng phải cái lưỡi của ông nhận biết. Nếu hư không có thể tự nếm thì có liên quan gì với căn lưỡi của ông.

Cho nên phải biết rằng, căn lưỡi là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người lấy một bàn tay đang lạnh chạm vào với một bàn tay đang ấm. Nếu bàn tay lạnh chiếm ưu thế thì bàn tay ấm sẽ trở nên lạnh. Nếu bàn tay ấm chiếm ưu thế thì bàn tay lạnh sẽ trở nên ấm. Với sự trao đổi của ấm và lạnh từ giữa hai bàn tay mà người ấy nhận biết sự giao tiếp và tách rời. Những gì thân xúc chạm khi bị căng thẳng và cũng như căn thân, đều hình thành từ sự căng thẳng đè lên tuệ giác. Sự căng thẳng làm cho biến dạng trong nhận thức.

Nhân do hai loại trần cảnh hư vọng của giao tiếp và tách rời đã cảm giác qua căn thân, rồi có sự hấp thu của trần cảnh đó mà gọi là chạm. Nếu lìa khỏi hai trần cảnh của giao tiếp và tách rời, hoặc chúng vừa ý hay chẳng vừa ý, thì xúc giác cứu cánh chẳng có tự thể.

Cũng vậy, A-nan! Phải biết rằng xúc giác này chẳng phải đến từ giao tiếp hay tách rời, chẳng phải ra từ căn thân, và cũng chẳng phải sanh từ hư không.

Vì sao thế? Bởi nếu xúc giác đến từ giao tiếp thì làm sao nhận biết tách rời khi giao tiếp chẳng còn? Cảm thọ vừa ý và chẳng vừa ý thì cũng lại như vậy. Nếu từ căn thân sanh ra thì tất sẽ chẳng có giao tiếp hay tách rời, và chẳng có cảm thọ vừa ý hay chẳng vừa ý. Xúc giác như vậy vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không sanh ra thì tức là hư không có thể nhận biết xúc chạm, vậy thì có liên quan gì với căn thân của ông.

Cho nên phải biết rằng, căn thân là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ví như có người mỏi mệt và buồn ngủ. Khi đã ngủ đủ, người ấy thức dậy và cố gắng nhớ lại giấc mơ của mình. Họ nhớ lại vài thứ nhưng quên những thứ khác. Sự nối tiếp của ngủ thức nhớ quên này là một thí dụ điên đảo của sanh trụ dị diệt ở trong căn ý. Nó tham dự vào một diễn biến thói quen để mang lại sự nhận biết nối tiếp của pháp trần. Những gì ý nghĩ tưởng khi bị căng thẳng và cũng như căn ý, đều hình thành từ sự căng thẳng đè lên tuệ giác. Sự căng thẳng làm cho biến dạng trong nhận thức.

Nhân do hai loại trần cảnh hư vọng của sanh và diệt tích tập ở trong căn ý, rồi nó bị thu hút bởi những nội trần này nên tạo ra dòng chảy bên trong của vật thấy hoặc tiếng nghe trước khi chúng vào tâm địa, mà gọi

là biết. Nếu lìa khỏi hai trần cảnh của sanh diệt giữa ngủ và thức, thì tri giác cứu cánh chẳng có tự thể.

Cũng vậy, A-nan! Phải biết rằng tri giác này chẳng phải đến từ ngủ hay thức, chẳng phải có từ sanh hay diệt, chẳng phải ra từ căn ý, và cũng chẳng phải sanh từ hư không.

Vì sao thế? Bởi nếu tri giác đến từ thức dậy thì sẽ chẳng có tri giác khi đang ngủ, vậy làm sao trải nghiệm giấc ngủ đây? Nếu nó đến từ sanh thì sẽ chẳng còn khi diệt, vậy ai sẽ trải nghiệm diệt mất chứ? Nếu nó đến từ diệt thì sẽ chẳng còn khi sanh, vậy ai sẽ trải nghiệm sanh khởi đây? Nếu từ căn ý sanh ra thì ngủ và thức sẽ tùy theo thân thể mà có mở và khép. Nếu lìa khỏi mở và khép, tri giác sẽ đồng như hoa đốm và cứu cánh chẳng có tự thể. Nếu từ hư không sanh ra thì tức là hư không có thể tự biết, vậy thì có liên quan gì với căn ý của ông.

Cho nên phải biết rằng, căn ý là hư vọng. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Lại nữa, A-nan! Làm sao 12 xứ vốn là tánh Chân Như nhiệm mầu của Như Lai Tạng?

Này A-nan! Ông hãy nhìn các ao suối và cây cối ở trong Rừng cây Chiến Thắng thêm một lần nữa. Ý ông nghĩ sao? Có phải những hình sắc ấy làm cho căn mắt của ông thấy, hay là căn mắt sanh ra các sắc tướng đó?

Này A-nan! Nếu là căn mắt sanh ra các sắc tướng đó, vậy khi ông nhìn bầu trời trống rỗng, chẳng một vật thể, thì tất cả những vật thể mà ông không nhìn đến, sẽ phải biến mất. Nếu mọi sắc tướng đều chẳng còn thì làm sao ta biết thể chất của hư không? Hư không thì cũng vậy.

Còn nếu là những hình sắc ấy làm cho căn mắt của ông thấy, vậy khi ông nhìn hư không, chẳng một vật thể, thì căn mắt của ông sẽ chẳng tồn tại. Nếu căn mắt chẳng tồn tại và không còn thấy gì, thì làm sao ta biết hình sắc và hư không là gì?

Cho nên phải biết rằng, căn mắt, hình sắc, và hư không đều chẳng có xứ sở. Do đó hai xứ--căn mắt và hình sắc--là hư vọng. Chúng vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh chúng cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ông đã nghe tiếng trống đánh ở trong Rừng cây Chiến Thắng khi bữa ăn sẵn sàng. Khi ấy đại chúng tụ tập, rồi có tiếng chuông ngân vang. Âm thanh của trống và chuông nối liền trước sau. Ý ông nghĩ sao? Có phải những âm thanh ấy đến bên cạnh căn tai, hay là căn tai đến chỗ của âm thanh?

Này A-nan! Nếu là những âm thanh ấy đến bên cạnh căn tai, thì trường hợp đó có thể so sánh như khi Ta đang đi khất thực ở thành Phong Đức và không còn ở tại Rừng cây Chiến Thắng. Nếu âm thanh đến chỗ tai của A-nan để ông có thể nghe được, thì Đại Mục-kiền-liên và Đại Ca-diếp đáng lẽ đều chẳng nghe được. Hà huống là 1.250 vị Tỳ-kheo ở nơi đây. Một khi nghe tiếng chuông, họ đồng thời đến nhà ăn.

Còn nếu là căn tai của ông đến chỗ của âm thanh, thì trường hợp đó có thể so sánh như khi Ta trở về Rừng cây Chiến Thắng và không còn ở tại thành Phong Đức. Vậy thì khi ông nghe tiếng trống, căn tai của ông đã đến chỗ của tiếng trống đánh. Do đó, khi tiếng chuông ngân vang, ông đáng lẽ chẳng nghe được. Hà huống là tiếng voi ngựa bò dê và đủ mọi âm hưởng ở xung quanh. Nếu chẳng có sự đến đi thì cũng chẳng nghe.

Cho nên phải biết rằng, căn tai và âm thanh đều chẳng có xứ sở. Do đó hai xứ--căn tai và âm thanh--là hư vọng. Chúng vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh chúng cũng chẳng phải tự nhiên.

Lại nữa, A-nan! Như ông có thể ngửi mùi hương chiên đàn ở trong lò. Một miếng nhỏ của loại hương này mà đốt lên thì sẽ lan tỏa trong phạm vi 40 dặm của thành Phong Đức. Ý ông nghĩ sao? Có phải mùi hương sanh ra từ gỗ chiên đàn, sanh ra từ căn mũi của ông, hay sanh ra từ hư không?

Này A-nan! Giả sử mùi hương đó sanh ra từ căn mũi của ông. Do sanh ra từ lỗ mũi nên mùi hương từ lỗ mũi tỏa ra. Nhưng lỗ mũi chẳng phải làm bằng gỗ chiên đàn, thế thì trong lỗ mũi làm sao có hương thơm chiên đàn? Chắc chắn rằng hương thơm phải vào lỗ mũi thì ông mới có thể ngửi được. Nói rằng mùi hương từ lỗ mũi tỏa ra thì thật phi lý.

Giả sử mùi hương đó sanh ra từ hư không. Do tánh của hư không là thường hằng nên mùi hương lẽ ra phải luôn tồn tại. Vậy thì cần gì phải đốt gỗ chiên đàn ở trong lò để làm chi?

Giả sử mùi hương đó sanh ra từ gỗ chiên đàn. Thể chất của loại hương này sẽ có khói khi đốt. Để lỗ mũi ngửi được khói, thì khói phải vào căn mũi. Tuy nhiên hương thơm đã lan tỏa trong phạm vi 40 dặm trước khi khói của nó bốc lên xa vút trong không khí.

Cho nên phải biết rằng, căn mũi và mùi hương đều chẳng có xứ sở. Do đó hai xứ--căn mũi và mùi hương--là hư vọng. Chúng vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh chúng cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Ông và đại chúng thường cầm bát để ăn vào buổi sáng và giữa trưa. Ở những lúc đó, có người thì được các thượng vị như là sữa đặc, bơ, hay bơ tinh chế. Ý ông nghĩ sao? Những vị nếm này sanh ra từ hư không, sanh ra từ trong lưỡi, hay sanh ra từ thực phẩm?

Này A-nan! Giả sử những vị nếm này sanh ra từ lưỡi ở trong miệng của ông. Tuy nhiên ông chỉ có một cái lưỡi. Giả sử khi vị nếm của sữa đặc đến từ lưỡi, rồi nếu bỏ một cục đường ở trên lưỡi, cái lưỡi lẽ ra sẽ không thể nếm được vị ngọt. Nếu cái lưỡi không thể thay đổi để nếm nhiều vị khác, nó chẳng gọi là biết nếm vị. Còn nếu cái lưỡi có thể thay đổi, thì nghĩa là ông có nhiều cái lưỡi. Thế thì làm sao một cái lưỡi mà nhận biết nhiều vị khác nhau?

Giả sử những vị nếm này sanh ra từ thực phẩm. Nhưng thực phẩm chẳng có thức thì làm sao tự biết? Cứ cho là thực phẩm tự biết, tức nghĩa là đồng như người khác ăn. Vậy thì ông làm sao biết được vị nếm đó?

Giả sử những vị nếm này sanh ra từ hư không. Vậy thì khi ông ăn hư không sẽ nếm được vị gì? Cứ cho là hư không có vị mặn. Nếu có vị mặn ở trên lưỡi thì cũng sẽ có vị mặn ở gương mặt của ông. Thế thì mọi người trên thế giới sẽ như cá trong biển. Do luôn nếm vị mặn, ông sẽ không bao giờ biết vị lạt là gì. Nếu chẳng biết vị lạt và cũng chẳng nhận biết vị mặn, tất cả đều chẳng biết, vậy thì làm sao gọi là nếm vị?

Cho nên phải biết rằng, căn lưỡi và vị nếm đều chẳng có xứ sở. Do đó hai xứ--căn lưỡi và vị nếm--là hư vọng. Chúng vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh chúng cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Vào buổi sáng sớm, ông thường lấy tay sờ đầu của mình. Ý ông nghĩ sao? Sự cảm nhận của xúc chạm này là ở nơi bàn tay hay ở nơi đầu của ông? Nếu chỉ ở nơi tay của ông thì đầu sẽ chẳng cảm nhận, vậy thì sao gọi là xúc chạm. Còn nếu chỉ ở nơi đầu của ông thì tay sẽ chẳng cảm nhận, vậy thì sao gọi là xúc chạm?

Nếu đầu và tay của A-nan có sự cảm nhận riêng biệt thì ông lẽ ra phải có hai thân thể. Còn nếu đầu và tay cùng tạo ra một xúc chạm thì đầu và tay của ông phải là một thể. Nếu là một thể thì không thể có xúc chạm. Nếu

là hai thể thì cái nào cảm nhận xúc chạm? Cái cảm nhận thì không thể là vật xúc chạm, vật xúc chạm thì không thể là cái cảm nhận, và cũng chớ bảo rằng có sự xúc chạm giữa ông và hư không.

Cho nên phải biết rằng, căn thân và xúc chạm đều chẳng có xứ sở. Do đó hai xứ--căn thân và xúc chạm--là hư vọng. Chúng vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh chúng cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Pháp trần luôn duyên ở trong tâm ông với ba thể loại: thích, ghét, chẳng thích hay ghét. Có phải những pháp trần này khởi sanh từ căn ý của ông, hay chúng khởi sanh từ nguồn nào khác mà chẳng phải từ căn ý của ông?

Này A-nan! Nếu những pháp trần này khởi sanh từ căn ý của ông thì chúng không thể là pháp trần, và chúng không thể làm chỗ duyên của tâm. Làm thế nào mà chúng có thể là một nơi cho sự khởi sanh của ý thức chứ?

Giả sử chúng khởi sanh từ nguồn nào khác mà chẳng phải từ căn ý của ông. Thế thì chúng có tự biết chúng là pháp trần hay không? Nếu chúng có tri giác thì chúng là một phần của căn ý. Nếu chúng có tri giác nhưng khởi sanh từ nguồn nào khác mà chẳng phải từ căn ý của ông và lại chẳng phải pháp trần, thì chúng chỉ có thể ở nơi căn ý của người khác. Do ông có thể nhận biết những pháp trần này nên chúng phải ở nơi căn ý của ông mà chẳng phải ở nơi căn ý của người khác.

Giả sử những pháp trần này chẳng có tri giác và chúng khởi sanh từ nguồn nào khác mà chẳng phải từ căn ý của ông. Tuy nhiên những pháp trần này không phải là sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, nóng, lạnh, hay hư không. Thế thì chúng ở đâu? Chúng đều không phải sắc hay hư không, hoặc tồn tại nơi nào đó ở ngoài hư không của cõi người. Do bởi căn ý chẳng phải là chỗ duyên của pháp trần, vậy thì chúng tạo lập từ đâu?

Cho nên phải biết rằng, căn ý và pháp trần đều chẳng có xứ sở. Do đó hai xứ--căn ý và pháp trần--là hư vọng. Chúng vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh chúng cũng chẳng phải tự nhiên.

Lại nữa, A-nan! Làm sao 18 giới vốn là tánh Chân Như nhiệm mầu của Như Lai Tạng?

Này A-nan! Theo sự hiểu biết của ông thì căn mắt và sắc trần làm duyên để sanh ra thức của mắt. Nhưng có phải thức này sanh ra bởi từ con mắt và dùng căn mắt làm cõi giới chăng? Hay nó sanh ra bởi từ hình sắc và dùng sắc trần làm cõi giới chăng?

Này A-nan! Giả sử thức của mắt sanh ra từ căn mắt. Bây giờ nếu chẳng có hình sắc hay hư không thì thức của mắt sẽ không thể phân biệt. Giả như ông có một loại thức như thế thì có hữu dụng gì? Thức của mắt không phải là màu xanh, vàng, đỏ, hay trắng. Không một thứ gì để biểu thị cho nó, vậy thì thức của mắt thành lập từ cõi giới nào?

Giả sử thức của mắt sanh ra từ hình sắc. Vậy khi hư không trống rỗng và chẳng có hình sắc thì thức của mắt lẽ ra phải diệt mất. Thế thì thức của mắt làm sao nhận biết tánh của hư không chứ?

Giả sử thức của mắt sanh ra từ hình sắc. Nhưng nếu khi hình sắc biến đổi, thì thức của mắt lẽ ra cũng thay đổi với chúng. Nếu thức của mắt chẳng thay đổi với chúng, vậy thì cõi giới thành lập từ đâu? Nhưng nếu thức của mắt thay đổi với chúng thì sẽ không có tướng của cõi giới. Nếu thức của mắt chẳng thay đổi thì nó sẽ thường hằng, và do từ sắc sanh ra nên nó sẽ chẳng nhận biết hư không ở đâu.

Giả sử thức của mắt cùng sanh ra từ căn mắt và hình sắc. Nhưng nó không thể khởi sanh từ một sự kết hợp của hai, bởi vì như thế nó sẽ phân

ly ở bên trong. Nó cũng không thể khởi sanh từ hai cái riêng rẽ, bởi vì như thế nó sẽ tạp loạn; thế thì cõi giới làm sao thành lập?

Cho nên phải biết rằng, căn mắt và sắc trần không thể làm duyên để sanh ra thức của mắt, bởi vì ba nơi--căn mắt, sắc trần, và thức của mắt--đều tồn tại riêng biệt. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Theo sự hiểu biết của ông thì căn tai và thanh trần làm duyên để sanh ra thức của tai. Nhưng có phải thức này sanh ra bởi từ lỗ tai và dùng căn tai làm cõi giới chăng? Hay nó sanh ra bởi từ âm thanh và dùng thanh trần làm cõi giới chăng?

Này A-nan! Giả sử thức của tai sanh ra từ căn tai. Bây giờ nếu tiếng động lẫn yên tĩnh đều chẳng có thì căn tai sẽ hoàn toàn chẳng nhận biết được gì. Sự nhận biết còn không thành, huống nữa là hình mạo của thức. Nếu cứ khăng khăng cho rằng là tai nghe. Nhưng khi chẳng có tiếng động hay yên tĩnh thì sự nghe không thể thành lập. Lại nữa, lỗ tai bao bọc bằng da, và căn thân liên hệ với xúc trần. Có thể nào thức của tai sanh ra từ đó chăng? Do không thể, vậy thì thức của tai thành lập từ cõi giới nào?

Giả sử thức của tai sanh ra từ âm thanh. Nếu nhân bởi âm thanh mà có thức thì sẽ chẳng liên quan gì đến sự nghe. Nhưng nếu sự nghe không thành lập thì làm sao biết âm thanh ở đâu? Giả sử thức của tai từ âm thanh sanh ra. Do âm thanh phải được nghe rồi mới có tướng của âm thanh, thế thì thức của tai lẽ ra cũng nghe âm thanh. Và khi thức của tai chẳng nghe thì nó không tồn tại. Hơn nữa, nếu thức của tai mà có thể nghe được thì nó sẽ đồng như âm thanh. Thức mà bị nghe thì ai nghe và biết nó chứ? Nếu chẳng có người nhận biết thì cuối cùng ông sẽ như cỏ cây.

Đừng nên bảo rằng âm thanh và sự nghe có thể pha trộn để tạo thành thức của tai. Chẳng có nơi nào như thế mà hai thứ đó có thể trộn lẫn nhau, bởi vì một thứ là bên trong và thứ kia là bên ngoài. Vậy thì thức của tai làm sao thành lập?

Cho nên phải biết rằng, căn tai và thanh trần không thể làm duyên để sanh ra thức của tai, bởi vì ba nơi--căn tai, thanh trần, và thức của tai--đều tồn tại riêng biệt. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Theo sự hiểu biết của ông thì căn mũi và hương trần làm duyên để sanh ra thức của mũi. Nhưng có phải thức này sanh ra bởi từ lỗ mũi và dùng căn mũi làm cõi giới chăng? Hay nó sanh ra bởi từ mùi hương và dùng hương trần làm cõi giới chăng?

Này A-nan! Giả sử thức của mũi sanh ra từ căn mũi. Thế thì trong tâm của ông cho gì là lỗ mũi? Là hai sống mũi với thịt bao phủ chăng? Là khứu giác nhận biết tánh của mùi hương chăng?

Giả sử cho rằng lỗ mũi là hai sống mũi với thịt bao phủ. Nhưng lỗ mũi thuộc về thân thể và căn thân nhận biết xúc chạm. Những gì thuộc về căn thân thì không phải căn mũi, và căn thân cảm nhận xúc trần. Do đó, chẳng còn phần nào gọi là căn mũi cả. Vậy thì thức của mũi làm sao thành lập?

Giả sử cho rằng lỗ mũi là khứu giác nhận biết tánh của mùi hương. Thế thì trong tâm của ông cho gì là nhận biết? Là hai sống mũi với thịt bao phủ chăng? Nếu vậy thì nó sẽ nhận biết xúc chạm và do đó không phải là căn mũi nhận biết hương trần.

Giả sử nó là hư không nhận biết hương trần. Nếu hư không tự nhận biết thì lẽ ra hai sống mũi với thịt bao phủ sẽ chẳng nhận biết. Như vậy thì

hư không là ông rồi, và do thân của ông chẳng nhận biết nên lẽ ra bây giờ A-nan sẽ không tồn tại ở đây.

Giả sử nó là mùi hương nhận biết. Nếu sự nhận biết là một chức năng của mùi hương thì có can dự gì đến ông? Nếu lỗ mũi của ông tỏa ra mùi hương, hương thơm hoặc mùi hôi, thì mùi hương như thế sẽ chẳng đến từ hương thơm chiên đàn hay từ mùi hôi của cây cực xú.

Nếu những mùi hương đó chẳng đến từ hai vật kia thì tức là mũi của ông phải tự có mùi hương. Vậy thì nó là hương thơm hay mùi hôi? Nếu nó là hương thơm thì chẳng phải là mùi hôi. Nếu là mùi hôi thì chẳng phải là hương thơm. Nếu hương thơm lẫn mùi hôi đều có thể ngửi được thì một mình ông lẽ ra sẽ có hai cái mũi, hoặc ở trước Ta hỏi về Đạo có hai A-nan. Thế thì ai là bản thể của ông? Giả sử chỉ có một cái mũi thì hương thơm và mùi hôi sẽ không phải là hai. Mùi hôi sẽ thành hương thơm và hương thơm sẽ thành mùi hôi. Do cả hai đều chẳng có tự tánh, vậy thì thức của mũi thành lập từ cõi giới nào?

Giả sử thức của mũi sanh ra từ mùi hương và nhân bởi mùi hương mà có thức. Vậy thì sẽ như căn mắt có thể thấy mọi thứ nhưng chẳng thể thấy chính nó. Cũng vậy, nếu nhân bởi mùi hương mà có thức thì nó lẽ ra không nhận biết mùi hương chính nó. Nếu nhận biết mùi hương thì nó không thể sanh từ chúng. Còn nếu chẳng nhận biết mùi hương thì nó không thể là thức của mũi. Do thức chẳng nhận biết mùi hương nên cõi giới chẳng thể kiến lập từ mùi hương.

Sau cùng, do chẳng có nơi trung gian ở giữa căn mũi bên trong và hương trần bên ngoài nên thức của mũi cứu cánh là hư vọng.

Cho nên phải biết rằng, căn mũi và hương trần không thể làm duyên để sanh ra thức của mũi, bởi vì ba nơi--căn mũi, hương trần, và thức của

mũi--đều tồn tại riêng biệt. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Theo sự hiểu biết của ông thì căn lưỡi và vị trần làm duyên để sanh ra thức của lưỡi. Nhưng có phải thức này sanh ra bởi từ lưỡi và dùng căn lưỡi làm cõi giới chăng? Hay nó sanh ra bởi từ vị nếm và dùng vị trần làm cõi giới chăng?

Này A-nan! Giả sử thức của lưỡi sanh ra từ căn lưỡi. Thế thì ông đều chẳng thể nếm các vị khác nhau ở thế gian, như là mía ngọt, mận chua, hoàng liên đắng, vị mặn, cay, gừng, và quế. Ông sẽ chỉ có thể tự nếm lưỡi của mình. Vậy là ngọt hay đắng? Giả sử tánh của lưỡi là đắng, vậy cái gì nếm nó? Do căn lưỡi chẳng thể tự nếm, thế thì ai sẽ nhận biết vị nếm? Giả sử tánh của lưỡi không đắng thì vị đắng sẽ không sanh ra từ nó. Thế thì thức của lưỡi làm sao thành lập?

Giả sử thức của lưỡi sanh ra từ vị nếm. Như thế thức của lưỡi sẽ tự có vị nếm, tức đồng như căn lưỡi và lẽ ra không thể tự nếm. Thế thì làm sao thức của lưỡi nhận biết là vị nếm hay chẳng phải vị nếm? Lại nữa, tất cả vị nếm không phải sanh ra từ một thứ. Do vị nếm sanh ra từ nhiều thứ nên thức của lưỡi lẽ ra phải có nhiều thể. Giả sử thức của lưỡi chỉ một thể và sanh ra từ vị nếm, thì khi vị mặn, lạt, ngọt, và cay hòa hợp, những đặc điểm khác nhau của chúng sẽ chuyển thành một vị và không thể phân biệt. Bởi chẳng có sự phân biệt nên không thể gọi là thức. Thế thì làm sao còn gọi là cõi giới của lưỡi, vị, và thức?

Đừng nên cho rằng hư không sanh ra tâm thức của ông. Khi căn lưỡi và vị nếm tiếp xúc, thì ở trong ấy, chúng sẽ không còn tự tánh riêng biệt. Thế thì làm sao cõi giới thành lập?

Cho nên phải biết rằng, căn lưỡi và vị trần không thể làm duyên để sanh ra thức của lưỡi, bởi vì ba nơi--căn lưỡi, vị trần, và thức của lưỡi--đều

tồn tại riêng biệt. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Theo sự hiểu biết của ông thì căn thân và xúc trần làm duyên để sanh ra thức của thân. Nhưng có phải thức này sanh ra bởi từ thân và dùng căn thân làm cõi giới chăng? Hay nó sanh ra bởi từ xúc chạm và dùng xúc trần làm cõi giới chăng?

Này A-nan! Giả sử thức của thân sanh ra từ căn thân. Nhưng khi chẳng có sự cảm nhận của hai duyên: giao tiếp và tách rời từ xúc trần, thì thân sẽ nhận biết gì?

Giả sử nó sanh từ xúc trần thì chẳng liên quan gì đến thân của ông. Vậy ai không có thân mà vẫn có thể biết sự giao tiếp và tách rời từ xúc trần đây?

Này A-nan! Vật vô tình không thể có xúc giác. Cảm nhận xúc trần là do thức của thân. Có căn thân thì mới có sự nhận biết của xúc trần. Sự nhận biết của xúc trần cần thông qua căn thân. Do đó xúc trần chẳng phải căn thân và căn thân chẳng phải xúc trần. Cả hai căn thân và xúc trần vốn chẳng đủ làm chỗ tựa cho thức của thân. Nếu thức của thân kết hợp với căn thân, tức nó sẽ tự có thể tánh của căn thân. Nhưng nếu thức của thân lìa khỏi căn thân, tức nó đồng như tánh hư không.

Do bởi thức của thân không thể sanh ra từ căn thân bên trong hay xúc trần bên ngoài, vậy thì làm sao nó tồn tại ở giữa chúng? Nếu nó chẳng tồn tại ở giữa chúng, còn căn thân bên trong cùng xúc trần bên ngoài đều tự tánh rỗng không, thế thì thức của thân thành lập từ cõi giới nào?

Cho nên phải biết rằng, căn thân và xúc trần không thể làm duyên để sanh ra thức của thân, bởi vì ba nơi--căn thân, xúc trần, và thức của thân-

-đều tồn tại riêng biệt. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên.

Này A-nan! Theo sự hiểu biết của ông thì căn ý và pháp trần làm duyên để sanh ra thức của ý. Nhưng có phải thức này sanh ra bởi từ ý và dùng căn ý làm cõi giới chăng? Hay nó sanh ra bởi từ pháp trần và dùng pháp trần làm cõi giới chăng?

Này A-nan! Giả sử thức của ý sanh ra từ căn ý. Vậy trong căn ý của ông phải có điều gì suy tư để phát khởi ý của ông. Nếu pháp trần chẳng hiện tiền thì căn ý sẽ không chỗ sanh. Khi lìa khỏi duyên, nó sẽ vô hình sắc, vậy thức của ý như thế sẽ hữu dụng gì?

Lại nữa, thức của ý và căn ý của ông với khả năng suy tư và phân biệt là giống nhau hay sai khác? Nếu thức của ý đồng như căn ý thì nó trở thành căn ý; vậy thức của ý làm sao sanh ra từ căn ý? Nếu thức của ý khác với căn ý thì nó sẽ chẳng nhận biết gì. Nếu nó chẳng nhận biết gì, thế thì làm sao nó sanh từ căn ý. Còn nếu nó có nhận biết, làm sao ông có thể phân biệt nó từ căn ý? Do sự giống nhau lẫn sai khác đều chẳng thể phân biệt, thế thì thức của ý thành lập từ cõi giới nào?

Giả sử thức của ý sanh ra từ pháp trần. Các pháp của thế gian đều chẳng rời khỏi năm trần. Bây giờ ông hãy quán sát sắc, thanh, hương, vị, và xúc. Mỗi thứ đều có tướng trạng rõ ràng và khế hợp đối với năm căn, nhưng không một thứ nào khế hợp với căn ý. Nếu ông vẫn cứ nhất quyết cho rằng thức của ý sanh ra từ pháp trần, thì bây giờ ông hãy quán sát tường tận tướng trạng của pháp trần và những trần khác. Nếu lìa khỏi các tướng, như là hình sắc và rỗng không, tiếng động và yên tĩnh, khai thông và bế tắc, tụ hợp và ly tán, sanh và diệt, thì sẽ chẳng còn gì cho pháp trần. Khi sanh thì hình sắc, rỗng không, và các pháp sanh. Khi diệt thì hình sắc, rỗng không, và các pháp diệt. Trong khi đó pháp trần không thể độc lập sanh ra mà chẳng cần nương các trần kia. Nếu pháp trần là

nhân để thức của ý sanh ra, vậy nó có hình tướng gì? Do pháp trần chẳng có tướng trạng, thế thì làm sao thức của ý sanh ra từ chúng?

Cho nên phải biết rằng, căn ý và pháp trần không thể làm duyên để sanh ra thức của ý, bởi vì ba nơi--căn ý, pháp trần, và thức của ý--đều tồn tại riêng biệt. Nó vốn chẳng sanh ra từ nhân hay duyên, và tánh nó cũng chẳng phải tự nhiên."

Ngài A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp. Tất cả muôn loại biến hóa ở thế gian đều nhân bởi bốn đại hòa hợp mà phát sanh. Vậy thì tại sao Như Lai gạt bỏ cả nhân duyên lẫn tự nhiên? Con bây giờ chẳng biết ý nghĩa này sẽ về đâu. Kính mong Như Lai rủ lòng thương xót mà khai thị liễu nghĩa của Trung Đạo cho chúng sanh, là Pháp không hí luận."

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo ngài A-nan:

"Do ông đã nhàm bỏ Pháp Tiểu Thừa của hàng Thanh Văn và bậc Duyên Giác, và do ông đã phát tâm chí cầu Đạo vô thượng, nên bây giờ Ta sẽ khai thị Đệ Nhất Nghĩa Đế cho ông. Tại sao ông vẫn còn tự mình siết trói bởi hí luận của thế gian và vọng tưởng về nhân duyên? Tuy ông đa văn nhưng đó chỉ như người có thể bàn luận về phương thuốc mà chẳng thể phân biệt khi nó thật sự hiện tiền. Bởi vậy Như Lai mới nói rằng ông thật đáng thương.

Ông nay hãy lắng nghe. Ta sẽ phân biệt cùng khai thị cho ông, và cũng làm cho những hành giả tu Pháp Đại Thừa ở vị lai thông đạt thật tướng."

Ngài A-nan lặng yên và chờ đợi thánh chỉ của Phật.

"Này A-nan! Theo như lời ông nói, muôn loại biến hóa ở thế gian đều nhân bởi bốn đại hòa hợp mà phát sanh.

Này A-nan! Nếu thể tánh của bốn đại kia chẳng hòa hợp thì sẽ không thể cùng với các đại hòa hợp. Đây ví như hư không chẳng hòa hợp với các sắc pháp. Còn nếu thể tánh của bốn đại kia hòa hợp thì sẽ đồng như sự biến hóa không cùng tận của sanh diệt tương tục. Sanh tử tử sanh, sanh sanh tử tử như vòng lửa xoay mà chưa từng dừng nghỉ.

Này A-nan! Việc đó cũng như nước thành băng, rồi băng trở lại thành nước.

Ông hãy quán sát tánh của đất. Phần thô kệch là đại địa, phần tinh tế là vi trần, và cho đến lân hư trần. Nếu ai cắt lân hư trần siêu nhỏ kia thành bảy phần thì sắc tướng biên tế của nó rất khó phân biệt. Nếu lại cắt nữa thì chính là tánh của hư không.

Này A-nan! Nếu những lân hư trần này bị chia cắt cho đến khi chúng trở thành hư không, thì tức là hư không có khả năng sanh ra sắc tướng. Ông nay hỏi rằng, có phải các tướng biến hóa sanh ra ở thế gian là do hòa hợp của bốn đại chăng? Ông hãy quán sát điều này. Cho dù có hòa hợp bao nhiêu hư không đi chăng nữa thì cũng sẽ không trở thành một lân hư trần, và cũng chớ bảo rằng những lân hư trần này hợp thành bởi những lân hư trần của chính nó.

Lại nữa, giả sử những lân hư trần này bị chia cắt để trở thành hư không, vậy thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng để hợp thành hư không? Thật ra, khi sắc tướng hòa hợp, chúng không trở thành hư không. Khi hư không tích tụ, nó không trở thành sắc tướng. Hơn nữa, sắc tướng thì có thể chia cắt, nhưng hư không làm sao mà tích tụ đây?

Ông vốn không biết rằng ở trong Như Lai tạng, tánh của sắc chẳng khác chân không. Tánh của không tức là chân sắc và nó trùm khắp Pháp Giới. Sự thật thì tánh của đất tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng hiểu biết của họ và tùy theo nghiệp của họ mà hiện ra. Thế gian vô tri và mê lầm mà cho rằng yếu tố của đất đến từ nhân duyên hoặc từ tánh tự nhiên. Những sự phân biệt và tính toán đó đều tạo bởi thức tâm. Chúng chỉ có lời nói và hoàn toàn chẳng có nghĩa lý chân thật.

Này A-nan! Tánh của lửa không tồn tại độc lập mà phải nương các duyên. Ông hãy quán sát một gia đình chưa dùng bữa ở trong thành. Khi muốn đun bếp, tay họ cầm vật phản chiếu giơ lên ở trước mặt trời để lấy lửa.

Này A-nan! Một thí dụ của hòa hợp là Tăng đoàn ở nơi đây, gồm có ông với Ta và 1.250 vị Tỳ-kheo. Mặc dù là một đoàn thể nhưng suy xét cho tận cùng, mỗi vị đều sanh ra ở một gia tộc với tên gọi riêng. Như là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thuộc dòng dõi Bà-la-môn, Tỳ-kheo Mộc Qua Lâm Ẩm Quang thuộc dòng tộc Ca-diếp, và cho đến ông, A-nan, thuộc chủng tánh Thích Ca.

Này A-nan! Nếu tánh của lửa nhân bởi hòa hợp mà có, vậy khi tay họ cầm tấm gương giơ lên ở trước mặt trời để lấy lửa, thì lửa đó là từ trong gương mà ra? Là từ vật bắt lửa mà ra? Hay từ mặt trời mà đến?

Này A-nan! Giả sử lửa kia đến từ mặt trời, tức là nó tự có khả năng đốt vật bắt lửa ở trong tay ông. Vậy nó lẽ ra cũng có thể đốt rừng cây khi rọi vào chúng.

Giả sử lửa kia từ trong gương mà ra, tức là ở trong gương tự có khả năng phát ra lửa để đốt vật bắt lửa. Vậy thì tại sao tấm gương lại không bị nấu chảy khi tay ông giơ nó lên? Thế nhưng tướng nhiệt còn chẳng có, huống nữa là bị nấu chảy.

Giả sử lửa kia từ vật bắt lửa mà ra, vậy thì cần gì phải nhờ đến ánh sáng của mặt trời chiếu vào tấm gương, rồi sau đó mới bốc lửa.

Ông hãy quán sát kỹ lưỡng thêm một lần nữa. Cần có người cầm tấm gương để lấy ánh sáng đến từ mặt trời, rồi chiếu vào vật bắt lửa sanh ra từ đất, nhưng lửa từ nơi nào mà đến đây? Mặt trời và tấm gương không thể hòa hợp vì bởi cách xa nhau. Lửa cũng không thể từ tự nhiên mà có.

Ông vẫn không biết rằng ở trong Như Lai tạng, tánh của lửa chẳng khác chân không. Tánh của không tức là chân hỏa. Nó vốn thanh tịnh và trùm khắp Pháp Giới. Hỏa đại tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng hiểu biết của họ.

Này A-nan! Phải biết rằng khắp Pháp Giới, ở bất kỳ nơi đâu trên thế gian cũng có thể lấy lửa bằng cách cầm gương giơ lên mặt trời. Do có thể phát lửa ở bất cứ nơi đâu trên thế gian, thế thì làm sao nó chỉ giới hạn ở một nơi chứ? Sự thật thì tánh của lửa tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra. Thế gian vô tri và mê lầm mà cho rằng yếu tố của lửa đến từ nhân duyên hoặc từ tánh tự nhiên. Những sự phân biệt và tính toán đó đều tạo bởi thức tâm. Chúng chỉ có lời nói và hoàn toàn chẳng có nghĩa lý chân thật.

Này A-nan! Tánh của nước bất định, không phải luôn chảy hay luôn dừng. Ví như các tiên nhân, như là Hoàng Phát, Luân Tiên, Hồng Liên, và Hải Thủy cùng với các đại huyễn sư ở thành Phong Đức. Vào đêm trăng sáng, các huyễn sư này cầm một cái bát giơ lên mặt trăng để hứng lấy nước có tinh khí của nó, rồi hòa chung với thuốc ảo giác của họ. Có phải nước đó là từ trong bát mà ra? Là đã có sẵn ở trong hư không? Hay đến từ mặt trăng?

Này A-nan! Giả sử nước đó đến từ mặt trăng. Nếu ánh trăng đến từ nơi xa mà có thể làm cho bát hiện ra nước, thì giữa lúc chiếu xuyên qua rừng cây, lẽ ra nó cũng làm cho cây cối vọt ra nước. Vậy thì đâu cần đến bát để làm gì? Do bởi nước không chảy ra từ cây nên nó chẳng đến từ mặt trăng.

Giả sử nước đó từ trong bát mà ra. Vậy nghĩa là ở trong bát này sẽ luôn chảy ra nước. Thế thì đâu cần phải đợi đến trăng sáng ở giữa đêm để làm chi?

Giả sử nước đó sanh ra từ hư không. Do hư không là vô biên nên nước đáng lẽ cũng mênh mông. Như vậy từ nhân gian cho đến cõi trời đều bị nhấn chìm. Thế thì làm sao còn có chúng sanh di chuyển trên đất, trong nước, hay giữa không trung?

Ông hãy quán sát tường tận thêm một lần nữa. Mặt trăng di chuyển trên không. Các huyễn sư cầm bát giơ lên để hứng lấy nước. Thật sự nước đến từ đâu mà chảy vào bát? Mặt trăng và cái bát không thể hòa hợp bởi vì cách xa nhau. Nước cũng không thể từ tự nhiên mà có.

Ông vẫn không biết rằng ở trong Như Lai tạng, tánh của nước chẳng khác chân không. Tánh của không tức là chân thủy. Nó vốn thanh tịnh và trùm khắp Pháp Giới. Thủy đại tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng hiểu biết của họ.

Phải biết rằng khắp Pháp Giới, hễ nơi nào mà có ai cầm lên một cái bát thì nước sẽ vọt ra ở chỗ đó. Do nước có thể tìm thấy ở khắp thế gian, thế thì làm sao nó chỉ giới hạn ở một nơi chứ? Sự thật thì tánh của nước tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra. Thế gian vô tri và mê lầm mà cho rằng yếu tố của nước đến từ nhân duyên hoặc từ tánh tự nhiên. Những sự phân biệt và tính toán đó đều tạo bởi thức tâm. Chúng chỉ có lời nói và hoàn toàn chẳng có nghĩa lý chân thật.

Này A-nan! Gió chẳng có thể tánh nhất định, không phải luôn chuyển động hay luôn tĩnh lặng. Ông thường chỉnh y phục khi ngồi vào đại chúng. Lúc đó, góc cạnh của đại y dao động đến người xung quanh. Kết quả có một làn gió nhẹ phẩy qua mặt của người kia. Có phải làn gió này vọt ra từ góc cạnh của Pháp y? Là khởi ra từ hư không? Hay sanh ra từ khuôn mặt của người bên cạnh?

Này A-nan! Giả sử làn gió này vọt ra từ góc cạnh của Pháp y. Vậy nghĩa là ông đang quấn gió vào mình. Khi ấy y phục của ông sẽ bay lên xuống và đáng lẽ nó phải lìa khỏi thân thể của ông. Tuy nhiên, bây giờ Ta đang thuyết Pháp ở giữa chúng hội và đại y của Ta rũ xuống. Ông hãy nhìn Pháp y của Ta và chỉ ra gió ở chỗ nào? Sự thật thì yếu tố của gió chẳng ẩn tàng ở trong y phục.

Giả sử làn gió này sanh khởi từ hư không. Vậy thì y phục của ông cần gì phải dao động mới khiến người khác cảm giác làn gió chứ? Lại nữa, tánh của hư không thường trụ. Nếu gió khởi sanh từ đó thì nó sẽ luôn thổi. Nếu khi gió ngưng thổi thì nghĩa là hư không sẽ diệt mất. Chúng ta có thể thấy biết khi gió biến mất, nhưng hư không diệt mất thì có tướng trạng gì? Hễ có sanh diệt thì không thể gọi là hư không. Cho nên gió không thể đến từ hư không.

Giả sử làn gió này sanh ra từ khuôn mặt của người bên cạnh. Thế thì đáng lẽ chính ông là người cảm giác làn gió phẩy qua chứ không phải người bên cạnh. Tại sao lại là người bên cạnh cảm giác làn gió phẩy qua khi ông chỉnh y phục?

Ông hãy quán sát kỹ càng. Việc chỉnh y phục là ông. Cảm giác làn gió phẩy qua khuôn mặt là người bên cạnh. Hư không lặng yên và chẳng hề dao động. Vậy gió từ đâu đến mà thổi vào khuôn mặt của người bên

cạnh? Gió và hư không có tánh riêng biệt và không thể hòa hợp. Gió cũng không thể từ tự nhiên mà có.

Ông vẫn không biết rằng ở trong Như Lai tạng, tánh của gió chẳng khác chân không. Tánh của không tức là chân phong. Nó vốn thanh tịnh và trùm khắp Pháp Giới. Phong đại tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng hiểu biết của họ.

Này A-nan! Như riêng ông đã tạo ra một làn gió nhẹ khi chỉnh y phục, thì điều này cũng sẽ xảy ra ở bất cứ quốc độ nào biến khắp Pháp Giới. Do vì gió có thể khởi lên bất kỳ nơi đâu trên thế gian, thế thì làm sao nó chỉ giới hạn ở một nơi chứ? Sự thật thì tánh của gió tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra. Thế gian vô tri và mê lầm mà cho rằng yếu tố của gió đến từ nhân duyên hoặc từ tánh tự nhiên. Những sự phân biệt và tính toán đó đều tạo bởi thức tâm. Chúng chỉ có lời nói và hoàn toàn chẳng có nghĩa lý chân thật.

Này A-nan! Hư không chẳng có hình tướng. Nhân bởi vật có hình sắc mà nó hiển lộ. Ví như thành Phong Đức này cách xa bờ sông. Những người thuộc dòng tộc Lợi Căn, chủng tánh vua chúa, Bà-la-môn, thương gia, nông dân, và cho đến tầng lớp hạ tiện, họ đều phải đào giếng tìm nước khi tạo lập chỗ ở mới. Khi họ đào một thước đất thì ở trong đó sẽ có một thước hư không hiện ra. Và như thế cho đến đào một trượng đất thì ở trong đó cũng sẽ có một trượng hư không hiện ra. Độ sâu cạn của hư không ở trong giếng là tùy vào việc đào đất nhiều hay ít. Có phải hư không ở trong giếng là nhân bởi đất mà xuất hiện? Là nhân bởi sự đào bới mà có? Hay là nó tự sanh mà chẳng cần nhân?

Này A-nan! Giả sử hư không ở trong giếng là tự sanh mà chẳng cần nhân. Thế thì trước khi đào đất, tại sao nó không ngăn ngại? Tại sao chỉ thấy khối đất mà chẳng thể xuyên qua?

Giả sử hư không ở trong giếng là nhân bởi đất mà xuất hiện. Vậy khi đất được đào lên, lẽ ra phải thấy hư không vào trong giếng. Nếu khi đất vừa đào lên mà chẳng có hư không tràn vào, thế thì làm sao gọi hư không ở trong giếng là nhân bởi đất mà xuất hiện chứ? Nhưng nếu hư không chẳng ra khỏi từ đất để vào trong giếng, tức là đất và hư không vốn chẳng sai khác. Chẳng sai khác nghĩa là giống nhau. Vậy khi đất được đào lên, tại sao hư không chẳng theo cùng với nó chứ?

Giả sử hư không ở trong giếng là nhân bởi sự đào bới mà có. Vậy nghĩa là sự đào bới làm cho hư không hiện ra và đáng lẽ chẳng nên có đất được đào lên. Nhưng nếu hư không chẳng nhân bởi sự đào bới mà có, mà chỉ có đất được đào lên, thế thì tại sao lại thấy có hư không?

Ông hãy quán sát kỹ lưỡng và tư duy sâu xa. Người đào giếng chọn một nơi thích hợp để thi hành. Đất được đào lên trong quá trình ấy. Nhưng còn về hư không thì sao? Làm sao nó sanh ra? Đất được đào lên có hình thể rõ ràng, nhưng hư không thì chẳng có. Do đó chúng chẳng thể hỗ tương tác dụng và không thể hòa hợp. Hư không cũng chẳng thể từ tự nhiên mà có.

Tánh của hư không bao trùm khắp và bổn thể chẳng dao động. Ông nên biết rằng, hiện tại đất nước gió lửa cùng với hư không gọi là năm yếu tố chính. Thể tánh chân thật của chúng hoàn toàn dung hòa với nhau. Chúng đều từ Như Lai tạng và vốn chẳng sanh hay diệt.

Này A-nan! Khi giảng về bốn đại ở trước, tâm của ông mê muội và chẳng hiểu rằng chúng vốn từ Như Lai tạng. Cho nên ông vẫn còn xem xét rằng, hư không là có ra khỏi, là có vào, hay chẳng ra khỏi hay vào khi đào giếng.

Ông hoàn toàn chẳng biết rằng ở trong Như Lai tạng, tánh của giác chẳng khác chân không. Tánh của không tức là chân giác. Nó vốn thanh

tịnh và trùm khắp Pháp Giới. Hư không tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng hiểu biết của họ.

Này A-nan! Ví như khi đào một cái giếng thì hư không liền hiện ra ở trong đó. Hư không hiện ra ở mười phương thì cũng lại như vậy. Do hư không trùm khắp mười phương, thế thì làm sao nó chỉ giới hạn ở một nơi chứ? Sự thật thì tánh của hư không tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra. Thế gian vô tri và mê lầm mà cho rằng yếu tố của hư không đến từ nhân duyên hoặc từ tánh tự nhiên. Những sự phân biệt và tính toán đó đều tạo bởi thức tâm. Chúng chỉ có lời nói và hoàn toàn chẳng có nghĩa lý chân thật.

Này A-nan! Thị giác của ông chẳng thể nhận biết nếu hư không và sắc tướng chẳng hiện hữu. Ví dụ như ông bây giờ ở trong Rừng cây Chiến Thắng, nơi đây có ánh sáng ở ban ngày và bóng tối ở ban đêm. Ở giữa đêm khi trăng tròn thì có ánh sáng nhưng lại tối đen vào đêm không trăng. Ông có thể phân biệt sáng tối ở những lúc đó là do bởi thị giác của ông. Như thế, có phải thị giác của ông là cùng một thể hay chẳng phải một thể với tướng của sáng tối và hư không? Hoặc tuy đồng nhưng có khác? Hoặc tuy khác nhưng chẳng sai khác?

Này A-nan! Giả sử thị giác của ông vốn là một thể với sáng, tối, và hư không. Nhưng thể tướng của sáng và tối trái nghịch, cái này phải diệt mất thì cái khác mới hiện ra. Khi tối thì không sáng. Khi sáng thì không tối. Do đó, nếu thị giác của ông đồng với tối thì nó sẽ diệt mất khi sáng. Còn nếu thị giác của ông đồng với sáng thì nó sẽ diệt mất khi tối. Một khi thị giác của ông đã diệt mất thì làm sao nó còn thấy sáng hay tối được nữa? Làm sao thị giác chẳng sanh diệt của ông lại có thể đồng với sáng và tối khi mà chúng đã diệt mất?

Giả sử thị giác của ông không cùng một thể với sáng hoặc tối. Vậy khi lìa khỏi sáng, tối, và hư không, ông có thể nào phân tích thị giác của ông

có hình tướng ra sao chăng? Lìa khỏi sáng, tối, và hư không thì một thị giác như thế cũng như rùa có lông hay thỏ có sừng. Như ba việc đều chẳng có--sáng, tối, và hư không--vậy thị giác thành lập từ đâu? Do sáng và tối trái nghịch nhau, thế thì làm sao thị giác của ông có thể đồng với chúng chứ? Mặt khác, nó chẳng thể hiện hữu mà lìa khỏi ba việc trên, vậy thì làm sao thị giác của ông có thể khác với chúng chứ?

Lại nữa, hư không và thị giác của ông vốn là vô biên và chẳng có ranh giới. Thế thì làm sao chúng không giống nhau? Nhưng khi ông thấy sáng và tối, tánh của thị giác chẳng biến đổi. Thế thì làm sao chúng không khác nhau?

Ông hãy nghiên cứu và thẩm tường tỉ mỉ thêm một lần nữa. Hãy tư duy và quán sát tường tận. Ánh sáng đến từ mặt trời, và đen tối xuất hiện vào đêm không trăng. Không ngăn ngại thuộc về hư không và chướng ngại thuộc về đại địa. Vậy nhân bởi gì mà thị giác như thế sanh ra? Thị giác có sự nhận biết nhưng hư không hoàn toàn vô tri. Do đó chúng không thể hòa hợp. Thị giác cũng chẳng thể từ tự nhiên mà có.

Tánh của thị giác, thính giác, và cho đến tri giác là bao trùm khắp và bổn thể chẳng dao động. Ông nên biết rằng, thị giác và hư không vô biên bất động, cùng với bốn đại dao động--đất nước gió lửa, gọi là sáu yếu tố chính. Thể tánh chân thật của chúng hoàn toàn dung hòa với nhau. Chúng đều từ Như Lai tạng và vốn chẳng sanh hay diệt.

Này A-nan! Do tánh của ông trầm luân nên chẳng hiểu rằng, thị giác, thính giác, và cho đến tri giác của ông đều vốn từ Như Lai tạng. Ông hãy quán sát thị giác, thính giác, và cho đến tri giác của ông. Là sanh hay diệt? Là giống nhau hay sai khác? Là chẳng sanh hay diệt? Là chẳng giống nhau hay sai khác?

Ông vẫn không biết rằng ở trong Như Lai tạng, tánh của thị giác chẳng khác giác ngộ minh liễu. Tánh của giác ngộ tức là thị giác trong sáng. Nó vốn thanh tịnh và trùm khắp Pháp Giới. Thị giác tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng hiểu biết của họ. Tương tự như thị giác của căn mắt biến khắp Pháp Giới, thì diệu đức oánh nhiên của thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, và tri giác cũng biến khắp Pháp Giới. Do chúng trùm khắp mười phương, thế thì làm sao chúng chỉ giới hạn ở một nơi chứ? Sự thật thì tánh của giác tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra. Thế gian vô tri và mê lầm mà cho rằng yếu tố của giác đến từ nhân duyên hoặc từ tánh tự nhiên. Những sự phân biệt và tính toán đó đều tạo bởi thức tâm. Chúng chỉ có lời nói và hoàn toàn chẳng có nghĩa lý chân thật.

Này A-nan! Tánh của sáu thức chẳng có nguồn cội. Nhân bởi sáu căn và sáu trần hư vọng mà chúng sanh ra. Ông bây giờ hãy nhìn khắp thánh chúng ở Pháp hội này. Khi mắt của ông tuần tự nhìn lướt qua thì thấy họ như đang ở trong gương và chẳng có phân biệt. Nhưng trong thức của ông sẽ nhận dạng theo thứ tự. Đây là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nậu-lâu-đà, và Tôn giả Xá-lợi-phất. Có phải thức phân biệt này là sanh từ căn mắt? Là sanh từ sắc tướng? Là sanh từ hư không? Hay là nó đột nhiên sanh ra mà chẳng cần nhân?

Này A-nan! Giả sử thức tánh của ông sanh từ căn mắt. Vậy nếu bốn loại này đều chẳng có--sáng, tối, hình sắc, và hư không--thì căn mắt của ông sẽ không hoạt động. Căn mắt còn không hoạt động thì thức của ông sẽ phát khởi từ đâu?

Giả sử thức tánh của ông sanh từ sắc tướng mà chẳng phải từ căn mắt. Vậy thì ông sẽ không thấy ánh sáng và cũng không thấy đen tối. Như đã không nhận biết sáng hay tối, ông cũng sẽ không nhận biết hình sắc hay

hư không. Những tướng này còn chẳng thấy thì làm sao thức của ông phát khởi từ chúng đây?

Giả sử thức tánh của ông sanh từ hư không mà chẳng phải từ căn mắt hay sắc tướng. Nhưng nếu không có căn mắt thì sẽ chẳng thấy gì. Do đó ông sẽ không thể tự biết sáng, tối, hình sắc, hay hư không. Nếu các trần chẳng hiện hữu ở nơi các căn để làm duyên thì thị giác, thính giác, và cho đến tri giác sẽ không chỗ an lập.

Giả sử thức tánh của ông sanh từ hư không mà chẳng phải từ căn mắt hay sắc tướng. Tuy nhiên, hư không đồng với chẳng có gì. Và cho dù hư không có gì thì nó chẳng giống như vật có thật. Giả như hư không phát khởi thức của ông, thế thì ông làm sao phân biệt?

Giả sử thức tánh của ông đột nhiên sanh ra mà chẳng cần nhân. Thế thì tại sao mặt trăng lại không hốt nhiên chiếu sáng ở giữa ban ngày?

Ông hãy nghiên cứu và thẩm tường tỉ mỉ thêm một lần nữa. Cái thấy là một chức năng của căn mắt. Trần cảnh hiện ra ở trước thì có hình tướng, nhưng hư không thì chẳng có. Như vậy thức nhân ở đâu mà sanh ra? Bởi thức khởi phân biệt nên tánh của nó là dao động, còn căn mắt là tĩnh lặng do bởi chỉ ghi nhận sắc trần. Do đó chúng không thể hòa hợp với nhau. Các căn và thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì cũng lại như vậy. Sáu thức chẳng thể từ tự nhiên mà có.

Nếu yếu tố của thức chẳng phải do những điều trên mà sanh ra, thì ông phải biết rằng thức phân biệt của mắt, thức của tai, và cho đến thức của ý là viên mãn trạm nhiên và tánh của nó chẳng đến từ nơi nào hết. Thức, giác, hư không, đất, nước, gió, và lửa gọi là bảy yếu tố chính. Thể tánh chân thật của chúng hoàn toàn dung hòa với nhau. Chúng đều từ Như Lai tạng và vốn chẳng sanh hay diệt.

Này A-nan! Do tâm của ông thô kệch và cạn hẹp nên chẳng hiểu rằng, thức của mắt, thức của tai, và cho đến thức hiểu rõ của ý đều vốn từ Như Lai tạng. Ông hãy quán sát tất cả sáu thức này của ông. Là giống nhau hay sai khác? Là hiện hữu hay rỗng không? Là chẳng giống nhau hay sai khác? Là chẳng hiện hữu hay rỗng không?

Ông vẫn không biết rằng ở trong Như Lai tạng, tánh của thức chẳng khác giác ngộ minh liễu. Tánh của giác ngộ tức là chân thức. Nó là diệu giác trạm nhiên và trùm khắp Pháp Giới. Nó bao hàm tất cả hư không trong mười phương. Thế thì làm sao nó chỉ giới hạn ở một nơi chứ? Sự thật thì tánh của thức tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra. Thế gian vô tri và mê lầm mà cho rằng yếu tố của thức đến từ nhân duyên hoặc từ tánh tự nhiên. Những sự phân biệt và tính toán đó đều tạo bởi thức tâm. Chúng chỉ có lời nói và hoàn toàn chẳng có nghĩa lý chân thật."

Lúc bấy giờ ngài A-nan và toàn thể đại chúng, khi nghe lời khai thị vi diệu của Đức Phật Như Lai, thân tâm của họ an nhiên và chẳng bị ngăn ngại. Mỗi vị trong đại chúng nơi đây đều tự biết tâm của mình bao trùm mười phương và thấy tận cùng của hư không khắp mười phương như nhìn lá cây trong lòng bàn tay. Tất cả vạn vật trên thế gian đều là từ diệu minh nguyên tâm. Nó giác liễu thanh tịnh, trùm khắp viên dung, và bao hàm mười phương. Họ lại quán sát thân thể của chính mình khi sanh ra từ cha mẹ. Họ thấy chúng như vi trần phiêu lãng trong hư không và có lúc chúng tồn tại hay diệt mất. Chúng như những bọt nước nổi trôi giữa biển cả mênh mông và sanh diệt không dấu vết. Họ liễu đạt và tự biết rằng, diệu tâm bổn nguyên là thường trụ bất diệt.

Khi thông đạt điều chưa từng có, ngài A-nan chắp tay đảnh lễ Phật và ở trước Như Lai mà nói kệ tán thán Đức Phật rằng:

"Diệu trạm tổng trì bất động Tôn

Cứu Cánh Kiên Cố hiếm trên đời
Tiêu trừ ức kiếp điên đảo tưởng
Chẳng qua muôn kiếp chứng Pháp thân

Nay nguyện giác ngộ thành Pháp Vương
Trở lại hóa độ Hằng sa chúng
Hoằng thệ rải khắp vi trần sát
Như thế tức là báo Phật ân

Thỉnh cầu Thế Tôn chứng giám cho
Đời ác năm trược nguyện vào trước
Nếu một chúng sanh chưa thành Phật
Vĩnh viễn sẽ không vào tịch diệt

Đại hùng đại lực đại từ bi
Giúp con diệt trừ niệm hoài nghi
Để mau chứng đắc vô thượng giác
Và ngồi Đạo Tràng khắp mười phương

Cho dù hư không có tiêu vong
Tâm như kim cang vô động chuyển"

***

Lúc bấy giờ Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử đang ở giữa đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vén áo lộ vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính và bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là bậc đại uy đức và khéo diễn giải Đệ Nhất Nghĩa Đế của Như Lai cho chúng sanh. Trong số người thuyết Pháp, Thế Tôn thường ngợi khen con là đệ nhất. Nhưng nay khi nghe Pháp âm vi diệu của Như Lai, con giống như kẻ mù muốn nghe tiếng con muỗi ở khoảng cách hơn

một trăm bước. Kẻ đó vốn còn chẳng thấy con muỗi, huống nữa là nghe được tiếng của nó.

Tuy Phật đã giải thích rõ ràng để diệt trừ hoài nghi của con, nhưng hiện tại con vẫn chưa hiểu rõ tường tận nghĩa này để dứt sạch mọi hoài nghi.

Bạch Thế Tôn! Mặc dù Tỳ-kheo A-nan và những vị khác đã khai ngộ nhưng tập lậu chưa trừ. Riêng con và những vị vô lậu khác ở trong chúng hội đã tận trừ các lậu. Tuy nhiên khi nghe lời Pháp âm của Như Lai hôm nay, con vẫn còn sự khúc mắc và hoài nghi.

Bạch Thế Tôn! Nếu thật sự tất cả căn và trần trong thế gian, cùng với uẩn xứ giới đều từ Như Lai tạng và bổn nguyên thanh tịnh, thế thì tại sao hốt nhiên sanh ra sơn hà đại địa và tất cả tướng hữu vi? Chúng tuần tự biến đổi, khi vừa kết thúc rồi lại bắt đầu.

Như Lai cũng nói rằng bổn tánh của đất nước gió lửa hoàn toàn dung hòa lẫn nhau. Chúng trùm khắp Pháp giới và trạm nhiên thường trụ.

Bạch Thế Tôn! Nếu yếu tố của đất biến khắp, vậy thì làm sao nó cùng chung với nước? Và nếu yếu tố của nước biến khắp thì yếu tố của lửa sẽ không sanh. Làm sao biết rõ yếu tố của nước với lửa đều cùng khắp hư không và chẳng hủy diệt lẫn nhau?

Bạch Thế Tôn! Tánh của đất có sự ngăn ngại nhưng yếu tố của hư không thì thông suốt. Thế thì làm sao cả hai cùng trùm khắp Pháp Giới? Con chẳng biết nghĩa này sẽ về đâu. Kính mong Như Lai với lòng đại từ mà tuyên giảng để tách rời đám mây u mê của con và các đại chúng."

Khi nói lời ấy xong, ngài cúi đầu đảnh lễ sát đất, khâm kính và khát ngưỡng lời giáo huấn từ bi vô thượng của Như Lai.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử cùng những vị A-la-hán ở trong chúng hội với các lậu tận trừ và đã đạt đến quả vị Vô Học rằng:

"Hôm nay Như Lai sẽ rộng vì mọi người trong chúng hội nơi đây mà tuyên nói về nghĩa lý tối thắng ở trong những thắng nghĩa chân thật, hầu khiến cho những vị Thanh Văn định tánh các ông ở trong Pháp hội này, cùng tất cả các vị A-la-hán và những vị khác mà chưa chứng đắc hai loại không, sẽ hướng về thượng thừa và đều sẽ vào Đạo Tràng tịch diệt của Nhất Thừa, là nơi tu hành tĩnh mịch chân chánh. Ông nay hãy lắng nghe! Ta sẽ thuyết giảng cho ông."

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử cùng những vị khác đều khâm kính Pháp âm của Phật và lặng yên để nghe lời dạy của Như Lai.

Đức Phật bảo:

"Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Theo như lời ông nói, nếu tất cả vốn thanh tịnh thì tại sao hốt nhiên sanh ra sông núi đất đai? Chẳng phải ông thường nghe Như Lai tuyên nói về tánh giác diệu minh và bổn giác minh diệu hay sao?"

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử thưa rằng:

"Dạ vâng, thưa Thế Tôn! Con thường nghe Phật tuyên giảng về nghĩa lý này."

Đức Phật bảo:

"Vậy có phải ông cho rằng bổn giác minh liễu là thể tánh trong sáng? Hay là bổn giác minh liễu vẫn thiếu sự hiểu biết cho đến khi đạt đến giác ngộ?"

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử thưa rằng:

"Bổn giác minh liễu được biểu thị bởi hiểu biết và sự hiểu biết đó thêm vào nó."

Đức Phật bảo:

"Giả sử bổn giác minh liễu được biểu thị bởi hiểu biết và sự hiểu biết đó thêm vào nó khi đạt đến giác ngộ. Nhưng sự giác ngộ mà có điều hiểu biết thêm vào thì không thể là giác ngộ chân thật. Sự giác ngộ như thế sẽ thiếu hiểu biết nếu nó không được thêm vào. Nhưng sự giác ngộ mà thiếu hiểu biết thì không thể gọi là bổn giác minh liễu trạm nhiên. Cho nên, nếu ông cho rằng sự hiểu biết phải thêm vào bổn giác minh liễu thì ông đã hiểu sai lệch.

Đó là vì sự giác ngộ chân thật thì không cần thêm vào điều gì. Nhân có sự hiểu biết thêm vào nên có chỗ thành lập. Khi chỗ hư vọng đã thành lập thì sẽ sanh vọng tâm của ông. Ban đầu ở trong đó chẳng có sự giống nhau hay sai khác, nhưng rồi do dấy khởi bốc cháy mà hình thành sai khác. Sai khác từ sự sai khác kia, rồi nhân bởi sai khác mà thành lập giống nhau. Nhân bởi sai khác và giống nhau sanh khởi nên sự chẳng giống nhau hay sai khác lại thành lập.

Sự nhiễu loạn như thế hỗ tương sanh khởi một tinh thần căng thẳng. Khi tinh thần căng thẳng kéo dài sẽ chấp trước pháp trần. Tinh thần căng thẳng và chấp trước pháp trần cùng tạo ra tâm vẩn đục, rồi từ đó mà dẫn đến khởi sanh trần lao phiền não. Sự khuấy động trở thành thế giới của trần cảnh, và tĩnh lặng trở thành hư không. Hư không thì giống nhau, nhưng thế giới có sai khác. Nó đích thật là pháp hữu vi và chẳng phải tương đồng hay dị biệt.

Một khi ánh sáng của hiểu biết được thêm vào bổn giác thì u ám của hư không hiện ra. Chúng giao tiếp lẫn nhau và tạo thành sự dao động ở trong tâm. Cho nên mới có phong luân và nó trì giữ thế giới. Nhân bởi hư không sanh khởi dao động, kiên cố của minh giác tạo lập chướng ngại và trở thành kim bảo. Do minh giác tạo lập kiên cố, cho nên mới có kim luân và nó bảo trì quốc độ.

Kiên cố của minh giác tạo thành kim luân. Dao động của minh giác lưu xuất phong luân. Gió và kim ma xát với nhau nên mới có ánh sáng của lửa và tánh của nó là biến hóa. Do ánh sáng của kim sanh ra ẩm ướt và ánh sáng của lửa bốc lên nên mới có thủy luân trùm khắp cõi giới mười phương.

Khi lửa bừng lên và nước đổ xuống, sự giao tiếp của chúng thành lập cứng chắc. Ẩm ướt là biển cả. Khô ráo là châu lục. Do bởi lẽ này nên ánh lửa thỉnh thoảng lóe khởi ở trong biển lớn kia và sông ngòi luôn chảy mãi ở trên châu lục.

Nếu nước chiếm ưu thế và lửa suy kém thì sẽ kết thành núi cao. Cho nên cục đá khi bị đập sẽ xẹt lửa và khi bị nung sẽ thành nước.

Nếu đất chiếm ưu thế và nước suy kém thì sẽ mọc ra cỏ cây. Cho nên rừng cây khi bị đốt sẽ thành đất tro và khi bị ép sẽ thành chất lỏng.

Những sự giao tiếp hư vọng cùng nhau lần lượt phát sanh làm chủng tử. Bởi nhân duyên ấy mà thế giới tương tục chẳng ngừng.

Lại nữa, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Những hiểu biết hư vọng của chúng sanh là do sự hiểu biết được thêm vào bổn giác. Một khi hư vọng đã thành lập thì sự nhận biết không thể vượt khỏi nó. Bởi nhân duyên ấy mà căn tai chỉ cảm nhận âm thanh và căn mắt không thể siêu du sắc trần. Do sáu trần--sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp--được nhận biết qua hư vọng

nên bị phân khai thành những giác quan: thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, và biết.

Có những chúng sanh sanh ra là bởi nghiệp siết trói tương đồng. Có những chúng sanh sanh ra là bởi hợp tụ hoặc ly tán. Khi chúng sanh ở thân trung uẩn thấy một điểm sáng lóe lên, rồi lại nhìn kỹ vào chỗ lóe sáng nên có tưởng hình thành. Dị kiến trở thành ghét và đồng tưởng trở thành ái. Dòng chảy của ái làm chủng tử và thu hút tưởng vào thai. Do vậy khi cha mẹ giao cấu sẽ phát sanh lực thu hút với một chúng sanh mà họ có nghiệp tương đồng. Bởi có những nhân duyên ấy nên thác vào thai, rồi phát triển ở tuần thứ nhất, thứ nhì, và những giai đoạn kế tiếp.

Sanh từ bào thai, sanh từ trứng, sanh từ ẩm ướt, và sanh từ biến hóa đều ứng theo nghiệp của chúng. Sanh từ trứng là do nghĩ tưởng. Sanh từ bào thai là do tình cảm. Sanh từ ẩm ướt là do hợp tụ. Sanh từ biến hóa là do ly tán. Do tình cảm, nghĩ tưởng, hợp tụ, và ly tán mà chúng sanh có thể chuyển từ một loại sanh này đến loại sanh khác. Tùy theo nghiệp thọ báo mà họ thăng hay đọa. Bởi nhân duyên ấy mà chúng sanh tương tục chẳng ngừng.

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Chúng sanh siết chặt lẫn nhau với niệm yêu thương. Do họ chẳng thể rời yêu thương nên cha mẹ con cháu hỗ tương sanh ra chẳng đoạn tuyệt ở thế gian. Căn gốc của những việc này chính là ái dục.

Do bởi yêu thương và tham muốn càng thêm lớn nên sự khao khát chẳng thể đình chỉ. Cho nên tất cả chúng sanh ở thế gian, hoặc sanh từ trứng, sanh từ biến hóa, sanh từ ẩm ướt, hay sanh từ bào thai, tùy vào sức mạnh yếu mà lần lượt ăn nuốt lẫn nhau. Căn gốc của những việc này chính là giết hại.

Giả sử có người giết dê để ăn thịt. Sau khi chết, con dê sẽ sanh làm người. Còn kẻ sát sanh kia sẽ sanh làm dê. Như vậy cho đến mười loại chúng sanh, họ ăn nuốt lẫn nhau ở trong vòng sanh tử và nghiệp ác cùng khởi sanh cho đến hết biên tế của vị lai. Căn gốc của những việc này chính là trộm cắp.

Giả sử anh nợ tôi một mạng. Tôi tất sẽ muốn đòi mạng của anh. Bởi nhân duyên ấy nên chúng sanh phải trải qua trăm ngàn kiếp sanh tử.

Giả sử bạn thương yêu tâm tánh của tôi, hoặc tôi nhung nhớ sắc đẹp của bạn. Bởi nhân duyên ấy nên chúng sanh luôn bị siết trói đến suốt trăm ngàn kiếp.

Căn gốc của tất cả những việc này chính là giết hại, trộm cắp, và ái dục. Bởi nhân duyên ấy nên nghiệp quả tương tục mãi chẳng ngừng.

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Ba loại điên đảo tương tục này đều là do bởi thêm sự hiểu biết vào bổn giác minh liễu. Nhân bởi thêm vào sự hiểu biết nên cái thấy sai lầm khởi sanh. Kể từ đó, sơn hà đại địa và tất cả tướng hữu vi đều lần lượt đổi dời. Nhân bởi sự hư vọng đó nên khi vừa kết thúc rồi lại bắt đầu nối tiếp.

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn! Nếu diệu giác này vốn là tuệ giác vi diệu trong sáng và tâm của Như Lai không tăng không giảm, thế thì tại sao vô cớ hốt nhiên sanh ra sơn hà đại địa và tất cả tướng hữu vi? Như bây giờ Như Lai đã chứng đắc diệu không minh giác, vậy sơn hà đại địa và tập lậu hữu vi sẽ còn khởi sanh chăng?"

Phật bảo ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử:

"Ví như có người bị lạc trong một làng nọ và chẳng biết đâu là hướng nam hay hướng bắc. Người ấy lạc mất phương hướng là do si mê hay là do giác ngộ?"

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử thưa rằng:

"Người lạc đường ấy chẳng phải do si mê và cũng chẳng phải do giác ngộ.

Vì sao thế? Bởi si mê vốn chẳng có căn gốc. Thế thì làm sao nó là nguyên nhân của lạc đường? Giác ngộ tất không sanh si mê. Thế thì làm sao nó là nguyên nhân của lạc đường?"

Đức Phật bảo:

"Giả sử đương lúc bị lạc, kẻ lạc đường kia bỗng nhiên gặp một người biết đường và được người ấy chỉ cho biết phương hướng.

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Ý ông nghĩ sao? Lúc trước người ấy đã lạc ở trong làng này, vậy bây giờ người ấy có còn bị lạc nữa chăng?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn!"

"Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Chư Như Lai khắp mười phương thì cũng lại như vậy. Si mê vốn chẳng có căn gốc. Tánh của nó cứu cánh rỗng không. Xưa nay vốn chẳng mê. Nó chỉ tựa như có mê và giác. Một khi giác ngộ từ si mê thì nó liền diệt mất và từ giác ngộ sẽ không còn khởi sanh si mê nữa.

Lại cũng như người bị nhặm nên thấy hoa đốm giữa hư không. Nếu mắt hết nhặm thì hoa đốm liền diệt mất. Giả sử kẻ kia ngu si đến nỗi cứ nhìn

ở chỗ hoa đốm biến mất và mong thấy chúng xuất hiện. Ông sẽ cho kẻ đó là ngu si hay trí tuệ?"

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử thưa rằng:

"Vốn chẳng có hoa ở trong hư không. Do cái thấy hư vọng sanh diệt nên thấy có hoa xuất hiện hay diệt mất ở trong hư không. Vốn đã là điên đảo mà còn muốn chúng xuất hiện nữa, đây quả thật ngu si điên cuồng? Làm sao có thể gọi kẻ điên cuồng như thế chỉ là ngu si, huống nữa là có trí tuệ ư?"

Đức Phật bảo:

"Như ông đã hiểu điều đó, vậy tại sao còn hỏi rằng, khi chư Phật Như Lai đã chứng diệu giác minh không thì sơn hà đại địa sẽ còn khởi sanh nữa chăng?

Lại như quặng mỏ vàng. Quặng mỏ có vàng lẫn lộn với tạp chất. Một khi được nung lọc để thành vàng ròng thì nó sẽ không trở thành như xưa nữa.

Lại như khúc gỗ một khi đã bị đốt thành tro thì nó sẽ không còn trở thành khúc gỗ được nữa.

Đạo tịch diệt của chư Phật Như Lai thì cũng lại như vậy.

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Ông đã hỏi rằng, nếu bổn tánh của đất nước gió lửa hoàn toàn dung hòa lẫn nhau và trùm khắp Pháp giới, thế thì tại sao yếu tố của nước và lửa lại không hủy diệt lẫn nhau? Ông cũng hỏi rằng, tại sao yếu tố của hư không và đất trùm khắp Pháp giới nhưng lại chẳng dung hợp với nhau?

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Ví như thể của hư không chẳng có hình tướng nhưng nó không cản ngăn mọi tướng khác phát huy ở trong nó.

Vì sao thế, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử? Bầu trời bao la kia sẽ sáng khi mặt trời chiếu soi. Nó sẽ tối khi mây bao phủ. Ở trong nó sẽ có dao động khi gió thổi. Nó sẽ trong thanh khi mưa tạnh. Nó sẽ ô trược khi không khí ngưng đọng. Nó sẽ mù mịt khi gió thổi cuốn bụi. Nó sẽ phản chiếu khi nước lắng trong. Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi đặc thù như thế là nhân bởi kia sanh hay là có từ hư không?

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Giả sử những hiện tượng kia sanh ra từ hoàn cảnh. Vậy khi mặt trời chiếu soi, có phải ánh sáng ở trong không sanh ra là do bởi mặt trời chiếu sáng chăng? Nếu là thế thì mặt trời sẽ ở khắp các thế giới trong mười phương. Tại sao chúng ta chỉ thấy một mặt trời hình tròn ở giữa không trung? Ngược lại, nếu ánh sáng của bầu trời đến từ hư không thì lẽ ra tất cả hư không sẽ tự chiếu. Tại sao nó không tỏa sáng rực rỡ ở giữa đêm, hoặc khi có mây hay sương mù? Cho nên phải biết rằng, ánh sáng này chẳng do mặt trời hay hư không, nhưng nó cũng không thể có nếu chẳng có mặt trời và hư không.

Chân diệu giác minh thì cũng lại như vậy. Nếu ai phát khởi rằng có hư không ở trong tâm thì hư không sẽ hiện ở trong diệu giác. Đất nước gió lửa, mỗi thứ đều hiện ở trong diệu giác nếu ai phát khởi chúng. Giả như phát khởi tất cả thì chúng cũng đều hiện ra. Làm sao mà chúng đều có thể hiện ra?

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Việc đó ví như ánh phản chiếu của mặt trời ở trong một vùng nước. Khi hai người cùng nhìn xem ánh phản chiếu đều rời khỏi, người đi về hướng đông, kẻ đi về hướng tây. Mỗi người sẽ thấy ánh phản chiếu của mặt trời di chuyển theo họ. Do ánh phản chiếu di chuyển về hướng đông và cũng di chuyển về hướng tây nên nó vốn chẳng có vị trí cố định. Chớ nên một mực hỏi rằng, làm sao

chỉ một ánh phản chiếu của mặt trời mà có thể đi mỗi ngã? Hoặc làm sao hai ánh phản chiếu mà hiện ra chỉ một? Đó là bởi chúng là hư vọng quanh co và chẳng thể có căn cứ.

Ông hãy quán sát các tướng trạng này vốn là hư vọng. Bởi vậy nên không thể nào chỉ ra chúng. Nếu cứ khăng khăng đi tìm thì sẽ như cầu mong hoa đốm giữa hư không sẽ kết trái. Thế thì làm sao ông có thể hỏi về việc các yếu tố có hủy diệt lẫn nhau hay không chứ? Ông hãy quán sát rằng, tánh bổn nguyên chân thật của chúng chính là diệu giác minh tâm, là tuệ giác trong sáng nhiệm mầu. Nước, lửa và những yếu tố khác vốn không hề có. Vậy sao ông còn hỏi về việc chúng làm sao có thể tồn tại lẫn nhau?

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Ông cho rằng hình sắc và hư không xâm đoạt lẫn nhau ở trong Như Lai tạng. Nhưng ở trong Như Lai tạng, hình sắc và hư không trùm khắp Pháp Giới. Cho nên sự chuyển động của gió, sự tĩnh lặng của hư không, mặt trời chiếu sáng hay mây u ám, đều hiện ở trong Như Lai tạng. Tuy nhiên, do chúng sanh mê muội nên quay lưng với giác ngộ mà hợp chung với trần lao. Do đó phát khởi các pháp hữu vi của thế gian.

Với diệu minh không sanh không diệt, Ta đồng với Như Lai tạng. Như Lai tạng là diệu giác minh liễu và chiếu khắp Pháp Giới. Cho nên ở trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, và lớn hiện ra ở trong nhỏ, như nhỏ hiện ra ở trong lớn. Ta ngồi bất động ở Đạo Tràng và Pháp thân của Như Lai bao trùm vô tận hư không khắp mười phương. Chỉ ở trên một đầu sợi lông cũng có thể hiện ra Phật độ trang nghiêm. Rồi ngồi ở trong mỗi vi trần, Như Lai chuyển đại Pháp luân. Do Ta đã diệt trừ trần lao và hợp nhất với giác ngộ nên mới chứng diệu giác minh tánh của Chân Như.

Vì vậy Như Lai tạng, là tâm nhiệm mầu viên mãn bổn nguyên: chẳng phải tâm phân biệt, chẳng phải hư không, chẳng phải đất, chẳng phải nước, chẳng phải gió, chẳng phải lửa, chẳng phải mắt tai mũi lưỡi thân ý, chẳng phải sắc thanh hương vị xúc pháp, chẳng phải thức của mắt và cho đến thức của ý. Nó chẳng phải sự hiểu biết, chẳng phải vô minh, và cũng chẳng phải hết vô minh. Cho đến nó chẳng phải già, chẳng phải chết, và cũng chẳng phải hết già chết. Nó chẳng phải khổ, chẳng phải tập, chẳng phải diệt, chẳng phải Đạo, chẳng phải trí, chẳng phải chứng đắc, chẳng phải bố thí, chẳng phải trì giới, chẳng phải nhẫn nhục, chẳng phải tinh tấn, chẳng phải thiền định, chẳng phải trí tuệ, và các Pháp Đến Bờ Kia. Như vậy cho đến chẳng phải Như Lai, chẳng phải Ứng Cúng, chẳng phải Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải đại tịch diệt, chẳng phải thường, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, và chẳng phải tịnh. Nó đều chẳng phải những thứ ấy, dù là Pháp xuất thế hay pháp thế gian. Tất cả những thứ ấy đều không phải là Như Lai tạng, là tâm nhiệm mầu minh liễu bổn nguyên.

Tuy nhiên Như Lai tạng cũng chính là tâm phân biệt, là hư không, là đất, là nước, là gió, là lửa, là mắt tai mũi lưỡi thân ý, là sắc thanh hương vị xúc pháp, là thức của mắt và cho đến thức của ý. Nó là sự hiểu biết, là vô minh, và cũng là hết vô minh. Cho đến nó là già, là chết, và cũng là hết già chết. Nó là khổ, là tập, là diệt, là Đạo, là trí, là chứng đắc, là bố thí, là trì giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, là trí tuệ, và các Pháp Đến Bờ Kia. Như vậy cho đến là Như Lai, là Ứng Cúng, là Chánh Đẳng Chánh Giác, là đại tịch diệt, là thường, là lạc, là ngã, và là tịnh. Nó đều là những thứ ấy, dù là Pháp xuất thế hay pháp thế gian. Tất cả những thứ ấy đều chính là Như Lai tạng, là tâm nhiệm mầu minh liễu bổn nguyên.

Như Lai tạng lìa khỏi phải hay chẳng phải, nhưng nó cũng là phải và chẳng phải.

Làm sao chúng sanh ở trong ba cõi với tâm phân biệt của họ, cho đến hàng Thanh Văn và bậc Duyên Giác đã vượt khỏi thế gian, mà có thể suy lường Đạo vô thượng của Như Lai? Làm sao mà có thể dùng ngôn ngữ của thế gian để vào tri kiến của Phật chứ?

Ví như đàn cầm, đàn hạc, và đàn tỳ bà. Tuy chúng có âm thanh tuyệt vời, nhưng nếu chẳng có những ngón tay khéo léo thì chúng sẽ không bao giờ có thể phát ra tiếng đó. Ông và chúng sanh thì cũng lại như vậy; trong mỗi người đều viên mãn bảo giác chân tâm. Như khi Ta đưa các ngón tay lên để bắt ấn, thì ánh sáng của Hải Ấn Chánh Định phóng ra. Một khi ông vừa khởi tâm thì trần lao đã khởi sanh trước. Đó là do ông chẳng tinh cần tìm con đường đến tuệ giác vô thượng mà chỉ yêu nhớ Tiểu Thừa và khi được một chút mà cho là đủ."

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử thưa rằng:

"Con cùng Như Lai đều giống nhau và đầy đủ bảo giác viên minh với chân tâm thanh tịnh nhiệm mầu. Tuy nhiên, con từ vô thỉ xa xưa đã vướng mắc vọng tưởng nên khiến con phải ở rất lâu trong luân hồi. Mặc dù con nay đã trở thành bậc thánh, nhưng sự giác ngộ của con vẫn chưa viên mãn. Còn riêng Thế Tôn thì đã diệt trừ mọi vọng niệm và chỉ còn diệu giác chân thật thường hằng. Con tha thiết xin dám hỏi Như Lai, do bởi nhân gì mà tất cả chúng sanh lại có hư vọng? Nó che lấp diệu minh của họ và khiến họ trầm luân trong sanh tử."

Phật bảo ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử:

"Tuy ông đã diệt trừ hoài nghi và lậu hoặc thô kệch, nhưng hoài nghi và lậu hoặc vi tế thì vẫn chưa đoạn hết. Ta nay sẽ dùng các việc hiện tại của thế gian để hỏi ông. Ông há chẳng nghe về câu chuyện của một người tên là Từ Thọ ở trong thành Phong Đức hay sao? Vào một buổi sáng sớm nọ, anh ta lấy gương soi mặt và say đắm khuôn mặt của mình khi

nhìn thấy con mắt và lông mi ở trong gương. Rồi anh ta nổi sân và quở trách cái đầu của mình đã không thấy chúng. Anh ta cho rằng mình đã trở thành yêu tinh, rồi điên cuồng một cách vô cớ và bỏ chạy ra ngoài. Ý ông nghĩ sao? Do nhân gì mà kẻ này điên cuồng một cách vô cớ và bỏ chạy ra ngoài?"

Ngài Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử thưa rằng:

"Tâm của kẻ này cuồng loạn chứ không phải nguyên nhân nào khác."

Đức Phật bảo:

"Tuệ giác vi diệu trong sáng là viên mãn. Nó vốn nhiệm mầu minh liễu viên dung. Làm sao có nhân gì để gọi nó là vọng tưởng? Và dù có nhân gì đi nữa thì làm sao gọi nó là vọng tưởng?

Những vọng tưởng của ông tự triển chuyển làm nhân lẫn nhau. Từ si mê chồng chất thêm si mê và trải qua số kiếp nhiều như vi trần. Mặc dù Phật đã khai thị và chỉ rõ, nhưng cũng không thể đảo ngược lại cho ông.

Từ nhân của si mê như thế nên nhân của si mê vẫn tự có. Ông phải thấu hiểu rằng, si mê chẳng có nhân và vọng tưởng không có chỗ nương. Chúng còn không có chỗ sanh ra, vậy thì ông còn muốn diệt trừ để làm gì? Những ai đắc Đạo thì ví như người đã tỉnh giấc và kể lại những chuyện trong mộng. Cho dù bây giờ tâm của người ấy rất sáng suốt, nhưng làm sao người ấy có thể lấy những đồ vật trong mộng chứ. Huống nữa nhân của si mê vốn không chỗ có.

Ví như gã Từ Thọ ở trong thành kia. Sao lại có nhân duyên gì để khiến anh ta hoảng sợ mà bỏ chạy chứ? Giả sử sự điên cuồng của y bỗng nhiên dừng nghỉ thì đầu của anh ta cũng không thể có được từ bên ngoài. Cho

dù sự điên cuồng của anh ta vẫn chưa dừng nghỉ thì đầu của y sao lại có thể biến mất chứ?

Này Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử! Tánh của hư vọng cũng lại như thế. Nhân của nó ở đâu? Ông chỉ cần không chạy theo sự phân biệt của ba loại tương tục, gồm có: thế gian, nghiệp quả, và chúng sanh. Một khi đã đoạn trừ ba nghiệp duyên thì ba nghiệp nhân này sẽ không sanh. Do đó tánh điên cuồng ở trong tâm của ông, tựa như sự cuồng loạn của gã Từ Thọ, sẽ tự nhiên dừng nghỉ. Sự dừng nghỉ đó chính là tuệ giác, là tâm trong sáng, thù thắng thanh tịnh, và vốn luôn trùm khắp Pháp Giới. Nó không phải từ người khác mà có được. Thế thì ông hà tất phải lao nhọc đến tận gân cốt để tu chứng làm chi?

Đây ví như có người không hề hay biết ở trong áo của mình có buộc một hạt châu như ý. Do đó kẻ ấy phải chịu bần cùng rách rưới và bôn ba đi xin ăn khắp nơi. Mặc dù kẻ đó thật sự bần cùng nhưng hạt châu vẫn chưa từng bị mất. Nếu hốt nhiên gặp được bậc trí và chỉ ra chỗ hạt châu thì mọi sở nguyện của người ấy sẽ được như ý và trở nên giàu sang vô cùng. Khi đó người ấy mới ngộ ra rằng, hạt châu thần diệu không thể từ bên ngoài mà được."

Lúc bấy giờ ngài A-nan đứng dậy từ giữa đại chúng, rồi đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Như Lai mới vừa nói rằng, một khi đoạn trừ ba nghiệp duyên của sát sanh, trộm cắp, và tà dâm, thì ba nghiệp nhân của chúng sẽ không sanh. Do đó tánh điên cuồng ở trong tâm của chúng ta, tựa như sự cuồng loạn của gã Từ Thọ, sẽ tự nhiên dừng nghỉ. Sự dừng nghỉ đó chính là tuệ giác và nó không phải từ người khác mà có được. Rõ ràng những việc này không phải là thí dụ của nhân duyên hay sao? Vậy thì tại sao Như Lai gạt bỏ thuyết nhân duyên? Con cũng từ nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

Bạch Thế Tôn! Nghĩa lý này chẳng phải riêng những vị Hữu Học thuộc hàng Thanh Văn trẻ tuổi như chúng con, mà hiện tại ở trong Pháp hội này, như là Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Vô Diệt cùng những vị khác, lúc xưa họ đã từng theo học các vị Bà-la-môn lớn tuổi. Họ do nhờ nghe giáo lý nhân duyên của Phật mà tâm khai ngộ và trở thành bậc vô lậu. Giờ đây Thế Tôn nói rằng sự khai ngộ không từ nhân duyên. Như vậy thì luận thuyết về sự giác ngộ là tự nhiên của ngoại đạo Mịch Đạo Ngưu Xá Tử và những người khác ở thành Vương Xá, chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế rồi. Kính mong Như Lai rủ lòng đại bi mà khai thị để trừ bỏ sự mê muội của chúng con."

Phật bảo ngài A-nan:

"Hãy so sánh những gì ông nói với trường hợp của gã Từ Thọ ở trong thành Phong Đức. Nếu sự điên cuồng của anh ta là do nhân duyên mà được diệt trừ, tức là tánh cuồng loạn của y sẽ tự nhiên xuất hiện nữa. Ông bàn luận về lý thuyết nhân duyên và tự nhiên, xét cho cùng là vậy.

Này A-nan! Đầu của gã Từ Thọ vốn tự nhiên có. Nó luôn là một phần của anh ta. Bằng không thì hắn sẽ không còn là chính mình nữa. Thế thì nhân duyên làm sao liên quan đến việc hoảng sợ mất đầu nên đã điên cuồng chạy loạn của anh ta đây?

Nếu đầu của gã Từ Thọ vốn tự nhiên có nhưng do bởi nhân duyên nên cuồng loạn, thế thì tại sao không tự nhiên do bởi nhân duyên mà biến mất? Đầu của y vốn chẳng mất. Sự điên cuồng và sợ hãi của anh ta sanh ra từ hư vọng. Sự thật thì chưa từng có biến đổi nào. Thế thì làm sao sự điên cuồng của anh ta là khởi sanh từ nhân duyên chứ? Và nếu sự điên cuồng của y vốn tự nhiên có, tức là vốn có sự điên cuồng và sợ hãi, vậy thì trước khi anh ta trở nên cuồng loạn thì sự điên cuồng ấy đã cất giấu ở đâu? Ngược lại, nếu sự điên cuồng của kẻ đó vốn chẳng tự nhiên có và

anh ta vốn không vọng tưởng về đầu của mình, thế thì tại sao y lại điên cuồng chạy loạn chứ?

Nếu gã Từ Thọ giác ngộ rằng, đầu của anh ta luôn là một phần của mình và nhận biết sự điên cuồng chạy loạn, thì lý thuyết nhân duyên và tự nhiên đều là hí luận. Đó là tại sao Ta nói rằng, một khi ba nghiệp duyên đoạn trừ thì tức là tâm giác ngộ.

Nếu ông bảo rằng tâm giác ngộ sanh ra khi sanh diệt của tâm chấm dứt, thì ông sẽ lại bảo rằng tâm giác ngộ cũng là sanh diệt. Sự thật thì con đường đến giác ngộ mà chẳng tốn công phí sức chính là chấm dứt cả sanh lẫn diệt.

Giả sử tâm giác ngộ là tự nhiên sanh ra. Như thế rất rõ là tâm tự nhiên sanh ra khi sanh diệt của tâm chấm dứt. Nhưng đó cũng là sanh diệt. Đừng nghĩ rằng những gì không sanh diệt thì sẽ tự nhiên sanh ra.

Ví như những tạp chất ở thế gian hòa chung với nhau để thành một thể chất thì gọi là tánh hòa hợp. Những gì chẳng thể hòa hợp thì gọi là tánh bổn nhiên. Sự thật thì bổn nhiên chẳng phải bổn nhiên và hòa hợp chẳng phải hòa hợp. Bổn nhiên và hòa hợp đều chẳng tồn tại. Sự tồn tại của hòa hợp và bổn nhiên đều chẳng còn, khi đó cú nghĩa này mới gọi là Pháp không hí luận.

Đối với ông, Đạo tịch diệt vẫn còn xa xăm. Ông sẽ phải trải qua nhiều kiếp với khổ nhọc tinh cần mới tu chứng. Tuy ông có khả năng nhớ trọn 12 Bộ Kinh với nghĩa lý thanh tịnh vi diệu như cát sông Hằng của chư Như Lai trong mười phương, nhưng đó chỉ giúp ích cho việc hí luận. Tuy ông có thể đàm luận cùng giảng nói về nhân duyên và những việc tự nhiên sanh ra, với sự thấu rõ chắc chắn như thế nên được người thế gian tôn ông là bậc đa văn đệ nhất, nhưng cho dù ông huân tập đa văn trong nhiều kiếp thì cũng không thể thoát miễn ách nạn của cô gái thuộc bộ tộc

Ma-tăng-ga. Tại sao ông phải cần Ta niệm Phật đảnh thần chú cho ông? Lửa dâm trong lòng của cô gái thuộc bộ tộc Ma-tăng-ga đã diệt hẳn và liền đắc Quả A-na-hàm. Bây giờ ở trong Pháp của Ta, cô ấy trở thành một trong muôn người ở trong rừng tinh tấn. Do sông ái của cô ta đã khô cạn nên khiến ông được giải thoát.

Cho nên, A-nan! Dù ông trải qua nhiều kiếp thọ trì Pháp bí mật trang nghiêm vi diệu của Như Lai thì chẳng bằng như một ngày tu hành nghiệp vô lậu và lìa xa hai thứ khổ, thương với ghét của thế gian. Như lúc xưa cô gái thuộc bộ tộc Ma-tăng-ga là một dâm nữ, nhưng do uy lực của thần chú nên đã tiêu trừ ái dục của cô ta. Bây giờ cô ấy đã trở thành Tỳ-kheo-ni ở trong Pháp của Ta, tên là Tánh. Tỳ-kheo-ni Tánh và Tỳ-kheo-ni Trì Xưng, tức là mẹ của Tỳ-kheo La-hầu-la, thảy đồng giác ngộ những việc đời trước của mình. Họ biết rằng nguyên nhân trải qua nhiều đời sanh tử khổ đau chính là tham ái. Do nhờ một niệm huân tu của Pháp thiện vô lậu mà họ được thoát khỏi siết buộc hoặc được Phật thọ ký. Tại sao ông vẫn còn dối gạt chính mình mà chỉ đứng yên, nghe ngóng, và quan sát?"

Khi ngài A-nan và các đại chúng nghe lời dạy bảo của Phật, thì hoài nghi và lậu hoặc của họ được diệt trừ và tâm giác ngộ thật tướng. Thân tâm của họ khinh an và được điều chưa từng có.

Một lần nữa, ngài A-nan rơi lệ xót thương, rồi đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, quỳ hai gối, chắp tay, và thưa với Phật rằng:

"Bậc Vô Thượng Đại Bi, Thanh Tịnh Bảo Vương đã khéo khai mở tâm con. Ngài có thể dùng muôn loại nhân duyên như thế để phương tiện dìu dắt và khích lệ, hầu chỉ dẫn các chúng sanh chìm đắm ra khỏi biển khổ u minh.

Thưa Thế Tôn! Con nay do nhờ nghe Pháp âm như thế nên mới biết Như Lai tạng, là tâm nhiệm mầu giác ngộ minh liễu và trùm khắp cõi giới trong mười phương. Nó bao hàm và dưỡng dục khắp các quốc độ của Như Lai trong mười phương, là những cõi nước thanh tịnh trang nghiêm báu của Diệu Giác Vương. Như Lai cũng quở trách con chỉ nghe Pháp mà không áp dụng vào việc tu tập. Vì vậy con nay như kẻ lữ khách phiêu bạt và hốt nhiên gặp được vua trời ban cho ngôi nhà mỹ lệ. Tuy có được ngôi nhà nguy nga nhưng người ấy vẫn cần tìm cánh cửa để vào. Con chỉ mong Như Lai chớ rời bỏ đại bi đối với chúng con ở Pháp hội nơi đây, là những kẻ bị si ám che phủ, hầu khiến chúng con lìa bỏ Nhị Thừa. Kính mong Như Lai chỉ dẫn con đường từ sơ phát tâm cho đến chứng đắc Vô Dư Tịch Diệt của Như Lai, hầu khiến hàng Hữu Học nhiếp phục các duyên tìm cầu tích tập, đắc tổng trì và vào tri kiến của Phật."

Khi đã thỉnh cầu, ngài A-nan cúi đầu đảnh lễ sát đất; tất cả đại chúng trong Pháp hội cũng nhất tâm chờ đợi thánh chỉ từ bi của Phật.

Lúc bấy giờ Thế Tôn thương xót cho hàng Thanh Văn và Duyên Giác ở trong chúng hội, là những vị chưa được tự tại đối với Đạo tâm. Ngài cũng vì thương xót các chúng sanh vị lai sẽ sanh ra sau khi Phật diệt độ ở vào thời Mạt Pháp, nên hiển lộ con đường tu hành vi diệu của Vô Thượng Thừa để khiến tất cả đều phát tâm Bồ-tát.

Đức Phật khai thị cho Tôn giả A-nan cùng toàn thể đại chúng rằng:

"Các ông đã đều phát khởi Đạo tâm vững chắc và chẳng sanh chán nản hay mệt mỏi đối với chánh định vi diệu của chư Phật Như Lai. Vì vậy trước tiên các ông phải nên thông hiểu hai ý nghĩa quyết định về sơ phát khởi Đạo tâm. Hai ý nghĩa quyết định về sơ phát khởi Đạo tâm là những gì?

Này A-nan! Ý nghĩa thứ nhất là: nếu các ông muốn lìa bỏ Thanh Văn Thừa và tu Bồ-tát Thừa để vào tri kiến của Phật, thì phải nên quán sát tường tận lúc phát tâm ở Nhân Địa cùng với Quả Địa khi giác ngộ, là giống nhau hay sai khác?

Này A-nan! Nếu ở Nhân Địa mà dùng tâm sanh diệt để làm căn bổn tu nhân, ông sẽ không thể nào cầu được Phật Thừa không sanh không diệt. Do bởi lẽ này, ông hãy chiếu soi sự hiểu biết của mình vào các pháp hữu vi của thế gian và chúng đều trải qua biến đổi cùng hoại diệt.

Này A-nan! Ông hãy quán sát những pháp tạo tác của thế gian. Có cái nào là bất hoại chăng? Tuy nhiên, ông sẽ không bao giờ nghe rằng hư không có hư hoại.

Vì sao thế? Bởi hư không chẳng phải là thứ có thể làm ra. Do vậy nó thỉ chung không bao giờ hoại diệt.

Ở trong thân thể của ông, những gì cứng chắc thuộc về yếu tố đất, những gì ẩm ướt thuộc về yếu tố nước, những gì ấm áp thuộc về yếu tố lửa, và những gì dao động thuộc về yếu tố gió. Do bốn đại này quấn siết với nhau nên đã phân chia tâm nhiệm mầu, giác ngộ minh liễu, và trạm nhiên viên mãn của ông thành những chức năng, như là thị giác, thính giác, xúc giác, hoặc tri giác. Do vậy năm lớp ô trược hình thành kể từ đó. Sao gọi là ô trược?

Này A-nan! Ví như nước vốn thanh khiết, nhưng đất cát tro bụi vốn là chất ngăn ngại. Do thể của chúng là vậy nên tánh của chúng không tương thích với nhau. Giả sử có người ở thế gian lấy một chút đất bụi bỏ vào nước trong. Đất sẽ mất thể ngăn ngại và nước sẽ mất thể thanh khiết. Do chúng cùng nhau hiện ra vẩn đục nên gọi là ô trược. Năm lớp ô trược của ông thì cũng lại như vậy.

Này A-nan! Như khi ông nhìn vào hư không biến khắp mười phương, chẳng có sự phân chia nào giữa hư không và thị giác của ông. Nếu chỉ hư không tồn tại thì sẽ chẳng có gì để nhận biết nó cả. Nếu chỉ thị giác tồn tại thì sẽ chẳng có thứ gì để cho nó nhận biết. Do hư không và thị giác vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trược thứ nhất, gọi là ô trược của thời gian.

Thân thể của ông được kết hợp bởi bốn đại. Thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, và tri giác của ông vun đắp nên khiến cho ngăn ngại. Đất nước gió lửa xoay chuyển nên khiến có sự nhận biết. Do sự nhận biết và bốn đại vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trược thứ nhì, gọi là ô trược của cái thấy.

Lại ở trong tâm của ông có sự huân tập của nhớ biết và tánh phát khởi thấy biết. Do đó sáu thức sanh khởi và dung thọ sáu trần. Nếu lìa khỏi các trần thì các thức sẽ chẳng có tướng. Nếu lìa khỏi sự nhận biết thì các trần sẽ chẳng có tánh. Do các trần và các thức vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trược thứ ba, gọi là ô trược của phiền não.

Lại nữa, chúng sanh sớm tối sanh ra và diệt mất mà chẳng tạm đình. Tri kiến của họ luôn mong sống mãi ở thế gian. Nghiệp lực luôn đưa đẩy họ từ cõi này đến cõi khác. Do ý tưởng và nghiệp của họ vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trược thứ tư, gọi là ô trược của chúng sanh.

Tánh thấy nghe của các ông vốn chẳng sai khác với nhau. Do các trần chia cách nên tuy chúng giống nhau mà chức năng có sai khác. Do các thức và các trần mất đi chuẩn mực và vướng mắc với nhau nên hình thành hư vọng. Đây là lớp ô trược thứ năm, gọi là ô trược của thọ mạng.

Này A-nan! Ông nay muốn chuyển thị giác, thính giác, và cho đến tri giác để khế hợp từ xa với thường lạc ngã tịnh của Như Lai. Ông trước tiên phải nhổ trừ căn gốc của sanh tử và nương vào tánh viên thành trạm nhiên không sanh không diệt. Hãy dùng tánh trạm nhiên để xoay chuyển cảnh sanh diệt hư vọng và hồi phục bổn giác. Khi đã được minh giác bổn nguyên, là tánh không sanh diệt để làm Nhân Địa, rồi sau đó ông sẽ tu chứng thành tựu viên mãn Quả Địa.

Việc này có thể sánh với phương pháp làm lắng đọng nước đục. Nếu ông có thể giữ nó yên tĩnh bất động ở trong thùng chứa thì cát với đất sẽ tự nhiên chìm xuống và nước sẽ trở nên thanh khiết. Đây có thể so sánh với giai đoạn đầu của hàng phục phiền não từ khách trần. Khi đã loại trừ bùn dơ và chỉ còn nước trong thì gọi là vĩnh viễn đoạn trừ căn gốc của vô minh. Khi minh tướng tinh thuần, tất cả đều biến hiện và không bị phiền não. Tất cả đều khế hợp với diệu đức thanh tịnh của tịch diệt.

Ý nghĩa thứ nhì là: nếu các ông muốn hết lòng phát khởi Đạo tâm thì phải sanh tâm đại dũng mãnh ở trong Bồ-tát Thừa. Các ông phải nhất quyết xả bỏ các tướng hữu vi, và phải thẩm tường căn bổn của phiền não. Nó từ vô thỉ đến nay đã phát khởi và sanh trưởng nghiệp. Ai làm ra nó và ai thọ nhận?

Này A-nan! Trong tiến trình tu Đạo, nếu ông chẳng quán sát căn gốc của phiền não một cách tường tận, thì sẽ không thể biết điên đảo hư vọng của các căn và các trần ở đâu. Nơi xứ mà còn chẳng biết thì làm sao hàng phục chúng và đạt đến quả vị của Như Lai?

Này A-nan! Ông hãy quan sát người tháo gút ở thế gian. Nếu người ấy không thấy chỗ thắt buộc thì làm sao biết mà gỡ ra? Tuy nhiên, ông chưa bao giờ nghe hư không bị hủy nát ra từng mảnh.

Vì sao thế? Bởi hư không chẳng có hình tướng nên không thể kết hợp hay chia cắt.

Nhưng hiện tại sáu căn của ông, gồm có mắt tai mũi lưỡi thân ý, đang làm nội gián cho bọn giặc để vào nhà cướp của. Cũng như vậy, do chúng sanh và thế giới từ vô thỉ đã trói buộc lẫn nhau bởi sự hư vọng này nên chúng sanh không thể vượt khỏi y báo thế gian.

Này A-nan! Sao gọi là chúng sanh và thế giới của không gian và thời gian? Thế tức là đổi dời; giới tức là phương hướng và vị trí. Ông nay nên biết rằng: không gian chia làm đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, phương trên và phương dưới; thời gian chia làm quá khứ, hiện tại, và vị lai. Vị trí có mười và thời gian có ba. Do các chúng sanh mắc kẹt nơi hư vọng nên họ qua lại ở trong không gian và thời gian liên kết với nhau.

Mặc dù không gian trải rộng đến mười phương và có thể biết rõ ràng, nhưng mắt phàm của thế gian chỉ xem đông tây nam bắc là bốn hướng chính. Họ không xem phương trên và phương dưới có vị trí rõ rệt. Họ xem bốn hướng phụ chẳng phải là những phương hướng cố định. Bốn hướng chính được hiểu là cố định. Do đó có thể nói rằng không gian là 4, thời gian là 3. Nếu lấy 4 nhân cho 3 sẽ bằng 12, rồi nhân cho 10, rồi lại nhân cho 10 nữa thì sẽ là 1.200. Tổng quát thì chung ở trong sáu căn, mỗi căn sẽ có 1.200 công đức.

Này A-nan! Ông cũng có thể xác định mức độ thắng liệt ở trong mỗi căn. Ví như căn mắt nhìn thấy ở trước chứ không thấy ở sau. Ở phía trước toàn là ánh sáng và ở phía sau toàn là đen tối. Nếu thêm vào một nửa nhãn lực bên trái và một nửa nhãn lực bên phải, tổng nhãn lực là 2/3. Thế nên tổng số công đức của căn mắt chẳng vẹn toàn và chỉ hoạt động ở ba trong bốn hướng chính. Do đó phải biết rằng, căn mắt bị giới hạn và chỉ còn 800 công đức.

Ví như căn tai có thể nghe khắp mười phương mà chẳng thiếu sót. Tiếng động có thể nghe gần hoặc xa. Khi tĩnh lặng, thính giác là vô biên tế. Do đó phải biết rằng, căn tai đầy đủ 1.200 công đức.

Ví như căn mũi có thể ngửi mùi. Hơi thở ra vào ở lỗ mũi. Đương lúc hít vào và thở ra, hơi thở có gián đoạn. Thông qua sự chứng nghiệm này, căn mũi bị thiếu một trong ba phần. Do đó phải biết rằng, căn mũi bị giới hạn và chỉ còn 800 công đức.

Ví như căn lưỡi có thể tuyên dương hết thảy mọi trí tuệ của thế gian và xuất thế gian. Tuy ngôn ngữ ở mỗi nơi có khác nhưng nghĩa lý vô cùng tận. Do đó phải biết rằng, căn lưỡi đầy đủ 1.200 công đức.

Ví như căn thân có thể cảm giác xúc chạm và biết là thoải mái hay khó chịu. Nó có thể cảm giác khi xúc chạm nhưng lại chẳng biết khi tách rời. Tách rời là một phẩm chất và xúc chạm có hai phẩm chất. Thông qua sự chứng nghiệm này, căn thân bị thiếu một trong ba phần. Do đó phải biết rằng, căn thân bị giới hạn và chỉ còn 800 công đức.

Ví như căn ý có thể tĩnh lặng dung thọ tất cả pháp thế gian và xuất thế gian trong ba đời mười phương. Dù là ý niệm của thánh nhân hay phàm phu, không gì chẳng bao dung, và nó biết đến tận ranh giới. Do đó phải biết rằng, căn ý đầy đủ 1.200 công đức.

Này A-nan! Ông nay muốn đi ngược dòng ái dục đã dẫn đến sanh tử. Ông muốn đi ngược dòng chảy qua các căn để đến nơi tận cùng không sanh không diệt. Thế thì ông phải suy nghiệm sáu căn hoạt động như thế nào. Những căn nào hoạt động khi tiếp xúc với trần cảnh của chúng và những căn nào hoạt động khi tách rời trần cảnh của chúng. Những căn nào dễ tu tập và những căn nào khó tu tập. Những căn nào có thể đạt đến viên thông và những căn nào chẳng viên mãn.

Nếu ông tỏ ngộ những căn nào có thể đạt đến viên thông, thì ông sẽ có thể đi ngược dòng nghiệp hư vọng đã siết buộc từ vô thỉ. Một ngày tu hành nương theo căn viên thông, tức sẽ bằng một kiếp tu hành nương theo căn chẳng viên thông. Ta nay đã giải thích rõ ràng về công đức vốn có của sáu căn viên minh trạm nhiên, và số lượng của chúng như thế. Bây giờ chỉ tùy ông tuyển lựa kỹ càng là căn nào để có thể vào. Ta sẽ làm rõ việc này để giúp ông tiến bước dũng mãnh.

Chư Như Lai trong mười phương đều chọn 1 trong 18 giới để tu hành và thảy đắc Đạo vô thượng viên mãn. Đối với các Ngài, không một cái nào ở trong 18 giới là ưu việt hay hạ liệt. Nhưng do ông đang ở bậc thấp kém và vẫn chưa có thể viên mãn tự tại ở trong đó, nên Ta mới tuyên nói để giúp ông chọn một căn duy nhất và xem nó như một cánh cửa để vào sâu tu hành. Nếu ông vào sâu tu hành và chẳng còn hư vọng ở trong một căn, thì các căn còn lại sẽ đồng thời thanh tịnh."

Ngài A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Làm sao con có thể vào sâu tu hành ở trong một căn để ngược dòng sanh tử và khiến sáu căn đồng thời thanh tịnh?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Nay ông đắc Quả Nhập Lưu và đã đoạn diệt cái thấy si hoặc của chúng sanh thế gian ở trong ba cõi. Nhưng ông vẫn còn chưa biết tập khí hư vọng từ vô thỉ đã sanh ra và tích chứa ở trong căn. Ông sẽ tu hành không chỉ trừ các tập khí này, mà cũng phải đoạn vô số tập khí vi tế của chúng khi trải qua sanh trụ dị diệt.

Bây giờ ông hãy quán sát sáu căn hiện tiền là một hay sáu.

Này A-nan! Nếu bảo là một thì tại sao tai không thể thấy và mắt chẳng thể nghe? Tại sao đầu chẳng thể đi và chân không thể nói? Nếu sáu căn này nhất định là sáu, thì như bây giờ Ta đang tuyên dương Pháp môn vi diệu ở giữa chúng hội, căn nào ở trong sáu căn của ông đến lãnh thọ?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Dạ thưa, con dùng tai để nghe."

Đức Phật bảo:

"Nếu tai của ông tự có thể nghe thì nó liên quan gì đến thân và miệng của ông chứ? Thế nhưng, ông dùng miệng để hỏi nghĩa lý và ông dùng thân để bày tỏ khâm tuân phụng thừa. Cho nên phải biết rằng, nếu chúng không phải là một thì là sáu. Và nếu chúng không phải là sáu thì phải là một. Nhưng cũng không thể nói rằng chúng vốn là một mà cũng là sáu.

Này A-nan! Phải biết rằng, các căn này chẳng phải một hay sáu. Do ông điên đảo luân phiên từ vô thỉ cho đến nay, nên mới sanh ra ý tưởng một và sáu ở trong viên minh trạm nhiên. Tuy ông đã tiêu trừ được sáu ở Quả Nhập Lưu, nhưng vẫn còn chưa tan mất được một.

Ví như có người muốn chứa một ít hư không ở trong những thùng đựng. Do những thùng đựng có hình dáng khác nhau nên hư không ở trong đó cũng có hình dáng sai khác. Nếu bỏ đi thùng đựng rồi nhìn hư không ở trong nó, ông sẽ bảo rằng hư không là một. Thế nhưng làm sao hư không bao la kia trở nên hợp nhất hoặc phân ly là do bởi ông chứ? Hà huống còn gọi hư không là một hay chẳng phải một. Cho nên ông phải hiểu rõ rằng, sáu căn thọ dụng thì cũng lại như vậy.

Do bởi hai loại--sáng với tối--cùng hiện ra ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh thấy tinh nguyên.

Tiếp đến tánh thấy tinh nguyên hiển lộ hình sắc, rồi kết giao với hình sắc mà thành căn mắt. Căn mắt tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của mắt. Con mắt có hình dáng như trái nho và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn mắt chạy loạn ra ngoài để tìm hình sắc.

Do bởi hai loại--động với tĩnh--cùng xung đột lẫn nhau ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh nghe tinh nguyên. Tiếp đến tánh nghe tinh nguyên hiển lộ âm thanh, rồi cuốn hút với âm thanh mà thành căn tai. Căn tai tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của tai. Lỗ tai có hình dáng như chiếc lá tươi cuộn lại và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn tai chạy loạn ra ngoài để tìm âm thanh.

Do bởi hai loại--khai thông với bế tắc--cùng phát khởi ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh ngửi tinh nguyên. Tiếp đến tánh ngửi tinh nguyên hiển lộ mùi hương, rồi thu nạp mùi hương mà thành căn mũi. Căn mũi tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của mũi. Lỗ mũi có hình dáng như đôi móng rũ xuống và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn mũi chạy loạn ra ngoài để tìm mùi hương.

Do bởi hai loại--có vị với vô vị--cùng tham dự ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh nếm tinh nguyên. Tiếp đến tánh nếm tinh nguyên hiển lộ vị nếm, rồi siết quấn vị nếm mà thành căn lưỡi. Căn lưỡi tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của lưỡi. Cái lưỡi có hình dáng như trăng lưỡi liềm và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn lưỡi chạy loạn ra ngoài để tìm vị nếm.

Do bởi hai loại--kết hợp với phân ly--cùng ma xát ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh xúc tinh

nguyên. Tiếp đến tánh xúc tinh nguyên hiển lộ xúc chạm, rồi bắt lấy xúc chạm mà thành căn thân. Căn thân tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là thể của thân. Thân thể có hình dáng như cái trống thắt hẹp ở giữa và được làm từ bốn đại thô nhiễm. Căn thân chạy loạn ra ngoài để tìm xúc chạm.

Do bởi hai loại--sanh với diệt--cùng tương tục ở trong diệu giác viên minh trạm nhiên và chúng vướng vào đó nên phát khởi tánh tri tinh nguyên. Tiếp đến tánh tri tinh nguyên hiển lộ pháp trần, rồi nhìn ngắm pháp trần mà thành căn ý. Căn ý tinh nguyên được làm từ bốn đại thanh tịnh. Do vậy mà nó gọi là ý tư. Căn ý được ví như sự nhìn thấy bốn đại thô nhiễm ở trong căn phòng tối. Căn ý chạy loạn ra ngoài để tìm pháp trần.

Này A-nan! Khi sự hiểu biết được thêm vào bổn giác minh liễu, sáu căn như thế sanh ra từ đó. Kết quả là minh liễu tinh nguyên bị đánh mất và các căn vướng mắc hư vọng mà phát triển những chức năng. Cho nên nếu ông bây giờ lìa khỏi sáng và tối thì sẽ không có thể chất của thấy. Lìa khỏi động và tĩnh thì vốn chẳng có thể chất của nghe. Không có khai thông và bế tắc thì tánh ngửi chẳng sanh. Không có vị và vô vị thì cảm giác nếm vị sẽ chẳng có chỗ để sanh ra. Chẳng có kết hợp và phân ly thì cảm giác xúc chạm vốn không. Chẳng có sanh và diệt thì tri giác sẽ an nghỉ.

Ông chỉ cần không hướng theo 12 tướng hữu vi, gồm có sáng với tối, động với tĩnh, khai thông với bế tắc, có vị với vô vị, kết hợp với phân ly, và sanh với diệt. Kế đến tập trung vào một căn và kéo nó ra khỏi trần cảnh, rồi chuyển dẫn căn đó hướng vào trong. Như vậy nó sẽ có thể quay về chân nguyên và phát huy ánh sáng rực rỡ của bổn giác. Ánh sáng rực rỡ này sẽ chiếu soi năm căn còn lại cho đến khi chúng hoàn toàn giải thoát. Một khi sáu căn thoát khỏi trần cảnh mà chúng hấp thu, sự hiểu

biết sẽ không theo các căn. Do đó sự hiểu biết sẽ phát huy ở tất cả sáu căn và chúng sẽ hỗ tương hoạt động.

Này A-nan! Ông há chẳng biết nay ở trong chúng hội, Tỳ-kheo Vô Diệt tuy bị mù nhưng vẫn có thể thấy. Hiền Hỷ Long Vương tuy bị điếc nhưng vẫn có thể nghe. Thần nữ của sông Hằng chẳng có mũi nhưng vẫn có thể ngửi mùi. Lưỡi của Tỳ-kheo Ngưu Tướng bị dị tật nhưng vẫn có thể biết vị. Thần hư không tuy chẳng có thân nhưng vẫn cảm giác xúc chạm và tạm hiện ra ở trong ánh hào quang của Như Lai. Tuy nhiên, thể của ông ta vốn rỗng không và vô hình như gió. Các vị Thanh Văn chứng đắc diệt tận định, như là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp ở trong Pháp hội này, từ lâu đã diệt căn ý nhưng vẫn viên minh liễu tri mà chẳng nhờ tâm niệm.

Này A-nan! Giả sử bây giờ tất cả căn của ông đã nhổ ra khỏi trần cảnh, một ánh sáng trong suốt sẽ chiếu soi từ bên trong. Tiếp đến những trần cảnh thô nhiễm và tướng của pháp thế gian sẽ biến hóa, ví như băng tan trong nước nóng. Ứng theo tâm niệm của ông, chúng sẽ hóa thành tri giác vô thượng.

Này A-nan! Ví như có người ở thế gian chỉ nhìn thấy với con mắt của họ, nếu người ấy mau chóng nhắm mắt lại thì cảnh tượng đen tối sẽ hiện ra ngay. Sáu căn của người ấy sẽ bao trùm trong tối tăm. Mắt của người ấy sẽ không thể phân biệt nào là đầu hoặc chân ở trên thân người khác. Tuy nhiên vẫn có thể nếu người ấy dùng tay mò mẫm hình dáng ở ngoài. Mặc dù người ấy chẳng thấy, nhưng tri giác nhận biết về đầu hoặc chân thì giống nhau.

Nếu thị giác của người ấy nương nhờ ánh sáng, tức sẽ không thấy khi chìm vào đen tối. Mặc dù chẳng có ánh sáng nhưng người ấy vẫn có thể cảm nhận. Vì vậy mọi tướng đen tối đều vĩnh viễn không thể cản ngăn. Cũng vậy, một khi các căn và các trần đã tiêu trừ, làm sao giác minh của ông mà không trở thành viên mãn vi diệu cho được?"

Ngài A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy rằng, khi phát khởi Đạo tâm muốn cầu thường trụ ở Nhân Địa thì tất phải tương ứng với Quả Địa.

Bạch Thế Tôn! Ở trong Quả Địa có những tên gọi khác nhau, như là Giác Đạo, Tịch Diệt, Chân Như, Phật Tánh, Vô Cấu Thức, Không của Như Lai Tạng, và Đại Viên Kính Trí. Danh xưng của bảy loại tên này tuy có khác nhưng đồng một nghĩa là thanh tịnh viên mãn, thể tánh kiên cố như kim cang vương và thường trụ bất hoại.

Nếu một khi thấy, nghe, và những giác quan khác tách rời sáng với tối, động với tĩnh, khai thông với bế tắc, có vị với vô vị, kết hợp với phân ly, và sanh với diệt, thì chúng cứu cánh chẳng có tự thể. Đây ví như ý niệm mà lìa khỏi pháp trần thì nó vốn không chỗ có. Làm sao có thể mang các thức sẽ đoạn diệt này làm nhân để tu hành và muốn đạt đến quả vị thường trụ của Như Lai với bảy tên gọi chứ?

Bạch Thế Tôn! Nếu tách rời sáng và tối thì cứu cánh sẽ không thấy gì. Cũng vậy, nếu như chẳng có pháp trần thì tự tánh của ý niệm sẽ diệt mất. Con đã tìm đi tìm lại rất tỉ mỉ, nhưng vốn chẳng có cái gì gọi là tâm và vật của nó. Thế thì con phải lập nhân gì để cầu vô thượng giác?

Những gì Như Lai vừa nói trái nghịch với lời dạy ở trước về thường trụ trạm nhiên viên mãn và cuối cùng nó trở thành hí luận. Làm sao những lời nói đó bởi Như Lai có thể là chân thật chứ? Kính mong Thế Tôn rủ lòng đại từ mà khai thị cho sự u mê và chấp trước của con."

Phật bảo ngài A-nan:

"Tuy ông đa văn học rộng nhưng các lậu vẫn chưa trừ sạch. Mặc dù trong tâm ông biết nguyên nhân của điên đảo, nhưng đến khi điên đảo thật sự hiện tiền thì ông đích thật chẳng thể nhận ra. Cho dù ông rất thành tâm nhưng ông vẫn chưa tín thọ giáo Pháp. Ta nay sẽ đưa ra những việc của trần thế để dứt trừ hoài nghi của ông."

Bấy giờ Như Lai bảo Tỳ-kheo La-hầu-la hãy gõ một tiếng chuông, rồi hỏi ngài A-nan rằng:

"Ông bây giờ có nghe chăng?"

Ngài A-nan và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ nghe."

Khi tiếng chuông không còn vang nữa, Đức Phật lại hỏi rằng:

"Ông bây giờ có nghe chăng?"

Ngài A-nan và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ không."

Lúc ấy Tôn giả La-hầu-la lại gõ một tiếng chuông, và Đức Phật lại hỏi rằng:

"Ông bây giờ có nghe chăng?"

Ngài A-nan và đại chúng lại thưa rằng:

"Dạ nghe."

Đức Phật hỏi ngài A-nan:

"Làm sao ông có thể nghe rồi lại chẳng nghe?"

Ngài A-nan và đại chúng đều thưa với Phật rằng:

"Chúng con nghe tiếng chuông khi nó mới được gõ vào, nhưng một hồi lâu sau khi chuông vang tan mất thì chúng con không còn nghe nữa."

Như Lai lại bảo Tỳ-kheo La-hầu-la hãy gõ một tiếng chuông, rồi hỏi ngài A-nan rằng:

"Bây giờ có âm thanh chăng?"

Ngài A-nan và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ có âm thanh."

Một lát sau khi âm thanh phai mất, Đức Phật lại hỏi rằng:

"Và bây giờ có âm thanh chăng?"

Ngài A-nan và đại chúng đáp rằng:

"Dạ không có âm thanh."

Một lát sau Tôn giả La-hầu-la lại gõ một tiếng chuông, và Đức Phật lại hỏi rằng:

"Và bây giờ có âm thanh chăng?"

Ngài A-nan và đại chúng đều thưa rằng:

"Dạ có âm thanh."

Đức Phật hỏi ngài A-nan:

"Làm sao có âm thanh rồi lại chẳng có âm thanh?"

Ngài A-nan và đại chúng đều thưa với Phật rằng:

"Khi chuông mới được gõ vào thì có âm thanh, nhưng một hồi lâu sau khi chuông vang tan mất thì không còn âm thanh nữa."

Phật bảo ngài A-nan và các đại chúng rằng:

"Sao ông nay lại trả lời mơ hồ như vậy?"

Ngài A-nan và đại chúng đồng thời hỏi Phật rằng:

"Dạ thưa con trả lời mơ hồ nghĩa là sao?"

Đức Phật bảo:

"Khi Ta hỏi rằng ông có nghe chăng thì ông nói là có. Ta lại hỏi có âm thanh chăng thì ông nói là có. Câu trả lời bất định của ông giữa nghe và âm thanh, thế thì làm sao chẳng gọi là mơ hồ cho được?

Này A-nan! Khi chuông vang phai mất thì ông nói là không còn nghe nữa. Nếu ông thật sự chẳng còn nghe nữa, tức là tánh nghe của ông đã diệt mất hoàn toàn. Vậy nghĩa là nó sẽ giống như cây khô và ông sẽ không bao giờ còn nhận biết tiếng chuông nào nữa. Tuy nhiên ông tự biết khi nào thì có và khi nào thì không, hoặc khi nào thì không và khi nào thì có về loại thanh trần này. Thế nhưng tánh nghe của ông làm sao

đã có rồi lại không? Giả sử tánh nghe chẳng còn nữa thì ai sẽ biết âm thanh đã phai mất.

Cho nên, A-nan! Mặc dù thanh trần ở trong tánh nghe tự có sanh diệt, nhưng tánh nghe của ông chẳng phải do thanh trần có sanh hay diệt mà khiến nó phải sanh hay diệt.

Ông vẫn còn điên đảo và nhầm lẫn âm thanh là tánh nghe. Sao lại hôn mê mà cho rằng cái thường hằng là đoạn diệt chứ? Ông vĩnh viễn chớ nên bảo rằng, tánh nghe lệ thuộc vào tiếng động và yên tĩnh, hoặc lệ thuộc vào lỗ tai khai thông hay bế tắc.

Ví như có người ngủ say ở trên giường. Giữa lúc kẻ kia đang say ngủ thì có người trong gia đình giặt giũ hay giã gạo. Anh ta ở trong mơ nghe tiếng giã gạo hoặc tiếng giặt giũ mà nhầm cho là tiếng trống đánh hoặc là tiếng chuông gõ. Liền ở trong mơ, anh ta lấy làm lạ là tại sao tiếng chuông lại như âm thanh phát ra từ gỗ hay đá. Khi hốt nhiên tỉnh giấc, anh ta lập tức nhận biết âm thanh của tiếng đập giã.

Anh ta nói với người nhà rằng:

'Giữa lúc đang mơ, tôi nhầm lẫn tiếng đập giã là tiếng trống.'

Này A-nan! Làm sao người ấy ở trong mơ mà có thể ghi nhớ tiếng động hay yên tĩnh? Làm sao tai của người ấy không bị ngăn ngại và vẫn hoạt động? Mặc dù thân thể của người ấy đã ngủ say nhưng tánh nghe chẳng hôn mê. Cho dù thân thể của ông tan rã và mạng sống tiêu tan, nhưng tánh nghe này của ông làm sao lại có thể bị chúng diệt mất chứ?

Tuy nhiên từ vô thỉ cho đến nay, do các chúng sanh chạy theo hình sắc và âm thanh nên niệm niệm lưu chuyển và chưa từng khai ngộ tánh thanh tịnh vi diệu thường hằng. Họ chẳng theo chân thường mà lại chạy

theo những sự sanh diệt. Do đó từ đời này sang đời khác, họ bị nhiễm ô và phải lưu chuyển. Nhưng nếu họ từ bỏ sanh diệt và giữ lấy chân thường thì ánh sáng thường hằng sẽ hiện tiền. Căn, trần, và thức tâm sẽ ứng thời tiêu tan.

Tưởng tướng là trần và thức tình là cấu nhiễm. Nếu lìa xa cả hai, Pháp nhãn của ông sẽ ứng thời trong sáng. Như thế làm sao mà không thành tựu vô thượng tri giác cho được?"

****

Ngài A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Tuy Như Lai đã thuyết giảng đệ nhị nghĩa môn, nhưng nay hãy quán sát về người cởi trói ở thế gian. Nếu họ chẳng biết nguyên gốc của chỗ bị buộc, thì con tin rằng người ấy sẽ không bao giờ có thể gỡ ra.

Bạch Thế Tôn! Con và những vị Hữu Học thuộc hàng Thanh Văn thì cũng lại như vậy. Từ vô thỉ, chúng con sanh ra trong vô minh và diệt mất trong vô minh. Mặc dù chúng con đa văn, có thiện căn, và còn được xuất gia, nhưng chúng con như những kẻ cách vài ngày lại bị sốt. Kính mong Như Lai đại từ mà thương xót cho những kẻ chìm đắm trong luân hồi. Làm sao thân và tâm của chúng con hôm nay bị siết buộc và chúng con phải gỡ trói từ đâu? Xin Thế Tôn hãy chỉ dạy và hầu cũng khiến cho những chúng sanh khổ nạn ở vị lai được thoát miễn luân hồi và không còn rơi vào ba cõi."

Khi tác bạch xong, ngài A-nan cùng toàn thể đại chúng cúi đầu đảnh lễ sát đất. Rồi Tôn Giả rơi lệ như mưa và thành tâm chờ đợi lời khai thị vô thượng của Đức Phật Như Lai.

Lúc bấy giờ Thế Tôn thương xót ngài A-nan cùng những vị Hữu Học ở trong Pháp hội, và cũng vì hết thảy chúng sanh ở vị lai mà làm nhân xuất thế và làm con mắt cho tương lai. Đức Phật dùng bàn tay xoa lên đỉnh đầu của ngài A-nan, và từ nơi đó phóng ra ánh sáng vàng tím như vàng ở dưới sông tại Diêm-phù-đề. Lập tức khắp thế giới của chư Phật đều chấn động sáu cách. Số lượng Như Lai đang trụ thế nhiều như vi trần, mỗi vị phóng ra ánh sáng báu từ đỉnh đầu. Những ánh sáng đó đồng thời ở các thế giới kia chiếu đến Rừng cây Chiến Thắng và rót vào đỉnh đầu của Như Lai. Khi ấy toàn thể đại chúng được điều chưa từng có.

Tiếp đến Tôn giả A-nan và các đại chúng đều nghe chư Như Lai trong mười phương nhiều như vi trần, dị khẩu đồng âm, bảo ngài A-nan rằng:

"Lành thay, A-nan! Ông muốn nhận biết vô minh đã sanh cùng lúc với ông, là căn gốc kết buộc đã khiến ông luân chuyển trong sanh tử, chính là sáu căn của ông--không có vật nào khác. Ông lại muốn biết Đạo vô thượng để khiến ông mau chứng giải thoát an lạc, tịch tĩnh vi diệu và thường hằng, thì cũng sẽ do sáu căn của ông--không có vật nào khác."

Tôn giả A-nan tuy nghe Pháp âm như thế, nhưng tâm vẫn chưa hiểu.

Ngài cúi đầu và bạch Phật rằng:

"Làm sao sáu căn này mà không phải bất cứ vật nào khác, đã khiến con sanh tử luân hồi mà đồng thời cũng sẽ giúp con được an lạc vi diệu thường hằng?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Căn và trần đồng đến từ một nguồn gốc. Giải thoát và trói buộc chẳng phải hai. Tánh của thức là hư vọng và tựa như hoa đốm.

Này A-nan! Do bởi các trần mà phát khởi tri kiến, và nhân bởi các căn mà có tướng. Tướng và tri kiến đều chẳng có tự tánh. Chúng phụ thuộc lẫn nhau, tựa như cỏ lau đan siết với nhau. Cho nên ông nay dựa vào tri kiến để nhận biết, nhưng nó chính là gốc của vô minh. Nếu nhận biết tri kiến vốn không thì chính là chân tánh thanh tịnh, tịch diệt vô lậu. Tại sao ông lại chứa thêm vật khác vào trong chân tánh chứ?"

Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ rằng:

"Hữu vi rỗng không trong chân tánh
Do từ duyên sanh nên như huyễn
Vô vi vô khởi bất sanh diệt
Nhưng cũng chẳng thật như hoa đốm

Giảng nói hư vọng để hiển chân
Nhưng vọng lẫn chân đều hư vọng
Bởi chân và vọng vốn phi chân
Năng kiến sở kiến làm sao có?

Ở giữa hai chúng không thật tánh
Cho nên đan siết như cỏ lau
Trói buộc giải thoát đồng sở nhân
Thánh nhân phàm phu chẳng hai lối

Ông hãy quán sát trong tánh siết
Có - không cả hai đều chẳng phải
Si mê tối tăm tức vô minh
Phát huy diệu minh liền giải thoát

Tháo gút cần phải theo thứ tự
Khi sáu đã gỡ một cũng vong
Tuyển chọn một căn đắc viên thông

Bước vào dòng thánh thành chánh giác

Như Lai tịnh thức rất vi tế
Tập khí kết thành dòng chảy xiết
Chân với phi chân e sẽ mê
Nên Ta hiếm nói về điều ấy

Khi tâm của ông giữ tâm ông
Phi huyễn sẽ thành pháp huyễn hóa
Huyễn và phi huyễn chẳng nắm giữ
Phi huyễn mà còn chẳng sanh ra
Huống là huyễn pháp sao thành lập?

Pháp này gọi là diệu liên hoa
Kim cang kiên cố bảo giác vương
Như Huyễn Chánh Định ai tu hành
Thoáng khảy móng tay vượt Vô Học

Đây là diệu Pháp không gì sánh
Chư Phật Như Lai khắp mười phương
Một đường thẳng đến tịch diệt môn"

Khi ngài A-nan và các đại chúng nghe được bài kệ giáo hối từ bi vô thượng của Đức Phật Như Lai, kết hợp với diệu lý thanh tịnh oánh triệt, mắt tâm của họ mở sáng và tán thán là điều chưa từng có.

Ngài A-nan chắp tay đảnh lễ, rồi thưa với Phật rằng:

"Nhờ lòng đại bi vô tận của Phật mà con nay nghe được Pháp cú chân thật về tánh tịnh diệu thường hằng. Tuy nhiên, tâm con vẫn chưa thông đạt phương pháp thứ tự tháo gút và khi sáu đã gỡ ra thì một cũng sẽ tiêu vong. Kính mong Thế Tôn rủ lòng đại từ mà xót thương chúng hội này

thêm một lần nữa và cũng như chúng sanh ở vị lai, xin hãy ban thí Pháp âm để tẩy trừ cáu bẩn của trầm luân."

Bấy giờ Như Lai vẫn đang ngồi ở trên tòa sư tử, Ngài chỉnh sửa áo trong và đại y khoác ở ngoài, rồi đưa tay tới cái bàn bảy báu ở trước mặt để lấy tấm khăn choàng hoa văn mà một vị thiên thần ở trời Thiện Thời đã dâng lên.

Ở trước đại chúng, Thế Tôn buộc nó thành một nốt gút, rồi chỉ cho ngài A-nan thấy và bảo rằng:

"Đây là gì?"

Ngài A-nan và đại chúng đều thưa với Phật rằng:

"Dạ đó là một nốt gút."

Tiếp đến Như Lai buộc thành một nốt gút khác chồng lên ở tấm khăn choàng hoa văn và lại bảo ngài A-nan:

"Và đây là gì?"

Ngài A-nan và đại chúng lại thưa với Phật rằng:

"Dạ đó cũng là một nốt gút khác."

Lần lượt như vậy, Đức Phật tổng cộng buộc thành sáu gút chất chồng lên ở tấm khăn choàng hoa văn.

Mỗi nốt gút khi đã buộc xong, Ngài đều cầm lên và hỏi ngài A-nan rằng:

"Và đây là gì?"

Mỗi lần như thế, ngài A-nan và đại chúng cùng đều thưa với Phật rằng:

"Dạ đó cũng là một nốt gút khác."

Phật bảo ngài A-nan:

"Khi Ta buộc nốt gút đầu tiên ở tấm khăn choàng, ông nói là một nốt gút. Ngay từ đầu, tấm khăn choàng hoa văn thật sự chỉ là một tấm khăn. Cho đến lần thứ nhì và thứ ba, tại sao các ông đều gọi là một nốt gút khác?"

Ngài A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Mặc dù tấm khăn choàng hoa văn quý báu này được dệt thành và nó vốn là một vật, nhưng theo sự suy nghĩ của con khi Như Lai buộc nó lại thì đó gọi là một nốt gút. Cho dù Thế Tôn buộc nó 100 lần thì chúng con vẫn mãi gọi đó là 100 nốt gút. Hà huống chỉ có sáu nốt gút ở tấm khăn này. Đức Phật đã không buộc thành nốt gút thứ bảy và cũng không dừng lại ở nốt gút thứ năm. Thế thì tại sao Như Lai chỉ thừa nhận nốt gút thứ nhất nhưng phủ nhận nốt gút thứ nhì và thứ ba?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Ông biết tấm khăn choàng hoa văn quý báu này vốn chỉ là một tấm khăn. Khi Ta buộc nó sáu lần thì gọi là có sáu nốt gút. Ông hãy quán sát tường tận, thể của tấm khăn thì giống nhau, nhưng nhân bởi thắt gút mà ông nói rằng nó có sai khác. Ý ông nghĩ sao? Khi Ta buộc thành nốt gút đầu tiên thì ông gọi là nốt gút thứ nhất. Ta nay muốn mang nốt gút thứ sáu để trở thành nốt gút thứ nhất có được chăng?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn! Do bởi có sáu nốt gút, chúng ta vĩnh viễn không thể gọi nốt gút thứ sáu là nốt gút thứ nhất được. Suốt đời con chuyên chú vào sự học hỏi và biện luận, làm sao có thể khiến con lẫn lộn tên gọi của nốt gút thứ sáu và thứ nhất chứ?"

Đức Phật bảo:

"Như thị! Sáu nốt gút chẳng giống nhau. Bây giờ chúng ta hãy thứ tự nhìn lại nguồn gốc hình thành của chúng. Chúng đều do một tấm khăn tạo thành và dù muốn khiến chúng tạp loạn chẳng theo thứ tự thì vĩnh viễn không thể được. Sáu căn của ông thì cũng lại như vậy. Ở trong một cứu cánh, sự khác biệt tất sẽ khởi sanh."

Phật bảo ngài A-nan:

"Giả sử ông chẳng thích sáu nốt gút ở trong tấm khăn choàng mà chỉ muốn nó là một tấm khăn dài. Thế thì làm sao sẽ được?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Thưa Thế Tôn! Những nốt gút này vẫn còn thì sẽ tự nhiên sanh khởi trái phải ở trong đó. Nốt gút này chẳng phải là nốt gút kia, hoặc nốt gút kia chẳng phải là nốt gút này. Nhưng nếu Như Lai hôm nay giải trừ tất cả và không còn nốt gút nào, thì sẽ chẳng có sự phân biệt đây kia. Tên gọi của nốt gút thứ nhất mà còn chẳng có, huống nữa là nốt gút thứ sáu ư?"

Đức Phật bảo:

"Khi sáu đã gỡ ra và một sẽ tiêu vong thì cũng lại như vậy. Do sự cuồng loạn về tâm tánh của ông từ vô thỉ nên tri kiến hư vọng phát sanh và những sự phát sanh hư vọng này chưa từng thôi nghỉ. Sự căng thẳng đè

lên nhận biết thì sẽ phát khởi trần cảnh. Đây ví như cứ nhìn trừng mắt đến hồi lâu tức sẽ có hoa đốm. Ở giữa tánh trạm nhiên tinh nguyên minh liễu, sự cuồng loạn khởi sanh mà chẳng do nguyên nhân. Tất cả vạn vật trên thế gian, sơn hà đại địa, và cũng như sanh tử tịch diệt đều chỉ là do căng thẳng cuồng loạn điên đảo và chúng tựa như hoa đốm."

Ngài A-nan bạch rằng:

"Sự căng thẳng này giống như những nốt gút. Làm sao giải trừ nó đây?"

Khi ấy Như Lai dùng tay kéo những nốt gút ở tấm khăn choàng về bên trái, rồi hỏi ngài A-nan rằng:

"Có phải tháo ra như thế chăng?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn!"

Đức Phật lại dùng tay kéo những nốt gút về bên phải, rồi cũng hỏi ngài A-nan rằng:

"Có phải tháo ra như thế chăng?"

Dạ không, thưa Thế Tôn!

Phật bảo ngài A-nan:

"Ta nay đã dùng tay kéo những nốt gút về bên trái và phải, nhưng Ta vẫn không thể tháo ra. Ông có cách nào để tháo gút chăng?"

Ngài A-nan thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Ngài phải tháo ra từ ở giữa mỗi nốt gút thì mới nới lỏng chúng được."

Phật bảo ngài A-nan:

"Như thị, như thị! Nếu ai muốn cởi gút thì họ phải tháo ra từ ở giữa mỗi gút.

Này A-nan! Ta thuyết giảng Phật Pháp từ nhân duyên sanh, nhưng các Pháp này không phải nắm lấy từ tướng hòa hợp thô kệch của thế gian. Như Lai hiển thị rõ pháp thế gian và Pháp xuất thế gian. Ta biết bổn nhân của chúng tùy theo duyên mà sanh ra. Thậm chí cho đến có bao nhiêu giọt nước mưa đang rơi ở thế giới cách xa các thế giới nhiều như số cát sông Hằng, Ta cũng biết được. Ta đều thấu hiểu nguyên do của muôn sự việc ở hiện tiền, như là vì sao cây tùng thẳng đứng, gai góc uốn cong, chim ngỗng màu trắng, hay chim quạ màu đen.

Cho nên, A-nan! Ông hãy lựa chọn kỹ càng từ một căn ở trong sáu căn. Nếu ông gỡ nốt gút của căn đó thì trần tướng của nó sẽ tự động diệt trừ và những hư vọng liền tiêu tan. Vậy những gì còn lại sao không thể là chân thật chứ?

Này A-nan! Bây giờ Ta hỏi ông, làm sao chúng ta có thể đồng thời tháo gỡ hết sáu nốt gút ở chiếc khăn choàng bông gòn này?"

"Không thể, thưa Thế Tôn! Do những nốt gút này được buộc theo thứ tự, nên bây giờ chúng cần phải gỡ ra theo thứ tự. Mặc dù sáu nốt gút ở cùng một chiếc khăn choàng, nhưng chúng được buộc ở mỗi thời điểm khác nhau. Vì vậy làm sao mà có thể đồng thời gỡ ra hết được chứ?"

Đức Phật bảo:

"Giải trừ sáu căn thì cũng lại như vậy. Một khi căn đầu tiên được gỡ ra, họ trước tiên sẽ hiểu rằng ngã là không. Một khi hiểu rõ thấu triệt không tánh, họ sẽ có thể giải thoát khỏi các pháp. Một khi đã giải thoát khỏi các pháp, thì cả ngã lẫn pháp đều không và chẳng còn sanh nữa. Đây gọi là Bồ-tát từ chánh định mà được Vô Sanh Nhẫn."

Khi ngài A-nan và các đại chúng tiếp thọ lời khai thị của Phật, họ được tuệ giác viên thông và không còn hoài nghi.

Bấy giờ ngài A-nan chắp tay, rồi đảnh lễ với trán chạm sát đôi chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Hôm nay thân tâm của chúng con tỏa sáng và mau được sự hiểu biết vô ngại. Mặc dù chúng con giác ngộ về ý nghĩa khi sáu đã gỡ ra thì một sẽ tiêu vong, nhưng vẫn chưa thấu rõ căn nào sẽ dẫn chúng con đạt đến viên thông.

Thưa Thế Tôn! Chúng con phiêu dạt trong sanh tử đến nhiều kiếp như kẻ xin ăn cô độc. Chúng con không bao giờ lại ngờ rằng mình sẽ gặp được Phật và có quan hệ mật thiết với Ngài? Chúng con như các đứa trẻ thất lạc hốt nhiên gặp lại mẹ hiền. Do nhân ấy mà chúng con có cơ hội thành Đạo. Nhưng lời mật ngôn mà chúng con nghe được lại đồng như giác ngộ căn bổn. Như thế với việc chưa hề nghe chẳng có khác biệt gì. Kính mong Thế Tôn rủ lòng đại bi mà huệ thí cho con Pháp bí mật uy nghiêm và đó sẽ là lời khai thị tối hậu của Như Lai."

Khi nói lời ấy xong, ngài cúi đầu đảnh lễ sát đất và lui xuống, rồi ẩn tàng vào tâm bí mật và hy vọng Đức Phật sẽ mật truyền cho ngài.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo toàn thể chư đại Bồ-tát và những vị đại A-la-hán với các lậu đã tận ở trong chúng hội rằng:

"Chư Bồ-tát và những vị A-la-hán các ông đây đã sanh trưởng trong Pháp của Ta và được thành bậc Vô Học. Ta bây giờ hỏi các ông. Khi phát khởi Đạo tâm lúc tối sơ, cái nào trong 18 giới mà các ông đã sử dụng để chứng viên thông, và từ phương tiện nào mà vào chánh định?"

[1] Bấy giờ Tôn giả A-nhã-kiều-trần-như và những vị khác ở trong nhóm năm vị Tỳ-kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Khi ở vườn Nai và vườn Gà, chúng con đã nhìn thấy Như Lai thành Đạo ở lúc ban sơ. Khi nghe âm thanh của Phật, chúng con liền giác ngộ Bốn Thánh Đế. Bấy giờ Đức Phật hỏi các vị Tỳ-kheo, và con là người liễu giải đầu tiên. Như Lai ấn chứng và đặt tên cho con là Giải. Âm thanh vi diệu bí mật đã hiển lộ khắp nơi đến con. Do từ thanh âm mà con được thành bậc A-la-hán.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, quán sát âm thanh là phương pháp đệ nhất."

[2] Bấy giờ Tôn giả Trần Tánh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con cũng thấy Đức Phật thành Đạo ở lúc ban sơ. Con quán tướng bất tịnh và sanh tâm nhàm chán vô cùng. Con giác ngộ rằng các sắc tánh khởi sanh từ bất tịnh. Xương trắng trở thành vi trần và tan biến trong hư không. Do con hiểu rằng hư không và hình sắc đều chẳng thật sự tồn tại nên thành tựu Đạo Vô Học. Như Lai ấn chứng và đặt tên cho con là Trần Tánh. Hình sắc vi diệu bí mật đã hiển lộ khắp nơi đến con. Do từ sắc tướng mà con được thành bậc A-la-hán.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, quán sát hình sắc là phương pháp đệ nhất."

[3] Bấy giờ Đồng tử Hương Nghiêm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Khi nghe Như Lai chỉ dạy rằng, con nên quán sát tường tận về các tướng hữu vi. Sau đó con từ biệt Phật và ẩn tu ở một nơi thanh tịnh yên tĩnh. Con quán sát khi các vị Tỳ-kheo thắp hương trầm thủy, mùi hương của nó lặng lẽ vào trong lỗ mũi. Con quán sát nguồn cội của mùi hương này chẳng phải từ gỗ, chẳng phải từ hư không, chẳng phải từ khói, và cũng chẳng phải từ lửa. Nó chẳng từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu. Do đó ý thức tiêu vong và vô lậu phát huy. Như Lai ấn chứng và đặt tên cho con là Hương Nghiêm. Mặc dù mùi hương hốt nhiên diệt mất, nhưng diệu hương bí mật đã hiển lộ khắp nơi đến con. Do từ hương thơm diệu nghiêm mà con được thành bậc A-la-hán.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, quán sát hương thơm là phương pháp đệ nhất."

[4] Bấy giờ hai vị Pháp Vương Tử là Dược Vương Bồ-tát và Dược Thượng Bồ-tát cùng với 500 Phạm Thiên đang ở tại chúng hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Từ vô thỉ kiếp, chúng con đã làm lương y ở thế gian. Trong miệng của chúng con đã nếm qua cỏ cây và kim thạch ở Thế giới Kham Nhẫn. Tổng số có đến 108.000 loại. Chúng con đều biết vị nếm của mỗi thứ, như là đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, hoặc cay. Chúng con cũng đều biết tất cả đặc tánh khi chúng hòa hợp và phát sanh biến dị, như là nóng lạnh, có độc hay vô độc.

Giữa lúc phụng sự Như Lai, chúng con thấu hiểu rằng tánh của vị nếm chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải từ căn lưỡi hay thức của

lưỡi, chẳng phải lìa khỏi căn lưỡi hay thức của lưỡi. Nhân do phân biệt giữa các vị nếm mà chúng con được khai ngộ. Như Lai ấn chứng và đặt tên cho hai anh em chúng con là Dược Vương Bồ-tát và Dược Thượng Bồ-tát. Bây giờ ở giữa đại chúng, chúng con là hai vị Pháp Vương Tử. Nhân bởi vị nếm mà chúng con giác ngộ và thăng lên quả vị của Bồ-tát.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của chúng con, quán sát vị nếm là phương pháp đệ nhất."

[5] Bấy giờ ngài Hiền Hộ và những vị khác ở trong nhóm 16 vị Khai Sĩ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Khi nghe Pháp của Đức Phật Uy Âm Vương ở thuở xưa, chúng con liền theo Ngài xuất gia. Vào lúc chư Tăng tắm gội, con cũng theo tục lệ mà vào nhà tắm. Nhân hốt nhiên tiếp xúc với nước, con ngộ rằng nước không tẩy trừ bụi bặm và cũng không tẩy rửa thân thể của con. Giữa lúc ấy, con được an nhiên và hiểu rằng chẳng có gì hết.

Kể từ đó, con không hề quên mất những việc đã xảy ra và cho đến đời hiện tại. Nhân do theo Phật xuất gia nên con trở thành bậc Vô Học. Đức Phật kia đã đặt tên cho con là Hiền Hộ. Xúc chạm vi diệu đã hiển lộ khắp nơi đến con và con trở thành một người con của Phật.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, quán sát xúc chạm là phương pháp đệ nhất."

[6] Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang và những vị khác, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Khi Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng xuất hiện ở thế gian vào kiếp xưa trong thế giới này, con có cơ hội được thân cận, nghe Pháp, và tu học. Sau khi Đức Phật ấy diệt độ, con cúng dường xá-lợi, thắp đèn và để cháy sáng liên tục. Con lại mạ vàng hình tượng Phật và làm cho nó tỏa sáng với màu vàng tím. Từ đó về sau, đời đời sanh ra, thân con luôn hoàn chỉnh và tỏa sáng màu vàng tím. Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang cùng với những vị khác là quyến thuộc của con và tất cả đồng thời phát khởi Đạo tâm.

Con quán sát sự biến hoại của pháp trần thế gian. Duy chỉ tu hành quán sát rỗng không và vắng lặng của những pháp trần này mà con vào diệt tận định. Thân và tâm của con có thể vượt qua trăm ngàn kiếp mà giống như thời gian chừng khảy móng tay. Do con quán sát không pháp nên trở thành bậc A-la-hán. Thế Tôn cũng ngợi khen con là vị tu khổ hạnh đệ nhất. Pháp trần vi diệu đã hiển lộ đến con và con trừ sạch các lậu.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, quán sát pháp trần là phương pháp đệ nhất."

[7] Bấy giờ Tôn giả Vô Diệt liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Lúc mới xuất gia, con rất thích ham ngủ. Như Lai quở trách con chẳng khác nào như loài súc sanh. Khi nghe Phật quở trách, con khóc lóc tự trách đến bảy ngày chẳng ngủ nên khiến đôi mắt bị mù.

Thế Tôn thương xót nên đã khai thị cho con về Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang Chánh Định. Sau khi tu tập, con không cần nhờ con mắt mà vẫn có thể nhìn thấy thông suốt rõ ràng mọi thứ khắp mười phương, như nhìn trái xoài trong lòng bàn tay. Do đó con trở thành bậc A-la-hán và được Như Lai ấn chứng.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, xoay ngược căn mắt và tìm về nguồn cội là phương pháp đệ nhất."

[8] Bấy giờ Tôn giả Tiểu Lộ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con có trí nhớ kém cỏi và lại không có căn tánh đa văn. Lúc vừa mới gặp Phật nghe Pháp rồi xin xuất gia, suốt 100 ngày con cố gắng ghi nhớ một câu kệ của Như Lai. Khi nhớ được câu đầu thì quên câu sau. Nhớ được câu sau thì lại quên câu trước.

Phật thương xót con tối dạ nên đã dạy con hãy tìm một nơi vắng vẻ để điều hòa hơi thở ra vào. Lúc ấy con quán sát hơi thở từng li từng tí cho đến khi con có thể phân biệt ở mỗi niệm sanh trụ dị diệt của các hành. Hoát nhiên tâm con hoàn toàn chẳng bị ngăn ngại, cho đến được lậu tận và thành tựu Đạo A-la-hán. Thế Tôn ấn chứng cho con thành bậc Vô Học và được đứng ở dưới Pháp tòa của Phật.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, quán sát rỗng không của hơi thở là phương pháp đệ nhất."

[9] Bấy giờ Tôn giả Ngưu Tướng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Ở kiếp quá khứ con đã tạo nghiệp xấu qua lời nói. Con đã khinh miệt người xuất gia. Thế nên đời đời sanh ra, con bị một chứng bệnh, khiến con nhai thức ăn giống như bò nhai cỏ. Như Lai khai thị cho con về tâm địa Pháp môn của một vị thanh tịnh. Nhờ đó vọng tâm dừng nghỉ và con vào chánh định. Rồi con quán sát và nhận biết vị nếm chẳng phải đến từ căn lưỡi hay từ vật nếm. Ứng theo tâm niệm, con liền siêu vượt các lậu của thế gian. Con thoát khỏi thân tâm ở trong, bỏ lại thế giới ở ngoài, và rời xa ba cõi như chim sổ lồng. Do con tách lìa cấu nhiễm và tiêu trừ

trần lao nên được Pháp nhãn thanh tịnh và trở thành bậc A-la-hán. Như Lai đích thân ấn chứng rằng con đã thăng lên Đạo Vô Học.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, chuyển vị giác ra khỏi vật nếm để trở về lại chính nó là phương pháp đệ nhất."

[10] Bấy giờ Tôn giả Dư Tập liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Sau khi sơ phát khởi Đạo tâm, con theo Phật vào Đạo. Rất nhiều lần con nghe Như Lai nói rằng, những việc ở thế gian đều chẳng thể an vui. Đang giữa lúc tư duy Pháp môn này khi đi khất thực trong thành của một ngày nọ, con bất giác đạp trúng gai độc ở trên đường nên khiến toàn thân đau nhức. Con liền quán sát cảm giác đó. Con nhận biết sự đau đớn khổ xiết, nhưng con cũng nhận biết cái cảm giác của đau đớn. Nhờ đó con hiểu rằng ở trong tâm thanh tịnh thì không có đau đớn hay cảm giác của đau đớn. Con lại tư duy thêm: làm sao chỉ một thân mà có hai cảm giác? Khi con thu nhiếp niệm đó chẳng bao lâu thì thân tâm hốt nhiên rỗng không. Suốt 21 ngày tiếp theo, các lậu của con dần dần trừ tận và cuối cùng trở thành bậc A-la-hán. Như Lai đích thân ấn chứng rằng con đã thăng lên Đạo Vô Học.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, thanh tịnh xúc giác cho đến khi quên hẳn có thân là phương pháp đệ nhất."

[11] Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Từ kiếp lâu xa về trước, tâm con đã được vô ngại và tự nhớ biết vô số đời thọ sanh nhiều như số cát sông Hằng. Dù ở trong thai mẹ, con cũng nhớ biết tịch tĩnh của không. Như vậy cho đến mọi thứ khắp mười phương cũng là không, và con cũng làm cho các chúng sanh chứng đắc

không tánh. Nhờ được Như Lai hiển lộ rằng tánh của giác là chân không và tánh của không là viên minh, nên con đắc Đạo A-la-hán. Con lập tức vào biển chân không sáng báu của Như Lai và đồng với tri kiến của Phật. Thế Tôn ấn chứng rằng con đã thành tựu Đạo Vô Học và là vị bậc nhất đã đạt đến giải thoát qua tánh không.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, các tướng đều rỗng không, cái biết về rỗng không và sự hiểu biết về rỗng không đều tan biến, xoay chuyển muôn pháp trở về không là phương pháp đệ nhất."

[12] Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Từ kiếp lâu xa về trước, con đã thanh tịnh thức của mắt. Do đó vô số đời thọ sanh nhiều như số cát sông Hằng, con chỉ cần nhìn một lần là thông suốt không ngăn ngại về muôn sự biến hóa của pháp thế gian và Pháp xuất thế gian. Thuở xưa con đã gặp hai anh em Ca-diếp ở giữa đường và con đã đi theo. Lúc ấy họ giải thích cho con về lý nhân duyên. Nhờ đó con giác ngộ về vô biên của tâm và theo Phật xuất gia. Sau đó thị giác của con được viên minh, chẳng còn sợ hãi bất cứ điều gì, và trở thành bậc A-la-hán. Con được làm trưởng tử của Phật, sanh ra từ miệng của Phật, và hóa sanh từ Pháp.

Phật hỏi về viên thông. Nhân qua sự chứng đắc của con, thức của mắt phát ra ánh sáng và khi ánh sáng đó đến tột cùng, nó sẽ chiếu soi tri kiến của Như Lai. Đây là phương pháp đệ nhất."

[13] Bấy giờ Phổ Hiền Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con đã từng làm Pháp Vương Tử cho chư Như Lai nhiều như cát sông Hằng. Đối với những đệ tử với căn tánh Bồ-tát, mười phương Như Lai đều dạy tu hạnh Phổ Hiền, là Pháp môn được đặt từ tên gọi của con.

Thưa Thế Tôn! Với thức của tai, con có thể phân biệt tri kiến của mỗi chúng sanh. Cho dù tại thế giới cách xa số lượng thế giới ở phương khác nhiều như số cát sông Hằng, nếu trong tâm của bất kỳ chúng sanh nào phát khởi hạnh Phổ Hiền. Lúc bấy giờ con sẽ phân ra trăm ngàn hóa thân, cưỡi voi trắng sáu ngà và đều đến nơi đó. Cho dù chúng sanh kia có nghiệp chướng thâm trọng nên chưa có thể thấy con, con cũng sẽ âm thầm xoa đỉnh đầu của người đó, ủng hộ an ủi và khiến họ thành tựu.

Phật hỏi về viên thông. Như con đã trình bày về bổn nhân tu hành của mình, tâm con lắng nghe rõ ràng và phân biệt tự tại. Đây là phương pháp đệ nhất."

[14] Bấy giờ Tôn giả Diễm Hỷ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Lúc mới xuất gia và theo Phật vào Đạo, tuy con đầy đủ giới luật, nhưng khi muốn vào chánh định thì tâm luôn tán loạn. Do vậy mà con vẫn chưa được vô lậu. Sau đó Thế Tôn đã dạy con và Tỳ-kheo Đại Tất về cách quán sát điểm trắng ở trên sống mũi. Trải qua 21 ngày quán sát tường tận, con thấy hơi thở ở trong lỗ mũi ra vào tựa như làn khói. Thân và tâm của con phát sáng bởi quang minh từ bên trong, rồi nó chiếu soi cùng khắp thế giới. Mọi thứ biến thành thanh tịnh trong suốt giống như lưu ly. Làn khói ở lỗ mũi dần dần tinh lọc cho đến khi trở thành màu trắng. Khi ấy tâm con được khai ngộ và dứt sạch các lậu. Hơi thở ra và hơi thở vào của con chuyển hóa thành quang minh và chiếu sáng khắp các thế giới trong mười phương. Sau đó con đắc Đạo A-la-hán. Thế Tôn cũng thọ ký con sẽ thành Đạo ở vào đời vị lai.

Phật hỏi về viên thông. Con tinh lọc hơi thở cho đến khi nó phát ra ánh sáng, và khi quang minh chiếu khắp thì các lậu diệt trừ. Đây là phương pháp đệ nhất."

[15] Bấy giờ Tôn giả Phú-lâu-na-di-đa-la-ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Từ kiếp lâu xa về trước, con đã được biện tài vô ngại. Khi tuyên thuyết khổ và không, con có thể thông đạt thâm sâu vào thật tướng. Như vậy cho đến Pháp môn bí mật của chư Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con có thể khai thị nghĩa lý vi diệu ở giữa đại chúng mà chẳng hề sợ hãi.

Biết con có đại biện tài, Thế Tôn chỉ dạy con hãy dùng âm thanh để tuyên dương Chánh Pháp. Và kể từ đó con theo Phật trợ chuyển Pháp luân. Với lời thuyết giảng như sư tử hống, con trở thành bậc A-la-hán. Thế Tôn cũng ấn chứng con là vị thuyết Pháp đệ nhất.

Phật hỏi về viên thông. Con dùng Pháp âm để hàng phục ma oán và tiêu diệt các lậu. Đây là phương pháp đệ nhất."

[16] Bấy giờ Tôn giả Cận Thủ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con là người đích thân hộ tống Phật vượt thành để đi xuất gia. Con tận mắt thấy Như Lai siêng tu khổ hạnh suốt sáu năm. Con tự mình thấy Như Lai hàng phục chúng ma, chế phục ngoại đạo, và giải thoát khỏi tham dục cùng các lậu của thế gian.

Nương vào giới luật của Phật đã dạy, con dần dần đầy đủ 3.000 uy nghi và 80.000 hạnh vi tế. Ba tánh nghiệp [nghiệp thiện, nghiệp ác, nghiệp chẳng thiện chẳng ác] và giới cấm thảy đều thanh tịnh. Do đó thân tâm tịch diệt và trở thành bậc A-la-hán. Giờ đây con là vị giới sư ở trong đại

chúng của Như Lai. Thế Tôn đích thân ấn chứng rằng con trì giới với thân lẫn tâm, và được đại chúng tôn là bậc nhất.

Phật hỏi về viên thông. Con gìn giữ thân nghiệp cho đến khi thân con được tự tại. Kế đến con gìn giữ tâm ý cho đến khi tâm con được thông đạt. Sau đó thân và tâm của con thảy đều thông suốt. Đây là phương pháp đệ nhất."

[17] Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Thuở xưa khi con đang trên đường đi khất thực thì gặp ba anh em Ca-diếp, gồm có Mộc Qua Lâm Ca-diếp, Thành Ca-diếp, và Hà Ca-diếp. Họ đã tuyên giảng về nghĩa lý thâm sâu của nhân duyên. Con lập tức phát khởi Đạo tâm và được thông suốt hoàn toàn. Khi được Như Lai từ bi thu nhận, Pháp y hốt nhiên khoác lên thân và râu tóc của con tự rụng. Bây giờ con có thể du hành đến khắp mười phương mà chẳng gì có thể ngăn ngại. Với thần thông hiển lộ, con đạt đến vô thượng và trở thành bậc A-la-hán. Chẳng riêng Thế Tôn mà chư Như Lai trong mười phương cũng ngợi khen thần lực của con là viên minh thanh tịnh và tự tại vô úy.

Phật hỏi về viên thông. Con xoay ngược thức tâm để trở về chân tâm trạm nhiên. Như thế quang minh của tâm con sẽ chiếu sáng và hiển lộ dòng chảy ô trược, rồi lâu dần nó sẽ trở thành thanh tịnh óng ánh. Đây là phương pháp đệ nhất."

[18] Bấy giờ Hỏa Đầu Kim Cang Lực Sĩ đến trước Như Lai, chắp tay, rồi đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Nhớ lại nhiều kiếp xa xưa về trước, con có tánh tham dục rất nặng nề. Lúc ấy có một Đức Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Không Vương. Ngài nói rằng một đám lửa hừng hực sẽ hình thành ở bên trong của

những ai nhiều dâm dục. Ngài dạy con quán sát những dòng khí nóng lạnh chảy dọc theo khắp đốt xương và tứ chi. Khi đó một ánh sáng thần diệu ngưng tụ ở bên trong và chuyển hóa tâm dâm dục nặng nề của con để trở thành lửa trí tuệ. Kể từ ấy, chư Phật đều gọi con là Hỏa Đầu. Do năng lực của Hỏa Quang Chánh Định mà con trở thành bậc A-la-hán.

Sau đó con phát đại nguyện rằng:

'Hễ khi nào có ai thành tựu Phật Đạo, con sẽ làm lực sĩ hộ vệ và đích thân hàng phục ma oán.'

Phật hỏi về viên thông. Con quán sát tỉ mỉ những nơi ấm ở trong thân thể của con cho đến khi chúng lưu thông không trở ngại. Rồi khi các lậu đã tiêu vong, ở trong tâm con sanh ra một ánh sáng báu rực rỡ và thắp sáng con đường vô thượng giác. Đây là phương pháp đệ nhất."

[19] Bấy giờ Trì Địa Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Nhớ lại vào thuở xưa khi Phổ Quang Như Lai xuất hiện ở thế gian, con từng là một vị Tỳ-kheo. Ở tất cả đại lộ, bến đò, con đường ra đồng, hoặc những lối đi hiểm trở mà bị hư hoại và có thể gây thương tổn đến ngựa với xe, con đều làm cho bằng phẳng và vác cát với đất để sửa sang, hoặc có lúc con xây cầu. Trải qua vô lượng chư Phật xuất hiện ở thế gian, con siêng làm những việc khổ nhọc như thế. Hoặc nếu có ai ở trước cổng chợ mà cần người khiêng vác đồ vật, con liền vác giùm họ đến nơi đích rồi bỏ đi và không lấy tiền công.

Có một khoảng thời gian bị đói kém ở vào thời Đức Phật Biến Thắng còn tại thế, con cõng những người yếu đuối trên lưng. Bất kể là gần hay xa, con chỉ lấy một đồng tiền. Hoặc nếu có xe bò của ai bị lún trong bùn,

con giúp họ thoát khỏi ách nạn, bằng cách dùng thần lực của mình mà đẩy xe lên cho đến khi nó có thể lăn bánh.

Một ngày nọ, vị vua của nước này thỉnh Phật vào cung để dọn thức ăn chay. Lúc đó con đã làm bằng phẳng đất và chờ đợi Phật đi qua.

Khi ấy Đức Phật Biến Thắng lấy tay xoa đỉnh đầu của con và bảo rằng:

'Ông nên làm bằng phẳng đất tâm của mình thì tất cả đất đai ở khắp thế giới tất đều sẽ bằng phẳng.'

Tâm con lập tức mở thông và thấy vi trần trong thân thể cùng với vi trần tạo ra thế giới chẳng có gì khác biệt. Tự tánh của những vi trần này chẳng hề xúc chạm với nhau. Cho đến vi trần của binh khí cũng chẳng có chỗ xúc chạm. Thế là con ngộ Vô Sanh Nhẫn ở trong pháp tánh và thành bậc A-la-hán, rồi hồi tâm để vào những quả vị của Bồ-tát. Khi nghe Như Lai tuyên thuyết Pháp vi diệu liên hoa, là căn bổn để đạt đến tri kiến của Phật, sự hiểu biết của con cũng được ấn chứng và trở thành thượng thủ trong chúng hội.

Phật hỏi về viên thông. Con quán sát tường tận về vi trần ở thân con và thế giới. Chúng chẳng có sai khác với nhau và vốn từ trong Như Lai tạng. Những vi trần này phát sinh từ hư vọng. Khi chúng tiêu tan, trí tuệ viên thành và con bước lên Đạo vô thượng. Đây là phương pháp đệ nhất."

[20] Bấy giờ Đồng tử Nguyệt Quang liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con nhớ thuở xưa Hằng Hà sa kiếp, có Đức Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Thủy Thiên. Ngài dạy các vị Bồ-tát về sự tu tập quán sát nước để vào chánh định. Con quán sát tánh nước ở trong thân chẳng tương đoạt

lẫn nhau. Con bắt đầu quán sát từ nước mắt, nước mũi, nước miếng, và cho đến đàm, dịch, tinh, huyết, nước tiểu, và phân. Tất cả thể lỏng vận hành ở trong thân con đều giống nhau. Con thấy tánh nước ở bên trong thân con và nước ở thế giới bên ngoài đều chẳng sai khác. Cho dù xa tận ở biển Hương Thủy của quốc độ Phù Tràng Vương thì tánh của nước cũng chẳng có sự khác biệt gì với nhau.

Khi mới thành tựu Pháp quán này, con chỉ thấy nước ở trong thân thể của mình và chưa đạt đến vô thân. Lúc đó con là một vị Tỳ-kheo. Giữa lúc đang ngồi thiền yên tĩnh của một ngày nọ, có một đệ tử của con nhìn vào trong thất qua khung cửa sổ, và chỉ thấy toàn là nước trong veo tràn khắp ở trong thất mà chẳng thấy có gì khác. Do tiểu đồng tinh nghịch vô tri nên đã lấy một cục gạch ném vào trong nước và tạo ra tiếng khi va chạm với nước. Tiểu đồng nghoảnh nhìn rồi bỏ đi. Sau khi xuất định, con cảm thấy đau nhói ở tim. Sự đau nhức ấy giống như khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất gặp quỷ dữ gây hại.

Con tự suy nghĩ rằng:

'Nay mình đã đắc Đạo A-la-hán và từ lâu đã lìa khỏi các duyên để dẫn đến bệnh hoạn. Cớ gì hôm nay trong tim lại hốt nhiên nhức nhối như thế? Chẳng lẽ ta đã thoái chuyển rồi sao?'

Ngay lúc đó đồng tử chạy đến ở trước con và kể lại sự việc như trên.

Con liền dạy rằng:

'Nếu thấy vũng nước như lúc trước, con hãy liền mở cửa và vào trong nước để lấy cục gạch ra.'

Đồng tử vâng lời căn dặn. Rồi sau khi con nhập định, đồng tử lại thấy nước và cục gạch giống hệt như trước đây. Đồng tử mở cửa và lấy cục

gạch ra ngoài. Sau khi xuất định, thân thể của con bình thường như lúc trước.

Kể từ lúc tu tập Pháp quán này, con đã gặp vô lượng chư Phật. Như vậy cho đến khi Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai xuất hiện ở thế gian thì con mới chứng đắc vô thân. Lúc ấy tánh nước ở bên trong thân con và tất cả nước của biển Hương Thủy ở khắp các thế giới trong mười phương đều hợp vào chân không--chẳng hai, chẳng sai khác. Nay ở trước Như Lai, con được gọi là đồng chân và tham dự vào chúng hội của Bồ-tát.

Phật hỏi về viên thông. Con liễu đạt rằng tánh của nước là một vị lưu thông, rồi chứng đắc Vô Sanh Nhẫn và viên mãn tuệ giác. Đây là phương pháp đệ nhất."

[21] Bấy giờ Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con nhớ thuở xưa Hằng Hà sa kiếp, có Đức Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Vô Lượng Thanh. Ngài khai thị cho các vị Bồ-tát về bổn giác diệu minh. Ngài dạy hãy quán sát thế giới này cùng thân của chúng sanh đều là duyên hư vọng bị chuyển động bởi sức của gió.

Lúc ấy con quán sát sự thành lập của thế giới, quán sát khi thời gian di chuyển, quán sát thân con làm sao chuyển động rồi dừng lại, và quán tâm động niệm của chính mình. Con nhận ra rằng những sự chuyển động này đều giống nhau--không chút sai khác. Khi ấy con giác ngộ rằng tánh của những sự chuyển động này đều chẳng từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu. Số lượng chúng sanh điên đảo nhiều như vi trần ở khắp mười phương đều đồng với hư vọng. Như vậy cho đến một tỷ thế giới tức là một Đại Thiên Thế Giới, tất cả chúng sanh ở trong đó tựa như đám muỗi

bị nhốt ở trong lọ. Chúng kêu vo ve rối ren và bay náo loạn điên cuồng ở trong cái lọ nhỏ hẹp.

Khi mới vừa gặp Đức Phật Vô Lượng Thanh chẳng bao lâu, con liền đắc Vô Sanh Nhẫn. Lúc ấy tâm con mở thông và cho đến thấy quốc độ của Đức Phật Bất Động ở phương đông. Sau đó con trở thành Pháp Vương Tử và phụng sự chư Phật khắp mười phương. Thân và tâm của con phát ra ánh sáng và chiếu triệt vô ngại.

Phật hỏi về viên thông. Con giác ngộ Đạo tâm là do nhờ quán sát sức của gió không có chỗ nương. Con vào chánh định, hợp nhất với mười phương chư Phật, và truyền thọ diệu Pháp của Nhất Tâm. Đây là phương pháp đệ nhất."

[22] Bấy giờ Hư Không Tạng Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Khi con và Như Lai ở chỗ của Đức Phật Định Quang, con đã được thân vô biên. Lúc ấy trên tay con cầm bốn châu báu lớn. Chúng chiếu sáng vi trần số Phật độ ở mười phương và con thấy những quốc độ kia đều hóa thành hư không. Lại nữa, tâm con hiện ra như một cái gương tròn to lớn. Ở trong đó phóng ra mười loại quang minh báu vi diệu và chúng tuôn tràn khắp mười phương cho đến tận cùng ranh giới của hư không. Hết thảy cõi nước Tràng Vương đều phản chiếu ở trong gương, rồi vào trong thân con. Thân con đồng như hư không và chẳng hề chướng ngại lẫn nhau. Con có thể khéo vào cõi nước nhiều như vi trần để rộng làm Phật sự và được sự tùy thuận như ý.

Do con quán sát tường tận về bốn đại không có chỗ nương nên thành tựu sức đại thần thông này. Do vọng tưởng mà bốn đại sanh ra và diệt mất. Hư không và quốc độ của chư Phật vốn giống nhau và chẳng phải hai. Qua sự quán sát này mà con khai ngộ và đắc Vô Sanh Nhẫn.

Phật hỏi về viên thông. Con do nhờ quán sát hư không vô biên nên vào chánh định và được diệu lực viên minh. Đây là phương pháp đệ nhất."

[23] Bấy giờ Di-lặc Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con nhớ thuở xưa vi trần số kiếp, có Đức Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Con theo học Đức Phật kia và sau đó xin xuất gia. Tuy nhiên lòng con tham danh lợi của thế gian và thích lai vãng đến gia đình quyền quý.

Lúc ấy Thế Tôn kia đã dạy con tu tập để vào chánh định bằng cách tư duy tất cả đều chỉ tồn tại ở trong tâm thức. Từ khi vào chánh định này và trải qua nhiều kiếp cho đến nay, con phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Kể từ đó, lòng mong cầu danh lợi của thế gian xưa kia đã diệt mất không dấu vết. Mãi đến khi Đức Phật Nhiên Đăng xuất hiện ở thế gian, con mới được thành tựu Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Chánh Định. Đến lúc này, con mới thấu hiểu rằng hết thảy quốc độ của chư Như Lai tận hư không--hoặc thanh tịnh, uế trược, hay cả hai--đều là từ tâm của con biến hóa hiện ra.

Thưa Thế Tôn! Do bởi con liễu giải như thế, rằng tất cả đều chỉ tồn tại ở trong tâm thức. Con giác ngộ tánh của thức lưu xuất vô lượng Như Lai và nay được thọ ký sẽ làm vị Phật kế tiếp.

Phật hỏi về viên thông. Con quán sát tường tận, rằng mọi thứ ở mười phương đều chỉ tồn tại ở trong thức tâm. Do đó tâm con được minh liễu viên mãn và vào tánh viên thành thật. Con rời xa tánh y tha khởi cùng tánh biến kế chấp và đắc Vô Sanh Nhẫn. Đây là phương pháp đệ nhất."

[24] Bấy giờ Đại Thế Chí Pháp Vương Tử và 52 vị Bồ-tát đồng hạnh như ngài, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Con nhớ thuở xưa Hằng Hà sa kiếp, có Đức Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Vô Lượng Quang. Khi ấy có 12 Đức Như Lai kế nhau xuất hiện ở thế gian trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Đức Phật đó đã dạy con Niệm Phật Chánh Định.

Ví như có hai người, một người luôn nhớ, còn một người luôn quên. Hai người như thế, dù gặp cũng như chẳng gặp, dù thấy cũng như chẳng thấy. Nhưng nếu cả hai đồng nhớ nhau thì họ sẽ luôn nhớ mãi. Cho đến từ đời này sang đời khác, họ sẽ như hình với bóng và không bao giờ xa cách.

Chư Như Lai trong mười phương thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn thì dù mẹ có nhớ nhưng cũng chẳng biết làm sao. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ và con sẽ đời đời không bao giờ lìa xa.

Nếu tâm của chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, thì hiện tại cùng vị lai sẽ nhất định thấy Phật. Do cách Phật chẳng xa nên không cần dùng phương tiện, tâm sẽ tự khai mở, như người gần hương thơm thì thân sẽ có mùi hương. Đây gọi là hương quang trang nghiêm.

Lúc xưa con ở Nhân Địa đã dùng tâm niệm Phật mà vào Vô Sanh Nhẫn. Giờ con ở thế giới này nhiếp thọ những ai niệm Phật về tịnh độ.

Phật hỏi về viên thông. Con không có tuyển lựa [để xem căn nào dễ dàng đạt đến viên thông, mà con chỉ nhận thấy rằng], thu nhiếp trọn cả sáu căn, tịnh niệm kế nhau để đắc chánh định. Đây là phương pháp đệ nhất."

***

[25] Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa vô số Hằng Hà sa kiếp, đương thời có Đức Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Quán Thế Âm. Và ở trước Đức Phật kia, con đã phát khởi Đạo tâm. Đức Phật kia đã dạy con vào chánh định qua sự tu hành của lắng nghe và tư duy.

Trước tiên con chuyển thính giác hướng vào trong để vào dòng thánh và như thế âm thanh bên ngoài sẽ tiêu vong. Một khi sự lắng nghe hướng vào trong và âm thanh đã lặng yên, cả hai tướng--tiếng động và yên tĩnh--đều hoàn toàn chẳng sanh. Và khi dần dần tăng tiến như thế, những gì con nghe và sự nhận biết của những gì đã nghe đều chấm dứt. Một khi sự lắng nghe đó chấm dứt thì không còn gì để trụ nương. Sự nhận biết và vật của nhận biết trở thành rỗng không. Khi làm cho rỗng không của nhận biết đạt đến viên mãn cực độ, thì sự rỗng không đó và những gì đã rỗng không đều tan biến. Khi sanh diệt diệt rồi, tịch diệt sẽ hiện tiền.

Hốt nhiên con siêu việt thế gian và xuất thế gian. Mọi thứ ở mười phương được chiếu sáng tròn đầy, và con được hai điều thù thắng.

1. Tâm con thăng lên để hợp nhất với bổn giác diệu tâm của mười phương chư Phật, và sức từ bi của con đồng nhất với chư Phật Như Lai.

2. Tâm con hạ xuống để hợp nhất với tất cả chúng sanh trong sáu đường ở khắp mười phương, và con có thể cảm nhận nỗi ưu bi và ước nguyện của các chúng sanh giống như của mình.

Thưa Thế Tôn! Do đã cúng dường Quán Thế Âm Như Lai và nhờ hồng ân của Như Lai kia đã truyền thọ cho con Kim Cang Chánh Định như

huyễn qua sự tu hành của lắng nghe và tư duy, nên sức từ bi của con đồng nhất với chư Phật Như Lai. Do đó con có thể hiện ra 32 ứng thân để vào các quốc độ.

[1] Thưa Thế Tôn! Giả sử có những vị Bồ-tát nào đã vào chánh định, tu hành tăng tiến, và được vô lậu. Nếu họ muốn chứng đắc thắng giải hiện tiền viên mãn, con sẽ hiện ra thân Phật mà thuyết Pháp và chỉ dẫn họ đến giải thoát.

[2] Giả sử có những vị thuộc hàng Hữu Học nào với tâm tịch tĩnh diệu minh. Nếu họ muốn chứng đắc thắng diệu hiện tiền viên mãn, con sẽ hiện ra thân Độc Giác mà thuyết Pháp và chỉ dẫn họ đến giải thoát.

[3] Giả sử có những vị thuộc hàng Hữu Học nào đã đoạn trừ 12 Nhân Duyên và do nhân duyên đã đoạn nên được tánh thù thắng. Nếu họ muốn chứng đắc thắng diệu hiện tiền viên mãn, con sẽ hiện ra thân Duyên Giác mà thuyết Pháp và chỉ dẫn họ đến giải thoát.

[4] Giả sử có những vị thuộc hàng Hữu Học nào đã được tâm không, khế hợp với Bốn Thánh Đế và đang tu Đạo để đạt đến tịch diệt. Nếu họ muốn chứng đắc thắng tánh hiện tiền viên mãn, con sẽ hiện ra thân Thanh Văn mà thuyết Pháp và chỉ dẫn họ đến giải thoát.

[5] Giả sử có những chúng sanh nào đã hiểu rõ lòng tham muốn, không còn vướng mắc ái dục của hồng trần, và muốn thân thanh tịnh, con sẽ hiện ra thân Phạm Vương mà thuyết Pháp và chỉ dẫn họ đến giải thoát.

[6] Giả sử có những chúng sanh nào muốn làm thiên chủ để thống lãnh chư thiên, con sẽ hiện ra thân Năng Thiên Đế mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[7] Giả sử có những chúng sanh nào muốn được thân tự tại để du hành khắp mười phương, con sẽ hiện ra thân Tự Tại Thiên mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[8] Giả sử có những chúng sanh nào muốn được thân tự tại để phi hành hư không, con sẽ hiện ra thân Đại Tự Tại Thiên mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[9] Giả sử có những chúng sanh nào thích thống lãnh quỷ thần để cứu hộ quốc thổ, con sẽ hiện ra thân thiên đại tướng quân mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[10] Giả sử có những chúng sanh nào thích thống lãnh thế giới để bảo hộ chúng sanh, con sẽ hiện ra thân của một trong Bốn Vị Thiên Vương mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[11] Giả sử có những chúng sanh nào thích sanh về thiên cung để sai khiến quỷ thần, con sẽ hiện ra thân thái tử của một trong Bốn Vị Thiên Vương mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[12] Giả sử có những chúng sanh nào thích làm vua ở nhân gian, con sẽ hiện ra thân vua mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[13] Giả sử có những chúng sanh nào thích làm chủ dòng tộc để người thế gian kính nể, con sẽ hiện ra thân trưởng giả mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[14] Giả sử có những chúng sanh nào thích đàm luận văn chương và sống đời trong sạch, con sẽ hiện ra thân cư sĩ mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[15] Giả sử có những chúng sanh nào thích quản lý quốc gia hoặc quyết định sự việc của tỉnh hay huyện, con sẽ hiện ra thân tể quan mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[16] Giả sử có những chúng sanh nào thích toán số và những kỳ thuật khác để bảo vệ cho cuộc sống chính mình, con sẽ hiện ra thân Phạm Chí mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[17] Giả sử có người nam nào thích học trở thành Tỳ-kheo và thọ trì các giới luật, con sẽ hiện ra thân Tỳ-kheo mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[18] Giả sử có người nữ nào thích học trở thành Tỳ-kheo-ni và gìn giữ các giới cấm, con sẽ hiện ra thân Tỳ-kheo-ni mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[19] Giả sử có người nam nào thích giữ Năm Giới, con sẽ hiện ra thân Thanh Tín Nam mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[20] Giả sử có người nữ nào thích giữ Năm Giới, con sẽ hiện ra thân Thanh Tín Nữ mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[21] Giả sử có người nữ nào thích quản lý hậu cung hoặc chuyện của gia tộc, con sẽ hiện ra thân vương hậu, công nương, hay đại phu nhân mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[22] Giả sử có những bé trai nào muốn giữ thân đồng tử vĩnh viễn, con sẽ hiện ra thân đồng nam mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[23] Giả sử có những bé gái nào muốn giữ thân trinh nữ vĩnh viễn và không muốn thân thể xâm phạm, con sẽ hiện ra thân đồng nữ mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[24] Giả sử có vị trời nào muốn thoát khỏi cảnh trời, con sẽ hiện ra thân trời mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[25] Giả sử có loài rồng nào muốn thoát khỏi loài rồng, con sẽ hiện ra thân rồng mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[26] Giả sử có quỷ tiệp tật nào muốn thoát khỏi loài quỷ tiệp tật, con sẽ hiện ra thân quỷ tiệp tật mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[27] Giả sử có tầm hương thần nào muốn thoát khỏi loài tầm hương thần, con sẽ hiện ra thân tầm hương thần mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[28] Giả sử có phi thiên nào muốn thoát khỏi loài phi thiên, con sẽ hiện ra thân phi thiên mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[29] Giả sử có nghi thần nào muốn thoát khỏi loài nghi thần, con sẽ hiện ra thân nghi thần mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[30] Giả sử có đại mãng xà nào muốn thoát khỏi loài đại mãng xà, con sẽ hiện ra thân đại mãng xà mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[31] Giả sử có những chúng sanh nào vẫn yêu thích làm người, con sẽ hiện ra thân người mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

[32] Giả sử có những phi nhân nào--có hình tướng hay không hình tướng, có tưởng hay vô tưởng--muốn thoát khỏi loài phi nhân, con sẽ hiện ra thân phi nhân mà thuyết Pháp và khiến họ thành tựu.

Đây là 32 ứng thân vi diệu thanh tịnh để vào các quốc độ. Tất cả đều từ năng lực vi diệu vô tác của chánh định qua sự tu hành của lắng nghe và tư duy mà được thành tựu tự tại.

Thưa Thế Tôn! Lại với năng lực vi diệu vô tác của Kim Cang Chánh Định qua sự tu hành của lắng nghe và tư duy, con có thể cảm nhận giống như của mình về nỗi ưu bi và ước nguyện của tất cả chúng sanh trong sáu đường ở ba đời mười phương. Cho nên với sự kết hợp của thân và tâm, con có thể làm cho các chúng sanh được công đức của 14 loại vô úy.

1. Do con không nghe theo âm thanh, nhưng trái lại con quán sát âm thanh của người đó ở bên trong, nên con có thể nghe âm thanh của chúng sanh khổ não khắp mười phương và khiến họ liền được giải thoát.

2. Do con đã xoay ngược và hồi phục tri kiến của mình, giả sử có những chúng sanh nào rơi vào trong lửa lớn, con có thể làm cho lửa chẳng thể đốt cháy họ.

3. Do con đã xoay ngược và hồi phục thấy nghe của mình, giả sử có những chúng sanh nào bị nước cuốn trôi, con có thể làm cho nước chẳng thể nhấn chìm họ.

4. Do con đã đoạn diệt vọng tưởng và không có tâm giết hại, giả sử có những chúng sanh nào lạc vào nước của quỷ, con có thể làm cho loài quỷ chẳng thể hại họ.

5. Do con đã thành tựu hợp nhất căn nghe với tánh giác của nghe, sáu căn hòa quyện và trở thành đồng nhất với căn nghe. Cho nên nếu có chúng sanh nào sắp bị hại, con có thể làm cho đao của người tấn công gãy từng đoạn. Binh khí của kẻ đó sẽ như chém vào nước, hoặc cũng như gió thổi vào tánh không dao động của ánh sáng.

6. Do tánh nghe của con xông ướp với diệu minh tinh nguyên nên chiếu sáng khắp Pháp Giới và phá tan đen tối của mọi nơi u ám. Cho dù có những chúng sanh nào ở gần cạnh quỷ tiệp tập, quỷ bạo ác, quỷ úng hình, quỷ hút tinh khí, hay quỷ xú uế thì mắt của chúng vẫn không thể nhìn thấy.

7. Do tánh của âm thanh hòa tan hoàn toàn khi con chuyển ngược sự lắng nghe vào trong, nên con lìa hư vọng của các trần và có thể làm cho những chúng sanh đang chịu gông cùm xiềng xích không bị nó trói buộc.

8. Do âm thanh đã diệt mất và sự lắng nghe viên mãn, nên con được sức từ bi biến khắp và có thể làm cho những chúng sanh đang đi qua đường hiểm không bị giặc cướp bóc.

9. Do căn nghe của con hợp nhất với tánh giác của nghe, nên con lìa trần cấu và sắc tướng chẳng thể ức chế. Con có thể làm cho tất cả chúng sanh nhiều lòng dâm dục được rời xa tham dục.

10. Do âm thanh thuần nhất rỗng không và chẳng chút trần cấu nên căn và cảnh viên dung, không có sự đối đãi hoặc có gì để đối đãi. Con có thể làm cho tất cả chúng sanh sân hận lìa khỏi sân hận.

11. Do trần cảnh tiêu vong và chuyển thành quang minh, Pháp Giới và thân tâm của con tựa như lưu ly trong suốt và không bị ngăn ngại. Con có thể làm cho tất cả chúng sanh với căn tánh ngu độn và tâm bất thiện vĩnh viễn lìa si ám.

12. Do hình sắc dung hòa và trở về tánh giác của nghe, con chẳng rời Đạo Tràng mà có thể vào thế gian và không hủy hoại tướng của thế giới. Con có thể cúng dường khắp chư Phật Như Lai ở mười phương nhiều

như vi trần và làm Pháp Vương Tử ở bên cạnh của mỗi Đức Phật. Những chúng sanh nào không có con cái và cầu mong một bé trai, con có thể làm cho họ sanh được một bé trai với phước đức trí tuệ.

13. Do sáu căn viên thông với nhau và chiếu sáng bất nhị bao hàm các thế giới trong mười phương, tâm con trở thành như một tấm gương tròn to lớn và phản chiếu tánh không của Như Lai tạng. Con phụng sự mười phương Như Lai nhiều như số vi trần và lãnh thọ Pháp môn bí mật của chư Phật mà chẳng hề quên mất. Những chúng sanh nào không có con cái ở khắp Pháp Giới và cầu mong một bé gái, con có thể làm cho họ sanh được một bé gái với tướng mạo đoan chánh, đầy đủ phước đức, tánh nết nhu hòa, và mọi người thương mến.

14. Ở Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới này có một tỷ mặt trời và mặt trăng, với các vị Pháp Vương Tử bằng số lượng của số cát trong 62 sông Hằng, hiện đang trụ ở thế gian để tu hành Phật Pháp, làm mô phạm cho hàng trời người, và giáo hóa chúng sanh. Các ngài tùy thuận chúng sanh với trí tuệ phương tiện của mình và mỗi vị đều chẳng giống nhau. Do con đã chứng đắc viên thông qua bổn căn, nên căn tai phát huy nhiệm mầu như một cánh cửa. Sau đó thân tâm của con trở nên vi diệu, bao hàm vạn vật, và trùm khắp Pháp Giới. Vì vậy những chúng sanh nào thọ trì danh hiệu của con, con có thể làm cho họ được phước đức như người thọ trì danh hiệu của các vị Pháp Vương Tử bằng số lượng của số cát trong 62 sông Hằng. Phước đức của hai người ấy bằng nhau không khác.

Thưa Thế Tôn! Do sự tu tập của con đã đạt đến viên thông chân thật, nên phước đức của một danh hiệu con bằng phước đức của tất cả danh hiệu kia--không chút sai khác.

Và như thế, con có thể làm cho chúng sanh được công đức từ uy lực của 14 loại vô úy.

Lại nữa, thưa Thế Tôn! Do con chứng đắc viên thông và tu chứng Đạo vô thượng như thế, con lại khéo có thể đạt được bốn diệu đức chẳng thể nghĩ bàn của vô tác.

1. Do con giác ngộ điều vi diệu trong vi diệu ở nơi tâm của lắng nghe, và một khi sự lắng nghe hòa quyện vào tâm tinh nguyên của con, thì sự lắng nghe của con đối với thấy, ngửi, nếm, chạm, và biết trở thành không thể phân biệt với nhau. Toàn bộ sáu công năng viên dung hợp nhất để trở thành một bảo giác thanh tịnh. Cho nên, con có thể hiện ra nhiều loại thân hình vi diệu và có thể tuyên thuyết vô biên thần chú bí mật. Hoặc con hiện ra với 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, và như vậy cho đến 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu, hay 84.000 đầu kiên cố bất hoại. Hoặc con hiện ra với 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 10 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, và như vậy cho đến 108 tay, 1.000 tay, 10.000 tay, hay 84.000 tay đang kết ấn. Trong những bàn tay của con hoặc có 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, và như vậy cho đến 108 mắt, 1.000 mắt, 10.000 mắt, hay 84.000 mắt thanh tịnh báu. Hoặc hiện ra với từ bi, uy nghiêm, và định tuệ ở trong những thân hình đó, con có thể cứu hộ chúng sanh và làm cho họ được đại tự tại.

2. Do sự tu hành của lắng nghe và tư duy, con thoát ra khỏi sáu trần. Ví như âm thanh bị bức tường làm chướng ngại, nhưng giờ đây con không còn bị sáu trần làm chướng ngại nữa. Bởi vậy mà con có năng lực nhiệm mầu để hiện ra nhiều loại thân hình và tụng nhiều loại thần chú. Vì những thân hình cùng với thần chú đó có thể ban điều không sợ hãi cho các chúng sanh, cho nên hữu tình ở khắp vi trần quốc độ trong mười phương đều gọi con là bậc thí vô úy.

3. Do đạt đến viên thông từ sự tu tập căn bổn vi diệu, nên căn tai của con được thanh tịnh. Vì thế khi du hành qua bất kỳ thế giới nào, con đều làm cho chúng sanh có thể xả bỏ trân bảo và chẳng tiếc thân mạng để cầu mong con hãy thương xót cho họ.

4. Do chứng ngộ cứu cánh và chứng đắc Phật tâm, con có thể dùng muôn loại trân bảo để cúng dường mười phương Như Lai, và cũng như bố thí cho chúng sanh trong sáu đường ở khắp Pháp Giới. Những ai cầu mong có vợ sẽ được vợ, cầu mong con cái sẽ được con cái, cầu mong chánh định sẽ được chánh định, cầu mong trường thọ sẽ được trường thọ, và như vậy cho đến cầu mong đại tịch diệt sẽ được đại tịch diệt.

Phật hỏi về viên thông. Từ cánh cửa của căn tai mà con đắc Viên Chiếu Chánh Định. Khi tâm duyên nơi cảnh vắng lặng nên con được tự tại. Rồi nhân bởi vào dòng chảy của bậc giác ngộ mà con đắc chánh định. Đây là phương pháp đệ nhất.

Thưa Thế Tôn! Thuở xưa Quán Thế Âm Như Lai đã ngợi khen con khéo dùng Pháp môn này để chứng đắc viên thông. Bấy giờ ở giữa đại chúng, Đức Phật kia đã thọ ký và đặt tên cho con là Quán Thế Âm. Do con có thể nghe thấu khắp mười phương với minh liễu viên dung, cho nên danh hiệu Quán Thế Âm của con cũng được biết khắp các thế giới trong mười phương."

Bấy giờ ở trên tòa sư tử, Thế Tôn đồng một lúc phóng ra quang minh báu từ hai tay, hai chân, và trên trán. Ánh sáng đó chiếu rất xa để rót vào đỉnh đầu chư Như Lai cùng những vị Pháp Vương Tử Bồ-tát và số lượng đó nhiều như vi trần trong mười phương. Chư Như Lai kia cũng đồng một lúc phóng ra quang minh báu từ hai tay, hai chân, và trên trán. Những ánh sáng đó nhiều như vi trần từ khắp mười phương đến để rót vào đỉnh đầu của Đức Phật cùng chư đại Bồ-tát và những vị A-la-hán ở trong Pháp hội. Khắp rừng cây và ao hồ đều vang Pháp âm. Các luồng ánh sáng hòa quyện như những dây tơ của lưới giăng báu. Khi ấy toàn thể đại chúng thấy được việc chưa từng có và tất cả đều đắc Kim Cang Chánh Định. Tiếp đến, trời mưa hoa sen trăm báu với màu xanh, vàng, đỏ, trắng và chúng xen kẽ rơi xuống. Hư không khắp mười phương trở

thành màu sắc của bảy báu. Sơn hà đại địa của Thế giới Kham Nhẫn đồng thời biến mất. Duy chỉ thấy mười phương vi trần quốc độ hợp thành một thế giới và tiếng ca vịnh thanh tịnh tự nhiên trỗi lên.

Bấy giờ Như Lai bảo Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử:

"Ông nay hãy quán sát những gì đã vừa nói của 25 vị thánh, gồm có chư đại Bồ-tát và những vị A-la-hán đã đạt đến bậc Vô Học, về phương pháp mà họ bước lên chánh Đạo lúc tối sơ. Ai nấy đều nói rằng phương pháp tu tập để đạt đến viên thông của mình là đệ nhất. Tuy những phương pháp đã nói ở trước và sau có sai khác, nhưng sự thật thì không có cái nào là ưu việt hay hạ liệt. Nhưng bây giờ Ta muốn chỉ dạy A-nan đạt đến khai ngộ, thế thì phương pháp nào trong 25 vị thánh là phù hợp với căn cơ của ông ấy? Và sau khi Ta diệt độ, phương pháp nào sẽ dẫn chúng sanh của thế giới này vào Bồ-tát Thừa để cầu Đạo vô thượng? Môn phương tiện nào sẽ giúp họ dễ được thành tựu?"

Khi đã lãnh thọ thánh chỉ từ bi của Như Lai, Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi nương uy thần của Phật và nói kệ đáp rằng:

"Tánh của biển giác lắng trong viên
Viên mãn lắng trong giác nguyên diệu
Nhận biết vừa khởi cảnh hiện ra
Khi cảnh thành lập bổn giác vong

Rồi từ mê vọng có hư không
Thế giới thành lập nương hư không
Vọng tưởng cô đọng thành quốc độ
Do bởi tri giác có chúng sanh

Hư không sanh ra trong đại giác

Như một bọt nước nổi trên biển
Vi trần thế giới và hữu lậu
Đều nương hư không mà sanh ra
Bọt nổ hư không còn chẳng có
Hà huống lại có ba cõi sao?

Trở về nguồn cội tánh bất nhị
Cánh cửa phương tiện có nhiều lối
Thánh trí không gì mà chẳng thông
Thuận nghịch đều là môn phương tiện
Sơ phát Đạo tâm vào chánh định
Người mau kẻ chậm chẳng đồng nhau

Sắc kết hợp tưởng thành trần lao
Tinh yếu của chúng chẳng thông suốt
Nếu mà dùng thứ không minh triệt
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [2]

Ngôn ngữ kết tạp nhiều âm thanh
Để thành danh từ và câu nghĩa
Nhưng chúng không thể gồm tất cả
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [1]

Mùi hương vào mũi mới ngửi biết
Lìa hương và mũi, ngửi vốn không
Do bởi khứu giác chẳng thường tại
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [3]

Vị nếm chẳng phải tánh bổn giác
Vị nếm chỉ có khi nếm gì
Do bởi vị giác chẳng thường tại
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [4]

Cảm nhận xúc chạm khi sờ vào
Không vật xúc chạm làm sao biết
Tánh chạm và rời chẳng cố định
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [5]

Pháp được gọi là, trần ở trong
Là trần thì tất phải có chỗ
Năng quán sở quán chẳng biến khắp
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [6]

Mặc dù căn mắt thấy rõ ràng
Nhưng chỉ thấy trước chẳng thấy sau
Bốn hướng một lúc chỉ thấy nửa
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [7]

Hít vô thở ra qua lỗ mũi
Nhưng giữa lúc nghỉ không hơi thở
Bởi có gián đoạn chẳng liên tiếp
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [8]

Nếu chẳng có gì lưỡi chẳng biết
Nhân bởi nếm vật sanh vị giác
Nhận biết chẳng còn khi vị hết
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [9]

Thân và xúc trần có tương đồng
Do chúng chẳng phải viên giác quán
Ranh giới, số lượng, chẳng luôn gặp
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [10]

Căn ý tạp loạn với suy tư

Trạm nhiên minh liễu mãi chẳng thấy
Không thể thoát khỏi tưởng và niệm
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [11]

Quán thức của mắt gồm ba phần
Suy xét căn bổn vô hình tướng
Tự thể nó vốn chẳng cố định
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [12]

Nếu thức của tai biết cùng khắp
Là sức nhân lớn ở đời trước
Tâm người mới tu chẳng thể vào
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [13]

Quán tưởng sống mũi là phương tiện
Nhằm chỉ nhiếp tâm trụ một chỗ
Tâm có chỗ trụ khi trụ thành
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [14]

Thuyết Pháp qua tiếng của văn từ
Khai ngộ những ai đã thành tựu
Danh cú chẳng phải là vô lậu
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [15]

Trì giới duy chỉ kiềm giữ thân
Phi thân không chỗ để kiềm giữ
Vốn chẳng áp dụng cho tất cả
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [16]

Thần thông dựa vào nhân đời trước
Liên quan gì với phân biệt pháp?
Ý niệm không thể lìa khỏi vật

Làm sao mà dễ chứng viên thông? [17]

Nếu như quán sát tánh của đất
Rắn chắc ngăn ngại chẳng xuyên thông
Hữu vi không phải tánh của thánh
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [19]

Nếu như quán sát tánh của nước
Tưởng niệm như thế chẳng chân thật
Đó không phải là chân giác quán
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [20]

Nếu như quán sát tánh của lửa
Nhàm dục chẳng phải chân xuất ly
Không phải phương tiện cho sơ căn
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [18]

Nếu như quán sát tánh của gió
Chuyển động tĩnh mịch tức đối nhau
Có đối chẳng phải vô thượng giác
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [21]

Nếu như quán sát tánh của không
Hôn muội hỗn độn vốn phi giác
Vô giác tức khác với thượng giác
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [22]

Nếu như quán sát tánh của thức
Nhưng thức chẳng phải là thường trụ
Nó cũng ở tâm nên hư vọng
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [23]

Tất cả các hành là vô thường
Tánh niệm bổn nguyên có sanh diệt
Muốn dùng nhân quả vượt nhân quả
Làm sao mà dễ chứng viên thông? [24]

Con nay kính cẩn thưa Thế Tôn
Đức Phật thị hiện tại Kham Nhẫn
Truyền dạy chân Pháp ở cõi này
Thanh tịnh chính là ở lắng nghe [25]

Những ai muốn đắc môn chánh định
Chắc chắn lắng nghe dễ vào nhất
Lìa khỏi khổ ách được giải thoát
Lành thay diệu Pháp Quán Thế Âm

Ở trong số kiếp Hằng Hà sa
Vào số cõi Phật như vi trần
Ngài được thần lực đại tự tại
Ban thí vô úy cho chúng sanh

Âm thanh vi diệu Quán Thế Âm
Như tiếng hải triều thanh tịnh âm
Cứu hộ chúng sanh đến bình an
Giúp vượt thế gian chứng thường trụ

Con nay thưa với Như Lai rằng
Như Quán Thế Âm đã thuyết giảng
Ví như có người tâm tĩnh lặng
Nghe tiếng trống đánh khắp mười hướng
Mười hướng đồng thời nghe rõ ràng
Do đó căn tai thật viên dung

Mắt chẳng thấy xuyên vật ngăn ngại
Miệng mũi giới hạn cũng như thế
Thân cần xúc chạm mới cảm nhận
Tâm niệm rối ren không đầu mối

Dù bị tường ngăn tiếng vẫn nghe
Âm thanh gần xa đều nghe cả
Năm căn khác kia sao bằng tai
Là căn viên thông chân thật nhất

Tĩnh động là tánh của âm thanh
Tai nghe có tiếng hoặc tĩnh lặng
Mặc dù không tiếng bảo chẳng nghe
Nhưng thật tánh nghe chẳng gián đoạn

Không tiếng nó chẳng bị diệt mất
Có tiếng nó cũng không khởi sanh
Hoàn toàn vượt khỏi sanh và diệt
Nên nó chân thật là thường hằng

Dù khi ý dừng trong giấc mơ
Nhưng nghe vẫn không có tạm đình
Thính giác của tai vượt suy tư
Thân tâm các căn chẳng thể sánh

Nay vì hữu tình cõi Ta-bà
Con giải thích rõ về lắng nghe
Chúng sanh mê muội tánh của nghe
Chạy theo âm thanh nên lưu chuyển

Cho dù A-nan trí nhớ dai
Cũng không thoát miễn rơi niệm tà

A-nan nếu chẳng theo dòng chảy
Ngược dòng làm sao bị vọng mê?

Đại đức A-nan hãy lắng nghe
Tôi nương thần lực của Đức Phật
Tuyên giảng cho ngài, kim cang vương
Như huyễn chân thật chẳng nghĩ bàn
Nó là chánh định mẹ chư Phật

Đại đức dù nghe vi trần Phật
Hết thảy vi diệu bí mật môn
Dục lậu nếu như chẳng trừ trước
Tu bồi học vấn thành lỗi lầm
Thọ trì muôn Pháp từ chư Phật
Sao không lắng nghe, nghe của mình?

Bảo nghe chẳng phải tự nhiên có
Nhân bởi âm thanh có danh tự
Xoay ngược lắng nghe thoát khỏi thanh
Vậy năng giải thoát gọi là gì?

Chỉ cần một căn về nguồn cội
Tất cả sáu căn liền giải thoát
Những gì thấy nghe như huyễn che
Ba cõi như hoa giữa hư không
Xoay ngược lắng nghe căn vô ngại
Trần cảnh tiêu trừ giác viên tịnh

Thanh tịnh tột cùng sáng thông suốt
Tịch tĩnh chiếu soi khắp hư không
Quán sát muôn sự trên thế gian
Tựa như những việc ở trong mơ

Mātaṅga nữ cũng trong mơ
Vậy ai có thể bắt giữ ông?

Như nhà múa rối ở thế gian
Khéo làm huyễn hóa hình nam nữ
Mặc dù thấy chúng có di chuyển
Nhưng phải kéo dây để dao động
Khi cơ quan ngừng về lặng yên
Các huyễn trở thành vô bổn tánh

Sáu căn chúng ta cũng như vậy
Chúng vốn từ một tinh nguyên minh
Rồi được phân thành sáu chức năng
Một căn dừng nghỉ quay trở về
Sáu căn đều sẽ mất công năng
Trần cấu theo niệm liền tiêu tan
Chuyển thành viên minh tịnh nhiệm mầu

Ai còn dư trần cần phải học
Ai hiểu tột cùng tức Như Lai

Đại đức A-nan và đại chúng
Hãy chuyển cơ quan nghe điên đảo
Xoay ngược lắng nghe nghe tự tánh
Khi tánh đạt đến Đạo vô thượng
Như thế mới là chân viên thông

Đây là cánh cửa mà chư Phật
Nhiều như vi trần đến tịch diệt
Chư Phật Như Lai ở quá khứ
Tu Pháp môn này được thành tựu

Hiện tại vô lượng chư Bồ-tát
Mỗi vị cũng vào viên giác minh
Những ai tu hành ở vị lai
Hay nên y theo Pháp như thế

Qua phương pháp này con cũng chứng
Chẳng riêng một mình Quán Thế Âm
Thành tựu như Phật chư Thế Tôn

Phật đã hỏi con phương tiện nào
Cứu hộ chúng sanh thời Mạt Pháp
Những vị phát tâm lìa thế gian
Dễ dàng thành tựu Đạo tịch diệt
Pháp môn Quán Âm là tối thượng

Tất cả phương tiện tu tập khác
Đều cần uy thần của Phật giúp
Tỉnh ngộ thế sự xả trần lao
Nhưng không phải Pháp tu học thường
Căn lành sâu cạn đồng thuyết Pháp

Con nay đảnh lễ Phật Pháp tạng
Những vị vô lậu chẳng nghĩ bàn
Chúng sanh tương lai nguyện gia bị
Với phương pháp này không hoài nghi

Đây là phương tiện dễ thành tựu
Rất hợp để dạy cho A-nan
Cùng chúng trầm luân thời Mạt Pháp
Chỉ cần tu tập căn tai này
Viên thông siêu vượt những môn khác
Đó là con đường đến chân tâm"

Khi ngài A-nan và các đại chúng nghe được lời khai thị sâu xa, thân tâm của họ an nhiên minh liễu. Quán sát về giác ngộ và đại tịch diệt của Phật, họ được ví như có người phải đi xa vì công việc. Mặc dù chưa có thể quay về, nhưng người ấy biết rất rõ con đường trở về nhà của mình. Toàn thể đại chúng trong Pháp hội--thiên long bát bộ, những vị Hữu Học ở Nhị Thừa, cùng tất cả sơ phát tâm Bồ-tát--tổng số lượng nhiều như số cát của mười sông Hằng, họ đều chứng đắc bổn tâm, xa rời trần cấu, và được Pháp nhãn thanh tịnh. Khi vừa nghe xong những bài kệ, Tỳ-kheo-ni Tánh trở thành bậc A-la-hán. Vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ ở giữa đại chúng, ngài A-nan chỉnh y phục, rồi chắp tay và đảnh lễ. Ngài vừa buồn vừa vui khi thấy dấu vết của tâm mình rất rõ ràng.

Vì muốn làm lợi ích cho các chúng sanh ở vị lai, ngài cúi đầu và thưa với Phật rằng:

"Thưa đại bi Thế Tôn! Con bây giờ đã hiểu Pháp môn để thành Phật. Ở trong phương pháp đó, con có thể tu hành mà chẳng khởi hoài nghi. Con thường nghe Như Lai nói rằng, Bồ-tát phát tâm độ người trước khi tự mình đã qua bờ kia, còn Như Lai thì tự mình đã giác ngộ viên mãn và có thể ứng hiện ở thế gian để giác ngộ kẻ khác. Tuy vẫn chưa qua bờ kia, nhưng con nguyện độ hết thảy chúng sanh ở vào thời Mạt Pháp.

Thưa Thế Tôn! Những chúng sanh ở thời đó sẽ dần dần xa cách Phật, còn tà sư giảng pháp thì nhiều như cát sông Hằng. Giả như các chúng sanh ở thời ấy muốn nhiếp tâm mình để vào chánh định, thì họ phải làm sao để an lập Đạo Tràng, rời xa những việc của ma, và được Đạo tâm không thoái chuyển?"

Lúc bấy giờ Thế Tôn ở giữa đại chúng mà ngợi khen Tôn giả A-nan rằng:

"Lành thay, lành thay! Ông đã hỏi làm sao an lập Đạo Tràng để cứu hộ chúng sanh chìm đắm ở vào thời Mạt Pháp. Ông nay hãy lắng nghe. Ta sẽ thuyết giảng cho ông."

Ngài A-nan và đại chúng đáp rằng:

"Dạ vâng, chúng con xin y giáo phụng hành."

Phật bảo ngài A-nan:

"Khi Ta tuyên giảng Luật tạng, ông thường nghe Ta nói về ba nghĩa quyết định trong sự tu hành. Đó là muốn nhiếp tâm thì phải trì giới, nhân giới sanh định, và nhân định phát tuệ. Đây gọi là Ba Môn Học Vô Lậu.

Này A-nan! Vì sao Ta gọi trì giới là để nhiếp tâm?

Nếu các chúng sanh ở sáu đường trong tất cả thế giới mà chẳng khởi tâm dâm dục thì họ sẽ không chuyển theo vòng sanh tử tương tục. Ông tu hành chánh định nhằm để ra khỏi trần lao, nhưng nếu tâm dâm chưa trừ thì ông chẳng thể ra khỏi trần lao. Cho dù có người thông minh tài trí và hiện tiền có thể vào thiền định, nhưng nếu không đoạn trừ dâm dục thì chắc chắn sẽ rơi vào cảnh ma. Hàng thượng phẩm sẽ làm ma vương; hàng trung phẩm sẽ làm ma dân; hàng hạ phẩm sẽ làm ma nữ. Chúng ma kia cũng có đồ đảng và ai nấy đều bảo rằng mình đã thành Đạo vô thượng.

Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp sẽ xuất hiện đầy rẫy chúng ma dân này ở thế gian. Tuy chúng làm toàn việc dâm dục nhưng tỏ ra vẻ

Thiện Tri Thức. Chúng ma sẽ làm cho các hữu tình rơi xuống hố tà kiến của ái dục và khiến họ lạc mất con đường giác ngộ.

Khi ông dạy người tu hành chánh định, thì trước tiên hãy dạy họ đoạn trừ tâm dâm dục. Đây là lời giáo hối minh bạch quyết định thứ nhất về thanh tịnh mà chư Phật Thế Tôn quá khứ đã dạy.

Cho nên, A-nan! Những ai tu hành thiền định mà nếu không trừ bỏ dâm dục thì như nấu cát đá mà mong chúng biến thành cơm vậy. Dù trải qua trăm ngàn kiếp thì cũng chỉ gọi là cát nóng mà thôi.

Vì sao thế? Bởi nó vốn chẳng phải là gạo mà chỉ là cát và đá.

Nếu ông cầu diệu Quả của Phật mà thân vẫn còn dâm dục, cho dù được một chút khai ngộ vi diệu nhưng sự hiểu biết đó đều là từ gốc của dâm. Nếu căn bổn của sự hiểu biết là dâm dục, ông sẽ luân chuyển trong ba đường ác và chắc chắn không thể ra khỏi. Thế thì ông làm sao tìm ra con đường để tu chứng Đạo tịch diệt của Như Lai?

Ông phải đoạn trừ những đầu mối khởi dâm dục từ thân lẫn tâm, và cho đến ý nghĩ diệt trừ cũng đoạn nốt. Chỉ như vậy thì đối với sự giác ngộ của Phật mới có hy vọng.

Những gì Ta vừa dạy chính là Phật thuyết. Nếu nói khác đi tức là ma thuyết.

Này A-nan! Nếu các chúng sanh ở sáu đường trong tất cả thế giới mà chẳng khởi tâm giết hại thì họ sẽ không chuyển theo vòng sanh tử tương tục. Ông tu hành chánh định nhằm để ra khỏi trần lao, nhưng nếu tâm sát chưa trừ thì ông chẳng thể ra khỏi trần lao. Cho dù có người thông minh tài trí và hiện tiền có thể vào thiền định, nhưng nếu không đoạn trừ giết chóc thì chắc chắn sẽ rơi vào cõi giới của quỷ thần. Hàng thượng phẩm

sẽ làm đại lực quỷ vương; hàng trung phẩm sẽ làm quỷ tiệp tập bay trên không hoặc làm thủ lãnh của loài quỷ; hàng hạ phẩm sẽ làm quỷ bạo ác đi trên đất. Chúng quỷ thần kia cũng có đồ đảng và ai nấy đều bảo rằng mình đã thành Đạo vô thượng.

Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp sẽ xuất hiện đầy rẫy chúng quỷ thần này ở thế gian. Chúng bảo rằng ăn thịt sẽ không cản trở con đường giác ngộ.

Này A-nan! Ta cho phép các Tỳ-kheo ăn năm loại tịnh nhục. Những loại thịt đó đều do thần lực của Ta biến hóa ra và chúng vốn chẳng có mạng căn.

Vì lòng đại bi cho những vị muốn tu hạnh thanh tịnh nhưng phải sống ở vùng đầm lầy ẩm ướt hoặc nơi cát đá và rau cỏ chẳng thể sanh trưởng, nên Ta đã dùng thần lực gia hộ. Giả danh gọi chúng là thịt để cho các ông được mùi vị đó. Thế thì sau khi Như Lai diệt độ, làm sao những ai ăn thịt chúng sanh mà có thể gọi là đệ tử của Năng Nhân ư?

Các ông phải biết rằng, cho dù những kẻ ăn thịt này được chút khai ngộ trong khi tu tập chánh định, nhưng chúng đều là quỷ chúa bạo ác. Sau khi hết báo thân, chúng chắc chắn sẽ chìm đắm trong biển khổ của sanh tử. Chúng không phải là đệ tử của Phật. Những kẻ như thế sẽ tàn sát và ăn nuốt lẫn nhau. Vậy thì làm sao những kẻ đó có thể ra khỏi ba cõi chứ?

Khi ông dạy người tu hành chánh định, thì hãy dạy họ đoạn trừ tâm giết hại. Đây là lời giáo hối minh bạch quyết định thứ nhì về thanh tịnh mà chư Phật Thế Tôn quá khứ đã dạy.

Cho nên, A-nan! Những ai tu hành thiền định mà nếu không trừ bỏ giết hại thì tựa như có người tự bịt tai của mình, rồi hô lớn tiếng và mong người khác chẳng nghe vậy. Đây gọi là muốn che giấu chứng cớ rành

rành. Khi đi trên con đường nhỏ, chư Bồ-tát và những vị Tỳ-kheo thanh tịnh còn không giẫm chân lên cỏ, huống nữa là lấy tay nhổ chúng. Làm sao có thể gọi là từ bi mà lại ăn thịt uống máu của các chúng sanh chứ?

Nếu các Tỳ-kheo không mặc tơ lụa từ phương đông, dù là thô hay mịn; cũng như không mang giày da, áo lông cừu, hay sản phẩm làm bằng lông chim ở quốc gia này; cũng như không dùng sữa, sữa đặc, hay bơ tinh chế, thì các Tỳ-kheo như thế thật đã thoát khỏi thế giới. Khi đã trả xong nợ của những đời trước, họ sẽ không còn lưu chuyển ở ba cõi.

Vì sao thế? Bởi sử dụng một phần của loài hữu tình nào đó thì sẽ có nghiệp duyên với chúng. Đây ví như con người do ăn trăm loại hạt sanh sôi từ đất nên chân của họ chẳng lìa khỏi mặt đất vậy. Những ai không ăn thịt hoặc không khoác lên đồ vật làm từ thân thể của các chúng sanh, và cho đến thân tâm chẳng nghĩ ăn hay mặc những sản phẩm làm từ động vật, thì Ta nói rằng họ là người giải thoát chân thật.

Những gì Ta vừa dạy chính là Phật thuyết. Nếu nói khác đi tức là ma thuyết.

Lại nữa A-nan! Nếu các chúng sanh ở sáu đường trong tất cả thế giới mà chẳng khởi tâm trộm cắp thì họ sẽ không chuyển theo vòng sanh tử tương tục. Ông tu hành chánh định nhằm để ra khỏi trần lao, nhưng nếu tâm trộm cắp chưa trừ thì ông chẳng thể ra khỏi trần lao. Cho dù có người thông minh tài trí và hiện tiền có thể vào thiền định, nhưng nếu không đoạn trừ trộm cắp thì chắc chắn sẽ rơi vào tà đạo. Hàng thượng phẩm sẽ làm yêu tinh hút tinh khí; hàng trung phẩm sẽ làm yêu ma quỷ quái; hàng hạ phẩm sẽ làm người bị ma quỷ nhập. Chúng yêu tà kia cũng có đồ đảng và ai nấy đều bảo rằng mình đã thành Đạo vô thượng.

Sau khi Ta diệt độ, trong thời Mạt Pháp sẽ xuất hiện đầy rẫy chúng yêu tà này ở thế gian. Chúng giấu giếm gian dối nhưng tỏ ra vẻ Thiện Tri

Thức và ai nấy đều bảo rằng mình đã đắc Pháp của bậc thượng nhân. Chúng mê hoặc những kẻ vô tri và khủng bố tinh thần người khác. Bất cứ nơi nào mà chúng đi qua, gia đình đó sẽ suy hao và ly tán.

Ta dạy các Tỳ-kheo hãy tùy mỗi phương xứ mà đi khất thực là để xả bỏ lòng tham của mình và giúp thành tựu Phật Đạo. Các Tỳ-kheo không tự mình nấu thức ăn. Họ sống như thế đến suốt cuộc đời và du hành trong ba cõi. Nơi nào họ đã đi qua một lần thì sẽ không trở lại. Làm sao kẻ cướp giả mặc y phục của Ta để tự lợi, buôn bán trong Pháp của Như Lai, và tạo đủ mọi nghiệp ác mà có thể gọi là Phật Pháp chứ? Họ hủy báng người xuất gia và nói rằng những vị Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ Túc đi theo Đạo Nhị Thừa. Và như thế họ khiến cho vô lượng chúng sanh ngờ vực và mê lầm, rồi chính họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo nào phát tâm kiên định tuyệt đối để tu hành chánh định, thì có thể trước hình tượng của Như Lai mà thắp một ngọn đèn ở trên thân, hoặc đốt một ngón tay, hay thiêu một miếng hương ở trên thân. Ta nói người này cùng một lúc sẽ trả hết nợ từ vô thỉ. Vị ấy sẽ có thể chào vĩnh biệt thế gian và vĩnh viễn thoát khỏi các lậu. Tuy chưa có thể lập tức hiểu làm sao tiến bước trên con đường giác ngộ vô thượng, nhưng vị ấy đã lập quyết tâm nơi Pháp. Nếu ai chẳng chịu xả chút thân nho nhỏ đó để làm nhân, và cho dù đã thành tựu vô vi thì chắc chắn cũng sẽ lại sanh làm người để trả nợ đời trước. Đây giống như việc Ta phải dùng lúa mạch cho ngựa ăn vậy--không chút sai khác.

Khi ông dạy người tu hành chánh định, thì hãy dạy họ đoạn trừ tâm trộm cắp. Đây là lời giáo hối minh bạch quyết định thứ ba về thanh tịnh mà chư Phật Thế Tôn quá khứ đã dạy.

Cho nên, A-nan! Những ai tu hành thiền định mà nếu không trừ bỏ trộm cắp thì tựa như có người muốn rót đầy nước cho một cái ly bị lủng lỗ. Cho dù trải qua số kiếp nhiều như vi trần thì cũng không bao giờ đầy ly.

Nếu những Tỳ-kheo nào không cất giữ vật gì ngoại trừ Pháp y và bình bát; vị ấy bố thí phần thức ăn thừa từ khất thực cho chúng sanh đang đói; vị ấy có thể chấp tay đảnh lễ mọi người ở giữa đại chúng; vị ấy có thể xem như xưng tán dù bị người đánh đập hay mắng chửi; vị ấy thật sự có thể xả bỏ thân tâm và chia sẻ xương máu cùng thịt của mình với chúng sanh; vị ấy không bao giờ mang lời dạy chẳng liễu nghĩa của Như Lai để truyền dạy sai lầm cho người sơ học--Ta ấn chứng cho vị ấy sẽ đắc chánh định chân thật.

Những gì Ta vừa dạy chính là Phật thuyết. Nếu nói khác đi tức là ma thuyết.

Này A-nan! Mặc dù có những chúng sanh ở trong sáu đường đã hoàn toàn lìa khỏi ba nghiệp--sát sanh, trộm cắp, và dâm dục, nhưng nếu phạm đại vọng ngữ thì chánh định của họ sẽ không được thanh tịnh, sẽ bị ma tình ái hoặc ma tà kiến mê hoặc, và sẽ đánh mất hạt giống để thành Phật. Họ sẽ nói rằng mình đã đắc nhưng thật chưa đắc, rằng mình đã chứng nhưng thật chưa chứng.

Hoặc vì muốn cho người đời tôn mình là đệ nhất, họ ở trước mọi người mà nói rằng nay họ đã đắc Quả Tư-đà-hoàn, Quả Tư-đà-hàm, Quả A-na-hàm, Đạo A-la-hán, Đạo Độc Giác, hoặc một Địa nào đó trong Mười Địa, hay một quả vị nào đó trước Mười Địa của Bồ-tát. Và vì tham cúng dường, họ khuyến khích mọi người lễ lạy và sám hối ở trước mình. Những kẻ đó hoàn toàn chẳng tin Pháp, tiêu diệt hạt giống để thành Phật, và họ được ví như cây cọ đã bị người lấy dao chặt đứt. Đức Phật dự ký những kẻ này sẽ vĩnh viễn hủy diệt căn lành và sẽ không hồi phục tri kiến. Họ sẽ trầm luân trong biển của ba thống khổ và sẽ không thành tựu chánh định.

Sau khi Ta diệt độ, Như Lai sắc lệnh cho chư Bồ-tát và những vị A-la-hán hãy ứng thân sanh ra trong thời Mạt Pháp với đủ mọi thân hình để độ các chúng sanh trong luân hồi. Hoặc các ngài sẽ hiện ra hình tướng của Đạo Nhân, cư sĩ bạch y, vua chúa, tể quan, đồng nam, đồng nữ, và như vậy cho đến dâm nữ, quả phụ, kẻ lừa đảo, đạo tặc, kẻ làm nghề mổ giết, hay kẻ buôn bán gian lận. Các ngài sẽ trở thành đồng sự với những hạng người trên, nhưng luôn xưng tán Phật Thừa và khiến thân tâm của họ vào chánh định. Tuy nhiên, các ngài sẽ không bao giờ tùy tiện nói với hàng sơ học và tiết lộ mật nhân của Phật, rằng mình đích thật là một vị Bồ-tát hoặc là bậc A-la-hán--chỉ duy trừ bí mật phó chúc ở vào lúc cuối đời. Còn những ai giả mạo chứng Quả tức là đang mê hoặc và não loạn chúng sanh với đại vọng ngữ.

Khi ông dạy người tu hành chánh định, thì hãy dạy họ đoạn trừ đại vọng ngữ. Đây là lời giáo hối minh bạch quyết định thứ tư về thanh tịnh mà chư Phật Thế Tôn quá khứ đã dạy.

Cho nên, A-nan! Những ai không trừ bỏ đại vọng ngữ thì tựa như có người lấy phân để nặn thành hình của một miếng hương chiên đàn, rồi mong nó tỏa ra mùi thơm. Thật không có việc ấy!

Ta dạy các Tỳ-kheo, rằng trực tâm là Đạo Tràng và phải hoàn toàn không chút hư ngụy của mọi hành vi trong bốn uy nghi. Tại sao có người lại tự xưng rằng mình đã đắc Pháp của bậc thượng nhân chứ? Việc đó thì giống như có kẻ bần cùng mạo xưng là đế vương; ắt sẽ phải tự chuốc cái chết. Huống chi lại có kẻ mạo xưng là Pháp Vương?

Nếu lúc khởi đầu không chân thật thì kết quả sẽ chuốc lấy quanh co. Những ai cầu Phật Đạo như thế thì như người muốn tự cắn rốn của mình. Có ai mong việc đó sẽ thành tựu chăng? Nếu tâm của các Tỳ-kheo ngay thẳng như sợi dây đàn và hoàn toàn chân thật vào chánh định thì

vĩnh viễn sẽ không gặp những việc ma. Ta ấn chứng người ấy sẽ thành tựu tri giác vô thượng của Bồ-tát.

Những gì Ta vừa dạy chính là Phật thuyết. Nếu nói khác đi tức là ma thuyết.

****

Này A-nan! Ông đã hỏi về phương pháp nhiếp tâm và Ta cũng vừa thuyết giảng về diệu môn tu học để vào chánh định. Những ai cầu Đạo Bồ-tát thì trước tiên phải thọ trì bốn điều luật nghi này. Đây ví như giọt sương đóng băng trên cây thì tự nhiên không một cành lá nào có thể nảy nở. Cũng vậy, khi giới hạnh trong sáng thì ba nghiệp ác từ tâm ý và bốn nghiệp ác từ lời nói sẽ không thể có nhân để sanh khởi.

Này A-nan! Nếu ai chẳng đánh mất bốn điều luật nghi này, thì tâm của họ còn chẳng duyên nơi sắc thanh hương vị xúc pháp. Hà huống tất cả việc ma làm sao mà có thể phát sanh chứ? Còn những ai có tập khí từ nhiều đời và chẳng thể diệt trừ thì ông dạy họ hãy nhất tâm tụng Phật Đảnh Quang Minh - Đại Bạch Tản Cái -Vô Thượng Thần Chú của Ta (Chú Lăng Nghiêm). Ở trên tướng vô kiến đảnh của Như Lai có Đức Phật hiện ra từ nơi tâm vô vi. Hóa Phật ngồi trên tòa hoa sen báu ở trên đỉnh đầu của Ta và đã tuyên thuyết thần chú này.

Từ nhiều kiếp về trước, ông cùng với cô con gái của bộ tộc Ma-tăng-ga đã có nhân duyên sâu đậm, và tập khí của ái ân đó chẳng phải chỉ một đời hay một kiếp. Nhưng khi vừa nghe Ta tuyên dương giáo Pháp chỉ một lần, cô ấy đã vĩnh viễn thoát khỏi tâm si ái và trở thành bậc A-la-hán. Trước kia cô ta là một dâm nữ và chưa từng khởi tâm tu hành, nhưng do năng lực âm thầm của thần chú mà còn mau chứng quả vị Vô Học. Hà huống Thanh Văn các ông ở chúng hội nơi đây đã phát tâm cầu Tối Thượng Thừa và quyết định thành Phật. Đây ví như việc tung bụi thuận chiều gió thì làm sao có gian nan hay hiểm trở chứ?

Nếu có ai muốn ngồi Đạo Tràng ở vào thời Mạt Pháp, trước tiên họ cần thọ trì giới cấm thanh tịnh của Tỳ-kheo, rồi phải tìm một vị Đạo Nhân với giới hạnh thanh tịnh đệ nhất để làm thầy của họ. Giả như họ không gặp được vị chân Tăng thanh tịnh để truyền giới luật uy nghi thì tất sẽ chẳng thành tựu. Sau khi đã thọ giới, họ hãy mặc áo sạch thanh khiết, rồi thắp hương ở nơi vắng vẻ, và tụng 108 biến thần chú được tuyên thuyết bởi Đức Phật hiện ra từ nơi tâm của Như Lai. Sau đó họ hãy kết giới để kiến lập Đạo Tràng, và thỉnh cầu vô thượng Như Lai hiện đang trụ ở các quốc độ khắp mười phương hãy phóng ánh sáng từ bi để rót vào đỉnh đầu của họ.

Này A-nan! Những vị Tỳ-kheo thanh tịnh, hoặc Tỳ-kheo-ni, cư sĩ bạch y, và các thí chủ nào ở vào thời Mạt Pháp mà thọ trì tịnh giới của Phật và đã diệt trừ lòng tham cùng tâm dâm dục, thì nên phát nguyện Bồ-tát ở trong Đạo Tràng. Nếu họ có thể tắm gội trước khi vào Đạo Tràng, ngày đêm sáu thời hành Đạo, và tu hành không ngủ nghỉ như thế cho đến 21 ngày, thì Ta sẽ tự hiện thân ở trước người ấy, xoa đảnh an ủi, và giúp họ khai ngộ."

Ngài A-nan bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Nhờ lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai mà tâm con đã khai ngộ. Con tự biết làm sao để tu chứng thành Đạo của bậc Vô Học. Giả sử những hành giả nào ở vào thời Mạt Pháp muốn kiến lập Đạo Tràng, thì họ phải làm sao kết giới để khế hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Nếu có ai ở vào thời Mạt Pháp muốn kiến lập Đạo Tràng, trước tiên họ hãy tìm được con trâu đại lực màu trắng sống ở vùng núi Tuyết. Giống

trâu này ăn cỏ mượt thơm ngát ở trên núi và chỉ uống nước thanh khiết của vùng núi Tuyết nên phân của nó rất sạch sẽ. Họ hãy lấy phân của nó và trộn với hương chiên đàn, rồi trát chúng lên đất. Nếu chẳng phải là giống trâu sống ở vùng núi Tuyết thì phân của nó sẽ hôi dơ và không thể dùng để trát lên đất.

Hoặc một cách khác là tìm chỗ có đất sét màu vàng ở vùng đồng bằng, rồi đào xuống đất năm thước và lấy đất sét từ nơi ấy. Sau đó hãy trộn nó với với hương chiên đàn, hương trầm thủy, hương tô hợp, hương huân lục, hương uất kim, hương bạch giao, hương thanh mộc, hương linh lăng, hương cam tùng, và hương kê thiệt. Họ hãy nghiền nguyên liệu của mười loại hương này thành bột và trộn với đất sét, rồi trát chúng trên đất ở Đạo Tràng. Pháp đàn này có tám góc vuông vức và rộng một trượng sáu.

Ở chính giữa Pháp đàn hãy an trí một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, hay gỗ. Ở giữa hoa sen hãy đặt một bát nước sương đầy được hứng lấy vào tháng Tám và hãy rải những cánh hoa vào trong đó. Hãy lấy 8 tấm gương hình tròn, rồi an trí mỗi cái ở mỗi hướng xung quanh hoa sen và bát nước, với mặt gương xoay ra ngoài. Kế đến hãy an trí 16 hoa sen và 16 lư hương ở trước những tấm gương. Ở giữa các lư hương hãy trang nghiêm với hoa sen xen kẽ. Trong các lư hương chỉ đốt toàn loại hương trầm thủy và chớ để chúng bốc lửa.

Hành giả hãy lấy sữa của con bò màu trắng, rồi bỏ vào trong 16 cái bình để chuẩn bị làm các loại thức ăn, gồm có: bánh nướng, bánh đường, bánh dầu, cháo sữa, hương tô hộp, mật với gừng, bơ tinh chế, và mật ong nguyên chất; mỗi thứ 16 phần. Sau khi xong, hãy đặt một phần từ mỗi loại thức ăn ở trước 16 hoa sen để dâng lên chư Phật và các vị đại Bồ-tát.

Ở mỗi bữa ăn và giữa khuya, hành giả hãy lấy nửa thăng mật ong và hòa nó ba lần với bơ tinh chế. Ở trước Pháp đàn hãy an trí một bếp lò nhỏ với than. Hãy lấy hương bạch mao bỏ vào trong nước [để nấu ở một nơi khác trước đó] và rưới nước hương này vào than, rồi đốt than cháy hừng hực. Sau đó hãy rải bơ trộn với mật ong lên ngọn lửa ở bếp lò. Hãy đốt như thế cho đến khi hết bơ và mật ong để cúng dường chư Phật và Bồ-tát.

Ở bên ngoài của tịnh thất làm Pháp đàn, hãy treo tràng phan và hoa ở khắp nơi. Ở bên trong trên bốn bức tường của tịnh thất, hành giả hãy treo các hình tượng của mười phương Như Lai và chư Bồ-tát. Ở chính giữa bức tường xoay về hướng nam, hãy treo hình tượng của Đức Phật Biến Chiếu, Đức Phật Năng Nhân, Từ Thị Bồ-tát, Đức Phật Bất Động, và Đức Phật Vô Lượng Thọ. Còn ở bức tường bên trái và phải, hãy an trí một hình tượng đại biến hóa của Quán Thế Âm Bồ-tát và một hình tượng của Kim Cang Tạng Bồ-tát. Ở hai bên trái và phải của cánh cửa, hãy an trí hình tượng của Năng Thiên Đế, Phạm Vương, Hỏa Đầu Kim Cang, Thanh Diện Kim Cang, Giải Oán Kết Kim Cang, Thiên nữ Sân Mục, Tứ Đại Thiên Vương, và chướng ngại thần.

Lại nữa, hãy lấy tám tấm gương khác treo từ trên trần nhà và làm cho chúng đối diện với tám tấm gương hình tròn đã an trí trong đàn tràng. Các tấm gương sẽ phản chiếu với nhau trùng trùng.

Bảy ngày đầu tiên, hành giả hãy chí thành đảnh lễ danh hiệu của mười phương Như Lai, chư đại Bồ-tát, và các vị A-la-hán. Trong sáu thời, hành giả đi vòng quanh Pháp đàn và tụng chú liên tục. Hãy chí tâm hành Đạo như thế và tụng chú 108 biến.

Bảy ngày kế tiếp, hành giả hãy nhất hướng chuyên tâm phát nguyện Bồ-tát và chớ để tâm bị gián đoạn. Trước đây ở trong luật tạng, Ta đã có dạy phương pháp phát nguyện.

Bảy ngày sau cùng, hành giả nhất tâm tụng trì Đại Bạch Tản Cái Thần Chú của Phật suốt 12 thời. Vào ngày cuối cùng, mười phương Như Lai sẽ đồng thời xuất hiện. Chư Phật và quang minh sẽ phản chiếu trong gương, rồi chư Phật sẽ lấy tay xoa đỉnh đầu của hành giả. Ngay lúc ấy, những ai mà có thể tu hành chánh định trong Đạo Tràng ở vào thời Mạt Pháp như thế, thân tâm của họ sẽ trong sáng như lưu ly.

Này A-nan! Nếu bổn sư truyền giới cho vị Tỳ-kheo này hoặc có ai trong nhóm của mười vị Tỳ-kheo mà chẳng thanh tịnh, thì phần lớn sự tu hành ở trong Đạo Tràng như thế sẽ không thành tựu.

Sau 21 ngày, hành giả hãy ngồi ngay thẳng và an nhiên cho đến 100 ngày. Những ai với căn lành sâu dày, họ sẽ không đứng dậy suốt thời gian đó và sẽ đắc Quả Nhập Lưu. Cho dù ở trong thân và tâm của người ấy chưa thành tựu thánh Quả, nhưng họ nhất định tự biết sẽ thành Phật.

Ông hỏi làm sao kiến lập Đạo Tràng, thì đây chính là phương pháp."

Lúc ấy ngài A-nan đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Kể từ khi xuất gia, con đã ỷ lại vào sự thương mến của Đức Phật. Bởi con chỉ cầu đa văn nên chưa chứng vô vi. Do đó con bị tà thuật của Phạm Thiên cấm chế. Mặc dù tâm vẫn sáng suốt nhưng lực chẳng được tự do. May nhờ có Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát đến giải cứu nên con mới thoát khỏi. Tuy nhờ thần lực vô hình từ thần chú tuyên thuyết bởi hóa Phật ở trên đỉnh đầu của Như Lai, nhưng con vẫn chưa đích thân được nghe. Kính mong Như Lai với lòng đại từ bi hãy tuyên thuyết thêm một lần nữa để cứu hộ những vị tu hành trong chúng hội này, và cũng như các chúng sanh luân hồi vào thời Mạt Pháp tương lai. Do nương vào mật âm của thần chú mà thân tâm của họ sẽ được giải thoát."

Khi ấy tất cả đại chúng trong chúng hội thảy đều đảnh lễ và chờ đợi lắng nghe bí mật chương cú của Như Lai.

Lúc bấy giờ từ trên đỉnh nhục kế của Thế Tôn phóng ra ánh sáng trăm báu, rồi từ trong ánh sáng đó vọt ra một hoa sen ngàn cánh. Trên hoa báu có một hóa Như Lai đang ngồi và từ trên đỉnh đầu của Đức Phật đó phóng ra mười luồng ánh sáng trăm báu. Mỗi luồng ánh sáng đều hiện ra khắp các vị Kim Cang Mật Tích nhiều như số cát của mười sông Hằng. Có vị vác núi hoặc có vị cầm chày, và các ngài đứng đầy cõi giới hư không. Khi nhìn lên, đại chúng vừa mừng vừa sợ và mong Đức Phật thương xót. Họ nhất tâm lắng nghe hóa Phật được vọt ra từ ánh sáng phóng ra ở trên tướng vô kiến đảnh của Như Lai, tuyên thuyết thần chú rằng:

Đệ Nhất Hội:

- nam mô tát đát tha, tô già đa da, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà tả,

- nam mô tát đát tha, phật đà câu chi sắt ni sam,

- nam mô tát bà, bột đà bột địa, tát đa bệ tệ,

- nam mô tát đa nẩm, tam miệu tam bồ đà, câu tri nẩm, sa xá ra bà ca, tăng già nẩm,

- nam mô lô kê a la hán đa nẩm,

- nam mô tô lô đa ba na nẩm,

- nam mô sa yết rị đà già di nẩm,

- nam mô lô kê tam miệu già đa nẩm, tam miệu già ba ra, để ba đa na nẩm,

- nam mô đề bà ly sắt nỏa,

- nam mô tất đà da, tỳ địa da, đà ra ly sắt nỏa, xá ba nô, yết ra ha, sa ha sa ra ma tha nẩm,

- nam mô bạt ra ha ma ni,

- nam mô nhân đà ra da,

- nam mô bà già bà đế, lô đà ra da, ô ma bát đế, sa hê dạ da,

- nam mô bà già bà đế, na ra dã, noa da, bàn già ma ha tam mộ đà ra, nam mô tất yết rị đa da,

- nam mô bà già bà đế, ma ha ca la da, địa rị bát lạt na, già ra tỳ đà ra, ba noa ca ra da, a địa mục đế, thi ma xá na nê, bà tất nê, ma đát rị già noa, nam mô tất yết rị đa da,

- nam mô bà già bà đế, đa tha già đa câu la da,

- nam mô bát đầu ma câu la da,

- nam mô bạt xà ra câu la da,

- nam mô ma ni câu la da,

- nam mô già xà câu la da,

- nam mô bà già bà đế, đế rị đồ, du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà da, đa tha già đa da,

- nam mô bà già bà đế, nam mô a di đa bà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da,

- nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da,

- nam mô bà già bà đế, bệ sa xà da, câu lô phệ trụ rị da, bát ra bà ra xà da, đa tha già đa da,

- nam mô bà già bà đế, tam bổ sư bí đa, tát lân nại ra lạt xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da,

- nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da,

- nam mô bà già bà đế, lạt đát na kê đô ra xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da,

- đế biều, nam mô tát yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đát tha già đô sắt ni sam, tát đát đa bát đát lam, nam mô a bà ra thị đam, bát ra đế, dương kỳ ra,

- tát ra bà, bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha, yết ca ra ha ni, bạt ra bí địa da,

- sất đà nễ, a ca la, mật rị trụ, bát rị đát ra da, nảnh yết rị,

- tát ra bà, bàn đà na, mục xoa ni,

- tát ra bà, đột sắt tra, đột tất phạp, bát na nễ, phạt ra ni,

- giả đô ra, thất đế nẩm, yết ra ha, sa ha tát ra nhã xà, tỳ đa băng sa na yết rị,

- a sắt tra băng xá đế nẩm, na xoa sát đát ra nhã xà, ba ra tát đà na yết rị,

- a sắt tra nẩm, ma ha yết ra ha nhã xà, tỳ đa băng tát na yết rị,

- tát bà xá đô rô, nễ bà ra nhã xà,

- hô lam đột tất phạp, nan già na xá ni,

- bí sa xá, tất đát ra, a cát ni, ô đà ca ra nhã xà,

- a bát ra thị đa cụ ra, ma ha bát la chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà la, ma ha bạt la bàn đà ra, bà tất nễ, a rị da đa ra, tỳ rị câu tri, thệ bà tỳ xà da,

- bạt xà ra ma lễ để, tỳ xá rô đa, bột đằng võng ca, bạt xà ra chế hát na a già, ma la chế bà, bát ra chất đa, bạt xà ra thiện trì, tỳ xá la già, phiến đa xá, bệ đề bà, bổ thị đa, tô ma rô ba,

- ma ha thuế đa, a rị da đa ra, ma ha bà la a bát ra,

- bạt xà ra thương yết la chế bà, bạt xà ra câu ma rị, câu lam đà rị,

- bạt xà ra hát tát đa già, tỳ địa da,

- càn già na, ma rị ca, khuất tô mẫu, bà yết ra đa na,

- bệ rô già na, câu rị da, dạ ra thố, sắt ni sam,

- tỳ chiết lam bà ma ni già, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na,

- bạt xà ra đốn trĩ già, thuế đa già, ca ma la, sát xa thi, ba ra bà,

- ế đế di đế, mẫu đà ra, yết noa, sa bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thố na ma ma tả,

Đệ Nhị Hội:

- ô hồng, rị sắt yết noa, bát lạt xá tất đa, tát đát tha, già đô sắt ni sam,

- hổ hồng đô rô ung, chiêm bà na, hổ hồng đô rô ung, tất đam bà na,

- hổ hồng đô rô ung, ba ra sắt địa da, tam bát xoa, noa yết ra,

- hổ hồng đô rô ung, tát bà dược xoa, hát ra sát sa, yết ra ha nhã xà, tỳ đằng băng tát na yết ra,

- hổ hồng đô rô ung, giả đô ra, thi để nẩm, yết ra ha, sa ha tát ra nẩm, tỳ đằng băng tát na ra,

- hổ hồng đô rô ung, ra xoa,

- bà già phạm, tát đát tha, già đô sắt ni sam,

- ba ra điểm, xà cát rị, ma ha sa ha tát ra, bột thụ sa ha tát ra, thất rị sa, câu tri sa ha tát nê,

- đế lệ a tệ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca, ma ha bạt xà rô đà ra, đế rị bồ bà na, mạn đồ la,

- ô hồng, sa tất đế, bạc bà đô, ma ma, ấn thố na ma ma tả,

Đệ Tam Hội:

- ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ sa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắt xoa bà dạ, a xá nễ bà dạ, a ca la, mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di kiếm, ba già ba đà bà dạ, ô la ca bà đa bà dạ, lạt xà đàn đồ bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đát bà dạ, tô ba ra noa bà dạ,

- dược xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tất rị đa yết ra ha, tỳ xá già yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cưu bàn đồ yết ra ha, bổ đan na yết ra ha, ca tra bổ đan na yết ra ha, tất càn độ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha,

- xã đa ha rị nẩm, yết bà ha rị nẩm, rô địa ra ha rị nẩm, mang sa ha rị nẩm, mê đà ha rị nẩm, ma xà ha rị nẩm, xà đa ha rị nữ, thị bỉ đa ha rị nẩm, tỳ đa ha rị nẩm, bà đa ha rị nẩm, a du già ha rị nữ, chất đa ha rị nữ,

- đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nẩm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- ba rị bạt ra giả ca, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- đồ diễn ni, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- ma ha bát du bát đát dạ, rô đà ra, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- na ra dạ noa, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- đát đóa già rô đồ tây, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- ma ha ca la, ma đát rị già noa, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- ca ba rị ca, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- xà da yết ra, ma độ yết ra, tát bà ra tha sa đạt na, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- giả đốt ra, bà kỳ nễ, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- tỳ rị dương ngật rị tri, nan đà kê sa ra, già noa bát đế, sách hê dạ, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- na yết na xá ra bà noa, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- a la hán, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- tỳ đa ra già, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- bạt xà ra ba nễ, cụ hê dạ cụ hê dạ, ca địa bát đế, ngật rị đảm, tỳ đà dạ xà, sân đà dạ di, kê la dạ di,

- ra xoa võng, bà già phạm, ấn thố na ma ma tả,

Đệ Tứ Hội:

- bà già phạm, tát đát đa bát đát ra, nam mô túy đô đế,

- a tất đa na la lạt ca, ba ra bà, tất phổ tra, tỳ ca tát đát đa bát đế rị,

- thập phật la thập phật la, đà ra đà ra, tần đà ra tần đà ra, sân đà sân đà, hổ hồng hổ hồng,

- phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, sa ha, hê hê phấn,

- a mâu ca da phấn, a ba ra đề ha đa phấn, bà ra ba ra đà phấn, a tố ra, tỳ đà ra, ba ca phấn,

- tát bà đề bệ tệ phấn, tát bà na già tệ phấn, tát bà dược xoa tệ phấn, tát bà càn thát bà tệ phấn,

- tát bà bổ đan na tệ phấn, ca tra bổ đan na tệ phấn, tát bà đột lang chỉ đế tệ phấn,

- tát bà đột sáp bỉ lê, ngật sắt đế tệ phấn, tát bà thập bà lê tệ phấn, tát bà a bá tất ma lê tệ phấn,

- tát bà xá ra bà noa tệ phấn, tát bà địa đế kê tệ phấn, tát bà đát ma đà kế tệ phấn,

- tát bà tỳ đà da, ra thệ già lê tệ phấn, xà dạ yết ra, ma độ yết ra, tát bà ra tha sa đà kê tệ phấn,

- tỳ địa dạ, già rị tệ phấn, giả đô ra, phược kỳ nễ tệ phấn, bạt xà ra, câu ma rị, tỳ đà dạ, ra thệ tệ phấn,

- ma ha ba ra đinh dương, xoa kỳ rị tệ phấn, bạt xà ra thương yết la dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phấn,

- ma ha ca la dạ, ma ha mạt đát rị ca noa, nam mô sa yết rị đa dạ phấn, bí sắt noa tỳ duệ phấn, bột ra ha mâu ni duệ phấn, a kỳ ni duệ phấn,

- ma ha yết rị duệ phấn, yết la đàn trì duệ phấn, miệt đát rị duệ phấn, lao đát rị duệ phấn, già văn đồ duệ phấn, yết la ra đát rị duệ phấn, ca bát rị duệ phấn, a địa mục chất đa, ca thi ma xá na, bà tư nễ duệ phấn,

- diễn cát chất, tát đóa bà tả, ma ma ấn thố na ma ma tả,

Đệ Ngũ Hội:

- đột sắt tra chất đa, a mạt đát rị chất đa,

- ô xà ha ra, già bà ha ra, rô địa ra ha ra, bà sa ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị bí đa ha ra, bạt lược dạ ha ra, càn đà ha ra, bố sử ba ha ra, phả la ha ra, bà tả ha ra,

- bát ba chất đa, đột sắt tra chất đa, lao đà ra chất đa,

- dược xoa yết ra ha, ra sát sa yết ra ha, bế lệ đa yết ra ha, tỳ xá già yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cưu bàn đồ yết ra ha, tất càn đà yết ra ha, ô đát ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, trạch khư cách, đồ kỳ ni yết ra ha, rị phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá câu ni yết ra ha, lao đà ra, nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, càn độ ba ni yết ra ha,

- thập phạt ra, yên ca hê ca, trụy đế dược ca, đát lệ đế dược ca, giả đột thác ca, ni đề thập phạt ra, bí sam ma thập phạt ra, bạc để ca, tị để ca, thất lệ sắt mật ca, sa nễ bát đế ca, tát bà thập phạt ra, thất rô cát đế, mạt đà bệ đạt rô chế kiếm,

- a ỷ rô kiềm, mục khư rô kiềm, yết rị đột rô kiềm, yết ra ha, yết lam yết noa du lam, đạn đa du lam, hất rị dạ du lam, mạt ma du lam, bạt rị thất bà du lam, bí lật sắt tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ổ rô du lam, thường già du lam, hát tất đa du lam, bạt đà du lam, sa phòng áng già, bát ra trượng già du lam,

- bộ đa bí đa đồ, đồ kỳ ni, thập bà ra, đà đột rô ca, kiến đốt lô cát tri, bà lộ đa tỳ, tát bát lô, ha lăng già,

- du sa đát ra, sa na yết ra, tỳ sa dụ ca, a kỳ ni, ô đà ca, mạt ra bệ ra, kiến đa ra, a ca la, mật rị đốt,

- đát liểm bộ ca, địa lật lạt tra, bí rị sắt chất ca, tát bà na câu la, tứ dẫn già tệ, yết ra rị dược xoa, đát ra sô, mạt ra thị, phệ đế sam, sa bệ sam,

- tất đát đa bát đát ra, ma ha bạt xà rô, sắt ni sam, ma ha bát lại trượng kỳ lam,

- dạ ba đột đà, xá dụ xà na, biện đát lệ noa, tỳ đà da, bàn đàm ca rô di, đế thù, bàn đàm ca rô di, bát ra tỳ đà, bàn đàm ca rô di,

Tâm Chú: đa điệt tha, án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra, bạt xà ra, đà rị, bàn đà bàn đà nễ, bạt xà ra báng ni phấn, hổ hồng đô rô úng phấn, sa bà ha.”

"Này A-nan! Tất cả chư Phật mười phương đều sanh ra từ chương cú vi diệu bí mật của Đại Bạch Tản Cái Thần Chú được tuyên thuyết bởi Đức Phật vọt ra từ ánh sáng ở trên đỉnh đầu của Như Lai.

Nhân bởi thần chú của tâm này nên mười phương Như Lai được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do mười phương Như Lai chấp trì thần chú của tâm này nên có thể hàng dẹp chúng ma và chế phục ngoại đạo.

Do mười phương Như Lai nhờ vào thần chú của tâm này nên có thể ngồi trên tòa hoa sen báu và ứng thân đến khắp cõi nước nhiều như vi trần.

Do mười phương Như Lai gìn giữ thần chú của tâm này nên có thể chuyển đại Pháp luân ở trong cõi nước nhiều như vi trần.

Do mười phương Như Lai thọ trì thần chú của tâm này nên có thể xoa đảnh thọ ký cho các chúng sanh trong các thế giới khắp mười phương. Những chúng sanh chưa thành tựu quả vị ở các thế giới trong mười phương thì cũng nhờ ơn của chư Phật mà được thọ ký.

Do mười phương Như Lai nương vào thần chú của tâm này nên có thể cứu tế chúng sanh khổ ách ở các thế giới trong mười phương, gồm có: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, mù điếc câm ngọng, nỗi khổ của oán ghét gặp nhau, nỗi khổ của yêu thương chia lìa, nỗi khổ của mong cầu không được, nỗi khổ của năm uẩn cháy phừng, và những việc xui xẻo hoặc lớn hay nhỏ. Đồng thời chư Phật cũng giải thoát chúng sanh ra khỏi giặc cướp, đao binh, nạn vua, ngục tù, gió bão, lũ lụt, hỏa hoạn, và đói khát bần cùng. Chư Thế Tôn chỉ ứng tâm niệm chú thì tất cả những việc không may đều tiêu tan.

Do mười phương Như Lai thuở xưa đã tùy thuận thần chú của tâm này nên có thể ở trong bốn uy nghi mà phụng sự các vị Thiện Tri Thức, cúng dường như ý, và được chọn làm những vị đại Pháp Vương Tử ở trong Pháp hội của Như Lai nhiều như cát sông Hằng.

Do mười phương Như Lai thực hành thần chú của tâm này nên có thể nhiếp thọ các chúng sanh hữu duyên và có thể làm cho những ai tu hành Nhị Thừa chẳng sanh kinh sợ khi nghe về tạng bí mật.

Do mười phương Như Lai đã tụng niệm thần chú của tâm này nên được thành vô thượng giác, ngồi dưới cội Đạo thụ, và vào đại tịch diệt.

Do mười phương Như Lai truyền dạy thần chú của tâm này nên có thể phó chúc Phật sự sau khi diệt độ, làm cho giáo Pháp trụ thế dài lâu, và những ai nghiêm trì giới luật tất sẽ được thanh tịnh.

Nếu từ sáng đến tối chẳng gián đoạn và cũng không lặp lại văn từ, Ta liên tục nói về công đức của Đại Bạch Tản Cái Thần Chú (Chú Lăng Nghiêm) được tuyên thuyết bởi Đức Phật vọt ra từ ánh sáng ở trên đỉnh đầu của Như Lai, thì cho dù trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng cũng chẳng thể cùng tận.

Mật chú này cũng gọi là Thần Chú Được Tuyên Thuyết Từ Trên Đỉnh Đầu của Như Lai.

Hàng Hữu Học các ông vẫn chưa dứt sạch luân hồi. Tuy các ông đã phát tâm chí thành để trở thành bậc A-la-hán, nhưng nếu không trì chú này mà ngồi Đạo Tràng và muốn thân tâm của mình lìa khỏi những việc của ma, thì thật không có việc ấy.

Này A-nan! Nếu có chúng sanh ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới mà có thể dùng vỏ cây hoa, lá cây cọ, giấy trắng, hay bạch điệp mà biên chép thần chú này, rồi lưu giữ trong túi thơm. Cho dù tâm trí của ai ám độn đi nữa và chưa có thể tụng niệm hay học thuộc thần chú, nhưng nếu mang túi thơm bên mình hoặc cất giữ ở trong nhà, thì phải biết suốt cuộc đời của người ấy sẽ không bị bất cứ loại độc nào mà có thể gây hại.

Này A-nan! Ta nay sẽ nói thêm cho ông biết về việc làm sao thần chú này có thể cứu hộ thế gian, giúp chúng sanh thoát khỏi sợ hãi kinh hoàng, và thành tựu trí tuệ xuất thế gian.

Sau khi Ta diệt độ, nếu có chúng sanh nào ở vào thời Mạt Pháp mà có thể tự mình tụng niệm hoặc dạy bảo người khác tụng niệm thần chú này, thì phải biết những chúng sanh tụng trì thần chú như thế: lửa chẳng thể

đốt họ, nước chẳng thể dìm họ, và dù là thuốc độc mạnh hay nhẹ thì cũng không thể tổn hại họ, và như vậy cho đến tất cả chú thuật tà ác của trời rồng quỷ thần hay yêu tinh quỷ quái thì cũng đều chẳng thể khống chế họ. Khi tâm họ đã đắc chánh định, mọi tố chất chế tạo từ chú thuật, bùa ngải trù ếm, thuốc độc trộn với vàng hay bạc, thảo mộc trùng xà, hay vạn vật độc khí, một khi những thứ ấy vào miệng của người đó thì đều sẽ thành vị cam lộ. Tất cả yêu tinh ác độc và chúng quỷ thần oán tâm hại người đều chẳng thể khởi lòng ác. Chướng ngại thần, các vị quỷ vương từng làm ác, và hàng quyến thuộc của họ, do đều thọ ân sâu của Phật đã hóa độ nên sẽ luôn thủ hộ người trì chú.

Này A-nan! Phải biết thần chú này luôn được 84.000 na-do-tha Hằng Hà sa ức chư Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương hộ trì. Mỗi vị đều có hàng kim cang chúng làm quyến thuộc và ngày đêm họ luôn đi theo để bảo vệ người trì chú. Cho dù có chúng sanh nào với tâm tán loạn và thiếu chánh định đi nữa nhưng nếu tâm họ nhớ nghĩ và miệng đọc chú, thì các vị Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương cũng luôn đi theo hộ vệ. Hà huống là các thiện nam tử đã phát khởi Đạo tâm kiên định.

Lại nữa, các vị Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương sẽ âm thầm chú tâm phát khởi thần thức của người trì chú. Bấy giờ tâm của người ấy sẽ có thể nhớ lại rõ ràng mọi việc ở trong 84.000 Hằng Hà sa kiếp mà chẳng hề nhầm lẫn. Từ đó về sau cho đến thân cuối cùng, đời đời họ sẽ không sanh làm quỷ tiệp tật, quỷ bạo ác, quỷ xú uế, quỷ cực xú uế, quỷ úng hình, quỷ hút tinh khí, hay quỷ đói, hoặc những loài chúng sanh xấu ác có hình, vô hình, có tưởng, hay vô tưởng.

Các thiện nam tử nào đọc tụng hay biên chép thần chú, mang thần chú theo bên mình, hoặc an trí thần chú ở nơi thích hợp để làm những sự cúng dường, thì từ kiếp này đến kiếp khác, họ không sanh ở gia đình bần cùng hạ tiện hay ở nơi chẳng an vui. Giả sử các chúng sanh này không

đích thân làm những việc phước đức, mười phương Như Lai cũng sẽ chuyển công đức của mình cho người ấy. Do vậy nên trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, vô số kiếp, bất khả thuyết, bất khả thuyết, họ sẽ thường sanh cùng một nơi với chư Phật. Vô lượng công đức của họ sẽ dày khít như chùm quả côm lá hẹp. Họ sẽ ở cùng một nơi để huân tu Pháp lành và vĩnh viễn không rời xa chư Phật.

Lại nữa, thần chú này có thể làm cho những người phá giới được phục hồi giới căn thanh tịnh, những ai chưa thọ giới sẽ được thọ giới, những ai chưa tinh tấn sẽ khiến họ tinh tấn, những ai vô trí tuệ sẽ được trí tuệ, những ai không thanh tịnh sẽ mau được thanh tịnh, và những ai chưa ăn chay trì giới thì sẽ tự mình thành tựu trai giới.

Này A-nan! Giả sử thiện nam tử đó đã phạm giới cấm trước khi thọ trì thần chú. Sau khi trì chú, những tội phá giới của họ, chẳng kể là nặng hay nhẹ, sẽ đồng thời tiêu diệt. Giả sử những người ấy có thể đã uống rượu, ăn năm loại thực vật hôi nồng, hoặc dùng đủ mọi thức ăn bất tịnh, nhưng hết thảy chư Phật, chư Bồ-tát, kim cang thần, thiên chúng, tiên nhân, và quỷ thần sẽ không xem đó là lỗi lầm. Hoặc giả sử những người ấy mặc quần áo rách nát đi nữa, nhưng mọi việc làm của họ đều vẫn thanh tịnh. Cho dù họ không kiến lập Pháp đàn, không vào Đạo Tràng, và cũng không hành Đạo đi nữa, nhưng nếu họ tụng trì chú này thì công đức cũng giống như đã vào đàn tràng để hành Đạo--không chút sai khác. Hoặc giả sử những người ấy đã tạo năm trọng tội ngỗ nghịch và lẽ ra phải đọa Địa ngục Vô Gián, hoặc họ là những Tỳ-kheo phạm bốn giới nghiêm trọng đáng bị trục xuất, hoặc họ là những Tỳ-kheo-ni phạm tám giới nghiêm trọng đáng bị trục xuất, nhưng một khi tụng chú này xong, các nghiệp trọng như thế thảy đều tiêu diệt đến sợi lông tơ cũng chẳng còn, tựa như cơn gió lốc thổi tan bãi cát.

Này A-nan! Giả sử có những chúng sanh ở đời hiện tại hay ở đời trước mà chưa từng sám hối tất cả tội chướng nặng nhẹ đã tạo từ vô lượng vô

số kiếp cho đến nay, nhưng nếu họ có thể đọc tụng, biên chép, mang thần chú theo bên mình, hoặc an trí thần chú ở nơi cư trú--trong nhà, khu vườn, hay quán trọ, thì những nghiệp tội tích tập của họ sẽ tan rã như tuyết bị nấu chảy. Không lâu sau đó, họ đều sẽ chứng đắc Vô Sanh Nhẫn.

Lại nữa A-nan! Giả sử có người nữ nào không con và cầu mong con cái, nếu họ có thể chí tâm tụng thuộc lòng thần chú hoặc có thể mang Đại Bạch Tản Cái Thần Chú này ở bên mình, thì sẽ sanh con cái với phước đức trí tuệ. Hoặc những ai mong sống lâu thì sẽ được sống lâu. Hoặc những ai mong kết quả mỹ mãn thì sẽ mau được viên mãn, cho đến thân mạng và sắc lực thì cũng lại như vậy. Sau khi mạng chung, họ sẽ tùy theo ước nguyện mà vãng sanh về các quốc độ trong mười phương và nhất định sẽ không sanh ở chốn biên địa hạ tiện. Hà huống là sanh vào hàng tạp loại chúng sanh.

Này A-nan! Giả sử ở bất kỳ nơi đâu, hoặc ở xóm làng, tỉnh huyện, hay trong quốc gia nào mà gặp nạn đói kém, bệnh dịch, đao binh, giặc cướp, đấu tranh, cùng đủ mọi ách nạn khác xảy ra, thì hãy biên chép thần chú này và an trí ở bốn cổng thành, các ngôi tháp, hoặc treo lên cờ xí. Hãy chỉ dạy tất cả dân chúng ở trong quốc gia đó phải nghênh tiếp, cung kính lễ bái, và nhất tâm cúng dường thần chú này. Hãy chỉ dạy mỗi công dân ở đó nên mang theo thần chú bên mình hoặc an trí trong nhà. Như thế mọi tai ách tất đều sẽ tiêu diệt.

Này A-nan! Trong quốc gia nào hoặc ở bất kỳ nơi đâu mà có chúng sanh tùy thuận chú này, trời rồng sẽ hoan hỷ, mưa gió thuận hòa, ngũ cốc chín rộ, và muôn dân an lạc. Thần chú này cũng lại có thể ngăn chặn tất cả tai chướng được thấy qua sự biến đổi quái dị xấu ác của tinh tú ở mỗi phương xứ. Dân chúng sẽ không bị chết yểu, chẳng bị gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, ngày đêm ngủ nghỉ an lành, và không hề gặp ác mộng.

Này A-nan! Ở Thế giới Kham Nhẫn có 84.000 tinh tú báo hiệu cho tai biến xấu. Trong số đó có 28 đại tinh tú là báo hiệu cho điềm xấu nhất. Và trong đó lại có tám đại tinh tú là báo hiệu cho điềm xấu cực kỳ. Chúng hiện ra đủ mọi hình thù, và có thể phát sanh đủ mọi tai ương khác lạ khi xuất hiện ở thế gian. Tuy nhiên, nếu ở chốn nào có thần chú này thì trong vòng 12 do-tuần sẽ trở thành chỗ kết giới, mọi tai ương điềm xấu thảy đều diệt trừ và vĩnh viễn không thể lọt vào.

Cho nên Như Lai đã tuyên thuyết thần chú này là để bảo hộ những hành giả mới tu học ở vào đời vị lai, hầu giúp họ vào chánh định, thân tâm an nhiên, và được an ổn tự tại. Lại nữa, họ sẽ không bị tất cả chúng ma quỷ thần cùng oán thù tai ương ở đời trước và nghiệp vay nợ thuở xưa từ vô thỉ đến não hại.

Giả sử ông và các vị Hữu Học cùng những hành giả ở vào đời vị lai y theo cách kiến lập đàn tràng mà Ta đã dạy và trì giới đúng như giáo Pháp, lại được thọ giới từ vị Tăng thanh tịnh, và cũng trì chú này với lòng không sanh nghi ngờ hay hối tiếc, nếu như thiện nam tử này ở ngay tại thân do cha mẹ sanh ra mà tâm chẳng thông đạt, thì tức là mười phương Như Lai đã vọng ngữ.

Khi nói lời ấy xong, vô lượng trăm ngàn kim cang thần ở trong chúng hội đồng một lúc chắp tay và đảnh lễ ở trước Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Tùy thuận như lời dạy của Phật, chúng con sẽ thành tâm bảo hộ những vị tu Đạo như thế."

Lúc bấy giờ Phạm Vương, Năng Thiên Đế, và Tứ Đại Thiên Vương cũng đồng một lúc đảnh lễ ở trước phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Nếu có những người thiện nào tu học như thế, chúng con sẽ tận tâm chí thành bảo hộ và khiến cho việc làm của họ ở trong đời hiện tại sẽ như ước nguyện."

Lại có vô lượng đại tướng tiệp tật, chúa quỷ bạo ác, chúa quỷ úng hình, chúa quỷ hút tinh khí, chướng ngại thần, và các đại quỷ vương khác cũng chắp tay và đảnh lễ ở trước Phật, rồi thưa rằng:

"Chúng con cũng phát thệ nguyện để hộ trì những người ấy và làm cho Đạo tâm của họ mau được viên mãn."

Lại có vô lượng Nhật Thiên Tử, Nguyệt Thiên Tử, phong thiên, vũ thiên, vân thiên, lôi thiên, điện thiên, và những vị khác như thế, cùng với những vị quan trời niên tuế tuần tra và hàng quyến thuộc cũng ở trong Pháp hội, họ đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Chúng con cũng sẽ bảo hộ những người tu hành này, làm cho Đạo Tràng bình an và họ sẽ không phải sợ bất cứ điều gì."

Lại có vô lượng thần núi, thần biển, muôn chúng thần linh của vạn vật đi trên đất, bơi trong nước, hay bay giữa trời, cùng với chúa thần của gió và các vị trời từ cõi vô sắc, cũng đồng một lúc cúi đầu ở trước Như Lai, rồi thưa với Phật rằng:

"Chúng con cũng sẽ bảo hộ các vị tu hành này để họ vĩnh viễn không có những việc ma và mau được thành Đạo."

Bấy giờ 84.000 na-do-tha Hằng Hà sa ức chư Bồ-tát ở trong chủng tộc của Kim Cang Tạng Vương đang ở giữa đại hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi thưa với Phật rằng:

"Thưa Thế Tôn! Tương tự như các vị khác tu hành công đức, từ lâu chúng con đã giác ngộ nhưng lại không chọn vào tịch diệt. Trái lại, chúng con luôn đi theo để cứu hộ những ai chân chánh tu hành môn chánh định của thần chú này ở vào thời Mạt Pháp.

Thưa Thế Tôn! Những ai tu tâm để cầu chánh định như thế, hoặc họ ở tại Đạo Tràng, hoặc đang đi trên đường, và cho đến tâm tán loạn khi dạo qua xóm làng, thì quyến thuộc chúng con cũng sẽ luôn tùy tùng để bảo vệ người ấy. Cho dù ma vương ở trời Tha Hóa Tự Tại thường mãi tìm cách để trục lợi từ họ thì vĩnh viễn không thể được. Trong vòng mười do-tuần, hàng tiểu quỷ thần không thể đến gần những người thiện này--duy trừ họ đã phát khởi Đạo tâm và vui thích tu thiền định.

Thưa Thế Tôn! Nếu những ác ma như thế hoặc hàng quyến thuộc của ma mà muốn đến xâm hại hay quấy nhiễu người hiền lương này, chúng con sẽ vung chày báu đập nát đầu của chúng ra thành như các hạt vi trần. Chúng con cũng luôn giúp mọi việc làm của người ấy sẽ như ước nguyện."

Lúc ấy ngài A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi bạch Phật rằng:

"Chúng con ngu độn, chỉ thích đa văn, và vẫn ở trong các tâm hữu lậu mà chẳng mong ra khỏi. Nhờ lời dạy từ bi của Phật nên chúng con mới tu hành chân chánh, thân tâm an nhiên, và được lợi ích lớn lao.

Bạch Thế Tôn! Giả sử có người tu chứng chánh định của Phật như thế nhưng vẫn chưa đạt đến tịch diệt. Sao gọi là giai đoạn của trí tuệ khô? 44 giai đoạn mà tâm lần lượt trải qua để đạt đến mục đích tu hành là những gì? Ở giai đoạn nào thì gọi là vào trong Mười Địa? Sao gọi là Bồ-tát ở giai đoạn Đẳng Giác?"

Khi nói lời ấy xong, ngài cúi đầu đảnh lễ sát đất. Đại chúng cũng nhất tâm chờ đợi âm thanh từ bi của Phật và chiêm ngưỡng không nháy mắt.

Lúc bấy giờ Thế Tôn ngợi khen ngài A-nan rằng:

"Lành thay, lành thay! Các ông đã có thể rộng vì đại chúng cùng tất cả chúng sanh ở vào thời Mạt Pháp, là những vị tu chánh định và cầu Pháp Đại Thừa, mà hỏi Ta chỉ ra con đường tu hành chân chánh vô thượng để dẫn họ từ giai đoạn phàm phu cho đến vào đại tịch diệt sau cùng. Ông nay hãy lắng nghe! Ta sẽ thuyết giảng cho ông."

Tôn giả A-nan cùng đại chúng chắp tay với tâm khai mở và yên lặng chờ đợi giáo huấn.

Đức Phật bảo:

"Này A-nan! Phải biết rằng diệu tánh viên minh lìa mọi danh tướng và nó vốn không có thế giới hay chúng sanh. Nhân bởi hư vọng mà có sanh khởi và nhân bởi sanh khởi mà có diệt mất. Sanh diệt là hư vọng. Một khi hư vọng diệt trừ thì đó là chân thật. Sự xoay chuyển để trở về bất nhị này gọi là tuệ giác vô thượng của Như Lai, là đại tịch diệt.

Này A-nan! Ông nay muốn tu hành chánh định chân chánh để thẳng đến đại tịch diệt của Như Lai, thì trước tiên phải hiểu nhân của hai loại điên đảo: đó là chúng sanh và thế giới. Khi điên đảo không sanh thì chánh định chân thật của Như Lai sẽ hiện ra.

Này A-nan! Sao gọi là điên đảo về chúng sanh?

Này A-nan! Do vì giác tánh của chân tâm là sự hiểu biết viên minh và nhân bởi sự hiểu biết này phát sanh một tánh khác, rồi từ tánh đó sanh ra một vọng kiến. Do vậy từ trong bổn giác hoàn toàn chẳng có gì mà cứu

cánh thành có gì. Mọi thứ từ cái có này đều không dựa ở bất cứ nhân nào. Chỗ nương trụ và tướng trụ của nó hoàn toàn vốn chẳng có căn gốc. Mặc dù chỗ trụ của nó vốn không có căn gốc, nhưng thế giới và các chúng sanh lại được kiến lập.

Sự mê muội về bổn giác viên minh là sanh bởi hư vọng. Tánh của hư vọng này chẳng có tự thể và nó không có chỗ y tựa. Giả sử như muốn trở về tánh chân, nhưng cái muốn cho sự chân thật đó đã chẳng phải là chân thật rồi. Tánh của Chân Như không phải là một chân thật mà có thể mong cầu để trở về. Khi uyển chuyển như thế sẽ trở thành phi tướng, rồi phi sanh, phi trụ, phi tâm, và phi pháp sẽ triển chuyển phát sanh. Từ năng lực của sanh phát khởi hiểu biết. Khi huân tập sẽ trở thành nghiệp. Nghiệp tương đồng sẽ thu hút với nhau. Nhân bởi có nghiệp cảm nên tương sanh tương diệt. Bởi vậy mới có điên đảo về chúng sanh.

Này A-nan! Sao gọi là điên đảo về thế giới?

Do từ cái có mà hư vọng sanh khởi phần này đoạn kia. Nhân đó mà ranh giới thành lập. Nó không dựa vào nhân nào hoặc làm nhân dựa cho thứ gì, không trụ hoặc có chỗ nào của trụ, và chỉ có đổi dời không ngừng. Nhân đó mà thế giới thành lập. Do ba đời và bốn phương của thế giới hòa hợp tương giao nên chúng sanh biến hóa và trở thành một trong 12 thể loại.

Cho nên thế giới nhân bởi dao động mà có âm thanh. Nhân bởi âm thanh mà có hình sắc. Nhân bởi hình sắc mà có mùi hương. Nhân bởi mùi hương mà có xúc chạm. Nhân bởi xúc chạm mà có vị nếm. Nhân bởi vị nếm mà biết pháp trần. Do vì sáu loại vọng tưởng rối ren này nên hình thành nghiệp tánh và 12 thể loại chúng sanh phải chịu luân chuyển.

Do vì có sắc thanh hương vị xúc pháp ở thế gian nên chúng sanh tiếp nối sanh ra ở trong 12 thể loại và kết thành một vòng tròn. Do bởi cưỡi ở

trên tướng điên đảo của luân chuyển này nên thế giới mới có chúng sanh sanh ra từ trứng, sanh ra từ bào thai, sanh ra từ ẩm ướt, hoặc sanh ra từ biến hóa. Có chúng sanh có sắc, vô sắc, có tưởng, vô tưởng, chẳng phải có sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải hoàn toàn có tưởng, hay chẳng phải hoàn toàn vô tưởng.

[1] Này A-nan! Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do hư vọng nên sanh khởi điên đảo từ dao động và nó hòa hợp với tinh khí để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để bay hoặc bơi. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ trứng. Đó là cá, rùa, hay rắn và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[2] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do tạp nhiễm nên sanh khởi điên đảo từ ái dục và nó hòa hợp với chất sinh sản để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để đứng thẳng hoặc đứng ngang. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ bào thai. Đó là con người, thú vật, rồng hay tiên và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[3] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do chấp trước nên sanh khởi điên đảo từ thú hướng và nó hòa hợp với ấm áp để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để di chuyển mau lẹ. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ ẩm ướt. Đó là những loài sâu bọ và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[4] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do biến đổi nên sanh khởi điên đảo từ giả mượn và nó hòa hợp với xúc chạm để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để thay mới bỏ cũ. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh sanh ra từ biến hóa. Đó là những loài lột xác bay hoặc bò và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[5] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do ngăn ngại nên sanh khởi điên đảo từ chướng ngại và nó hòa hợp với chấp trước hiển thị để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để sáng chói. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh có sắc. Đó là những loài phát quang cho điềm tốt hay xấu và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[6] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do tiêu tán nên sanh khởi điên đảo từ nghi ngờ và nó hòa hợp với u ám để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để ẩn tàng. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh vô sắc. Đó là chúng sanh ở Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, hoặc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[7] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do ảnh tượng giả tạo nên sanh khởi điên đảo từ bóng hình và nó hòa hợp với ký ức để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để giấu kín. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh có tưởng. Đó là quỷ thần yêu tinh ma quái và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[8] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do ám độn nên sanh khởi điên đảo từ si mê và nó hòa hợp với ngu đần để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để khô héo. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh vô tưởng. Tinh thần của chúng hóa thành đất, gỗ, kim loại, hay đá và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[9] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do phụ thuộc lẫn nhau nên sanh khởi điên đảo từ hư ngụy và nó hòa hợp với nhiễm ô để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để cộng sinh. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải có sắc. Chúng bao gồm nhiều loài khác nhau, như là hải quỳ phải nương con tôm để thấy và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[10] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do giao tiếp nên sanh khởi điên đảo từ bổn tánh và nó hòa hợp với chú thuật để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để bị hô triệu. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải vô sắc. Đó là những chúng sanh bị chú thuật trù ếm và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[11] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do hư vọng họp hội nên sanh khởi điên đảo từ giả dối và nó hòa hợp với dị biệt để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để thay thế. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải hoàn toàn có tưởng. Đó là giống ong thắt lưng nhỏ, hoặc những loài phát triển thân mình ở các loài khác, và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

[12] Nhân bởi chúng sanh luân hồi ở trong thế giới do oán hại nên sanh khởi điên đảo từ giết hại và nó hòa hợp với quái ác để tạo thành 84.000 loài loạn tưởng để ăn thịt cha mẹ. Cho nên mới có giai đoạn phát triển đầu tiên của chúng sanh chẳng phải hoàn toàn vô tưởng. Đó là những loài như: con kiêu bám đất sanh con, chim phá kính đẻ trứng trong quả của cây độc để giữ con của nó. Khi con của chúng to lớn, nó lại ăn thịt cha mẹ mình, và chủng loại của chúng đầy khắp thế giới.

Đây là 12 thể loại chúng sanh."

****

"Này A-nan! Mỗi loài trong 12 thể loại chúng sanh này cũng đều có đầy đủ 12 thứ điên đảo. Cũng như hoa đốm phát sanh khi ấn vào mắt, những điên đảo đó hoàn toàn che khuất chân tâm minh tịnh nhiệm mầu viên mãn với hư vọng loạn tưởng. Ông nay muốn tu chứng chánh định của Phật. Ông phải kiến lập ba bước để dần dần thứ tự tăng tiến thì mới diệt trừ được căn nguyên bổn nhân của loạn tưởng đó. Như việc làm sạch một cái hũ đã đựng qua mật ong độc, chúng ta phải dùng nước nóng trộn

với tro đốt trong lư hương để tẩy trừ. Sau khi cái hũ đã rửa sạch thì mới có thể đựng cam lộ.

Ba bước để dần dần thứ tự tăng tiến là những gì?

1. tu tập để diệt trừ nhân hỗ trợ
2. chân thật tu trì để cắt đứt mọi vi phạm đến chánh hạnh căn bổn
3. thực hành tinh tấn để đối trị với nghiệp hiện ra

Sao gọi là nhân hỗ trợ?

Này A-nan! Hãy quán sát như sau: 12 thể loại chúng sanh trong thế gian không thể tự bảo toàn. Họ phải nương một trong bốn loại thức ăn để sinh sống. Đó là thức ăn của tiêu hóa, thức ăn của chạm xúc, thức ăn của ý niệm, và thức ăn của tâm thức. Cho nên Phật mới nói rằng, tất cả chúng sanh đều phải nhờ thức ăn để sinh sống.

Này A-nan! Do vì hết thảy chúng sanh phải ăn mới có thể sống, nhưng nếu họ ăn phải chất độc thì sẽ tử vong. Những chúng sanh nào mong muốn vào chánh định thì phải tuyệt hẳn năm loại thực vật hôi nồng. Nếu ăn chín năm loại thực vật hôi nồng này thì sẽ phát sanh dâm dục, còn ăn sống thì sẽ gia tăng sân khuể.

Cho dù những người ăn năm loại thực vật hôi nồng mà có thể giảng giải 12 Bộ Kinh đi nữa, nhưng do chư thiên và tiên nhân ở các thế giới trong mười phương rất ghét mùi xú uế của các loại thực vật đó nên họ đều sẽ xa lánh. Ngược lại thì những loài ngạ quỷ sẽ đến liếm và hôn môi của người đã ăn các loại thực vật đó. Kẻ kia sẽ luôn chung sống với quỷ, phước đức ngày càng suy hao và chỉ tăng trưởng những việc không lợi ích.

Khi những người tu chánh định ăn các loại thực vật đó, chư Bồ-tát, trời, tiên, và các thiện thần trong mười phương sẽ không đến bảo hộ. Trái lại, những đại lực ma vương sẽ thừa cơ hội đến ở trước họ, rồi hiện ra thân Phật và thuyết giảng tà pháp. Chúng sẽ phá hủy giới cấm và ca ngợi tham sân si. Sau khi mạng chung, họ sẽ tự động làm quyến thuộc của ma vương. Khi đã hưởng hết phước làm ma, họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Này A-nan! Những ai tu hành Đạo giác ngộ thì phải vĩnh viễn tuyệt hẳn năm loại thực vật hôi nồng. Đây gọi là bước thứ nhất để dần dần thứ tự tăng tiến trong việc tu hành.

Sao gọi là chánh hạnh căn bổn?

Này A-nan! Những chúng sanh nào muốn vào chánh định thì trước tiên phải nghiêm trì giới luật thanh tịnh. Họ phải vĩnh viễn đoạn tuyệt tâm dâm dục. Họ không được uống rượu hay ăn thịt. Họ có thể dùng thức ăn thanh tịnh khi đã được nấu và như thế sẽ không ăn sanh khí của rau quả.

Này A-nan! Nếu ai tu hành nhưng chẳng đoạn trừ dâm dục và sát sanh mà vẫn có thể ra khỏi ba cõi thì quyết không có việc ấy. Họ nên quán sát dâm dục tựa như rắn độc hoặc như gặp oán tặc. Họ hãy giữ thân không lay động bằng cách thọ trì bốn giới cấm hoặc tám giới cấm của hàng Thanh Văn, rồi sau đó hãy tu hành luật nghi thanh tịnh của Bồ-tát và giữ tâm không sanh khởi. Những ai thành tựu giới luật thì đời đời sẽ vĩnh viễn lìa khỏi nghiệp giết hại lẫn nhau ở thế gian. Những ai không trộm cắp thì sẽ không mắc nợ lẫn nhau và cũng không phải trả nợ đời trước.

Khi những người thanh tịnh tu hành chánh định như thế, dù với thân máu thịt từ cha mẹ sanh và không phải cần dùng thiên nhãn, họ tự nhiên vẫn có thể nhìn thấy các thế giới trong mười phương. Họ sẽ thấy Phật nghe Pháp và đích thân phụng trì thánh giáo. Họ đắc đại thần thông và du hành các thế giới trong mười phương. Họ nhớ biết việc đời trước rất

rõ ràng và sẽ không gặp nguy hiểm. Đây gọi là bước thứ nhì để dần dần thứ tự tăng tiến trong việc tu hành.

Sao gọi là nghiệp hiện ra?

Này A-nan! Những vị thọ trì giới cấm thanh tịnh và lòng chẳng ham muốn dâm dục như thế, họ sẽ không có nhiều hữu lậu đối với sáu trần. Nhân bởi không có hữu lậu, họ có thể xoay ngược sự chú ý của các căn để trở về gốc. Do căn của họ chẳng duyên nơi các trần nên căn và trần sẽ không còn phối hợp với nhau nữa. Một khi xoay ngược dòng chảy thì các căn sẽ hợp thành một và sáu công dụng riêng rẽ sẽ ngừng. Bấy giờ các quốc độ trong mười phương sẽ thanh tịnh trong suốt tựa như mặt trăng tỏa sáng lơ lửng trong báu lưu ly. Thân tâm của họ sẽ an nhiên, vi diệu viên mãn bình đẳng, và được an ổn quảng đại. Giữa lúc ấy, tất cả Như Lai đều sẽ hiện ra với thần lực bí mật viên mãn và thanh tịnh vi diệu. Người ấy liền đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Từ đó họ tu tập lần lần và tùy theo sự phát tâm tu hành nên sẽ được an lập vào những quả vị của bậc thánh. Đây gọi là bước thứ ba để dần dần thứ tự tăng tiến trong việc tu hành.

Này A-nan! Khi ái dục của thiện nam tử đó khô kiệt, các căn sẽ không còn phối hợp với trần cảnh và tập khí còn sót lại của họ sẽ không tiếp tục sanh khởi. Những chấp trước sẽ rỗng không, tâm ý sáng suốt, và chỉ còn trí tuệ tinh thuần. Tuệ tánh viên minh của họ oánh triệt các thế giới trong mười phương. Có được trí tuệ đó là do ái dục của họ đã khô cạn. Giai đoạn này gọi là Can Tuệ Địa. Mặc dù tập khí ái dục của họ mới vừa khô cạn nhưng họ vẫn chưa vào dòng Pháp thủy của Như Lai.

[1] Bấy giờ người ấy liền dùng tâm đó để vào dòng Trung Đạo và sự viên mãn vi diệu được mở bày. Từ sự nhiệm mầu viên mãn chân thật đó, một vi diệu chân thật khác lại hiện ra và họ có được một lòng tin nhiệm

mầu thường trụ. Đến đây, tất cả vọng tưởng của họ đều diệt sạch chẳng sót và chỉ còn Trung Đạo chân thật. Giai đoạn này gọi là Tín Tâm.

[2] Từ tín tâm chân thật đó phát huy trí tuệ minh liễu. Mọi thứ đều viên thông và uẩn xứ giới không thể làm chướng ngại nữa. Như vậy cho đến việc xả thân thọ thân và tất cả tập khí trong vô số kiếp ở quá khứ cùng vị lai, đều hiện ra ở trước. Thiện nam tử đó đều có thể ghi nhớ và không hề quên sót. Giai đoạn này gọi là Niệm Tâm.

[3] Khi chỉ còn lại chân diệu viên mãn, tinh nguyên của chân thật đó bắt đầu chuyển hóa tập khí từ vô thỉ của họ để khai thông thành một tinh nguyên minh liễu. Duy chỉ với tinh nguyên minh liễu đó, họ sẽ tiến bước vào thanh tịnh chân thật. Giai đoạn này gọi là Tinh Tấn Tâm.

[4] Khi tinh nguyên minh liễu hiện tiền, tâm của họ hoạt động hoàn toàn bằng trí tuệ. Giai đoạn này gọi là Tuệ Tâm.

[5] Khi chấp trì trí minh đó, tâm của họ sẽ chu biến tịch tĩnh trạm nhiên và tịch diệu thường trụ. Giai đoạn này gọi là Định Tâm.

[6] Khi quang minh của định càng phát sáng, minh tánh của họ vào sâu trong định và chỉ có tiến chứ không thoái. Giai đoạn này gọi là Bất Thoái Tâm.

[7] Khi tâm tiến vào sâu thì càng được an nhiên, họ bảo trì và không để mất cảnh giới đó. Bấy giờ họ có thể giao tiếp với nguồn khí của chư Như Lai trong mười phương. Giai đoạn này gọi là Hộ Pháp Tâm.

[8] Khi thành tựu bảo trì giác minh, họ có thể dùng năng lực vi diệu để chuyển quang minh từ bi của chư Phật hướng vào bên trong nơi chư Phật an trụ. Đây ví như ánh sáng phản chiếu lẫn nhau giữa hai tấm

gương và những hình ảnh vi diệu ở trong đó trùng trùng tương nhập. Giai đoạn này gọi là Hồi Hướng Tâm.

[9] Khi ánh sáng của tâm ẩn mật phản chiếu, họ được kiên định và thanh tịnh vi diệu vô thượng của chư Phật. Họ an trụ trong vô vi và không còn quên mất. Giai đoạn này gọi là Giới Tâm.

[10] Khi đã an trụ tự tại trong giới luật, họ có thể du hành khắp mười phương và nơi đến tùy ý. Giai đoạn này gọi là Nguyện Tâm.

[1] Này A-nan! Khi thiện nam tử đó đã dùng phương tiện chân chánh để vào mười cảnh giới của tâm, thì tâm tinh nguyên của họ sẽ phát huy rực rỡ. Công dụng của mười cảnh giới của tâm kết hợp vào nhau và thành tựu một tâm viên mãn. Giai đoạn này gọi là Phát Tâm Trụ.

[2] Từ ở trong cảnh giới của tâm đó sẽ phóng ra ánh sáng. Nó tựa như vàng ròng hiện ra ở trong lưu ly báu thanh tịnh. Hành giả nương vào cảnh giới vi diệu của tâm đó để tu chỉnh bản thân. Đây ví như việc san bằng đất đai. Giai đoạn này gọi là Trị Địa Trụ.

[3] Ở giai đoạn của tâm địa này, trí tuệ của họ kết hợp vào nhau và mọi thứ đều được minh liễu. Họ có thể du hành khắp mười phương mà chẳng hề bị chướng ngại. Giai đoạn này gọi là Tu Hành Trụ.

[4] Khi ấy họ đi chung với chư Phật và cùng thọ nguồn khí của chư Phật. Như thân trung uẩn âm thầm tự tìm cha mẹ, hành giả vào nhà của Như Lai thì cũng vậy. Giai đoạn này gọi là Sanh Quý Trụ.

[5] Bây giờ họ đã vào nhà của Như Lai nên sẽ thừa hưởng đặc tánh của bậc giác ngộ. Đây ví như khi bào thai đã hình thành thì nhân tướng hiện ra không thiếu sót. Giai đoạn này gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

[6] Dung mạo của họ đồng như chư Phật và tâm tướng của họ cũng vậy. Giai đoạn này gọi là Chánh Tâm Trụ.

[7] Thân tâm của họ hợp thành và ngày càng tăng trưởng lợi ích. Giai đoạn này gọi là Bất Thoái Trụ.

[8] Thân của họ cùng một lúc có thể hiện ra đầy đủ mười tướng thần diệu. Giai đoạn này gọi là Đồng Chân Trụ.

[9] Một khi thân tướng hình thành đầy đủ, họ ra khỏi thai và làm con của Phật. Giai đoạn này gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

[10] Khi đã thành nhân, họ ví như thái tử được đại vương ủy nhiệm việc nước. Rồi khi trưởng thành, thái tử được vua cha làm lễ quán đảnh. Giai đoạn này gọi là Quán Đảnh Trụ.

[1] Này A-nan! Khi thiện nam tử đó đã trở thành con của Phật, họ đầy đủ vô lượng diệu đức của Như Lai và tùy thuận chúng sanh khắp mười phương. Giai đoạn này gọi là Hoan Hỷ Hành.

[2] Tiếp đến, họ khéo có thể lợi ích tất cả chúng sanh. Giai đoạn này gọi là Nhiêu Ích Hành.

[3] Trong tiến trình của giác ngộ chính mình và giác ngộ người khác, họ được khả năng không vi phạm hay kháng cự. Giai đoạn này gọi là Vô Sân Hận Hành.

[4] Cho đến tận cùng biên tế của vị lai, họ sanh ra giữa muôn loài chúng sanh với ba đời bình đẳng và thông đạt khắp mười phương. Giai đoạn này gọi là Vô Tận Hành.

[5] Khi tất cả muôn loại Pháp môn hợp thành đồng nhất thì họ không còn sai lầm trong việc tu tập. Giai đoạn này gọi là Ly Si Loạn Hành.

[6] Ở trong sự đồng nhất hiển hiện những dị biệt, nhưng đối với mỗi tướng sai khác đó, họ đều thấy giống nhau. Giai đoạn này gọi là Thiện Hiện Hành.

[7] Như vậy cho đến số vi trần đầy khắp mười phương hư không và trong mỗi vi trần hiện ra các thế giới trong mười phương, nhưng họ chẳng thấy vi trần và thế giới hiện ra mà có sự chướng ngại nào. Giai đoạn này gọi là Vô Trước Hành.

[8] Họ quán sát muôn cảnh giới hiện tiền đều là Pháp đệ nhất Đến Bờ Kia. Giai đoạn này gọi là Tôn Trọng Hành.

[9] Khi tất cả viên dung như thế, họ có thể thành tựu quy tắc của mười phương chư Phật. Giai đoạn này gọi là Thiện Pháp Hành.

[10] Mỗi Pháp thực hành đều là thanh tịnh vô lậu, do bởi tánh bổn nhiên của chúng là một vô vi chân thật. Giai đoạn này gọi là Chân Thật Hành.

[1] Này A-nan! Bây giờ thiện nam tử đó đã đầy đủ thần thông và thành tựu Phật sự, tâm họ thuần khiết tinh chân và rời xa những hoạn nạn. Tuy họ cứu độ chúng sanh nhưng diệt trừ tướng cứu độ chúng sanh. Họ xoay chuyển tâm vô vi để hướng đến con đường tịch diệt cho chúng sanh. Giai đoạn này gọi là Cứu Nhất Thiết Chúng Sanh Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hướng.

[2] Họ hoại trừ những gì đáng hoại trừ và rời xa những gì đáng rời xa. Giai đoạn này gọi là Bất Hoại Hồi Hướng.

[3] Bổn giác của họ trạm nhiên và bằng như sự giác ngộ của chư Phật. Giai đoạn này gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng.

[4] Khi tinh nguyên chân thật phát huy sáng rực, họ đứng cùng một nơi với chư Phật. Giai đoạn này gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

[5] Khi đi vào các thế giới và trở thành đồng cảnh giới với chư Như Lai, họ trải nghiệm sự kết hợp cả hai mà chẳng bị ngăn ngại. Giai đoạn này gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

[6] Khi trở thành đồng với cảnh giới của chư Như Lai, họ đều sanh khởi nhân thanh tịnh ở trong mỗi tiến trình tu tập. Nương vào nhân đó, họ phát huy rực rỡ và hướng đến Đạo tịch diệt. Giai đoạn này gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

[7] Do căn lành đã thành lập nơi thật tướng, họ quán sát như vầy, 'Tất cả chúng sanh trong mười phương đều đồng bổn tánh với mình. Bây giờ tánh của ta thành tựu viên mãn và biết rằng không một chúng sanh nào mất chúng vĩnh viễn.' Giai đoạn này gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng.

[8] Mặc dù trải nghiệm một với hết thảy pháp, nhưng họ lìa tất cả tướng. Ý niệm về một với hết thảy pháp và lìa tất cả tướng, cả hai họ đều không chấp trước. Giai đoạn này gọi là Chân Như Tướng Hồi Hướng.

[9] Khi đạt đến Chân Như thật sự, họ không gặp bất cứ sự cản trở nào ở khắp mười phương. Giai đoạn này gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng.

[10] Khi họ thành tựu viên mãn công đức của chân tánh, mọi giới hạn đến Pháp Giới đều diệt trừ. Giai đoạn này gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng.

Này A-nan! Khi thiện nam tử đó đã hoàn toàn thanh tịnh tâm của mình qua 41 giai đoạn, họ tiếp đến cần thành tựu thêm bốn loại tu hành vi diệu viên mãn.

[1] Đến đây, họ dùng tâm của mình để tu hành và đang ở ranh giới đạt đến giác ngộ của Phật. Họ được ví như người dùi lửa và mong phát lửa để đốt miếng cây đang dùi. Giai đoạn này gọi là Noãn Địa.

[2] Họ lại dùng tâm của mình để tu hành, gần hoàn thành những gì mà Phật đã trải qua và sắp không còn lệ thuộc trên đất. Họ được ví như người đứng trên đỉnh núi cao, gần như toàn thân vào hư không và chỉ có một chút nhỏ ngăn ngại ở phía dưới. Giai đoạn này gọi là Đảnh Địa.

[3] Bây giờ tâm của họ và tâm của Phật đồng nhau. Họ khéo chứng đắc Trung Đạo. Họ được ví như người nhẫn nhịn những việc mà không thể ôm trọn, nhưng cũng không thể bày tỏ. Giai đoạn này gọi là Nhẫn Địa.

[4] Khi mọi số lượng tiêu diệt, họ không còn phân biệt giữa mê với giác và Trung Đạo. Giai đoạn này gọi là Thế Đệ Nhất Địa.

[1] Này A-nan! Khi thiện nam tử đó ở trong đại giác mà khéo được thông đạt, họ giác ngộ như chư Như Lai và thông đạt tất cả cảnh giới của Phật. Giai đoạn này gọi là Hoan Hỷ Địa.

[2] Khi tánh dị biệt trở thành tương đồng và tánh tương đồng cũng diệt mất, giai đoạn này gọi là Ly Cấu Địa.

[3] Khi thanh tịnh đến tột cùng thì sáng rực phóng ra. Giai đoạn này gọi là Phát Quang Địa.

[4] Khi sáng rực đến tột độ thì tuệ giác viên mãn. Giai đoạn này gọi là Diễm Tuệ Địa.

[5] Khi họ hoàn toàn vượt qua tất cả những điểm tương đồng và dị biệt ở những giai đoạn trước, giai đoạn này gọi là Nan Thắng Địa.

[6] Khi tánh thanh tịnh của Chân Như vô vi hiển lộ sáng ngời, giai đoạn này gọi là Hiện Tiền Địa.

[7] Khi họ đến tận cùng ranh giới của Chân Như, giai đoạn này gọi là Viễn Hành Địa.

[8] Khi mọi thứ đều là một tâm Chân Như, giai đoạn này gọi là Bất Động Địa.

[9] Khi họ có thể phát khởi công dụng của Chân Như, giai đoạn này gọi là Thiện Tuệ Địa.

Này A-nan! Đến đây, sự tu tập và công đức của những vị Bồ-tát ấy đã viên mãn. Cho nên, giai đoạn này cũng gọi là Tu Tập Vị.

[10] Khi bóng râm của mây từ nhiệm mầu che phủ biển tịch diệt, giai đoạn này gọi là Pháp Vân Địa.

Khi chư Như Lai xoay ngược hướng [để trở lại độ chúng sanh] và những vị Bồ-tát đó thuận hướng trên con đường tu tập, họ gặp gỡ ở ranh giới giác ngộ của Phật. Giai đoạn này gọi là Đẳng Giác.

Này A-nan! Từ Can Tuệ Địa đến Đẳng Giác, họ được tuệ giác đó, là do làm khô kiệt vô minh ở trong tâm kim cang. Như vậy khi đã trải qua 12 giai đoạn, 7 quả vị đơn lập và 5 nhóm của mười quả vị, họ cuối cùng mới đạt đến Diệu Giác và thành Đạo vô thượng.

Ở mỗi giai đoạn, họ đều dùng tâm kim cang để quán sát như huyễn về mười loại thí dụ thâm sâu. Với Pháp tu Chỉ để diệt trừ vọng tưởng trong tâm và dùng Pháp tu Quán của Như Lai, họ lần lần thứ tự vào sâu và thanh tịnh tu chứng.

Này A-nan! Do bởi vị ấy đã dùng ba bước để dần dần thứ tự tăng tiến như thế, nên họ khéo có thể thành tựu 55 quả vị chân thật trên con đường giác ngộ.

Người khởi quán tưởng này gọi là chánh quán. Nếu ai quán khác thì là tà quán."

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử đang ở giữa đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Con và chúng sanh phụng trì như thế nào?"

Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

"Kinh này tên là Vô Thượng Bảo Ấn của Đại Bạch Tản Cái Thần Chú Được Tuyên Thuyết ở Trên Đại Phật Đảnh, là Thanh Tịnh Hải Nhãn của Mười Phương Như Lai.

Cũng tên là Cứu Hộ Em Họ A-nan và Độ Thoát Tỳ-kheo-ni Tánh ở Trong Pháp Hội Nơi Đây Được Đạo Tâm Để Vào Biển Chánh Biến Tri.

Cũng tên là Mật Nhân của Như Lai Để Tu Chứng Liễu Nghĩa.

Cũng tên là Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương và Mười Phương Phật Mẫu Tổng Trì.

Cũng tên là Quán Đảnh Chương Cú và Cứu Cánh Kiên Cố Vạn Hạnh của Chư Bồ-tát. Ông hãy theo đó mà phụng trì."

Khi Phật nói lời ấy xong, ngài A-nan cùng các đại chúng do nhờ được Như Lai khai thị mật ấn diệu nghĩa của Đại Bạch Tản Cái Thần Chú (Chú Lăng Nghiêm) và lại nghe được danh mục liễu nghĩa của Kinh này nên lập tức giác ngộ phương pháp tu hành tĩnh lự để thăng tiến đến những quả vị của bậc thánh. Họ tăng tiến đến nghĩa lý vi diệu, tâm tư rỗng không và ngưng lại. Họ đoạn trừ sáu loại phiền não vi tế trong ba cõi đã ảnh hưởng đến tâm của người tu hành.

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật, rồi chắp tay cung kính và bạch Phật rằng:

"Thế Tôn là bậc đại uy đức. Với âm thanh từ bi không ngăn ngại, Ngài đã khéo khai thị về si mê chìm sâu vi tế cho chúng sanh. Nhờ đó, thân tâm của con hôm nay an nhiên và được sự lợi ích lớn.

"Bạch Thế Tôn! Nếu diệu minh chân tâm thanh tịnh nhiệm mầu này xưa nay vốn viên mãn cùng khắp, như vậy cho đến cỏ cây đất đai và loài sâu bọ đều có bổn nguyên Chân Như. Đó chính là thể tánh chân thật để thành Phật của chư Như Lai. Vậy thì tại sao lại có địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, phi thiên, nhân gian, và thiên thượng?

Bạch Thế Tôn! Những cõi giới ấy là xưa nay tự có, hay là chúng do tập khí hư vọng sanh khởi của chúng sanh mà có?

Bạch Thế Tôn! Như trường hợp của Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương, là người trì giới Bồ-tát nhưng lại lén lút hành dâm, rồi sau đó vọng ngữ mà

bảo rằng hành dâm không có nghiệp báo, bởi vì nó không liên quan đến việc giết hại hay trộm cắp. Khi vừa dứt lời thì nữ căn của cô ta phun ra lửa hừng hực. Mỗi đốt xương của cô ta đều bị lửa dữ lan đến đốt cháy, rồi sau đó cô ta đọa Địa ngục Vô Gián.

Ngoài ra còn có vua Lưu Ly và Tỳ-kheo Thiện Tinh. Vua Lưu Ly tru diệt chủng tánh Cam Giá, và Tỳ-kheo Thiện Tinh vọng thuyết về không của tất cả pháp. Hai người đó cũng rơi vào Địa ngục Vô Gián đương lúc còn sống.

Những địa ngục này có nơi cố định chăng? Hay là chúng tự nhiên hình thành tùy theo nghiệp tạo của từng người và mỗi người phải tự lãnh thọ? Kính mong Như Lai đại từ mà khai thị cho các đệ tử trẻ non nớt, và cũng làm cho tất cả chúng sanh trì giới khi nghe về nghĩa quyết định thì sẽ hoan hỷ đội mang lời dạy trên đỉnh đầu của họ, cẩn thận gìn giữ thanh tịnh và không vi phạm."

Phật bảo ngài A-nan:

"Lành thay! Câu hỏi này sẽ làm cho các chúng sanh không rơi vào tà kiến. Ông nay hãy lắng nghe! Ta sẽ thuyết giảng cho ông.

Này A-nan! Bổn tánh của hết thảy chúng sanh đích thật là thanh tịnh chân thật. Nhân bởi cái thấy sai lầm của họ mà có tập khí hư vọng sanh ra. Nhân đó phân chia làm nội phần và ngoại phần.

Này A-nan! Nội phần tức là phần bên trong của chúng sanh. Nhân bởi những sự ái nhiễm mà phát khởi tình cảm hư vọng. Do tình cảm tích tụ chẳng dừng nên nó có thể sanh ra ái thủy. Vì vậy, khi chúng sanh nghĩ về thức ăn ngon thì nước miếng chảy ra từ trong miệng của họ. Khi nhớ về người quá cố thương yêu hoặc căm hận thì họ rưng rưng nước mắt. Khi tham cầu tài bảo thì lòng họ ước ao mong mỏi. Khi gặp ai với toàn

thân tươi sáng thì lòng họ say đắm. Khi nghĩ đến chuyện dâm dục thì nam căn hay nữ căn của họ sẽ tự động tiết ra nước nhờn.

Này A-nan! Mặc dù các tình cảm có sai khác nhưng việc tiết ra nước hoặc giữ lại trong thân thì giống nhau. Tánh của ẩm ướt không bốc lên mà nó tự nhiên rơi xuống. Đây gọi là nội phần.

Này A-nan! Ngoại phần tức là phần bên ngoài của chúng sanh. Nhân bởi những sự khát ngưỡng mà phát huy tịnh tưởng hướng thượng. Do tịnh tưởng tích tụ chẳng dừng nên nó có thể sanh ra thắng khí. Vì vậy, khi chúng sanh thọ trì giới cấm thì toàn thân của họ sẽ nhẹ nhàng và thanh thản. Khi tụng trì chú ấn thì tâm của họ sẽ hùng dũng và kiên định. Khi trong lòng muốn sanh lên trời thì họ sẽ nằm mơ thấy mình đang bay. Khi tâm nhớ về cõi Phật thì cảnh giới của thánh hiền sẽ bí mật hiện ra. Khi phụng sự Thiện Tri Thức thì họ sẽ không luyến tiếc thân mạng của chính mình.

Này A-nan! Mặc dù các tịnh tưởng có sai khác nhưng việc khinh an thì giống nhau. Tánh của bay lướt không chìm xuống mà nó tự nhiên siêu việt. Đây gọi là ngoại phần.

Này A-nan! Tất cả chúng sanh trên thế gian đều bị cuốn theo vòng sanh tử không ngừng. Lúc còn sống, họ cuốn theo tập tánh thuận. Lúc chết đi, họ cuốn theo muôn dòng nghiệp. Vào lúc lâm chung và khi hơi nóng vẫn còn trong thân thể, tất cả thiện ác đã làm đều xuất hiện cùng một lúc. Tử nghịch sanh thuận và hai tập tánh này giao tiếp lẫn nhau.

Nếu những chúng sanh nào với tịnh tưởng chiếm toàn bộ thì họ lập tức bay lên và chắc chắn sẽ sanh vào cõi trời. Giữa trạng thái của tâm bay lên, nếu có cả phước đức lẫn trí tuệ và đã phát nguyện thanh tịnh, tâm của họ sẽ tự nhiên khai thông. Họ sẽ thấy mười phương chư Phật ở trong tất cả tịnh độ và vãng sanh tùy theo ý nguyện.

Nếu những chúng sanh nào với tịnh tưởng chiếm đa phần và tình cảm chiếm thiểu số, họ vẫn bay lên nhẹ nhàng nhưng không xa. Họ có thể sẽ trở thành phi hành tiên nhân, đại lực quỷ vương, quỷ tiệp tật bay giữa không, hay quỷ bạo ác đi trên đất. Những loại chúng sanh này du hành ở trời Tứ Thiên Vương mà không bị trở ngại. Trong ấy nếu có chúng sanh nào phát nguyện lành và khởi tâm lành, họ sẽ hộ trì Pháp của Ta. Hoặc họ hộ trì giới cấm và đi theo bảo vệ những người giữ giới. Hoặc họ hộ trì thần chú và đi theo bảo vệ những người trì chú. Hoặc họ hộ trì thiền định và và đi theo bảo vệ những người tu thiền. Các chúng sanh đó sẽ trở thành những đệ tử thân tín và ngồi ở dưới tòa của Như Lai.

Nếu những chúng sanh nào với tịnh tưởng và tình cảm bằng nhau, họ sẽ không bay lên mà cũng chẳng rơi xuống. Họ sẽ sanh ở nhân gian. Tịnh tưởng càng sáng suốt thì họ sẽ càng thông minh; tình cảm càng u ám thì họ sẽ càng ngu độn.

Nếu những chúng sanh nào với tình cảm chiếm đa phần và tịnh tưởng chiếm thiểu số, họ sẽ sanh vào loài bàng sanh. Nếu tình cảm thâm trọng thì họ sẽ trở thành thú vật lông lá. Nếu tình cảm khinh bạc thì họ sẽ trở thành loài chim muông có cánh.

Nếu những chúng sanh nào với tình cảm chiếm bảy phần và tịnh tưởng chiếm ba phần, họ sẽ chìm xuống thủy luân. Họ sẽ sanh làm ngạ quỷ ở ranh giới của hỏa luân, phải hứng chịu khí lửa dữ, luôn bị đốt cháy, và còn bị nước sôi tổn hại thân mình. Suốt trăm nghìn kiếp, họ không có gì để ăn và cũng chẳng có gì để uống.

Nếu những chúng sanh nào với tình cảm chiếm chín phần và tịnh tưởng chiếm một phần, họ sẽ rơi xuyên qua hỏa luân. Họ sẽ sanh ra ở giữa ranh giới của hỏa luân và phong luân. Nếu tình cảm khinh bạc thì họ sẽ rơi

vào địa ngục khổ bức có gián đoạn. Nếu tình cảm thâm trọng thì họ sẽ rơi vào Địa ngục Vô Gián.

Nếu những chúng sanh nào với tình cảm chiếm toàn bộ thì họ lập tức chìm xuống Địa ngục Vô Gián. Giữa trạng thái của tâm chìm xuống, nếu từng có hủy báng Đại Thừa, hủy hoại giới cấm của Phật, vọng ngữ thuyết Pháp, hành vi hư ngụy vì tham lam cúng dường từ những thí chủ thành tín, lạm dụng lòng cung kính của người khác, hoặc tạo năm tội ngỗ nghịch hay vi phạm mười giới nghiêm trọng, thì họ lần lượt sẽ sanh vào những Địa ngục Vô Gián ở các thế giới trong mười phương.

Mặc dù chúng sanh thọ báo ứng là tùy theo nghiệp ác đã tự chiêu cảm, nhưng họ sẽ chia sẻ số phận ở cùng một nơi với những kẻ đã gây tạo nghiệp giống nhau.

Này A-nan! Những báo ứng đó đều là nghiệp tự chiêu cảm mỗi chúng sanh kia. Họ tạo mười nhân tập khí nên sẽ thọ sáu quả báo.

Này A-nan! Mười nhân đó là những gì?

1. Tập khí của dâm dục phát khởi cọ xát nên dẫn đến sự giao hợp. Do sự cọ xát chẳng ngừng như thế nên người ấy mới có một cảm giác của lửa cháy hừng hực phát động từ bên trong. Đây ví như hơi ấm xuất hiện khi có người chà hai bàn tay với nhau.

Do tập khí của dâm dục bộc phát lửa của thói quen giao hợp nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là giường sắt, trụ đồng, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự hành dâm và gọi chúng là lửa dục. Chư Bồ-tát xa lánh dâm dục như là sợ rơi hầm lửa.

2. Tập khí của tham muốn phát khởi thu hút nên dẫn đến sự tính toán. Do sự thu hút chẳng ngừng như thế nên người ấy mới có một cảm giác của hàn băng lạnh buốt phát động từ bên trong. Đây ví như hơi lạnh phát sanh khi có người dùng miệng hút luồng gió thật mạnh.

Do tập khí của tham muốn và thói quen của tính toán cùng xâm lấn lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là tiếng chạm của răng, tiếng run của lưỡi, tiếng rên rỉ, thanh liên, xích liên, bạch liên, hàn băng, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự đa cầu và gọi chúng là nước tham. Chư Bồ-tát xa lánh tham muốn như là sợ vào biển khí độc.

3. Tập khí của ngã mạn cùng xâm lấn với nhau nên phát khởi ỷ lại. Do sự buông thả chẳng ngừng như thế nên người ấy mới có một cảm giác của làn sóng cuồn cuộn. Đây ví như việc chảy nước miếng khi có người nếm lưỡi của chính mình.

Do tập khí của ngã mạn và thói quen kiêu căng cùng khuấy động lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, đồng nung rưới thân, ép uống nước đồng, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự ngã mạn và gọi chúng là uống nước si mê. Chư Bồ-tát xa lánh kiêu mạn như là sợ bị chết đuối ở biển.

4. Tập khí của sân hận cùng xung đột với nhau nên phát khởi ngang ngược. Do sự kết tập của trái nghịch chẳng ngừng như thế nên người ấy mới có một cảm giác nơi trái tim nóng bỏng như đang bộc phát ra lửa và hỏa khí của nó trở thành như kim loại. Cho nên kẻ nổi nóng mới cảm giác như vào núi đao, dàm bọc sắt, cây cối kiếm, bánh xe kiếm, rìu, búa, cây thương, và cái cưa. Đây ví như có người ôm giữ oán thù cho đến khi sát khí bộc phát.

Do tập khí của sân hận và thói quen nóng giận cùng công kích lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là cắt, xẻo, chém, chặt, đâm, đập, đánh, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự sân khuể và gọi chúng là đao kiếm bén. Chư Bồ-tát xa lánh sân hận như là sợ bị hành quyết.

5. Tập khí của dối trá cùng dụ dỗ với nhau nên phát khởi lừa phỉnh. Do sự dẫn dắt khởi sanh chẳng ngừng như thế nên người ấy mới có một cảm giác như bị sợi dây quấn siết vào khúc gỗ. Đây ví như việc ngâm nước cánh đồng thì cỏ cây sẽ sanh trưởng.

Do tập khí của dối trá và thói quen lừa phỉnh cùng kéo dài lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là gông cùm xiềng xích, roi quất gậy đánh, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự gian ngụy và gọi chúng là giặc gièm pha. Chư Bồ-tát xa lánh dối trá như là sợ gặp bầy sói.

6. Tập khí của lừa dối cùng gạt gẫm với nhau nên phát khởi gian xảo. Do sự vu khống điêu ngoa chẳng ngừng và cõi lòng tràn đầy gian dối như thế nên người ấy mới có một cảm giác như bị che lấp bởi bụi bặm, phân, nước tiểu, và những thứ ô uế bất tịnh. Đây ví như bụi tung bay theo gió và khiến chẳng một ai thấy gì.

Do tập khí của lừa dối và thói quen gian xảo cùng gia tăng lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là chìm đắm, hất lên, ném vứt, rớt xuống, nổi trôi, nát tan, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự lừa dối và gọi chúng là cướp bóc giết hại. Chư Bồ-tát xa lánh lừa dối như là sợ giẫm rắn hổ mang.

7. Tập khí của oán thù cùng hiềm khích với nhau nên phát khởi căm hận. Do đó người ấy mới có một cảm giác như bị ném đá vỡ đầu, nhốt ở nhà

tù, giam trên lồng xe, bị bỏ trong hũ, bị đánh trong bao. Đây ví như kẻ bí mật hiểm độc ôm giữ và nuôi dưỡng tà ác.

Do tập khí của oán thù và thói quen căm hận cùng ăn nuốt lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là ném, quăng, bắt giữ, túm lấy, đâm, bắn, vứt, vồ, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự oán thù và gọi chúng là quỷ tàn hại. Chư Bồ-tát xa lánh oán thù như là sợ uống rượu độc.

8. Tập khí của tà kiến cùng giao tiếp với nhau, như là cái thấy sai lệch về ngã, cái thấy sai lệch về giới cấm, và cho đến cái thấy sai lệch về nghiệp, nên đã phát khởi chống đối và sanh ra tương phản. Do đó người ấy mới có một cảm giác như bị quan thần của vua chúa đối chứng về sổ sách. Đây ví như về người đi bộ phải gặp những kẻ đi ngược hướng ở trên đường.

Do tập khí của tà kiến và thói quen chống đối cùng giao tiếp lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là chất vấn, tra tấn, khảo xét, khui ra, và dò hỏi để vạch trần rõ ràng. Các đồng tử gìn giữ sổ bộ thiện ác sẽ đối chứng với lời ngụy biện của kẻ bị tra khảo. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự tà kiến và gọi chúng là hố bẫy. Chư Bồ-tát xa lánh chấp trước của cái thấy lệch lạc hư vọng như là sợ đứng ở rìa hố nước độc.

9. Tập khí của đổ lỗi cùng gia tăng với nhau nên phát khởi vu khống. Do đó người ấy mới có một cảm giác như bị núi ép, đá ép, cối nghiền, hoặc cày bừa. Đây ví như kẻ giặc gièm pha bức bách oan uổng người lương thiện.

Do tập khí của đổ lỗi và thói quen vu khống cùng bài trừ lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là đàn áp, đè, nện, ép, đá, kiệt

quệ, cân đo, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự căm oán báng bổ và gọi chúng là cọp dữ. Chư Bồ-tát xa lánh đổ lỗi oan uổng như là sợ trúng sét đánh.

10. Tập khí của tranh tụng cùng bùng nổ với nhau nên phát khởi che giấu. Do đó người ấy mới có một cảm giác như bị gương soi đuốc chiếu và không thể ẩn tàng hình bóng ở giữa ban ngày.

Do tập khí của tranh tụng và thói quen che giấu cùng phơi bày lẫn nhau nên mới có những trải nghiệm ở địa ngục, như là ác hữu, gương nghiệp, hỏa châu, vạch trần nghiệp xưa, đối chứng, và những việc tương tự. Bởi vậy tất cả Như Lai trong mười phương đều tận mắt thấy rõ kết quả của sự che giấu và gọi chúng là giặc ẩn núp. Chư Bồ-tát xa lánh che giấu như là sợ phải đội núi cao mà đi qua biển cả.

Này A-nan! Sáu quả báo đó là những gì? Tất cả chúng sanh tạo nghiệp là do sáu thức, và ác báo chiêu cảm cũng do từ sáu căn. Sao gọi là ác báo từ sáu căn mà ra?

1. Báo ứng xấu của cái thấy chiêu cảm và dẫn dắt quả ác. Nghiệp từ thức của mắt ảnh hưởng với những thức kia. Khi sắp mạng chung, trước tiên họ có thể sẽ cảm nhận được lửa dữ tràn khắp các thế giới trong mười phương. Khi chết, thần thức của họ sẽ bay lên nhưng sau đó thì rơi xuống, rồi cưỡi khói mà vào Địa ngục Vô Gián.

Lúc đó một trong hai điều có thể sẽ xảy ra:

- Một là nếu có ánh sáng để nhìn, họ sẽ thấy khắp đủ mọi vật ác độc nên sanh ra vô lượng sợ hãi.

- Hai là nếu chỉ toàn đen tối, im bặt và không thấy gì, họ sẽ sanh ra vô lượng kinh hoàng.

Lửa dữ mà người ấy đã thấy có thể làm cho thức của tai bị quá tải nên sẽ tràn ngập tiếng nước sôi và đồng nung ở trong vạc. Thức của mũi có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập mùi khói đen và ngọn lửa màu tím. Thức của lưỡi có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập vị cháo của viên sắt nóng. Thức của thân có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập xúc chạm của tro nóng và than hồng. Thức của ý có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập nhận biết của những ngọn lửa phun ra và đám tia lửa bắn nổ trong không khí.

2. Báo ứng xấu của nghe tiếng chiêu cảm và dẫn dắt quả ác. Nghiệp từ thức của tai ảnh hưởng với những thức kia. Khi sắp mạng chung, trước tiên họ có thể sẽ cảm nhận được tiếng gầm của những cơn sóng lớn làm ngập đất trời. Khi chết, thần thức của họ sẽ chìm xuống, rồi cưỡi sóng mà vào Địa ngục Vô Gián.

Lúc đó một trong hai điều có thể sẽ xảy ra:

- Một là nếu có thể nghe, họ sẽ nghe đủ mọi tiếng ầm ĩ nên khiến tinh thần bị rối loạn.

- Hai là nếu chẳng thể nghe và im bặt không một âm thanh thì sẽ khiến hồn phách của họ chìm vào u ám.

Tiếng gầm của những cơn sóng lớn mà người ấy đã nghe có thể làm cho thức của tai bị quá tải nên sẽ tràn ngập tiếng trách mắng và cật vấn. Thức của mắt có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập cảnh tượng của sấm sét gào hống cùng với khí độc mịt mù. Thức của mũi có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập mùi tanh hôi của nước đầm lầy với các loài trùng độc tràn khắp thân thể. Thức của lưỡi có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập vị của máu mủ và muôn loại tạp uế. Thức của thân có thể bị quá tải nên sẽ tràn

ngập xúc chạm của phân với nước tiểu từ thú vật và quỷ. Thức của ý có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập nhận biết của điện chớp và mưa đá tồi phá tan nát tâm phách.

3. Báo ứng xấu của ngửi mùi chiêu cảm và dẫn dắt quả ác. Nghiệp từ thức của mũi ảnh hưởng với những thức kia. Khi sắp mạng chung, trước tiên họ có thể sẽ cảm nhận được khí độc mịt mù ở gần hay xa. Khi chết, thần thức của họ sẽ từ dưới đất vọt lên, nhưng rồi phải rơi vào Địa ngục Vô Gián.

Lúc đó một trong hai điều có thể sẽ xảy ra:

- Một là nếu lỗ mũi khai thông, họ sẽ hít vào khí độc nên khiến cho tâm rối loạn.

- Hai là nếu lỗ mũi bế tắc, họ sẽ ngộp thở và xỉu trên đất.

Khí độc mà người ấy đã ngửi có thể làm cho thức của mũi bị quá tải và cảm giác như đang bị chất vấn lý lịch. Thức của mắt có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập cảnh tượng của lửa và đuốc. Thức của tai có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập tiếng kêu la của tội nhân chìm đắm ở trong chảo nước sôi. Thức của lưỡi có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập vị của cá ươn và tanh hôi. Thức của thân có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập xúc chạm của rạch mổ với nát nhừ để làm thành một núi thịt lớn với trăm ngàn con mắt và có vô lượng loài trùng táp ăn. Thức của ý có thể bị quá tải nên sẽ tràn ngập nhận biết của tro và hơi độc như là cát đá bay vút bắn nát thân thể.

4. Báo ứng xấu của nếm vị chiêu cảm và dẫn dắt quả ác. Nghiệp từ thức của lưỡi ảnh hưởng với những thức kia. Khi sắp mạng chung, trước tiên họ có thể sẽ cảm nhận được một tấm lưới sắt nóng cháy phừng phủ trùm

thế giới. Khi chết, thần thức của họ sẽ rơi vào trong lưới với đầu bị lộn ngược và treo ở đó cho đến khi rơi vào Địa ngục Vô Gián.

Lúc đó một trong hai điều có thể sẽ xảy ra:

- Một là làn khí hút vào miệng sẽ kết thành hàn băng và làm cho thân thể đông cứng lạnh rét.

- Hai là làn khí nhổ ra sẽ bừng lên thành lửa dữ và đốt cháy đến tận xương tủy.

Khi thức của lưỡi trải nghiệm những việc như thế, người ấy cảm giác như bị ép vâng theo và nhẫn chịu. Thức của mắt có thể sẽ trải nghiệm về cảnh tượng của kim loại nóng và đá nóng. Thức của tai có thể sẽ trải nghiệm nghe tiếng binh khí nhọn bén. Thức của mũi có thể sẽ trải nghiệm về lỗ mũi của họ trở thành như một cái lồng sắt khổng lồ che trùm cả quốc gia. Thức của thân có thể sẽ trải nghiệm như bị cung tên và nỏ bắn thủng. Thức của ý có thể sẽ trải nghiệm như bị những viên sắt nóng từ trên không rơi xuống.

5. Báo ứng xấu của xúc chạm chiêu cảm và dẫn dắt quả ác. Nghiệp từ thức của thân ảnh hưởng với những thức kia. Khi sắp mạng chung, trước tiên họ có thể sẽ cảm nhận được những hòn núi to lớn xích lại ở bốn phía và không có lối nào để thoát ra. Khi chết, thần thức của họ sẽ cảm nhận được một thành sắt lớn với rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, và sư tử. Các ngục tốt đầu trâu và quỷ bạo ác đầu ngựa cầm cây thương trong tay và xua đuổi tội nhân hướng tới cổng thành để vào Địa ngục Vô Gián.

Lúc đó một trong hai điều có thể sẽ xảy ra:

- Một là nếu tội nhân vẫn còn cảm nhận được xúc chạm, họ sẽ cảm giác thân thể của mình bị những hòn núi ép cho đến khi máu ào ra từ xương thịt nát tan.

- Hai là nếu tội nhân không còn cảm nhận được xúc chạm, đao với kiếm sẽ đâm vào thân và làm cho tim gan rạch đứt.

Khi thức của thân trải nghiệm những việc như thế, người ấy cảm giác như bị đánh, bị nện, bị đâm, và bị bắn. Thức của mắt có thể sẽ trải nghiệm về cảnh tượng của thiêu đốt nóng bỏng. Thức của tai có thể sẽ trải nghiệm nghe tiếng kêu la của tội nhân trên đường đi đến chỗ xét án và lao ngục. Thức của mũi có thể sẽ trải nghiệm bị nghẹt ở trong bao hoặc khó thở do bị trói. Thức của lưỡi có thể sẽ trải nghiệm như bị cày, bị kẹp, bị chém, và bị cắt. Thức của ý có thể sẽ trải nghiệm rơi xuống, bay lên, bị chiên, hoặc bị nướng.

6. Báo ứng xấu của suy tư chiêu cảm và dẫn dắt quả ác. Nghiệp từ thức của ý ảnh hưởng với những thức kia. Khi sắp mạng chung, trước tiên họ có thể sẽ cảm nhận được một cuồng phong thổi tan nát quốc thổ. Khi chết, thần thức của họ cảm nhận như bị thổi lên không trung, rồi cuốn xoay theo gió và rơi vào Địa ngục Vô Gián.

Lúc đó một trong hai điều có thể sẽ xảy ra:

- Một là nếu bất giác, sự u mê cực độ của họ sẽ dẫn đến hoang mang và họ sẽ bỏ chạy không ngừng.

- Hai là nếu chẳng mê, họ sẽ cảm giác vô lượng khổ bức của bị chiên với thiêu đốt, và nỗi thống khổ thật chẳng thể nhẫn chịu.

Khi thức của ý trải nghiệm những việc như thế, người ấy cảm giác như bị giam cầm. Thức của mắt có thể sẽ trải nghiệm về cảnh tượng của tra

hỏi và đối chứng. Thức của tai có thể sẽ trải nghiệm nghe tiếng va chạm của những tảng đá lớn, hoặc băng, sương, hơi nước, hay bụi che lấp âm thanh. Thức của mũi có thể sẽ trải nghiệm mùi bốc cháy dữ dội của xe cộ, thuyền bè, hay xe tù. Thức của lưỡi có thể sẽ trải nghiệm như bị kêu la gào thét, hối lỗi, và khóc than. Thức của thân có thể sẽ trải nghiệm về thân xác lớn ra hay thu nhỏ, hoặc trải qua muôn lần sống chết trong một ngày với khuôn mặt bị nằm ép xuống.

Này A-nan! Đây gọi là mười nhân với sáu quả của địa ngục, và đều là do chúng sanh si mê hư vọng tạo ra.

Nếu sáu thức của chúng sanh nào tạo nghiệp ác cùng một lúc, họ sẽ vào Địa ngục Vô Gián và chịu vô lượng khổ ách cho đến vô lượng kiếp. Còn như nghiệp ác tạo riêng rẽ ở thời điểm khác nhau bởi các căn với trần cảnh của chúng, họ sẽ vào một trong tám địa ngục lạnh.

Nếu chúng sanh nào phạm sát sanh, trộm cắp, và tà dâm qua thân ngữ ý, người ấy sẽ vào một trong 18 địa ngục. Tuy nhiên, nếu chỉ phạm hai trong ba nghiệp, như là sát sanh và trộm cắp, người ấy sẽ vào một trong 36 địa ngục. Còn như chỉ phạm một trong ba nghiệp, người ấy sẽ vào một trong 108 địa ngục.

Đây đều là do mỗi chúng sanh tự làm tự tạo, nhưng nếu nghiệp của họ tương đồng với những chúng sanh khác, tất cả họ sẽ vào địa ngục giống nhau ở trong thế giới đó. Những địa ngục này là do vọng tưởng phát sanh chứ chẳng phải vốn sẵn có.

Lại nữa, A-nan! Khi những chúng sanh ấy đã trải qua các kiếp lửa để trả nợ của những tội đã tạo--như là tội phá giới luật và uy nghi, phạm giới Bồ-tát, hủy báng lời dạy của Phật về tịch diệt, và những nghiệp hỗn tạp khác--sau đó họ sẽ thọ thân hình của quỷ.

Nếu ở bổn nhân do tham vật mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp một vật nào đó rồi thành hình. Đây gọi là quỷ quái vật.

Nếu do tham sắc mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp gió rồi thành hình. Đây gọi là quỷ hạn hán.

Nếu do tham và mê hoặc mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp động vật rồi thành hình. Đây gọi là quỷ nhập động vật.

Nếu do tham và sân hận mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp loài trùng rồi thành hình. Đây gọi là quỷ ngải độc.

Nếu do tham và hồi ức mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp loài suy yếu rồi thành hình. Đây gọi là quỷ ôn dịch.

Nếu do tham và kiêu ngạo mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp luồng khí rồi thành hình. Đây gọi là quỷ đói.

Nếu do tham và lừa dối mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp u ám rồi thành hình. Đây gọi là quỷ ác mộng.

Nếu do tham và dùng trí thông minh mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp tinh khí rồi thành hình. Đây gọi là quỷ yêu tinh.

Nếu do tham và vì thành công ích kỷ mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp chú thuật rồi thành hình. Đây gọi là quỷ sai sử.

Nếu do tham và lập bè đảng mà phạm tội, khi nghiệp tội của kẻ ấy đã hết, họ sẽ gặp người rồi thành hình. Đây gọi là quỷ đưa tin.

Này A-nan! Những chúng sanh kia đều do bởi tình cảm chiếm toàn bộ mà trụy lạc. Một khi lửa nghiệp đã cháy hết thì sẽ thăng lên làm quỷ.

Đây đều là do nghiệp vọng tưởng của chính họ chiêu cảm và dẫn dắt. Nếu giác ngộ thì với viên minh nhiệm mầu, họ sẽ biết rằng những báo ứng này vốn không chỗ có.

Lại nữa, A-nan! Khi đã hết nghiệp làm quỷ, tình cảm và tịnh tưởng của những chúng sanh ấy đều sẽ trở thành rỗng không. Sau đó họ sẽ đến thế gian để đích thân đối mặt với chủ nợ nguyên gốc và sanh vào loài bàng sanh để trả nợ ở đời trước.

Khi vật tiêu tan và quả báo đã hết, đa phần quỷ quái vật sẽ sanh làm chim cú ở thế gian.

Khi gió tiêu tan và quả báo đã hết, đa phần quỷ hạn hán sẽ sanh làm muôn loại động vật khác lạ để báo hiệu điềm xấu ở thế gian.

Khi động vật chết và quả báo đã hết, đa phần quỷ nhập động vật sẽ sanh làm loài cáo ở thế gian.

Khi ngải độc chết và quả báo đã hết, đa phần quỷ ngải độc sẽ sanh làm động vật độc hại ở thế gian.

Khi loài suy yếu chết và quả báo đã hết, đa phần quỷ ôn dịch sẽ sanh làm ký sinh trùng ở thế gian.

Khi luồng khí tiêu tan và quả báo đã hết, đa phần quỷ đói sẽ sanh làm động vật bị con người ăn ở thế gian.

Khi u ám tiêu tan và quả báo đã hết, đa phần quỷ ác mộng sẽ sanh làm động vật phục vụ loài người hoặc làm vật liệu cho quần áo ở thế gian.

Khi tinh khí tiêu tan và quả báo đã hết, đa phần quỷ yêu tinh sẽ sanh làm giống chim di cư ở thế gian.

Khi ánh sáng của người mà quỷ theo phục dịch tiêu tan và quả báo đã hết, đa phần quỷ sai sử sẽ sanh làm muôn loài động vật báo hiệu điềm tốt ở thế gian.

Khi người mà quỷ đưa tin chết mất và quả báo đã hết, đa phần quỷ đưa tin sẽ sanh làm thú cưng ở thế gian.

Này A-nan! Khi lửa nghiệp mà đã làm cho những chúng sanh kia trở thành khô héo, họ sanh làm loài bàng sanh để trả nợ ở đời trước. Đây cũng đều là do nghiệp vọng tưởng của chính họ chiêu cảm và dẫn dắt. Nếu giác ngộ thì họ sẽ biết những vọng duyên ấy vốn không chỗ có.

Như lời của ông đã nói trước đây về Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương, vua Lưu Ly, và Tỳ-kheo Thiện Tinh. Họ tạo nghiệp ác như thế là do tự mình gây ra, chứ chẳng phải từ trời rơi xuống, cũng chẳng từ đất vọt ra, và cũng chẳng do người khác áp đặt. Tự chiêu cảm si mê thì phải tự lãnh thọ. Thế nhưng tất cả chúng đều là hư vọng phù du ở trong tâm giác ngộ và chỉ là vọng tưởng ngưng đọng kết tụ.

Lại nữa, A-nan! Khi đã thác vào loài bàng sanh để trả nợ ở đời trước, nếu sự báo đền ở trong đời đó vượt hơn nợ nần cần phải trả, thì những chúng sanh kia có thể sẽ được trở lại làm người. Tính lại số nợ còn thiếu ở những nơi khác, giả như đương lúc được thân người mà có cả lực lẫn phước đức, họ sẽ được giữ lại thân người, bởi vì đó là sự đền bù cho việc trả dư nợ. Còn như kẻ chẳng có phước, họ sẽ thác trở lại vào loài bàng sanh để trực tiếp trả nợ cho những khoản nợ khác.

Này A-nan! Phải biết rằng họ có thể dùng tiền tài, vật chất, hoặc sức lực để làm cho khoản nợ ở đời trước tự động đình chỉ. Tuy nhiên nếu giữa lúc ấy mà lại giết hại sinh mạng của kẻ khác, hoặc ăn thịt chúng sanh, thì như vậy cho đến trải qua số kiếp nhiều như vi trần, họ sẽ hỗ tương giết

hại hoặc ăn thịt lẫn nhau. Đây ví như sự lăn chuyển của bánh xe. Nó hỗ tương làm cho bánh xe lên cao rồi hạ xuống mà không chút tạm ngưng. Và như thế, bánh xe luân hồi sẽ không thể ngừng nghỉ, trừ phi họ thực hành Pháp tu Chỉ hoặc gặp Phật xuất hiện ở thế gian.

Ông nay nên biết rằng, những ai đã luân chuyển làm chim cú để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng ngu si và ngoan cố ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm động vật báo hiệu điềm xấu để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng dị tật ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm loài cáo để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng thấp kém ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm động vật độc hại để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng hung dữ ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm ký sinh trùng để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng đầy tớ ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm động vật bị con người ăn để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng yếu ớt ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm động vật phục vụ loài người hoặc làm vật liệu cho quần áo để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng lao dịch ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm giống chim di cư để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng văn nhã ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm động vật báo hiệu điềm tốt để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng thông minh ở nhân gian.

Những ai đã luân chuyển làm thú cưng để trả nợ đời trước, khi được hoàn phục thân người thì họ sẽ sanh vào hạng thành đạt ở nhân gian.

Này A-nan! Một khi các chúng sanh đó đã trả xong nợ ở đời trước thì sẽ hoàn phục thân người. Đây đều là do bởi nghiệp tính toán điên đảo từ vô thỉ mà họ cùng nhau sanh ra và hỗ tương tàn sát. Nếu như chẳng gặp Như Lai hoặc không nghe Chánh Pháp, họ sẽ luân chuyển theo các pháp ở trong trần lao. Hàng hữu tình như thế thật quả đáng thương.

Này A-nan! Lại có những người trong nhân gian tu định nhưng không đi theo con đườngchánh giác. Trái lại, họ tu tập dựa vào vọng niệm để tồn giữ ý tưởng và kiên cố tu luyện thân thể. Họ sống trong rừng núi hẻo lánh mà nhân loại không thể đến. Họ thuộc trong mười loại tiên nhân dưới đây.

[1] Này A-nan! Có những chúng sanh kiên cố tu luyện ăn kiêng mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Địa Hành Tiên.

[2] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện dược thảo mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Phi Hành Tiên.

[3] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện kim thạch mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Du Hành Tiên.

[4] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện khí tinh ở trong lúc chuyển động hay dừng nghỉ mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Không Hành Tiên.

[5] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện chuyển hóa nước miếng mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Thiên Hành Tiên.

[6] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện hít vào tinh sắc nhật nguyệt mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Thông Hành Tiên.

[7] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện chú thuật và giới cấm mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Đạo Hành Tiên.

[8] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện tư niệm mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Chiếu Hành Tiên.

[9] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện nội khí giao hội mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Tinh Hành Tiên.

[10] Có những chúng sanh kiên cố tu luyện biến hóa mà chẳng hề thôi nghỉ. Khi thành tựu phép tu luyện như thế, họ trở thành Tuyệt Hành Tiên.

Này A-nan! Tất cả họ đều là những người tu tâm, nhưng lại không đi theo con đường chánh giác. Ngược lại, họ mong cầu bí mật trường thọ, và họ có thể sống đến ngàn vạn năm. Họ sống ẩn trong núi sâu hoặc ở

trên hoang đảo giữa đại dương và dứt tuyệt liên lạc với loài người. Thế nhưng họ cũng phải chịu luân hồi vì vọng tưởng lưu chuyển. Do chẳng tu chánh định và khi quả báo từ sự tu tập chấm dứt, họ cũng trở lại sa vào các đường.

[1] Này A-nan! Có những người ở thế gian không cầu mong sống mãi, và họ vẫn chưa có thể lìa bỏ ân ái của phu thê. Nếu tâm của họ không chạy theo tư tưởng tà dâm, họ sẽ phát huy một ánh sáng trong suốt. Sau khi mạng chung, họ thăng lên ở gần mặt trời mặt trăng. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Tứ Thiên Vương.

[2] Có những người chỉ có một chút dâm dục trong cuộc sống vợ chồng, và họ vẫn chưa hoàn toàn sống thanh tịnh. Sau khi mạng chung, họ thăng lên khỏi mặt trời mặt trăng và trú ở đỉnh núi Diệu Cao. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Tam Thập Tam.

[3] Có những người thỉnh thoảng mới khởi chút ít dâm dục và khi việc đã xong thì không còn nghĩ đến nữa. Lúc họ còn sống ở nhân gian, tĩnh lặng chiếm đa phần và dao động chiếm thiểu số. Sau khi mạng chung, họ an trụ an nhiên ở trong hư không. Ở nơi đây, ánh sáng của mặt trời và mặt trăng chẳng thể rọi đến. Thân của những vị thiên nhân này tự có quang minh. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Thiện Thời.

[4] Có những người luôn luôn tĩnh lặng, chỉ trừ những lúc họ không thể cưỡng lại sự tìm đến của xúc chạm. Sau khi mạng chung, họ thăng lên ở nơi rất tinh vi và không tiếp cận với cõi trời và nhân gian ở dưới. Cho dù ba tai họa của kiếp hoại có xảy ra thì cũng không thể đến được. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Hỷ Túc.

[5] Có những người tuy không có tâm dâm dục nhưng sẽ đáp ứng với người cùng chăn gối của họ. Đối với việc hành dâm thì họ sánh như vị

nếm khi nhai bạch lạp. Sau khi mạng chung, họ sẽ sanh lên cõi biến hóa. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Nhạo Biến Hóa.

[6] Có những người chẳng có ý nghĩ nhiễm ô của thế gian. Tuy việc làm của họ dường như không khác với phàm phu, nhưng tâm của họ siêu việt đối với những việc giao tiếp. Sau khi mạng chung, họ có thể vượt hơn các cõi khác, gồm cả trời Nhạo Biến Hóa. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Tha Hóa Tự Tại.

Này A-nan! Mặc dù sáu loại chư thiên như thế đã vượt khỏi hành động thể chất, nhưng tinh thần của họ thì vẫn còn giao tiếp. Do đó các tầng trời ấy gọi là cõi dục."

****

[1] "Này A-nan! Có những người ở thế gian với tâm lắng trong, nhưng do bởi chẳng tu thiền định nên không có trí tuệ. Họ chỉ có thể gìn giữ thân không hành dâm dục. Tưởng và niệm của họ trong lúc đi hay ngồi đều không sanh ái nhiễm. Do đó họ sẽ không lưu lại ở cõi dục. Nếu như muốn, người ấy sẽ có thể sanh làm bạn lữ thanh tịnh. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Phạm Chúng.

[2] Có những người đã đoạn trừ tập khí của ái dục và tâm lìa khỏi dục niệm. Đối với giới luật và uy nghi, họ yêu mến và tùy thuận. Người ấy có thể tu hành công đức thanh tịnh ở mọi lúc. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Phạm Phụ.

[3] Có những người với thân tâm đã đạt đến vi diệu tròn đầy, uy nghi không khiếm khuyết, thanh tịnh giới cấm, và lại còn hiểu biết thông suốt. Ở mọi lúc, người ấy có thể thống lãnh Phạm chúng và trở thành Đại Phạm Vương. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Đại Phạm.

Này A-nan! Chư thiên ở ba cõi trời thù thắng ấy đều lìa khỏi bức hại của tất cả khổ não. Mặc dù không tu thiền định chân chánh, nhưng trong tâm của họ thanh tịnh và không dao động bởi các lậu. Đây là chư thiên ở cảnh thiền thứ nhất.

[4] Này A-nan! Ở trên chư thiên thống nhiếp Phạm chúng ở cõi Phạm Thiên, có chư thiên viên mãn tịnh hạnh, trừng tâm bất động, và do tâm tịch tĩnh thâm sâu mà có ánh sáng phóng ra. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Thiểu Quang.

[5] Kế đến có chư thiên với quang minh chiếu soi lẫn nhau, chiếu sáng vô tận, ánh hiện cõi giới của mình đến mười phương và biến nó thành lưu ly. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Vô Lượng Quang.

[6] Kế đến có chư thiên hấp thu với trì giữ ánh sáng tròn đầy, và họ đã thành tựu bản thể chỉ dạy về việc ấy. Họ có thể phát ra quang minh thanh tịnh để ứng đáp vô tận. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Quang Âm.

Này A-nan! Chư thiên ở ba cõi trời thù thắng ấy đều lìa khỏi bức hại của tất cả âu lo. Mặc dù không tu thiền định chân chánh, nhưng trong tâm họ thanh tịnh và đã hàng phục các lậu thô kệch. Đây là chư thiên ở cảnh thiền thứ nhì.

[7] Này A-nan! Khi chư thiên như thế đã thành tựu ánh sáng tròn đầy như một phương tiện giao tiếp, giờ đây sự vi diệu của phương tiện ấy đã hiển lộ. Họ thanh lọc sự tu tập này cho đến khi tâm khai thông đến an vui của tịch diệt. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Thiểu Tịnh.

[8] Tiếp đến họ trải nghiệm một cảnh giới của thanh tịnh và rỗng không hiện tiền, rồi nó mở rộng vô biên tế. Thân tâm của họ khinh an và thành

tựu an vui của tịch diệt. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Vô Lượng Tịnh.

[9] Khi thế giới và thân tâm thảy đều thanh tịnh viên mãn và tịnh đức thành tựu, một cảnh giới thù thắng hiện tiền và dẫn về an vui của tịch diệt. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Biến Tịnh.

Này A-nan! Chư thiên ở ba cõi trời thù thắng ấy đầy đủ sự tùy thuận to lớn, thân tâm an ổn, và được vô lượng an vui. Mặc dù không tu thiền định chân chánh, nhưng trong tâm của họ an ổn và tràn ngập hoan hỷ. Đây là chư thiên ở cảnh thiền thứ ba.

[10] Này A-nan! Lại có chư thiên không còn bị thân tâm bức bách và nhân của khổ đã tận trừ. Họ nhận biết điều vui sướng trên cõi trời sẽ không thường trụ và không lâu tất phải sanh hoại diệt. Cho nên họ mau chóng đồng thời xả bỏ cả tâm khổ lẫn vui. Do họ đã chấm dứt các lậu thô kệch thâm trọng nên tánh của phước đức thanh tịnh liền sanh ra. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Phước Sanh.

[11] Một khi đã xả tâm khổ và vui, họ được thắng giải thanh tịnh. Ở trong trạng thái của phước đức vô tận, họ được sự tùy thuận vi diệu cho đến tận cùng mãi mãi. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Phước Ái.

Này A-nan! Từ cõi trời đó rẽ làm hai đường.

[12] Trước đó, nếu tâm của chư thiên ở trời Phước Ái mà có thể chiếu vô lượng quang minh thanh tịnh, phước đức viên minh, và tu chứng mà an trụ. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Quảng Quả.

[13] Còn như trước đó, nếu tâm của chư thiên ở trời Phước Ái mà chán ghét cả khổ lẫn vui và liên tục nghiên cứu phương pháp xả tâm chẳng

ngừng. Khi đã hiểu cùng tận phương pháp xả tâm, thân tâm đều diệt và ý tư lự ngưng đọng như tro suốt 500 kiếp. Do bởi người ấy đã dùng tâm sanh diệt làm nhân nên không thể phát huy tánh không sanh không diệt. Tưởng của họ diệt mất từ kiếp thứ nhất cho đến nửa kiếp đầu của kiếp thứ 500. Nửa kiếp sau của kiếp thứ 500 thì tưởng của họ sanh trở lại. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Vô Tưởng.

Này A-nan! Chư thiên ở bốn cõi trời thù thắng ấy đều chẳng hề lay động bởi các cảnh khổ vui trong tất cả thế gian. Tuy nhiên, do họ không tu tập nương vào tâm vô vi chân thật bất động nên vẫn có tâm sở đắc. Đây là chư thiên ở cảnh thiền thứ tư.

Này A-nan! Ở trong cảnh thiền đó lại có năm cõi trời Tịnh Cư. Chư thiên ở những cõi trời ấy đều đã trừ sạch chín thể loại tập khí ở trong hạ giới. Đến giai đoạn này thì khổ vui đều quên. Chư thiên nơi đây sẽ không bao giờ còn sống ở tầng trời thấp hơn. Họ cùng sống ở một nơi an bình và mỗi vị đều ngang bằng ở mức độ xả tâm.

[14] Này A-nan! Có chư thiên với cả khổ lẫn vui đều diệt mất và tâm đấu tranh không còn giao tiếp. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Vô Phiền.

[15] Kế đến có chư thiên chỉ độc nhất nghiên cứu về xả tâm, và không còn ôm giữ niệm khổ hay vui. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Vô Nhiệt.

[16] Kế đến có chư thiên có thể thấy các thế giới trong mười phương với thị lực vi diệu, viên mãn lắng trong, và nó không còn cấu nhiễm bởi tất cả sắc tượng của trần cảnh. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Thiện Kiến.

[17] Kế đến có chư thiên với cái thấy tinh nguyên hiện tiền và không bị chướng ngại ví như sự điêu luyện của người thợ gốm. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Thiện Hiện.

[18] Khi quán sát đến tột cùng về muôn sự vi tế của sắc tánh và tánh hư không, họ vào trạng thái của vô biên tế. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở trời Sắc Cứu Cánh.

Này A-nan! Thiên chúng và cho đến thiên vương ở bốn tầng trời đầu tiên thuộc cảnh thiền thứ tư thì cũng không thể thấy hay biết gì về chư thiên ở năm cõi trời Tịnh Cư, và độc nhất chỉ nghe về họ với sự ngưỡng mộ. Đây ví như hàng phàm phu trên thế gian đều chẳng thể thấy các vị A-la-hán đang ở trong khoáng dã thâm sơn để trụ Pháp và trì Pháp nơi thánh địa Đạo Tràng của họ.

Này A-nan! Mặc dù chư thiên của 18 cõi trời đó đơn độc tu hành và không giao tiếp với trần cấu, nhưng họ vẫn chưa dứt hết phiền lụy của thân. Do đó các tầng trời ấy gọi là cõi sắc."

Lại nữa, A-nan! Từ trời Sắc Cứu Cánh, là tầng trời nằm ở ranh giới trên cùng của cõi sắc, nơi đây lại rẽ làm hai đường.

Nếu chư thiên ở tầng trời ấy tu hành xả tâm mà phát huy trí minh và được tuệ quang viên thông, thì liền ra khỏi trần lao, trở thành bậc A-la-hán và vào Bồ-tát Thừa. Hàng hữu tình như thế gọi là những vị đại A-la-hán hồi tâm hướng về Đại Thừa.

[1] Còn nếu chư thiên ở tầng trời ấy tu hành xả tâm thành tựu mà nhận biết thân là chướng ngại cho sự tăng tiến, họ làm cho thân tiêu mất và trở thành như hư không. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở Không Vô Biên Xứ.

[2] Khi chướng ngại của thân đã tiêu mất, bây giờ thì không còn sự ngăn ngại nào để phải diệt trừ. Họ chỉ còn lưu lại tạng thức và một nửa chức năng vi tế của thức truyền tống. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở Thức Vô Biên Xứ.

[3] Khi hình sắc với hư không đã chấm dứt và thức tâm cũng hoàn toàn diệt mất, thì sẽ tịch nhiên khắp mười phương. Chẳng còn lưu lại gì và không có nơi nào để đến. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở Vô Sở Hữu Xứ.

[4] Khi tạng thức không còn hoạt động, họ dùng sự diệt này để nghiên cứu tận cùng. Ở trong vô tận của thức đó, tận tánh phát huy. Thức đó dường như tồn tại mà không tồn tại, dường như tận mà chẳng phải tận. Hàng hữu tình như thế gọi là chư thiên ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Tuy chư thiên ở những cõi trời này đã quán sát tận cùng về không của thức, nhưng họ chẳng hiểu cùng tận về lý của không. Đây là sự chấm dứt của con đường thánh nhân mà đã dẫn đến từ năm cõi trời Tịnh Cư. Hàng hữu tình như thế gọi là những ám độn A-la-hán chẳng hồi tâm hướng về Đại Thừa.

Chư thiên ở trời Vô Tưởng và chư thiên ở những tầng trời không theo Chánh Đạo, họ sẽ chẳng quay về từ sự quán sát tận cùng về không của thức. Do bởi si mê, thiếu hiểu biết, và vẫn còn hữu lậu nên cuối cùng thì cũng sẽ rơi vào vòng luân chuyển.

Này A-nan! Tất cả thiên nhân ở các tầng trời ấy đều là phàm phu. Khi đã thọ hưởng hết nghiệp quả lành, họ sẽ phải luân chuyển. Tuy nhiên, các vị thiên vương của những cõi trời kia chính là Bồ-tát. Các ngài du hí chánh định, dần dần thứ tự tăng tiến, và hướng đến con đường tu hành của chư thánh.

Này A-nan! Về chư thiên của bốn tầng trời cuối cùng, sắc thân tiêu mất, tâm hành đã diệt, và định tánh hiện tiền. Kể từ đây, họ vĩnh viễn không còn nghiệp quả của sắc thân nữa. Do đó các tầng trời ấy gọi là cõi vô sắc.

Tất cả chư thiên hữu lậu đều không hiểu suốt về diệu giác minh tâm. Do si mê tích tập mà phát sanh ba cõi hư vọng. Trong đó, mỗi chúng sanh tùy theo si mê của mình mà chìm vào bảy đường với những chúng sanh đồng loại.

Lại nữa, A-nan! Ở trong ba cõi lại có bốn loại phi thiên.

[1] Có những phi thiên ở loài quỷ, chúng dốc sức hộ Pháp và có thần thông bay trên không. Hàng phi thiên này sanh ra từ trứng và thuộc về quỷ đạo.

[2] Có những phi thiên do vì phước đức không đủ nên phải rơi khỏi thiên thượng và chúng sống ở phía dưới mặt trời mặt trăng. Hàng phi thiên này sanh ra từ bào thai và thuộc về nhân gian.

[3] Có những phi thiên vương thống lãnh thế giới, mãnh lực vô úy, và có thể tranh quyền với Phạm Vương, Năng Thiên Đế, và Tứ Đại Thiên Vương. Hàng phi thiên này sanh ra từ biến hóa và thuộc về cõi trời.

[4] Này A-nan! Có một loại phi thiên thấp kém khác. Chúng sanh tại những hang nước sâu ở giữa biển cả. Ban ngày chúng bay trên không và khi tối đến thì trở về bổn xứ ở dưới nước. Hàng phi thiên này sanh ra từ ẩm ướt và thuộc về loài bàng sanh.

Này A-nan! Đây là những lời giảng giải tường tận về bảy đường, gồm có: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, người, thần tiên, trời và phi thiên. Tất cả đều hôn muội và chìm đắm trong các tướng hữu vi. Do si mê mà họ

sanh ra và chuyển theo nghiệp vọng tưởng của mình. Tuy nhiên, ở trong bổn tâm vô vi nhiệm mầu viên minh, các đường này đều tựa như hoa đốm giữa hư không. Chúng vốn không chỗ dính mắc, không có trụ sở, và hoàn toàn chỉ là hư vọng.

Này A-nan! Do các chúng sanh đó không nhận biết bổn tâm nên phải thọ luân hồi đến vô lượng kiếp mà chẳng được thanh tịnh chân thật. Tất cả đều do tùy thuận sát sanh, trộm cắp, và tà dâm. Nếu vi phạm sát sanh, trộm cắp, và tà dâm, họ sẽ sanh vào quỷ đạo. Nếu không phạm ba giới kia, họ sẽ sanh lên trời. Vì những chúng sanh ấy cứ ngả nghiêng giữa phạm giới và giữ giới nên phát khởi tánh luân hồi.

Nếu ai vào được chánh định này thì sẽ trụ trong tịch diệt thường hằng vi diệu. Họ lìa khỏi nhị biên của có và không, và vô nhị biên cũng diệt mất. Họ đã vượt khỏi không sát sanh, không trộm cắp, và không tà dâm. Huống nữa là tùy thuận việc sát sanh, trộm cắp, và tà dâm hay sao?

Này A-nan! Những ai không đoạn trừ ba nghiệp đó thì sẽ tự tạo nghiệp của chính mình. Mặc dù quả báo của mỗi chúng sanh là của bản thân, nhưng họ sẽ cùng trải qua với những chúng sanh đồng quả báo ở một nơi nhất định. Nghiệp của họ phát sanh từ si mê. Do nó hư vọng sanh ra nên chẳng có nhân và sẽ không thể nào tìm thấy nhân của nó.

Ông hãy khuyên những ai tu hành mà muốn được giác ngộ thì phải đoạn trừ ba việc si mê. Nếu không đoạn trừ ba việc si mê, cho dù họ được thần thông, nhưng đó đều là hữu vi của thế gian và phải dùng công sức. Nếu không diệt trừ tập khí, họ sẽ lạc vào ma đạo. Cho dù họ muốn trừ si mê đi nữa, nhưng nếu không diệt trừ tập khí thì chỉ gia tăng hư ngụy. Như Lai nói rằng những chúng sanh như thế thật quả đáng thương. Ông nên biết rằng si mê của mình là do tự mình tạo ra chứ chẳng phải lỗi của tánh giác ngộ.

Những gì được giảng ở đây là chánh giáo. Nếu giảng sai khác thì tức là lời của ma vương."

Bấy giờ Như Lai sắp rời Pháp tòa. Từ tòa sư tử đứng dậy, Thế Tôn đặt bàn tay lên cái bàn bảy báu ở trước mặt. Sau đó, Ngài xoay chuyển thân mình như hòn núi vàng tím, rồi lại ngồi xuống.

Khi ấy Đức Phật bảo toàn thể đại chúng và ngài A-nan rằng:

"Hàng Hữu Học các ông, cùng Thanh Văn và Duyên Giác, hôm nay đã hồi tâm hướng về đại giác, là vô thượng diệu giác. Ta nay đã thuyết giảng Pháp tu hành chân thật. Tuy nhiên, ông vẫn chưa biết những việc ma vi tế sẽ xảy ra khi tu Chỉ và tu Quán. Nếu chẳng thanh tịnh tâm của mình, ông sẽ không nhận ra cảnh ma khi chúng hiện tiền và sẽ lạc vào tà kiến.

Ma có thể khởi sanh từ năm uẩn ở bên trong của ông. Hoặc ông sẽ bị thiên ma, quỷ thần, hay yêu tinh đến nhập. Nếu trong tâm của ông chẳng rõ khi xảy ra, ông sẽ nhận giặc làm con. Hoặc ông thành tựu một chút mà cho là đủ. Đây ví như Tỳ-kheo chẳng học hỏi kia, chỉ mới đạt đến cảnh thiền thứ tư mà vọng ngôn cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Khi phước báo ở cõi trời đã hết và các tướng suy hiện tiền, do hủy báng rằng người đắc Đạo A-la-hán mà còn vướng hữu lậu về sau, nên Tỳ-kheo kia liền đọa Địa ngục Vô Gián. Ông hãy lắng nghe. Ta nay sẽ giải thích tường tận cho ông."

Khi ấy ngài A-nan cùng với những vị Hữu Học ở trong Pháp hội liền đứng dậy, hoan hỷ đảnh lễ, và cung kính lắng nghe giáo hối từ bi của Phật.

Phật bảo ngài A-nan và các đại chúng:

"Các ông phải biết rằng, mặc dù 12 thể loại chúng sanh ở trong thế giới có hữu lậu, nhưng bổn giác diệu minh và giác viên tâm thể của họ thì chẳng hai chẳng khác với mười phương chư Phật. Do bởi vọng tưởng nên họ mê muội chân lý và si ái phát sanh. Nhân vì si mê sanh khởi biến khắp nên mới có hư không. Rồi do u mê biến hóa chẳng dừng nên mới có thế giới. Quốc độ nhiều như vi trần ở khắp mười phương và tất cả những ai hữu lậu đều là an lập từ vọng tưởng si mê. Các ông nên biết rằng hư không sanh ra ở trong tâm của mình. Nó tựa như một áng mây ở giữa bầu trời bao la. Huống chi là các thế giới ở tại hư không thì càng nhỏ bé hơn.

Nếu các ông tìm ra chân thật và trở về nguồn cội, bấy giờ hư không khắp mười phương tất đều tiêu vong. Thế thì làm sao hết thảy quốc độ ở trong hư không mà chẳng chấn động chứ? Khi tu thiền và vào chánh định, tịnh tâm của các ông khai thông với tâm của chư Bồ-tát và những vị đại A-la-hán vô lậu ở trong mười phương. Lúc đó ông sẽ trụ ở nơi trạm nhiên thanh tịnh. Bấy giờ tất cả ma vương, cùng với quỷ thần, và hàng trời phàm phu đều thấy cung điện của mình vô cớ sụp đổ và đại địa chấn động. Động vật bơi trong nước, đi trên đất, hoặc bay giữa trời, không một loài nào mà chẳng kinh hoàng. Còn hạng phàm phu bị che trùm bởi hôn ám thì chẳng hề hay biết gì về những sự kiện này.

Có chúng ma đầy đủ năm loại thần thông, duy trừ Lậu Tận Thông vì chúng vẫn còn lưu luyến trần lao. Thế thì làm sao có thể để cho ông phá hủy chỗ ở của chúng đây? Cho nên các thiên ma, quỷ thần, và yêu tinh quỷ quái đều sẽ đến não loạn khi ông vào chánh định.

Mặc dù chúng ma kia nổi cơn thịnh nộ, nhưng chúng chỉ là trần lao khi ông trụ ở trong diệu giác. Chúng sẽ như gió thổi ánh sáng, như dao chém vào nước, và vĩnh viễn không thể tiếp xúc. Ông sẽ như nước sôi và chúng ví như tảng băng; khi hơi nóng đến gần, băng đá sẽ tiêu tan. Chúng cậy nương vào thần lực để có thể tạm ghé thăm ông một lát.

Chúng chỉ có thể thành công não loạn khi trong tâm của ông, là chủ nhân của năm uẩn, nhưng lại bị mê muội nên du khách mới thừa dịp trục lợi.

Khi trụ trong thiền định với giác ngộ minh liễu, làm sao những việc ma kia có thể ảnh hưởng đến ông chứ? Khi năm uẩn tiêu tan, ông sẽ vào ánh sáng của trí tuệ. Chúng tà ma kia đều nương âm khí và quang minh của ông có thể phá tan u ám. Nếu chúng đến gần thì sẽ tự hủy diệt. Thế thì làm sao chúng dám nán lại để nhiễu loạn thiền định của ông chứ? Nhưng nếu chưa khai ngộ minh liễu và bị năm uẩn mê hoặc thì chính ông, A-nan, chắc chắn sẽ làm đệ tử của ma và chính mình cũng trở thành ma.

Trường hợp ông gặp người con gái thuộc bộ tộc Mātaṅga là một ngoại lệ, và đó chỉ là sự cố nhỏ. Cô ta chỉ dùng chú thuật để khiến ông phá hủy luật nghi của Phật. Trong 80.000 giới hạnh, cùng lắm ông chỉ phạm một giới. Do bởi tâm của ông thanh tịnh nên ông vẫn chưa đọa trầm luân. Tuy nhiên, nếu uẩn ma đã có thể hủy diệt bảo giác toàn thân của ông, thì ông sẽ như thành viên trong gia đình của một đại thần, tài sản bất chợt bị tịch thu; gia cảnh điêu tàn và không ai có thể cứu giúp.

Này A-nan! Nên biết rằng mọi niệm sẽ tiêu vong khi ông ngồi Đạo Tràng. Khi vọng niệm của ông dừng hẳn, lúc đó sẽ chỉ còn lại giác minh tinh nguyên. Dao động ở ngoài tâm ông sẽ dường như tĩnh lặng, và niệm hiện tại trong tâm ông sẽ dường như vô niệm. Khi trụ ở cảnh giới ấy, ông liền vào chánh định. Ông sẽ như người mắt sáng ở nơi u ám. Lúc đó tánh tinh nguyên của ông sẽ thanh tịnh vi diệu, nhưng tâm của ông thì vẫn chưa phát sáng. Đây gọi là đã tới khu vực của sắc uẩn.

Khi tâm nhãn của ông trở nên trong sáng, mười phương mở toát và không còn u ám. Đến giai đoạn này thì gọi là đạt đến chấm dứt của sắc uẩn. Người ấy sẽ có thể siêu xuất ô trược của thời gian, quán sát nguyên do của sắc uẩn và thấy vọng tưởng kiên cố là căn bổn của nó.

[1] Này A-nan! Đương lúc ở tinh thần u ám, sự nghiên cứu tinh chuyên ở trong diệu minh của họ sẽ có thể hiển lộ ra rằng, bốn đại cứu cánh chẳng đan siết với nhau. Chỉ một thoáng, người ấy có thể rời thân thể của mình. Cảnh hiện này gọi là giác minh tinh nguyên có thể tràn vào cảnh hiện ở trước. Đó là do sự dụng công của người ấy nên mới tạm thời được cảnh giới như thế. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[2] Lại nữa, A-nan! Đương lúc ở tinh thần u ám, sự nghiên cứu tinh chuyên ở trong diệu minh của họ sẽ có thể làm cho người ấy thấy rõ bên trong thân thể của mình. Hốt nhiên người ấy có thể bốc lấy những con giun ở trong bụng bỏ ra ngoài mà không hề tổn hại thân thể của mình lẫn ký sinh trùng. Cảnh hiện này gọi là giác minh tinh nguyên có thể tràn vào thân thể. Đó là do sự tinh tấn tu hành của người ấy nên mới tạm thời được cảnh giới như thế. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[3] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, sự nghiên cứu tinh chuyên của họ sẽ có thể hướng ra cả trong lẫn ngoài. Bấy giờ hồn phách và ý chí tinh thần của người ấy có thể sẽ tách rời, kết hợp, hoặc hoán đổi vai trò. Hốt nhiên giữa hư không, người ấy nghe có tiếng thuyết Pháp, hoặc nghe có âm thanh khắp mười phương đồng thời diễn nói mật nghĩa. Cảnh hiện này gọi là tinh thần và hồn phách lần lượt phân ly và kết hợp lẫn nhau do sự thành tựu căn lành. Đây chỉ là cảnh giới tạm thời. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[4] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, một ánh sáng rực rỡ có thể sẽ hiện ra ở trong tâm của người ấy và chiếu soi khắp mười phương với màu sắc như vàng ở dưới sông tại Diêm-phù-đề. Người ấy có thể sẽ thấy tất cả muôn loài hóa thành chư Như Lai. Bấy giờ người ấy hốt nhiên sẽ thấy Đức Phật Quang Minh Biến Chiếu đang ngồi ở trên đài thiên quang với 1.000 Đức Phật ở xung quanh; mỗi vị Phật kia ngồi trên tòa hoa sen và sẽ đồng thời hiện ra 100 ức quốc độ. Cảnh hiện này gọi là tâm và hồn phách thấm nhuộm với giác ngộ linh thiêng ở giữa lúc tâm chiếu soi các thế giới tường tận. Đây chỉ là cảnh giới tạm thời. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[5] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, sự quán sát và nghiên cứu tinh chuyên ở trong diệu minh của họ có thể sẽ không được đình chỉ. Khi người ấy cố gắng hàng phục và khống chế để nó không vượt mất kiểm soát, bấy giờ hư không khắp mười phương hốt nhiên trở thành màu sắc của bảy báu hay màu sắc của trăm báu. Mỗi màu sắc đó sẽ đồng thời trùm khắp hư không mà chẳng hề ngăn ngại lẫn nhau. Người ấy sẽ thấy rõ xanh vàng đỏ trắng với từng màu không xen tạp. Cảnh hiện này gọi là kiềm chế sự quán sát để không vượt mất kiểm soát. Đây chỉ là cảnh giới tạm thời. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[6] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, sự nghiên cứu thông triệt của họ sẽ có thể phóng ra một ánh sáng tinh thuần không tạp loạn. Hốt nhiên ở trong căn phòng tối vào giữa đêm, họ có thể nhìn thấy muôn thứ đồ vật mà chẳng khác như giữa ban ngày và những đồ vật ở trong căn phòng tối cũng không bị diệt trừ. Cảnh hiện này gọi là thanh lọc tâm nhãn để hiển

lộ vật ẩn kín và thấy khắp nơi u khuất. Đây chỉ là cảnh giới tạm thời. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[7] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, những gì ở trong và những gì ở ngoài có thể sẽ hòa quyện vào nhau ở bên trong sự nhận biết của người ấy. Hốt nhiên người ấy cảm thấy không còn cảm giác ở tứ chi của mình và nghĩ rằng chúng đồng như cỏ cây. Cho dù bị lửa thiêu đao chém thì người ấy cũng hoàn toàn không cảm giác. Ngọn lửa chẳng thể thiêu đốt họ, và cho dù thân thể bị xẻo thịt thì người ấy chỉ cảm giác như vót gỗ. Cảnh hiện này gọi là bài trừ bốn đại để các trần tan biến và chỉ còn lại sự nhận biết. Đây chỉ là cảnh giới tạm thời. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[8] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, người ấy có thể sẽ thành tựu thanh tịnh, và do thanh tịnh tâm của mình nên công phu của họ đạt đến cực độ. Hốt nhiên người ấy có thể sẽ thấy sơn hà đại địa ở khắp mười phương đều trở thành cõi Phật, đầy đủ bảy báu, và tràn đầy quang minh. Người ấy lại thấy chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng và cung điện lầu các hoa lệ đầy khắp cõi giới hư không. Người ấy có thể thấy địa ngục ở dưới và thiên cung ở trên mà không bị chướng ngại. Cảnh hiện này gọi là nghĩ tưởng của thích và ghét dần dần chuyển hóa thanh tịnh theo sự lắng ngưng tư tưởng càng ngày càng sâu. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[9] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, người ấy có thể sẽ nghiên cứu về những nơi xa xôi. Hốt nhiên ở giữa đêm, người ấy có thể sẽ thấy chợ

búa, giếng nước, ngã tư đường, và ngõ hẻm từ xa. Người ấy có thể sẽ thấy thân tộc quyến thuộc, hoặc có thể nghe được họ trò chuyện. Cảnh hiện này gọi là tâm bị bức ép đến cực độ nên nó bay ra ngoài để thấy tầm nhìn mà đa phần bị ngăn cách. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

[10] Lại nữa, đương lúc ở tinh thần u ám, người ấy có thể sẽ thấy mình làm một vị Thiện Tri Thức trong khi nghiên cứu tinh chuyên cực độ. Người ấy sẽ có thể biến đổi hình dáng trong chớp nhoáng và không ngừng thay đổi muôn loại hình thù. Cảnh hiện này gọi là lòng tà chiêu dụ yêu tinh hoặc bị thiên ma nhập tâm trí. Đương lúc bị nhập, người ấy giảng pháp vô căn cứ và cho rằng mình đã thông đạt diệu nghĩa. Đó không phải là dấu hiệu chứng thánh Quả. Nếu ai không khởi tâm đắc quả vị của bậc thánh thì đó là cảnh giới tốt. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì họ sẽ bị chúng tà ma nhiễu loạn.

Này A-nan! Mười loại cảnh hiện giữa lúc tu tập tĩnh lự như thế, đều là do sự giao tiếp của tâm với sắc uẩn nên mới xuất hiện những việc ấy. Do chúng sanh mê muội và chẳng thể tự suy ngẫm chính xác nên khi gặp những trường hợp đó, họ sẽ mê muội và chẳng thể tự nhận biết, rồi nói rằng mình đã thăng lên quả vị của bậc thánh. Do vì đã thành lập đại vọng ngữ như thế nên họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Sau khi Ta diệt độ, các ông phải tuyên giảng nghĩa này cho chúng sanh vào thời Mạt Pháp và chớ để thiên ma thừa cơ trục lợi. Hãy bảo hộ và che chở những vị tu hành để họ có thể thành tựu Đạo vô thượng.

Này A-nan! Khi thiện nam tử kia tu hành chánh định đạt đến chấm dứt của sắc uẩn và ở trong Pháp tu Chỉ, người ấy có thể sẽ thấy tâm của chư Phật tựa như ảnh tượng hiển hiện trong một tấm gương sáng. Giả sử đạt

được điều ấy nhưng họ vẫn chưa có thể biết sử dụng làm sao. Ví như người bị bóng đè, mặc dù tay chân còn nguyên vẹn và thị giác với thính giác chẳng u mê, nhưng do tâm tiếp xúc với khách tà nên không thể cử động. Đây gọi là đã tới khu vực của thọ uẩn.

Nếu sự tê cứng dừng nghỉ, tâm của người ấy sẽ có thể rời thân xác và có thể xoay ngược để nhìn gương mặt của mình. Lúc ấy họ có thể tự do rời khỏi hoặc ở lại mà không còn trở ngại. Đến giai đoạn này thì gọi là đạt đến chấm dứt của thọ uẩn. Người ấy sẽ có thể siêu xuất ô trược của cái thấy, quán sát nguyên do của thọ uẩn và thấy vọng tưởng hư ảo là căn bổn của nó.

[1] Này A-nan! Đương lúc ở trong định đó, thiện nam tử kia có thể sẽ trải nghiệm một ánh sáng lớn rực rỡ bên trong. Nếu đè nén tâm của mình quá mức, người ấy hốt nhiên ở nơi đó phát khởi bi ai vô cùng. Như vậy cho đến chỉ nhìn con ruồi con muỗi mà họ cũng xem như con đầu lòng của mình, rồi sanh lòng thương xót và bất giác rơi lệ. Cảnh hiện này gọi là ức chế quá độ trong việc dụng công. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Một khi hiểu rõ thì họ sẽ không mê lầm và lâu dần thì nó cũng tự động tiêu tan. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì ma bi ai sẽ nhập tâm trí của họ. Khi thấy người khác, họ cảm thấy buồn bã và khóc lóc thảm thiết. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[2] Lại nữa, A-nan! Đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Với thắng tướng hiện tiền, người ấy có thể sẽ cảm kích quá mức. Hốt nhiên ở trong ấy, họ sanh khởi dũng cảm vô hạn và cho rằng tâm uy mãnh của mình ngang bằng với chư Phật. Người ấy bảo rằng một niệm của họ có thể siêu việt ba vô số kiếp. Cảnh hiện này gọi là hấp tấp quá độ trong việc dụng công. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Một khi hiểu rõ thì họ sẽ không mê lầm và lâu dần thì nó cũng tự

động tiêu tan. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì ma điên cuồng sẽ nhập tâm trí của họ. Khi thấy người khác, họ khoe khoang và ngã mạn vô cùng. Cho đến tâm của người ấy còn chẳng thấy chư Phật ở trên và chẳng thấy phàm nhân ở dưới. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[3] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Người ấy có thể sẽ cảm thấy không có gì mới ở trước để chứng đắc và giữa khi ấy thì chẳng thể quay lại cảnh giới cũ. Do vậy trí lực suy kém, rồi cõi lòng đi vào chốn điêu tàn và nhìn xa xăm chẳng thấy gì. Trong tâm của họ bỗng nhiên sanh khởi sự khô khan và khao khát dữ dội. Ở tất cả mọi thời, người ấy chìm vào nỗi nhớ không phai. Người ấy sẽ cho rằng đó là tướng trạng của tinh tấn chuyên cần. Cảnh hiện này gọi là tự mình thất bại trong việc tu tâm thiếu trí tuệ. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì ma ký ức sẽ nhập tâm trí của họ. Từ sáng đến tối, sự nhung nhớ ấy càng siết buộc tâm trí và làm cho họ chẳng thể buông xả. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[4] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Người ấy có thể sẽ phát triển tuệ lực trội hơn thiền định nên kết quả là họ sẽ có thể mất đi sự dũng cảm. Với những điều thù thắng ôm giữ trong lòng, tâm của họ sẽ nhầm lẫn mà cho rằng mình đã trở thành Đức Phật Biến Chiếu. Sự thật thì người ấy chỉ được một chút mà cho là đủ. Cảnh hiện này gọi là ở trong việc dụng tâm tu hành đã quên mất phải luôn thẩm tường khi chìm vào tri kiến của mình. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì sẽ có loại ma dễ dàng vừa ý với thành quả hạ liệt sẽ nhập tâm trí của họ. Khi thấy người khác, họ sẽ nói rằng mình đã được chân lý cứu cánh vô thượng. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[5] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Người ấy có thể sẽ cảm thấy chưa chứng đắc điều gì mới và giữa khi ấy thì chẳng thể quay lại cảnh giới cũ. Khi nhìn lại cảnh giới ở sau và hướng đến cảnh giới ở trước, họ tự mình sanh khởi gian nan nguy hiểm, rồi hốt nhiên sanh ưu lo vô cùng. Người ấy cảm thấy như ngồi trên giường sắt hoặc như uống thuốc độc. Với tâm trí chẳng muốn sống, họ luôn van xin người khác hãy giết hại tánh mạng của mình để có thể sớm giải thoát. Cảnh hiện này gọi là đánh mất phương tiện trong việc tu hành. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì sẽ có loại ma luôn ưu sầu nhập tâm trí của họ. Người ấy có thể sẽ cầm lấy dao hoặc kiếm để tự cắt thịt của mình và vui vẻ xả bỏ mạng sống. Hoặc họ có thể sẽ luôn ưu sầu, rồi bỏ chạy vào núi rừng vì không thể chịu nổi khi thấy người khác. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[6] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Người ấy có thể sẽ ở trong trạng thái thanh tịnh và tâm được an ổn. Sau đó bỗng dưng tự nhiên có một niềm vui vô hạn nảy sanh và trong lòng của họ hân hoan đến nỗi chẳng thể tự kiềm chế. Cảnh hiện này gọi là được tâm khinh an nhưng thiếu trí tuệ để tự kiềm chế. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì sẽ có loại ma ưa thích vui sướng nhập tâm trí của họ. Họ sẽ cười khi trông thấy người khác, tự động ca múa ở giữa ngã tư đường, và tự cho mình đã được giải thoát vô ngại. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[7] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Người ấy có thể sẽ tự cho rằng mình đã tu tập đủ rồi. Hốt nhiên vô cớ họ dấy khởi đại ngã mạn [4].

Như vậy cho đến mạn [1], quá mạn [2], mạn quá mạn [3], tăng thượng mạn [5], ty liệt mạn [6], và tà mạn [7]. Những cảm xúc này đồng thời phát khởi và trong lòng còn khinh cả mười phương Như Lai. Hà huống là các bậc thánh ở quả vị thấp hơn, như là Thanh Văn và Duyên Giác. Cảnh hiện này gọi là thấy mình thắng trội và thiếu trí tuệ để tự cứu mình ra khỏi cái thấy đó. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì sẽ có loại ma đại ngã mạn nhập tâm trí của họ. Người ấy sẽ phá hủy Kinh tượng và chẳng kính lễ chùa tháp.

Họ nói với các vị thí chủ rằng:

'Mấy pho tượng được làm từ vàng, đồng, đất, hoặc gỗ mà thôi. Kinh chỉ viết trên lá cây hoặc lớp vải. Thân máu thịt mới là chân thật vĩnh hằng, nhưng các người lại không cung phụng nó mà lại đi sùng bái gỗ đất. Đó thật là điên đảo!'

Những ai tin sâu lời nói của họ nên sẽ ùa theo mà hủy hoại Kinh tượng và chôn bỏ dưới đất. Kẻ đó sẽ làm cho mọi người ngờ vực hiểu sai, rồi dẫn chúng sanh vào Địa ngục Vô Gián. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[8] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Người ấy có thể sẽ ở trong minh liễu tinh thuần mà viên ngộ tinh lý và được đại tùy thuận. Khi đó tâm của họ hốt nhiên cảm thấy tràn đầy khinh an. Người ấy có thể sẽ tự cho mình đã trở thành bậc thánh và được đại tự tại. Cảnh hiện này gọi là nhân bởi trí tuệ mà được khinh an và thanh thản. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì sẽ có loại ma thích an nhàn nhập tâm trí của họ. Người ấy sẽ cho rằng mình đã tu quá đủ và không cầu tăng tiến thêm nữa. Hành vi của họ phần nhiều sẽ như những Tỳ-kheo

không chịu học hỏi. Kẻ đó sẽ làm cho mọi người ngờ vực hiểu sai, rồi dẫn chúng sanh vào Địa ngục Vô Gián. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[9] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Ở trong tỏ ngộ sáng suốt của họ, một sự hiểu biết hư ảo có thể sẽ sanh ra. Hốt nhiên ở trong đó, người ấy xu hướng về đoạn diệt vĩnh hằng, rồi bác bỏ không nhân quả và nhất hướng vào tư tưởng chẳng có gì cả. Khi ấy tư tưởng chẳng có gì hết hiện tiền và cho đến tâm của họ nảy sanh lý giải, rằng sau khi chết thì vĩnh viễn đoạn diệt. Cảnh hiện này gọi là định tâm chìm đắm nên mất đi nhận thức đúng đắn. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì sẽ có loại ma cho rằng không có gì hết nhập tâm trí của họ. Cho đến người ấy sẽ hủy báng việc giữ giới mà gọi đó là Pháp Nhị Thừa. Còn bậc Bồ-tát thì đã ngộ pháp không thì làm sao có liên can gì đến trì giới hay phạm giới chứ? Ở trước những thí chủ tin tưởng của họ, người ấy luôn uống rượu ăn thịt và chuyên làm việc dâm ô. Nhân bởi ma lực thu nhiếp nên đồ chúng không sanh nghi ngờ hay phỉ báng họ. Khi tâm quỷ nhập đã lâu, họ chẳng ngại uống nước tiểu hoặc ăn phân, và bảo rằng rượu thịt phân tiểu đều đồng một loại như hư không. Kẻ đó sẽ phá hoại giới luật uy nghi của Phật và dẫn dắt người khác cùng phạm tội. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

[10] Lại nữa, đương lúc ở trong định đó, một khi đã thấy sắc uẩn tiêu tan, thiện nam tử kia sẽ thấy rõ thọ uẩn xuất hiện. Bây giờ sự hiểu biết hư ảo ở trước có thể sẽ vào sâu tâm cốt. Lòng của họ hốt nhiên khởi sanh ái dục vô hạn. Khi sự ham muốn dâm dục đến cực điểm thì họ có thể sẽ phát cuồng. Cảnh hiện này gọi là trạng thái an định thuận ý nhập tâm và thiếu trí tuệ để tự hộ trì nên nhầm lẫn mà sa vào tham dục. Nếu tỏ ngộ cảnh giới đó, họ sẽ không cho rằng mình đã chứng thánh Quả. Còn như cho rằng mình đã đắc quả vị của bậc thánh thì sẽ có loại ma tham

dục nhập tâm trí của họ. Kẻ đó sẽ thường xuyên nói về tham dục chính là Đạo Bồ-tát, rồi dạy những cư sĩ tùy tiện hành dục, và những ai hành dâm thì sẽ gọi là đệ tử trì pháp. Do phàm phu ngu mê dễ bị thu nhiếp bởi ma lực của quỷ thần ở vào thời Mạt Pháp, người ấy sẽ có thể thu hút 100, hoặc cho đến 200, hoặc 500, 600, 1.000, hay 10.000 tín đồ. Khi thiên ma nhập tâm trí của người ấy sanh lòng chán nản, nó sẽ rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ uy đức của họ tiêu vong và sẽ vướng vào vòng luật pháp. Kẻ đó sẽ làm cho mọi người ngờ vực hiểu sai, rồi dẫn chúng sanh vào Địa ngục Vô Gián. Do đã mất chánh định nên họ sẽ sa ngã từ đây.

Này A-nan! Mười loại cảnh hiện giữa lúc tu tập tĩnh lự như thế, đều là do sự giao tiếp của tâm với thọ uẩn nên mới xuất hiện những việc ấy. Do chúng sanh mê muội và chẳng thể tự suy ngẫm chính xác nên khi gặp những trường hợp đó, họ sẽ mê muội và chẳng thể tự nhận biết, rồi nói rằng mình đã thăng lên quả vị của bậc thánh. Do vì đã thành lập đại vọng ngữ như thế nên họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Sau khi Ta diệt độ, các ông phải mang lời của Như Lai để truyền dạy vào thời Mạt Pháp, hầu khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa này và chớ để thiên ma thừa cơ trục lợi. Hãy bảo hộ và che chở những vị tu hành để họ có thể thành tựu Đạo vô thượng.

Này A-nan! Khi thiện nam tử kia tu hành chánh định đạt đến chấm dứt của thọ uẩn, tuy chưa đoạn hết các lậu nhưng người ấy có thể rời thân thể của mình như chim sổ lồng. Từ thân phàm đó, họ đã có khả năng để thăng lên 60 thánh vị của Bồ-tát, thành tựu ý sanh thân và tùy ý đến đi mà không bị ngăn ngại. Họ ví như người ngủ say nói nhảm và hoàn toàn chẳng biết mình đã nói gì. Tuy nhiên ngôn từ của người ấy rõ ràng, âm

vận thứ tự, và làm cho những người đang thức đều hiểu được lời của họ. Đây gọi là đã tới khu vực của tưởng uẩn.

Nếu niệm dao động tận trừ và tưởng phù du tiêu tan, tâm giác ngộ của họ sẽ lìa bỏ trần cấu và hiểu rõ hoàn toàn đầu đuôi sanh tử của tất cả thể loại chúng sanh. Đến giai đoạn này thì gọi là đạt đến chấm dứt của tưởng uẩn. Người ấy sẽ có thể siêu xuất ô trược của phiền não, quán sát nguyên do của tưởng uẩn và thấy vọng tưởng dung thông là căn bổn của nó.

[1] Này A-nan! Khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ khao khát thêm về ánh sáng tròn đầy nên sẽ dốc sức tập trung tư tưởng để mong cầu thiện xảo.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu thiện xảo, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Kẻ đó sẽ chuyển đổi hình dáng trong chớp nhoáng và khiến cho người kia tưởng họ là một Tỳ-kheo, hoặc là Năng Thiên Đế, là một phụ nữ hay Tỳ-kheoṇī. Hoặc kẻ đó sẽ làm cho thân mình phát ra ánh sáng khi nằm ở trong căn phòng tối. Người ngu mê kia sẽ tin tưởng tà thuyết và cho kẻ đó là Bồ-tát. Kẻ đó sẽ làm dao động tâm trí của người kia, khiến họ dần dần lén lút hành dâm và phá hoại giới luật uy nghi của Phật.

Kẻ bị ma nhập sẽ thích nói về tai ương hay việc cát tường sắp xảy ra, hoặc nói rằng Như Lai đã xuất hiện ở một nơi nào đó, hoặc nói về kiếp

hỏa, hoặc nói về chiến tranh để khủng bố mọi người và khiến cho tài sản của gia đình họ vô cớ tiêu hao.

Đây gọi là quỷ quái vật lúc quá già thì trở thành ma. Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[2] Lại nữa, A-nan! Khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ ước muốn du ngoạn nên sẽ tập trung tư tưởng và bay đi để mong cầu du ngoạn.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu du ngoạn, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Kẻ đó sẽ không chuyển đổi hình dáng bản thân, nhưng sẽ làm cho những thính giả của y hốt nhiên tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu với toàn thân hóa thành như một khối tụ của ánh sáng vàng tím, và ai nấy đều cảm thấy rằng mình được điều chưa từng có. Người ngu mê kia sẽ bị mê hoặc mà cho kẻ đó là Bồ-tát. Kẻ đó sẽ làm dao động tâm trí của người kia, khiến họ dần dần lén lút hành dâm và phá hoại giới luật uy nghi của Phật.

Kẻ bị ma nhập sẽ thích nói về chư Phật đang xuất hiện ở thế gian, bảo rằng ở nơi kia với người như thế là hóa thân của vị Phật nào đó đến đây.

Hoặc bảo rằng người ấy chính là Bồ-tát nào đó đến hóa độ nhân gian. Do người kia nghe theo như thế nên trong lòng khát ngưỡng, tà kiến âm thầm hưng khởi và hạt giống trí tuệ bị tiêu diệt.

Đây gọi là quỷ hạn hán lúc quá già thì trở thành ma. Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[3] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ ước muốn hòa nhập tâm trí nên sẽ lắng đọng và tập trung tư tưởng để mong cầu khế hợp.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu khế hợp, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Kẻ đó sẽ không chuyển đổi hình dáng bản thân và cũng không làm cho những thính giả thay đổi thân hình. Tuy nhiên trước khi bắt đầu nghe tà pháp, y sẽ làm cho những thính giả niệm niệm đổi dời và làm cho họ cảm giác rằng mình đã khai ngộ. Hoặc làm cho họ biết được chuyện đời trước; hoặc làm cho họ biết tâm niệm của người khác; hoặc làm cho họ thấy địa ngục; hoặc làm cho họ biết được những việc tốt xấu ở nhân gian; hoặc làm cho họ có thể tụng Kinh hay đọc kệ từ trí nhớ. Tất cả họ sẽ vui sướng và cảm thấy rằng mình được điều chưa từng có. Người ngu mê kia sẽ bị mê hoặc mà cho kẻ đó là Bồ-tát. Kẻ đó sẽ làm dao động tâm

trí của người kia, khiến họ dần dần lén lút hành dâm và phá hoại giới luật uy nghi của Phật.

Kẻ bị ma nhập sẽ thích nói rằng: có Phật lớn Phật nhỏ, có Phật trước Phật sau, ở trong đó cũng có Phật giả Phật thật, Phật nam Phật nữ, còn về Bồ-tát thì cũng vậy. Do người kia nghe theo như thế nên bổn tâm của họ bị rửa sạch và dễ dàng vào tà thuyết.

Đây gọi là quỷ nhập động vật lúc quá già thì trở thành ma. Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[4] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ yêu thích sự hiểu biết của căn bổn. Do đó họ sẽ nghiên cứu tường tận về tánh biến hóa của vạn vật từ đầu đến cuối và làm cho tâm sáng suốt để mong cầu giảng giải phân tích.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu sự hiểu biết của bổn nguyên, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Kẻ đó sẽ có uy thần xung quanh để có thể tồi phục những ai cầu được gặp. Cho dù trước khi thuyết giảng, y cũng có thể làm cho tâm trí của đồ chúng ở dưới tự nhiên quy phục.

Y sẽ bảo mọi người rằng:

'Pháp thân tịch diệt giác ngộ của Phật chính là nhục thân hiện tại của ta bây giờ. Thân máu thịt đã truyền từ cha đến con và hỗ tương nối tiếp sanh ra tức là Pháp thân thường trụ không gián đoạn. Tất cả những gì đang thấy hiện tại chính là cõi Phật và không có nơi thanh tịnh nào nữa. Ngoài nhục thân này thì không có thân tướng sắc vàng nào khác.'

Người kia sẽ tin lời của kẻ đó nói và quên mất bổn tâm. Cho đến họ sẽ dâng cả thân mạng và tin rằng mình đã được điều chưa từng có. Người ngu mê kia sẽ bị mê hoặc mà cho kẻ đó là Bồ-tát. Kẻ đó sẽ làm dao động tâm trí của người kia, khiến họ dần dần lén lút hành dâm và phá hoại giới luật uy nghi của Phật.

Kẻ bị ma nhập sẽ thích nói rằng, mắt tai mũi lưỡi đều là tịnh độ, nam căn nữ căn tức là nơi giác ngộ chân thật của tịch diệt. Những ai vô tri tất sẽ tin lời dơ bẩn như thế.

Đây gọi là quỷ ngải độc lúc quá già thì trở thành ma. Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[5] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ yêu thích cảm ứng từ xa. Do đó họ sẽ nghiên cứu cùng khắp để mong cầu cảm ứng bí mật.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu cảm ứng, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Y có thể khiến cho thính chúng tạm thấy thân thể của mình như một người trăm tuổi hay ngàn tuổi. Thính chúng sẽ sanh lòng yêu mến và chẳng thể lìa xa. Họ đích thân làm nô bộc và thực hành bốn sự cúng dường mà chẳng biết mỏi mệt. Nó làm cho tâm của mỗi người ngồi ở bên dưới biết rằng, mình là sư phụ hoặc Thiện Tri Thức của họ ở đời trước. Với lòng nhung nhớ đặc biệt, họ dính chặt với kẻ đó như keo sơn và cho rằng mình đã được điều chưa từng có. Người ngu mê kia sẽ bị mê hoặc mà cho kẻ đó là Bồ-tát. Kẻ đó sẽ làm dao động tâm trí của người kia, khiến họ dần dần lén lút hành dâm và phá hoại giới luật uy nghi của Phật.

Kẻ bị ma nhập sẽ thích nói rằng:

'Trong một đời nọ ở quá khứ, ta đã hóa độ một số người như thế. Đương thời họ là thê thiếp hoặc huynh đệ của ta. Nay chúng ta lại gặp nhau và bây giờ ta đến đây là để cứu độ các người. Chúng ta hãy cùng trở về thế giới phương kia để cúng dường Đức Phật nơi đó.'

Hoặc kẻ ấy sẽ nói ở một cõi trời đại quang minh đặc biệt nào đó, là nơi mà Đức Phật kia cùng tất cả Như Lai đang cư ngụ và nghỉ ngơi. Những ai vô tri tất sẽ tin lời giả dối như thế.

Đây gọi là quỷ ôn dịch lúc quá già thì trở thành ma. Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[6] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ ước muốn vào sâu tĩnh lự. Do đó họ sẽ nỗ lực kiểm soát bản thân và ưa thích ở nơi vắng vẻ để mong cầu tĩnh mịch.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu tĩnh lặng, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Y sẽ khiến cho mỗi người trong thính chúng đều biết nghiệp đời trước của mình.

Hoặc ở nơi nào đó, y sẽ nói với một tín đồ rằng:

'Tuy ngươi bây giờ chưa chết nhưng đã làm súc sanh rồi.'

Kẻ đó sẽ sai một tín đồ khác hãy ở phía sau mà đạp đuôi của họ. Lập tức, kẻ tín đồ đầu tiên liền không thể đứng lên. Bấy giờ tất cả đồ chúng đều nghiêng mình khâm phục.

Giả sử có ai đang suy nghĩ điều gì thì kẻ bị ma nhập liền biết tâm niệm của họ. Nó sẽ bắt buộc tín đồ tu tập khổ hạnh vượt hơn mức giới hạn trong giới luật uy nghi của Phật. Y sẽ phỉ báng Tỳ-kheo, mạ lị đồ chúng, và tiết lộ chuyện riêng tư của người khác để họ không thể tránh khỏi chê bai và hiềm khích. Kẻ đó rất thích tiên đoán những việc họa phước sắp

xảy ra, và khi đến thời điểm thì mỗi chi tiết của sự việc đều không sai lệch.

Đây gọi là quỷ đại lực lúc quá già thì trở thành ma. Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[7] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ ước muốn tri kiến. Do đó họ sẽ tinh cần khổ nhọc và nghiên cứu để mong cầu biết việc đời trước.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu tri kiến, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Tại nơi thuyết giảng tà pháp, y bỗng dưng vô cớ có được châu báu to lớn. Hoặc có lúc, kẻ bị ma nhập sẽ hóa làm một loài động vật nào đó và trong miệng ngậm châu báu. Hoặc nó mang theo tạp trân bảo, sách bằng thẻ tre, văn thư, hay những đồ vật kỳ lạ. Những ai lấy bất cứ đồ vật nào của nó thì sau đó họ sẽ bị ma nhập.

Hoặc y sẽ dụ dỗ thính chúng rằng, có một minh nguyệt châu bị chôn vùi ở dưới đất và nó đang chiếu sáng nơi ấy. Bấy giờ những người đang nghe cảm thấy rằng họ được điều chưa từng có.

Hoặc kẻ bị ma nhập có thể sẽ ăn nhiều dược thảo và không dùng thức ăn ngon. Hoặc có ngày chỉ ăn một hạt mè hay một hạt gạo mà thân hình vẫn phì nhiêu và sung sức; đó là do ma lực hỗ trợ vậy. Y sẽ phỉ báng Tỳ-kheo, mạ lị đồ chúng, và tiết lộ chuyện riêng tư của người khác để họ không thể tránh khỏi chê bai và hiềm khích. Nó sẽ thích nói rằng có bảo tạng ở phương khác. Hoặc nói rằng có chư thánh hiền trong mười phương đang cư ngụ nơi bí mật kia và những ai đi theo kẻ đó thì đều thấy có những kỳ nhân dị sĩ như vậy.

Đây gọi là quỷ thần ở núi rừng, ở đất đai, ở thành quách, ở dòng nước, hay ở đỉnh núi và lúc quá già thì trở thành ma.

Hoặc kẻ bị ma nhập có thể sẽ ủng hộ việc hành dâm là phá hoại giới luật của Phật, nhưng trong khi đó thì chính mình và những người thừa sự thì lén lút say đắm trong năm dục.

Hoặc kẻ bị ma nhập có thể sẽ rất tinh tấn và chỉ ăn toàn cỏ cây, nhưng lại không tu tập thiền định.

Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[8] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ ước muốn đủ mọi thần thông biến hóa. Do đó họ sẽ nghiên cứu căn nguyên của biến hóa để mong cầu thần lực.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu thần thông, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Hoặc kẻ bị ma nhập có thể sẽ cầm lửa ở trong tay, rồi bốc ngọn lửa đó và phân phát nó lên trên đầu của mỗi người trong thính chúng. Những ngọn lửa ở trên đầu của mỗi người trong thính chúng đều cháy cao vài thước, nhưng chúng hoàn toàn không nóng và cũng chẳng làm ai bị phỏng.

Hoặc kẻ bị ma nhập có thể sẽ đi trên nước như đi trên đất; hoặc ngồi bất động ở giữa hư không; hoặc vào trong bình, vào trong túi, hay xuyên qua cửa sổ và tường vách mà chẳng hề bị chướng ngại--chỉ trừ binh khí thì không được tự tại.

Y sẽ nói rằng mình là Phật, mặc áo của cư sĩ, và nhận lễ kính của Tỳ-kheo. Nó sẽ phỉ báng thiền định và giới luật, mạ lị đồ chúng, và tiết lộ chuyện riêng tư của người khác để họ không thể tránh khỏi chê bai và hiềm khích.

Y sẽ luôn nói về thần thông tự tại. Hoặc lại khiến những người xung quanh thấy được cõi Phật, nhưng đó không phải là chân thật mà chỉ là quỷ lực mê hoặc mọi người. Kẻ đó sẽ ca ngợi hành dâm. Chẳng những không chỉ trích việc làm thô ác đó mà nó còn mang việc bẩn thỉu này để sử dụng vào mục đích truyền tà pháp của y.

Đây gọi là đại lực yêu tinh lúc quá già thì trở thành ma. Chúng có thể là sơn tinh của trời đất, yêu tinh của biển, yêu tinh của gió, yêu tinh của sông, yêu tinh của đất, yêu tinh của rừng do hấp thu linh khí của cỏ cây từ nhiều kiếp; hoặc là có loài rồng hay tiên nhân mạng chung rồi sống lại

để trở thành yêu tinh; hoặc là có tiên nhân đã hết thọ mạng và đáng lẽ phải chết, nhưng thân hình chẳng thay đổi và bị loài yêu quái khác nhập.

Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[9] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ ước muốn vào diệt độ. Do đó họ sẽ nghiên cứu tánh biến hóa của tâm để mong cầu cảnh không thâm sâu.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu cảnh không, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Ở giữa đông đảo đồ chúng, kẻ bị ma nhập có thể sẽ hốt nhiên biến mất mà chẳng một ai thấy đâu hết, rồi đột nhiên lại xuất hiện ở trong hư không; ẩn tàng và xuất hiện tự tại. Hoặc nó làm cho thân thể của mình hiện ra xuyên suốt như lưu ly. Hoặc nó chỉ lắc tay chân của mình thì có mùi hương chiên đàn tỏa ra. Hoặc nó làm cho nước tiểu và phân của mình ngọt lịm như đường mật.

Y sẽ phỉ báng giới luật, khinh miệt bậc xuất gia, và luôn nói không nhân quả. Nó bảo rằng một khi đã chết thì vĩnh viễn diệt mất và chẳng còn thân ở đời sau. Nó chẳng phân biệt thánh nhân hay phàm phu. Tuy tâm

có thể trải nghiệm cảnh không nhưng kẻ đó sẽ lén lút tham đắm dục lạc. Những đối tượng dục lạc của y cũng trải nghiệm cảnh không và họ cũng bác bỏ nhân quả.

Đây gọi là yêu quỷ sanh ra từ linh khí của nhật thực hoặc nguyệt thực. Linh khí đó có thể tích tụ trong vàng, ngọc, nấm, cỏ, kỳ lân, phượng hoàng, rùa, hay chim hạc. Khi đã trải qua ngàn vạn năm, linh khí đó tự phát triển mạng sống ở thế gian và lúc quá già thì trở thành ma.

Khi đã não loạn người ấy đến một thời gian, rồi nó sanh lòng chán nản và rời khỏi thân xác của họ. Bấy giờ cả thầy lẫn trò sẽ vướng vào vòng luật pháp.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

[10] Lại nữa, khi chẳng còn trải nghiệm thọ uẩn, thiện nam tử kia sẽ không còn khởi sanh tư lự sai lệch. Trong tiến trình hoàn thiện tu định, người ấy sẽ trải nghiệm ánh sáng. Ở trong chánh định, tâm của họ có thể sẽ ước muốn trường thọ. Do đó họ sẽ khổ nhọc nghiên cứu để mong cầu sống mãi. Người ấy muốn trừ bỏ phần đoạn sanh tử của thân và cũng hy vọng mau chóng trừ bỏ biến dịch sanh tử của tâm để có thể trụ mãi trong tướng vi tế.

Bấy giờ thiên ma liền nắm lấy cơ hội mà nó đang mong ngóng, rồi bay xuống và nhập một người khác. Kẻ đó sẽ không biết mình đã bị ma nhập nên khi thuyết giảng tà pháp, họ sẽ nói rằng mình đã đắc tịch diệt vô thượng. Tiếp đến, kẻ đó sẽ tìm đến nơi của thiện nam tử đang mong cầu trường sanh, rồi trải chỗ ngồi và thuyết giảng tà pháp.

Kẻ bị ma nhập sẽ thích nói rằng mình có thể đi đến hay trở về từ nơi khác mà không chướng ngại. Hoặc nói rằng mình có thể đi qua ngàn

dặm và trở về trong nháy mắt. Y sẽ nói rằng mình đều có thể mang về những đồ vật từ nơi kia. Hoặc khi nó đang ở trong nhà của một nơi nọ, y có thể sẽ bảo một tín đồ hãy đi vài bước từ bức tường phía đông đến bức tường phía tây, nhưng cho dù người ấy đi rất mau suốt nhiều năm thì cũng không đến được. Do đó họ nhầm lẫn mà tin rằng kẻ đó là Đức Phật đang hiện ra trước mặt.

Y sẽ luôn nói với họ rằng:

'Tất cả chúng sanh khắp mười phương đều là con của ta. Ta sanh ra chư Phật và ta tạo ra thế giới. Ta là Đức Phật đầu tiên và tự nhiên xuất hiện ở thế gian mà không cần nhân tu hành để chứng đắc.'

Đây gọi là Tự Tại Thiên Ma sai quyến thuộc của nó xuống nhân gian, như là thiên nữ ở trời Tha Hóa Tự Tại hoặc những đồng tử hút tinh khí ở trời Tứ Thiên Vương, và tất cả họ đều chưa phát khởi Đạo tâm. Chúng có thể sẽ lợi dụng sự sáng suốt trống rỗng của người tu hành và ăn tinh khí của họ mà không cần phải qua trung gian của kẻ bị ma nhập. Chúng ma sẽ đích thân hiện ra ở trước người tu hành kia với hình dáng của chấp kim cang thần và nói rằng nó đến ban cho họ trường mạng. Nó sẽ hiện ra với thân hình của một mỹ nữ để cùng họ say đắm hành dâm, và chưa đến một năm thì tinh khí của họ sẽ khô kiệt. Người ấy sẽ lảm nhảm một mình và nghe như là lời của yêu quái. Trước khi nhận ra sự việc thì đa phần những người như thế đã vướng vào vòng pháp luật, và trong lúc họ còn chưa bị hình phạt thì đã chết do tinh khí khô cạn. Và như thế, chúng ma sẽ não loạn người kia cho đến chết.

Ông trước tiên nên nhận biết về việc ấy và chớ sa vào luân hồi. Nếu ông mê muội chẳng biết thì sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Này A-nan! Phải biết rằng mười loại ma ấy sẽ xuất gia nhưng chẳng tu Đạo trong Pháp của Ta ở vào thời Mạt Pháp. Chúng có thể sẽ nhập thân

xác người khác hoặc tự hiện thân hình, và đều nói rằng mình đã thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng sẽ ca ngợi dâm dục và phá hoại luật nghi của Phật. Chúng ác ma sư sẽ tiếp nối truyền tà pháp cho đồ chúng bằng cách hành dâm với họ. Yêu tinh tà ma như thế sẽ mê hoặc tâm trí người tu hành, mau là 9 đời và chậm là hơn 100 đời để khiến những ai đã từng muốn chân chánh tu hành, gia nhập làm quyến thuộc của ma. Sau khi mạng chung ở đời cuối cùng, người kia chắc chắn làm nhân dân của ma, đánh mất con đường đạt đến Chánh Biến Tri và sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Nay ông không cần phải mong vào tịch diệt của Đạo A-la-hán. Một khi đã chứng đắc bậc Vô Học, ông nên giữ lại nguyện của mình để vào trong thời Mạt Pháp. Ông hãy khởi lòng đại từ bi và cứu độ những chúng sanh tin sâu, làm cho họ được chánh tri kiến và không bị ma nhập. Bây giờ Ta đang cứu độ ông ra khỏi sanh tử, vì vậy ông hãy khâm tuân lời dạy của Phật và như thế tức là báo đáp ân đức của Phật.

Này A-nan! Mười loại cảnh hiện giữa lúc tu tập tĩnh lự như thế, đều là do sự giao tiếp của tâm với tưởng uẩn nên mới xuất hiện những việc ấy. Do chúng sanh mê muội và chẳng thể tự suy ngẫm chính xác nên khi gặp những trường hợp đó, họ sẽ mê muội và chẳng thể tự nhận biết, rồi nói rằng mình đã thăng lên quả vị của bậc thánh. Do vì đã thành lập đại vọng ngữ như thế nên họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Sau khi Ta diệt độ, các ông phải mang lời của Như Lai để truyền dạy vào thời Mạt Pháp, hầu khiến cho tất cả chúng sanh khai ngộ nghĩa này và chớ để thiên ma thừa cơ trục lợi. Hãy bảo hộ và che chở những vị tu hành để họ có thể thành tựu Đạo vô thượng.

****

"Này A-nan! Khi thiện nam tử kia tu hành chánh định đạt đến chấm dứt của tưởng uẩn, mộng tưởng thông thường của người ấy sẽ tiêu diệt. Kể

từ đó sẽ không còn có khác biệt giữa ngủ và thức. Sự nhận giác của họ sáng tỏ, rỗng không, và tĩnh lặng tựa như bầu trời quang đãng. Những ảnh tượng thô trọng của trần cảnh sẽ chẳng còn hiện ra ở trước người ấy nữa. Họ quán sát sông núi đất đai và tất cả pháp trên thế gian như hình ảnh phản chiếu ở trong tấm gương sáng. Khi chúng đến thì không chỗ dính mắc, khi chúng đi thì không thấy tung tích, và chỉ là sự thọ nhận hư vọng từ phản chiếu ứng hiện. Họ lìa khỏi hoàn toàn tập khí giả dối mà đã từng yêu mến và chỉ còn lại tinh nguyên chân thật của thức.

Kể từ đó, căn nguyên sanh diệt được phơi bày và họ có thể thấy tường tận 12 thể loại chúng sanh ở khắp mười phương. Tuy vẫn chưa có thể thông suốt đầu mối nguyên do của mỗi sinh mạng, nhưng họ có thể thấy nguồn gốc chung của tất cả sự sống. Hình ảnh của nó hiện ra tựa như ảo ảnh, nhấp nháy, và rung chuyển. Đó là điểm then chốt tột cùng mà các căn và trần cảnh của chúng gặp nhau. Đây gọi là đã tới khu vực của hành uẩn.

Nếu họ có thể thấy tánh cội nguồn rung chuyển nhấp nháy này, rồi chuyển tánh vào bổn nguyên thanh trừng, thì gốc của tập khí sẽ lắng trong, ví như làn sóng lớn diệt mất thì sẽ biến thành mặt nước tĩnh lặng. Đến giai đoạn này thì gọi là đạt đến chấm dứt của hành uẩn. Người ấy sẽ có thể siêu xuất ô trược của chúng sanh, quán sát nguyên do của hành uẩn và thấy căn bổn vọng tưởng của nó ẩn khuất sâu kín trong tâm.

[1] Này A-nan! Nên biết rằng, thiện nam tử kia được chánh tri kiến và ở trong Pháp tu Chỉ đã ngưng trụ trong quang minh bằng với chánh tâm của mình. Mười loại thiên ma sẽ không còn thừa cơ trục lợi được nữa. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Khi bổn nguyên về sự sống của chúng sanh được hiển lộ, họ quán sát nhiễu động vi tế ở bổn nguyên của chúng. Nếu giữa lúc quán sát bổn nguyên của chúng mà khởi sanh tính toán, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong hai loại luận về vô nhân.

1. Người ấy thấy khởi đầu của sự sống chẳng có nhân.

Vì sao thế? Bởi người ấy đã hoàn toàn phá trừ tánh sanh khởi của tưởng uẩn. Nương vào 800 công đức của căn mắt, họ có thể thấy tất cả chúng sanh lưu chuyển xoay vần trong vòng nghiệp suốt 80.000 kiếp đã qua của họ. Khi họ chết ở đây rồi lại sanh nơi kia, và chỉ thấy chúng sanh luân hồi ở nơi đó. Còn ở ngoài 80.000 kiếp thì tối tăm chẳng thấy gì. Thế là họ liền cho rằng 80.000 kiếp đã qua, hết thảy chúng sanh ở các thế giới trong mười phương đều tự có mà chẳng do nhân gì. Do bởi tính toán như thế, họ sẽ quên Đạo tâm để đạt đến Chánh Biến Tri, đọa lạc ngoại đạo, và mê muội tánh giác ngộ.

2. Người ấy thấy kết thúc của sự sống chẳng có nhân.

Vì sao thế? Bởi người ấy đã quán sát căn nguyên của tất cả chúng sanh.

Họ nhận biết rằng: người sanh trở lại làm người, chim sanh trở lại làm chim, quạ đen luôn vốn là đen, ngỗng trắng luôn vốn là trắng, chư thiên và nhân loại vốn luôn đứng thẳng, loài bàng sanh vốn luôn đi ngang, tẩy rửa không làm cho ngỗng trắng trở thành trắng, và nhuộm màu không làm cho quạ đen trở thành đen. Thế là họ cho rằng, từ 80.000 kiếp đã qua cho đến thời điểm hiện tại, chúng không hề có sự thay đổi nào.

Người ấy lại bảo rằng:

'Như bây giờ ta quán sát cho đến hết cuộc đời này thì sự kết luận cũng lại như vậy. Sự thật, ta xưa nay chưa từng thấy giác ngộ. Thế thì làm sao có việc gọi là thành tựu giác ngộ? Do đó phải biết rằng, hiện tại tất cả vật tượng đều vốn chẳng có nhân.'

Do bởi tính toán như thế, họ sẽ quên Đạo tâm để đạt đến Chánh Biến Tri, đọa lạc ngoại đạo, và mê muội tánh giác ngộ.

Đây gọi là lập luận vô nhân thứ nhất của ngoại đạo.

[2] Này A-nan! Ở trong chánh định đó, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ trong quang minh bằng với chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát thường hằng của chúng mà khởi sanh tính toán, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bốn loại luận về thường hằng biến khắp.

1. Khi nghiên cứu tận cùng về tánh và cảnh của tâm, người ấy có thể sẽ kết luận rằng, cả hai xứ đó đều chẳng có nhân. Nhân bởi sự tu tập, họ có thể biết được sanh tử trong vòng 20.000 kiếp đã qua của hết thảy chúng sanh khắp mười phương. Họ có thể sẽ quán sát rằng, suốt quãng thời gian đó, tuy những chúng sanh kia đều tuần hoàn trong luân hồi, nhưng tánh và cảnh của tâm họ chưa từng bị tan mất. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng tánh và cảnh của tâm là thường.

2. Khi nghiên cứu tận cùng về căn nguyên của bốn đại, người ấy có thể sẽ kết luận rằng, tánh của bốn đại là thường trụ. Nhân bởi sự tu tập, họ có thể biết được sanh tử trong vòng 40.000 kiếp đã qua của hết thảy chúng sanh khắp mười phương. Họ có thể sẽ quán sát rằng, suốt quãng thời gian đó, thể tánh của bốn đại đều là thường hằng và chúng chưa từng bị tan mất. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng tánh của bốn đại là thường.

3. Khi nghiên cứu tận cùng về thức của ý, thức truyền tống, và tạng thức, người ấy có thể sẽ kết luận rằng, tánh bổn nguyên của chúng là thường hằng. Nhân bởi sự tu tập, họ có thể biết được sanh tử trong vòng 80.000

kiếp đã qua của hết thảy chúng sanh khắp mười phương. Họ có thể sẽ quán sát rằng, suốt quãng thời gian đó, tuy những chúng sanh kia tuần hoàn trong luân hồi, nhưng các thức của họ chưa từng bị tan mất, xưa nay luôn thường trụ, và tánh của chúng vĩnh viễn không bao giờ mất. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng tánh của các thức này là thường.

4. Do đã đạt đến chấm dứt căn nguyên của tưởng uẩn nên nhân của vọng tưởng không còn khởi sanh. Ở trong trạng thái chảy, dừng, và chuyển của hành uẩn, tưởng tâm là nhân của sanh diệt và bây giờ nó đã vĩnh viễn dừng hẳn. Cho nên ở trong đó, họ có thể sẽ tự nhiên nghĩ rằng, đây là trạng thái của không sanh không diệt. Nhân qua sự tính toán của tâm, người ấy cho rằng trạng thái đó là thường.

Do bởi tính toán như thế, họ sẽ quên Đạo tâm để đạt đến Chánh Biến Tri, đọa lạc ngoại đạo, và mê muội tánh giác ngộ.

Đây gọi là lập luận viên thường thứ nhì của ngoại đạo.

[3] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về ngã và nhân, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bốn loại luận về cái thấy điên đảo, rằng một nửa là thường và một nửa là vô thường.

1. Khi quán sát tâm nhiệm mầu trong sáng biến khắp các thế giới trong mười phương, người ấy có thể sẽ cho rằng tâm trạm nhiên là thần ngã cứu cánh. Kể từ đó người ấy sẽ nghĩ rằng, thần ngã này ngưng trụ trong ánh sáng và bất động khắp mười phương. Người ấy cho rằng tất cả chúng sanh tự sanh ra và tự diệt mất ở trong tâm của mình. Thế nên

người ấy có thể sẽ kết luận rằng, thần ngã này là thường, còn những chúng sanh trải qua sanh diệt kia đích thật là vô thường.

2. Thay vì quán sát tâm của mình, người ấy lại quán khắp các quốc độ nhiều như cát sông Hằng ở trong mười phương. Người ấy có thể sẽ thấy các thế giới đang ở kiếp hoại, nên cho rằng các thế giới đó cứu cánh là vô thường. Còn các thế giới không ở trong kiếp hoại thì cho rằng các thế giới đó cứu cánh là thường.

3. Người ấy có thể sẽ chú ý quán sát về sự tinh tế ẩn mật của tâm mình, rồi thấy nó tựa như vi trần lưu chuyển khắp mười phương và tánh của chúng không hề biến đổi. Người ấy có thể sẽ cho rằng sự vi tế của tâm đó khống chế sanh tử của thân này. Do vậy người ấy có thể sẽ kết luận rằng, nó là tánh bất hoại và tánh ngã thường hằng, còn tất cả sanh tử lưu xuất từ tánh ngã thường hằng thì phải là vô thường.

4. Khi nhận biết được chấm dứt của tưởng uẩn và thấy dòng chảy của hành uẩn, người ấy có thể sẽ cho rằng dòng chảy liên lục của hành uẩn là thường. Sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn bây giờ đã diệt tận, nên người ấy có thể sẽ cho rằng chúng là vô thường.

Do bởi tính toán rằng một nửa là thường và một nửa là vô thường, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là bốn loại luận về một nửa là thường và một nửa là vô thường, là lập luận thứ ba của ngoại đạo.

[4] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về phân loại, người ấy có thể sẽ rơi

vào một trong bốn loại luận về cái gì có giới hạn và cái gì không giới hạn.

1. Người ấy có thể sẽ cho rằng dòng chảy của bổn nguyên sự sống tiếp tục hoạt động chẳng ngừng. Do đó người ấy kết luận rằng, quá khứ và vị lai có giới hạn, còn tâm hoạt động liên tục ở hiện tại là không giới hạn.

2. Người ấy có thể sẽ quán sát và thấy chúng sanh suốt 80.000 kiếp đã qua, nhưng trước của 80.000 kiếp đã qua thì hoàn toàn chẳng thấy chẳng nghe. Quãng thời gian mà chẳng thấy chẳng nghe thì người ấy cho rằng là không giới hạn. Còn quãng thời gian mà thấy có chúng sanh thì người ấy cho rằng là có giới hạn.

3. Người ấy có thể sẽ cho rằng sự nhận biết của mình là không giới hạn và tất cả người khác đều hiện ra ở trong sự nhận biết của mình. Tuy nhiên, người ấy không hề biết về sự cảm nhận của người khác. Do đó người ấy có thể sẽ kết luận rằng, sự nhận biết của họ có giới hạn, chứ chẳng phải không giới hạn như của mình.

4. Người ấy có thể sẽ nghiên cứu tận cùng về hành uẩn để mong đạt đến sự chấm dứt của nó. Dựa trên cái thấy về con đường của tâm mình, người ấy có thể sẽ tính toán và cho rằng một nửa tâm của mỗi chúng sanh là bị sanh diệt, còn một nửa kia thì không bị sanh diệt. Do đó người ấy sẽ có thể kết luận rằng, mọi thứ trên thế giới là một nửa có giới hạn và một nửa không giới hạn.

Do bởi tính toán về cái gì có giới hạn và cái gì không giới hạn, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là bốn loại luận về cái gì có giới hạn và cái gì không giới hạn, là lập luận thứ tư của ngoại đạo.

[5] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về tri kiến, người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bốn loại luận điên đảo mơ hồ về biến kế hư luận của bất tử.

1. Người ấy có thể sẽ quán sát về căn nguyên biến hóa của hành uẩn. Nếu thấy sự đổi dời ở nơi dòng chảy thì người ấy gọi nó là biến đổi. Nếu thấy sự tương tục ở nơi dòng chảy thì người ấy gọi nó là thường hằng. Người ấy sẽ nói rằng những gì trông thấy thì gọi nó là sanh, còn những gì chẳng trông thấy thì nó gọi là diệt. Nếu có sự tương tục không ngừng ở nơi dòng chảy thì người ấy gọi nó là do bởi tăng. Và nếu có lúc ở nơi dòng chảy tương tục mà có gián đoạn thì người ấy gọi nó là do bởi giảm. Người ấy gọi tất cả những nơi sanh ra mà đã quán sát là hoàn toàn có. Và người ấy gọi tất cả những nơi diệt mất mà đã quán sát là hoàn toàn không. Với phương cách quán sát tất cả ở trong ánh sáng của hành uẩn, người ấy lập ra nhiều kết luận khác nhau về những gì đã thấy.

Nếu có ai cầu học luận thuyết của người ấy mà đến hỏi về nghĩa lý, thì sẽ đáp rằng:

'Ta nay cũng sanh và cũng diệt, cũng có và cũng không, cũng tăng và cũng giảm.'

Ở mọi lúc, người ấy luôn nói lời rối loạn và khiến cho người kia quên mất câu hỏi ban đầu.

2. Người ấy có thể sẽ quán rõ về tâm của mình và thấy mọi thứ đều không tồn tại. Nhân bởi chứng được về không tồn tại nên nếu có ai đến

hỏi, thì người ấy chỉ trả lời với một chữ là không. Ngoài chữ không thì hoàn toàn chẳng nói gì khác.

3. Người ấy có thể sẽ quán rõ về tâm của mình và thấy mọi thứ đều có tồn tại. Nhân bởi chứng được về có tồn tại nên nếu có ai đến hỏi, thì người ấy chỉ trả lời với một chữ là có. Ngoài chữ có thì hoàn toàn chẳng nói gì khác.

4. Người ấy có thể sẽ thấy mọi thứ vừa có tồn tại và không tồn tại. Do bởi trải nghiệm sự mâu thuẫn như thế nên tâm của người ấy cũng rối loạn.

Nếu có ai đến hỏi thì sẽ đáp rằng:

'Cũng có tức là cũng không. Nhưng ở trong không thì cũng là chẳng có.'

Tất cả lời nói ra của người ấy đều mơ hồ và hoàn toàn không thể luận bàn với họ.

Do bởi tính toán mơ hồ về có tồn tại và không tồn tại, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là bốn loại luận điên đảo mơ hồ về biến kế hư luận của bất tử, là lập luận thứ năm của ngoại đạo.

[6] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán về dòng chảy vô tận, người ấy có thể sẽ rơi vào ý tưởng điên đảo phát khởi về tướng tồn tại sau khi chết.

Hoặc người ấy chấp trước kiên cố về thân thể của mình, nên sẽ nói rằng sắc thân là chân ngã của mình.

Hoặc người ấy thấy rằng bản ngã của mình trùm khắp tất cả quốc độ, nên sẽ nói rằng chân ngã của mình bao hàm hết thảy sắc tướng.

Hoặc người ấy cho rằng tất cả duyên đều tùy theo sự trải nghiệm của mình, nên sẽ nói rằng sắc tướng thuộc về sự trải nghiệm của mình.

Hoặc người ấy kết luận rằng bản ngã của mình y tựa vào sự tương tục của hành uẩn, nên sẽ nói rằng chân ngã của mình ở tại sắc tướng.

Đây là những lời suy đoán về sắc tướng tồn tại sau khi chết. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy có thể sẽ áp dụng chúng vào bốn uẩn đầu nên tổng cộng sẽ có 16 tướng tồn tại. Từ đó người ấy có thể sẽ cho rằng phiền não sẽ luôn là phiền não, giác ngộ sẽ luôn là giác ngộ; tánh của cả hai cùng xua đuổi và không tiếp xúc với nhau.

Do bởi tính toán về tướng tồn tại sau khi chết, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về tướng tồn tại sau khi chết của năm uẩn, là lập luận thứ sáu của ngoại đạo.

[7] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Trước đó người ấy đã diệt trừ sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn, nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán thì người ấy có thể sẽ rơi vào ý tưởng điên đảo phát khởi về tướng không tồn tại của chúng sau khi chết.

Khi đã thấy sắc uẩn diệt mất ở trong định, người ấy có thể sẽ cho rằng thân của mình tồn tại mà chẳng có nhân. Khi đã quán tưởng uẩn diệt mất ở trong định, người ấy có thể sẽ cho rằng tâm của mình chẳng có chỗ kết nối. Khi đã biết thọ uẩn diệt mất ở trong định, người ấy có thể sẽ cho rằng căn ý của mình không hề liên kết với trần cảnh. Do tánh của ba uẩn này đã tiêu tan, mặc dù hành uẩn vẫn còn hoạt động, người ấy có thể sẽ cho rằng vì không có thọ hay tưởng nên họ sẽ đồng như cỏ cây. Người ấy có thể sẽ cho rằng tánh chất hiện tiền của những uẩn đó mà còn chẳng thể được, vậy thì làm sao lại có các tướng sau khi chết chứ?

Nhân bởi suy xét như thế nên cho rằng các tướng không tồn tại sau khi chết. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy có thể sẽ áp dụng chúng vào bốn uẩn đầu nên tổng cộng sẽ có 8 tướng không tồn tại. Từ đó người ấy có thể sẽ cho rằng tịch diệt và nhân quả cứu cánh đều đoạn diệt, chỉ có danh tự, và tất cả đều là không.

Do bởi tính toán về tướng không tồn tại sau khi chết, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về tướng không tồn tại sau khi chết của năm uẩn, là lập luận thứ bảy của ngoại đạo.

[8] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Hành uẩn của người ấy thì vẫn còn ở trong định, nhưng sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn thì đã diệt. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán trái nghịch về các uẩn có tồn tại hay không tồn tại, thì người ấy có thể sẽ rơi vào ý tưởng điên đảo phát khởi về tướng tồn tại và không tồn tại của chúng sau khi chết đều chẳng có.

Khi quán sát ở trong sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn, người ấy có thể sẽ thấy rằng, mặc dù hành uẩn dường như tồn tại nhưng nó thật chẳng tồn tại. Khi quán sát ở trong dòng chảy của hành uẩn, người ấy có thể sẽ thấy rằng, mặc dù sắc uẩn, thọ uẩn, và tưởng uẩn dường như không tồn tại nhưng chúng thật sự tồn tại. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy có thể sẽ áp dụng chúng vào bốn uẩn đầu nên tổng cộng sẽ có 8 tướng tồn tại và không tồn tại. Từ đó người ấy có thể sẽ kết luận rằng, tướng tồn tại và không tồn tại của bốn uẩn sau khi chết đều chẳng có.

Lại nữa, dựa vào những suy đoán rằng tánh của các hành là đổi dời và sai lầm, người ấy cho rằng tâm của mình đã thông suốt và khai ngộ. Mặc dù người ấy đã kết luận rằng tướng tồn tại và không tồn tại của các uẩn đều chẳng có, nhưng thật ra người ấy vẫn đang đánh mất cái gì thật và cái gì chẳng thật của chúng.

Do bởi tính toán về tướng tồn tại và không tồn tại của các uẩn sau khi chết đều chẳng có, nên sự hiểu biết về tương lai để chấm dứt của hành uẩn trở thành hôn ám và chẳng thể biết gì. Cuối cùng họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về tướng tồn tại và không tồn tại của năm uẩn sau khi chết đều chẳng có, là lập luận thứ tám của ngoại đạo.

[9] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán, rằng không có sự tồn tại sau hành uẩn, thì người ấy có thể sẽ rơi vào một trong bảy loại luận đoạn diệt.

Người ấy có thể sẽ tính toán rằng thân của nhân loại và thân của chư thiên thuộc sáu tầng trời ở cõi dục là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên

ở cảnh thiền thứ nhất là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cảnh thiền thứ nhì là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cảnh thiền thứ ba là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cảnh thiền thứ tư là đoạn diệt, hoặc thân của chư thiên ở cõi vô sắc là đoạn diệt. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy sẽ nghiên cứu tường tận về bảy ranh giới trên, rồi kết luận rằng chúng sanh hiện tại sẽ diệt mất và một khi họ đã diệt mất thì sẽ không còn sanh trở lại.

Do bởi tính toán về đoạn diệt của chúng sanh sau khi chết, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo về đoạn diệt của chúng sanh sau khi chết ở trong năm uẩn, là lập luận thứ chín của ngoại đạo.

[10] Lại ở trong chánh định, do thiện nam tử kia đã ngưng trụ kiên cố trong chánh tâm của mình, nên chúng ma sẽ không thể trục lợi. Tiếp theo, người ấy có thể sẽ quán sát tường tận về thường hằng và nhiễu động vi tế ở bổn nguyên sự sống của tất cả thể loại chúng sanh. Nếu giữa lúc quán sát mà khởi sanh tính toán, rằng có sự tồn tại sau hành uẩn, thì người ấy có thể sẽ rơi vào một trong năm loại luận tịch diệt.

Người ấy có thể sẽ cho rằng các tầng trời ở cõi dục là chốn nương tựa chân chánh, do vì quán thấy ánh sáng tròn đầy của chúng và sanh tâm yêu mến; hoặc cho rằng cảnh thiền thứ nhất, do vì tánh của chúng sanh nơi đây chẳng ưu sầu; hoặc cho rằng cảnh thiền thứ nhì, do vì tâm của chúng sanh nơi đây chẳng khổ não; hoặc cho rằng cảnh thiền thứ ba, do vì chúng sanh nơi đây được niềm vui vô cùng; hoặc cho rằng cảnh thiền thứ tư, do vì khổ vui đều tiêu vong và nghĩ rằng chúng sanh nơi đây chẳng còn trải qua luân hồi nữa. Người ấy sẽ hiểu sai về những cõi trời hữu lậu đó mà cho chúng là cảnh giới vô vi. Do chúng sanh ở năm nơi kia được an ổn nên người ấy sẽ cho rằng chúng là chốn nương tựa thanh

tịnh thù thắng. Xoay vần với những suy đoán như thế, người ấy sẽ kết luận rằng năm nơi đó là tịch diệt cứu cánh.

Do bởi tính toán như thế và cho rằng có thể vào tịch diệt ở năm nơi đó, họ sẽ đọa lạc ngoại đạo và mê muội tánh giác ngộ.

Đây là những loại luận điên đảo mà cho rằng có thể vào tịch diệt qua năm nơi đó ở trong năm uẩn, là lập luận thứ mười của ngoại đạo.

Này A-nan! Mười loại kiến giải điên cuồng giữa lúc tu tập tĩnh lự như thế, đều là do sự giao tiếp của tâm với hành uẩn nên mới xuất hiện những nhầm lẫn ấy. Do chúng sanh mê muội và chẳng thể tự suy ngẫm chính xác nên khi gặp những trường hợp đó hiện tiền, họ sẽ nhận mê là giác và nói rằng mình đã thăng lên quả vị của bậc thánh. Do vì đã thành lập đại vọng ngữ như thế nên họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gián.

Sau khi Ta diệt độ, các ông phải mang lời của Như Lai để truyền dạy vào thời Mạt Pháp, hầu khiến cho tất cả chúng sanh sẽ hiểu rõ nghĩa này và không để cho tâm ma của chính họ dấy khởi tội nghiệt thâm trọng. Các ông hãy bảo hộ, che chở, tiêu diệt tà kiến, và làm cho thân tâm của họ khai ngộ diệu nghĩa chân thật, đừng để họ gặp lối rẽ trên con đường tuệ giác vô thượng, và chớ khiến lòng mong mỏi khi được một chút mà cho là đủ. Các ông hãy trở thành bậc đại giác vương thanh tịnh để chỉ dẫn hữu tình.

"Này A-nan! Khi thiện nam tử kia tu hành chánh định đạt đến chấm dứt của hành uẩn, người ấy có thể sẽ quán sát dòng chảy nhiễu động ở trong thanh vắng ẩn khuất của tâm mình, là tánh sanh khởi chung của tất cả chúng sanh trong thế gian. Bất chợt nốt gút giấu kín nhỏ bé đã giữ lưới nghiệp vay trả từ nhiều đời của mỗi chúng sanh liên quan với họ sẽ mở tung, và sự cảm ứng với lưới nghiệp dày kín đó sẽ đoạn tuyệt.

Bây giờ người ấy sắp trải nghiệm một đại ngộ minh liễu ở bầu trời tịch diệt. Đây ví như người ấy nhìn lên ánh bình minh mờ nhạt ở phía đông sau khi tiếng gà gáy vang lên. Sáu căn của người ấy sẽ rỗng không và tĩnh lặng. Chúng không còn rong ruổi sáu trần và nội ngoại trạm nhiên trong sáng. Người ấy vào không chỗ vào và hiểu sâu về thọ mạng nguyên do của 12 thể loại chúng sanh. Người ấy có thể sẽ quán sát nguyên do của các thể loại chúng sanh, nhưng sẽ không bị chúng thu hút. Thức của họ sẽ hòa nhập với mọi thứ trong các thế giới khắp mười phương. Ánh sáng mờ nhạt mà họ quán sát sẽ không phai mất, và nó sẽ tỏa chiếu những gì đã từng giấu kín. Đây gọi là đã tới khu vực của thức uẩn.

Nếu đạt được sự hợp nhất của thức với các thể loại chúng sanh mà chẳng bị chúng lôi cuốn, người ấy sẽ tiêu trừ sự phân biệt của sáu căn và mỗi căn có thể sử dụng chức năng của những căn khác. Thí dụ như là căn mắt và căn tai sẽ kết nối lẫn nhau để cùng hoạt động thanh tịnh với tính năng tách rời hay hợp nhất. Các thế giới trong mười phương cùng với thân tâm của họ sẽ như ngọc lưu ly, trong ngoài lung linh xuyên suốt. Đến giai đoạn này thì gọi là đạt đến chấm dứt của thức uẩn. Người ấy sẽ có thể siêu xuất ô trược của thọ mạng. Khi quán sát nguyên do của thức uẩn thì họ thấy những ảnh tượng giả tạo dường như tồn tại nhưng lại chẳng tồn tại và vọng tưởng điên đảo là căn bổn của nó.

[1] Này A-nan! Khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Tuy nhiên, người ấy sẽ có thể làm cho các căn của mình hoạt động như một hoặc thay thế hoạt động cho nhau. Do thức của họ kết nối với hết thảy thể loại chúng sanh nên tất cả trở thành như một bản thể. Bởi vậy người ấy có thể sẽ kết luận rằng mình là nguồn cội viên mãn trở về của tất cả, là bổn nhân chân thật thường hằng. Do đó họ sẽ khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm của nhân

đó. Người ấy trở thành bạn lữ của Bà-la-môn Hoàng Phát và theo luận thuyết quay về minh đế. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ nhất. Người ấy dựa trên ý tưởng có điều gì để đạt được nên cho rằng có nơi để trở về. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống ngoại đạo.

[2] Lại nữa, A-nan! Khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Một khi đã vào thức uẩn, người ấy có thể sẽ xem thức đó là bản thể của mình và nó trải rộng đến tận cõi giới hư không. Họ có thể sẽ cho rằng tất cả chúng sanh thuộc 12 thể loại đều lưu xuất từ trong thân mình. Do đó họ sẽ khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng mình có năng lực nhưng thật ra chẳng phải. Người ấy trở thành bạn lữ của Đại Tự Tại Thiên và nghĩ rằng mình có thể hiện ra thân vô biên. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ nhì. Người ấy dựa trên ý tưởng chính mình có năng lực nên cho rằng mình tạo ra tất cả. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, gieo trồng hạt giống trở thành thiên thần đại kiêu mạn và cho rằng bản ngã của mình viên dung biến khắp.

[3] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Một khi đã vào thức uẩn, người ấy có thể sẽ nương tựa nơi đó, rồi nhận lầm thân tâm của mình từ kia lưu xuất và mọi thứ ở khắp hư không trong mười phương đều từ đó sanh khởi. Bởi cho rằng thân tâm

của mình vọt ra từ thức uẩn, người ấy có thể sẽ kết luận rằng thân này là chân thật thường hằng và không sanh không diệt. Sự thật thì họ vẫn đang ở trong sanh diệt nhưng lại tính toán mà cho đó là thường trụ. Chẳng những đã mê muội về tánh không sanh không diệt, mà họ còn mê muội về pháp sanh diệt. Họ an nhiên trụ ở cảnh giới u mê chìm đắm đó và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì vô thường là thường. Người ấy trở thành bạn lữ của Tự Tại Thiên. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ ba. Người ấy dựa trên ý tưởng có nơi nương tựa nên đã tính toán sai lầm. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống điên đảo về viên mãn.

[4] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Nếu nhận biết thức của mình viên dung biến khắp, người ấy có thể sẽ thành lập kiến giải dựa trên sự nhận biết đó, rồi cho rằng hết thảy cỏ cây khắp mười phương đều là hữu tình giống như loài người chẳng khác. Người ấy bảo rằng cỏ cây sanh làm người, rồi khi con người chết thì trở lại sanh làm cỏ cây ở khắp mười phương. Họ cho rằng sự nhận biết cùng khắp là như thế và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì vô tri có tri giác. Người ấy trở thành bạn lữ của ngoại đạo Tị Khứ và Hữu Quân; họ chấp trước vạn vật đều có tri giác. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ tư. Người ấy dựa trên ý tưởng rằng có tri giác biến khắp nên dẫn đến kết luận sai lệch. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống điên đảo về tri giác.

[5] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Khi đã được tùy thuận về tính năng hỗ tương ở trong viên dung của các căn, người ấy có thể sẽ cho rằng tất cả đều phát sanh từ trong sự biến hóa viên dung đó. Thế nên họ sẽ cầu mong ánh sáng của lửa, ưa thích thanh tịnh của nước, yêu mến dòng chuyển của gió, và xem xét thành tựu của đất. Họ sẽ tôn sùng các yếu tố này, rồi thành lập kiến giải rằng chúng là bổn nhân thường trụ. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì không sanh là sanh. Người ấy trở thành bạn lữ của Bà-la-môn Mãn Ẩm Quang và những Bà-la-môn khác, mà cho rằng thân tâm phải khổ nhọc phụng sự và tôn sùng nước lửa để cầu mong ra khỏi sanh tử. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ năm. Người ấy mê muội chạy theo bốn đại, rồi dựa trên sự tính toán và chấp trước của tôn sùng mà thành lập nhân hư vọng nên dẫn đến quả hư vọng. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống điên đảo về biến hóa.

[6] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Nếu trong tánh viên minh mà tính toán rằng có hư vô trong đó, người ấy có thể sẽ muốn diệt trừ mọi biến hóa khởi sanh và dùng đoạn diệt vĩnh viễn để nương trụ. Họ cho đó là chỗ nương tựa và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì chẳng phải nương tựa là chỗ nương tựa. Người ấy trở thành bạn lữ của các thần hư không ở trời Vô Tưởng. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ sáu. Người ấy dựa trên ý tưởng rằng hư không ở trong viên minh, nên thành tựu trạng thái trống rỗng. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống của tư tưởng đoạn diệt.

[7] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Ở trong trạng thái dường như viên thường, họ có thể sẽ cố sức giữ thân thể để mong thường trụ, đồng như tánh tinh viên, trường thọ chẳng nghiêng ngả, và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm của tham muốn những thứ mà chẳng thể được. Người ấy trở thành bạn lữ của Tiên nhân Vô Tỉ và mong cầu sống lâu. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ bảy. Người ấy dựa trên sự chấp trước về nguồn gốc của mạng sống, rồi thành lập nhân kiên cố hư vọng để hướng đến quả trường thọ thế gian. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống của trường thọ hư vọng.

[8] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Khi đã quán sát mạng sống liên kết tương thông của tất cả thể loại chúng sanh, người ấy có thể sẽ lui về để giao lưu với trần lao của mình. Do sợ chúng tiêu tan nên họ sẽ biến hóa và ngồi ở trong một cung điện hoa sen đầy khắp bảy báu với rất nhiều mỹ nữ, rồi thao túng tâm mình và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy sẽ rơi vào sự chấp trước sai lầm, rằng những gì không thật là thật. Họ sẽ trở thành bạn lữ của ma vương, mê muội con đường giác ngộ của Phật, và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ tám. Người ấy dựa trên sự phát khởi của suy tư sai lệch, rồi quyết định chìm đắm hưởng thụ. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống thiên ma.

[9] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Ở trong sự hiểu biết về căn nguyên của mạng sống, người ấy sẽ phân biệt giữa tinh tế và thô kệch. Dựa trên sự hỗ tương qua lại của nhân quả, họ sẽ quyết định cái gì là thật và cái gì là giả. Họ chỉ cầu cảm ứng và bội nghịch Đạo thanh tịnh. Ở trong tiến trình của kiến khổ đoạn tập, chứng diệt tu Đạo, họ dừng nghỉ ở giai đoạn diệt mà chẳng tiến thêm về phía trước và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy nhầm lẫn rằng mình đã thành bậc Thanh Văn định tánh, rồi trở thành bạn lữ của hàng Tăng chúng không chịu học hỏi và những kẻ tăng thượng mạn. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ chín. Người ấy dựa vào tâm tinh viên mong cầu cảm ứng để hướng đến quả tịch tĩnh. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống để sanh vào hàng bị pháp không siết buộc.

[10] Lại nữa, khi đã hoàn toàn dứt trừ hành uẩn, thiện nam tử kia sẽ trở về cội nguồn của thức. Đến đây, mặc dù sự sanh diệt của hành uẩn đã không còn, nhưng đối với tịch diệt tinh thuần nhiệm mầu thì họ vẫn chưa viên mãn. Nếu ở trong giác minh thanh tịnh viên dung mà phát khởi nghiên cứu thâm diệu, thì người ấy liền thành lập tịch diệt mà chẳng tiến thêm về phía trước và khởi sanh kiến giải thù thắng. Người ấy nhầm lẫn rằng mình đã thành bậc Độc Giác định tánh, rồi trở thành bạn lữ của hàng tự mình giác ngộ các duyên và những ai không hồi tâm hướng về Đại Thừa. Họ sẽ mê muội con đường giác ngộ của Phật và quên mất chánh tri kiến.

Đây gọi là lập luận thứ mười. Người ấy dựa vào tâm hòa hợp với viên giác để trở thành quả trạm nhiên minh liễu. Do đó họ sẽ lìa xa giác ngộ viên thông, bội nghịch thành tịch diệt, và gieo trồng hạt giống để sanh vào hàng không thể vượt khỏi chấp trước của viên giác quang minh.

Này A-nan! Mười loại kiến giải giữa lúc tu tập tĩnh lự như thế là do si mê nên dẫn đến cuồng loạn. Nhân bởi sự mê muội nên ở trong sự chứng đắc chưa trọn vẹn, họ sanh tâm mà cho rằng mình đã chứng đắc viên mãn. Đây đều là do sự giao tiếp của tâm với thức uẩn nên mới xuất hiện những nhầm lẫn ấy. Do chúng sanh mê muội và chẳng thể tự suy ngẫm chính xác nên khi gặp những trường hợp đó hiện tiền với mỗi cảnh hiện ứng theo tập khí yêu thích trong tâm mê muội của họ, người ấy sẽ dừng nghỉ ở đó và cho rằng đây là chốn nương tựa an ổn cứu cánh. Họ sẽ nói rằng mình đã viên mãn Đạo vô thượng. Do vì đã thành lập đại vọng ngữ như thế, nên sau khi chấm dứt nghiệp chiêu cảm mà đã dẫn dắt người ấy trở thành tà ma ngoại đạo, họ sẽ đọa Địa ngục Vô Gián. Còn về hàng Thanh Văn và bậc Duyên Giác thì họ sẽ không tăng tiến thêm nữa.

Các ông phải nhất tâm gìn giữ Đạo của Như Lai. Sau khi Ta diệt độ, các ông phải mang Pháp môn này để truyền dạy vào thời Mạt Pháp, hầu khiến cho tất cả chúng sanh sẽ hiểu rõ nghĩa này và không để cho tâm ma của chính họ dấy khởi tội nghiệt thâm trọng. Các ông hãy bảo hộ, an ủi, cứu giúp, tiêu diệt tà duyên, và làm cho thân tâm của họ vào tri kiến của Phật. Như thế, từ lúc khởi đầu cho đến khi thành tựu, họ sẽ không gặp đường rẽ.

Trong Hằng Hà sa kiếp, chư Như Lai nhiều như vi trần ở thuở quá khứ đã nương Pháp môn như thế nên tâm khai ngộ và đắc Đạo vô thượng.

Một khi thức uẩn chấm dứt, các căn của ông sẽ liền thay thế hoạt động lẫn nhau. Và từ trong chức năng hỗ tương đó, ông sẽ có thể vào trí tuệ

khô kim cang của bậc Bồ-tát. Khi đạt đến quang minh viên mãn của tâm tinh thuần, ông sẽ trải qua sự biến hóa. Tâm của ông sẽ trở thành như một mặt trăng báu ở trong lưu ly thanh tịnh. Như thế cho đến, ông sẽ trải qua các giai đoạn tu hành của Bồ-tát, như là bốn sự tu hành thêm của tâm, Mười Tín, Mười Trụ, Mười Hành, Mười Hồi Hướng, Mười Địa kim cang, và Đẳng Giác viên minh. Bấy giờ ông sẽ vào biển trang nghiêm vi diệu, viên mãn tuệ giác, và trở về không chỗ chứng đắc.

Đây là những việc ma vi tế được phân tích bằng giác tuệ minh liễu bởi chư Phật Thế Tôn thuở quá khứ trong lúc tu Chỉ và tu Quán. Một khi am hiểu cảnh ma hiện tiền, ông sẽ có thể tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình và không rơi vào tà kiến. Bấy giờ uẩn ma tiêu diệt, thiên ma tồi toái, đại lực quỷ thần bỏ chạy bạt mạng, và yêu tinh quỷ quái sẽ chẳng còn dám xuất hiện. Ông sẽ thẳng tiến đến vô thượng giác mà không chút mệt mỏi. Cho dù những ai với căn lành cạn mỏng thì cũng có thể tăng tiến đến đại tịch diệt và tâm chẳng mê muội.

Vào thời Mạt Pháp sẽ có những chúng sanh ngu độn. Mặc dù họ thích tu tập chánh định nhưng vẫn chưa thông hiểu tĩnh lự và không biết thuyết Pháp nên Ta e sợ họ rơi vào tà kiến. Vì vậy, ông hãy dốc lòng khuyên bảo họ hãy thọ trì Phật đảnh thần chú này của Ta. Nếu những ai vẫn chưa có thể tụng thuộc lòng, ông hãy dạy họ biên chép thần chú này và đặt ở thiền đường, hoặc mang theo bên mình. Như thế, tất cả chúng ma đều chẳng thể quấy nhiễu họ.

Ông hãy cung kính và khâm tuân lời dạy của mười phương Như Lai. Hãy tu hành tinh tấn để đạt đến cứu cánh tịch diệt. Đây là giáo huấn cuối cùng của Ta."

Lúc ấy Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ khâm phụng lời dạy bảo của Phật và ghi nhớ chẳng quên.

Ở giữa đại chúng, ngài lại bạch Phật rằng:

"Như lời Phật dạy, ở trong tướng hiện của năm uẩn có năm nhóm hư vọng, là căn bổn của tâm tưởng si mê. Chúng con chưa bao giờ được nghe Như Lai khai thị tường tận như thế.

Lại nữa, khi năm uẩn này tiêu trừ, là chúng tiêu tan cùng một lúc hay là theo thứ tự? Giả sử chúng tan biến theo thứ tự, vậy thì cái gì xác định đặc điểm của mỗi uẩn? Kính mong Như Lai khởi lòng đại từ mà giảng giải để khiến cho đại chúng nơi đây được tâm thanh tịnh với mắt trong sáng, và cũng sẽ làm con mắt cho tất cả chúng sanh vị lai ở vào thời Mạt Pháp."

Phật bảo ngài A-nan:

"Bổn giác viên mãn thanh tịnh, tinh nguyên chân thật, và nhiệm mầu trong sáng thì không lưu giữ sanh tử hay các trần cấu và cho đến hư không. Tất cả những thứ đó đều nhân bởi vọng tưởng mà sanh khởi. Tuy nhiên, từ trong bổn giác tinh nguyên chân thật vi diệu này, hư vọng lại phát sanh y báo thế gian. Đây ví như trường hợp của gã Từ Thọ đã mê lầm về khuôn mặt của mình khi thấy nó trong gương. Si mê của anh ta chẳng khởi sanh từ bất cứ nguyên nhân nào. Do ở trong vọng tưởng nên có những chúng sanh thành lập tánh nhân duyên. Còn những kẻ mê muội về tánh nhân duyên thì cho là tự nhiên. Sự thật thì tánh của hư không kia cũng là do huyễn hóa sanh ra. Cho rằng vạn vật sanh ra từ nhân duyên hay tự nhiên, đều là vọng tâm tính toán của chúng sanh.

Này A-nan! Những ai biết chỗ của hư vọng khởi sanh thì sẽ nói rằng nhân duyên của nó đến từ đâu. Những ai biết rằng hư vọng bổn không thì sẽ nói rằng nhân duyên của nó vốn không chỗ có. Huống chi là những người chẳng hề biết gì về nhân duyên và cho rằng các pháp là tự

nhiên sanh ra. Cho nên Như Lai đã giải thích cho ông, rằng bổn nhân của năm uẩn đều là từ vọng tưởng.

Thân thể của ông sanh ra là nhân bởi nghĩ tưởng của cha mẹ ông, nhưng nếu tâm ông chẳng nghĩ tưởng thì ông sẽ không thể nào sanh đến. Thông qua nghĩ tưởng mà mạng sống tiếp nối. Như Ta đã nói ở trước, khi tâm nghĩ về vị chua thì liền chảy nước miếng và khi tâm nghĩ đến đang bước trên bờ vực thẳm thì lòng bàn chân bỗng dưng đau nhức. Sự thật thì dưới lòng bàn chân chẳng có bờ vực thẳm và trong miệng cũng chẳng có vị chua. Nếu không có sự liên hệ giữa thân thể của ông và vọng tưởng, thì nhân bởi gì mà làm cho miệng chảy nước miếng khi nhắc đến vị chua đây? Bởi vậy phải biết rằng, sắc thân hiện tại của ông là một thí dụ của vật rắn chắc hư vọng. Đây là loại vọng tưởng thứ nhất.

Như đã nói ở trước, khi tâm nghĩ tưởng đang bước trên bờ vực thẳm thì lòng bàn chân của ông bỗng dưng đau nhức. Tương tự như thế, cảm thọ sanh bởi hư vọng cũng có thể tác động đến sắc thân của ông. Như hiện tại bây giờ, ông đang trải nghiệm cái gì là vừa ý với lợi ích và cái gì là nghịch ý với tổn hại. Hai loại trải nghiệm này đang tiếp nối truy đuổi, là một thí dụ của cảm thọ hư ảo. Đây là loại vọng tưởng thứ nhì.

Do đó niệm suy nghĩ khống chế sắc thân của ông. Giả sử chẳng có sự liên hệ giữa thân thể của ông và ý niệm, thì nhân bởi gì mà làm cho sắc thân của ông tùy niệm sai sử đây? Muôn cảnh tượng nắm lấy của thân là do sự nghĩ tưởng khởi sanh ở trong tâm và bởi thân tương ứng theo niệm. Do đó tâm ông nghĩ tưởng khi tỉnh giấc và ông nằm mơ khi đi ngủ. Tưởng niệm của ông dao động để tạo ra sự hiểu biết hư vọng, là tính năng hợp tác giữa thân và tâm. Đây là loại vọng tưởng thứ ba.

Kế đến có những sự biến hóa tuần tự chẳng ngừng nghỉ ở trong cơ thể. Chúng xoay vần với biến đổi vi tế, như là móng tay và tóc mọc dài, khí

lực tiêu hao, và nếp nhăn trên khuôn mặt. Chúng tiếp nối thay đổi lẫn nhau suốt ngày lẫn đêm, nhưng ông thì hoàn toàn chẳng nhận ra chúng.

Này A-nan! Nếu những sự biến hóa tuần tự này không phải là một phần của ông, thế thì tại sao thân thể của ông lại đổi dời? Còn nếu đích thật chúng là một phần của ông, vậy thì làm sao ông lại chẳng cảm nhận chúng? Các hành của ông niệm niệm chẳng ngừng và chúng ẩn khuất sâu kín trong tâm. Đây là loại vọng tưởng thứ tư.

Lại nữa, nếu đạt đến cảnh giới thường hằng và trạm nhiên bất động của tinh nguyên minh liễu, ông sẽ không còn trải nghiệm thị giác, thính giác, và những giác quan khác. Nếu tâm của ông thật sự đạt đến cảnh giới của tinh nguyên chân thật, nó sẽ chẳng còn dung thọ tập khí hư vọng. Thế thì tại sao khi ông thấy qua cảnh tượng kỳ lạ nào đó ở quá khứ, rồi trải qua nhiều năm, ký ức nhớ và quên của việc đó đều xao lãng, nhưng về sau, khi hốt nhiên nhìn thấy cảnh tượng kỳ lạ tương tự như trước kia, ông lại nhớ rõ ràng như nó chưa từng bị xao lãng? Tâm tinh nguyên minh liễu mà ông tính toán và cho rằng nó là trạm nhiên bất động, thật sự thì nó dung thọ và huân tập trong niệm niệm.

Này A-nan! Nên biết rằng, tâm trạm nhiên đó không phải là chân tâm. Nhìn lướt qua thì có vẻ như rất tĩnh lặng, nhưng thật sự thì nó giống như dòng chảy xiết. Tuy ông nhìn chẳng thấy, nhưng nó đích thật tựa như một dòng chảy xiết. Nếu ở trong thức uẩn của ông chẳng có căn nguyên của vọng tưởng, thì làm sao mà nó có thể dung thọ vọng tưởng tích tập đây? Trừ phi sáu căn của ông hợp nhất và có thể thay thế hoạt động lẫn nhau, bằng không ông sẽ chẳng bao giờ diệt được vọng tưởng của mình. Đó là vì sao hiện tại, tâm trạm nhiên ấy của ông vẫn còn siết buộc với tập khí vi tế của thị giác, thính giác, và cho đến tri giác. Cũng như thế, những ảnh tượng giả tạo này nằm ở trong trạm nhiên minh liễu của thức uẩn thì dường như tồn tại nhưng lại chẳng tồn tại. Đây là loại điên đảo thứ năm về vọng tưởng vô cùng vi tế.

Này A-nan! Năm uẩn được hình thành là do năm loại vọng tưởng đó.

Ông nay lại muốn biết ranh giới sâu cạn của mỗi uẩn. Sắc và không là biên tế của sắc. Chạm và rời là biên tế của thọ. Nhớ và quên là biên tế của tưởng. Diệt và sanh là biên tế của hành. Vào trạng thái trạm nhiên và hợp chung với trạm nhiên đó là biên giới của thức. Năm uẩn này sanh khởi theo thứ lớp ở bổn nguyên của chúng. Sanh ra là nhân bởi thức mà có và diệt mất là bắt đầu với sự tiêu trừ của sắc. Ông có thể sẽ tỏ ngộ nghĩa lý tức khắc và nương giác ngộ mà có thể sẽ cho rằng năm uẩn đồng thời tiêu tan. Nhưng sự thật thì chúng không đồng thời diệt trừ mà chúng phải chấm dứt theo thứ tự.

Ta đã chỉ cho ông về điều này qua thí dụ tháo gút ở chiếc khăn choàng bông gòn. Tại sao ông vẫn không hiểu và lại hỏi Ta về việc đó. Ông nên thấu hiểu thông suốt căn nguyên của vọng tưởng, rồi hãy truyền dạy cho những vị tu hành tương lai ở vào thời Mạt Pháp. Hãy làm cho họ nhận thức được hư vọng là do tự mình sanh ra để rồi có thể hết sức nhàm chán nó. Hãy làm cho họ biết có tịch diệt và không lưu luyến ba cõi.

Này A-nan! Giả sử có người mang bảy báu tràn đầy hư không khắp mười phương để dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần với tâm thừa sự cúng dường trong niệm niệm. Ý ông nghĩ sao? Với nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, người ấy có được phước nhiều chăng?"

Ngài A-nan thưa rằng:

"Hư không là vô tận nên số lượng của trân bảo cũng vô biên. Thuở xưa có chúng sanh chỉ cúng dường bảy đồng tiền cho Đức Phật. Sau khi xả báo thân mà họ còn được ngôi vị của vua Chuyển Luân. Hà huống là phước đức của người cúng dường chư Phật với số lượng trân bảo tràn đầy những cõi Phật trải rộng đến tận cùng hư không. Dù có ai tính đếm

trong muôn kiếp thì cũng không thể hết. Phước đức ấy làm sao mà có giới hạn chứ?"

Phật bảo ngài A-nan:

"Chư Phật Như Lai không bao giờ nói lời hư vọng. Giả sử có người vi phạm trọn bốn giới nghiêm trọng và mười giới ngăn cấm, trong nháy mắt thì liền đọa Địa ngục Vô Gián ở thế giới này, rồi trải qua ở các thế giới khác, và cho đến phải trải qua hết những Địa ngục Vô Gián tại các thế giới tận cùng ở mười phương. Tuy nhiên, nếu trong một niệm mà lưu truyền Pháp môn này và khai thị cho những ai chưa học qua, thì tội chướng của người ấy liền ứng theo niệm mà tiêu diệt. Tất cả địa ngục mà họ phải trải qua thống khổ sẽ trở thành cõi nước an lạc. Họ sẽ được phước đức và siêu việt người cúng dường ở trước gấp hơn trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần và như vậy cho đến toán số thí dụ thì cũng không thể tính xuể.

Này A-nan! Nếu những chúng sanh nào mà có thể tụng Kinh hoặc có thể trì chú này, cho dù Ta rộng nói công đức của họ suốt muôn kiếp thì cũng không hết. Những ai nương vào lời dạy của Ta và như Pháp hành Đạo, họ sẽ thẳng đến giác ngộ và không còn gặp ma nghiệp."

Lúc Phật thuyết Kinh này xong, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh Tín Nam, Thanh Tín Nữ, hàng trời người cùng phi thiên trong hết thảy thế gian, cũng như chư Bồ-tát và những vị ở Nhị Thừa từ phương khác, cùng với chư thánh hiền, tiên nhân, đồng tử, và đại lực quỷ thần đã sơ phát khởi Đạo tâm, đều rất vui mừng, rồi đảnh lễ Phật và cáo lui.

Kinh Đại Phật Đảnh Cứu Cánh Kiên Cố Và Mật Nhân Của Như Lai Về Chư Bồ-Tát Vạn Hạnh Để Tu Chứng Liễu Nghĩa ♦ Hết